

THƯ QUÁN BẢN THẢO



Nguyên Minh • Phan phụng thạch • Lữ kiều • cao vị
khanh • nguyên nhung • Tâm An • nguyên văn ngọc •
vĩnh hảo • ngô nguyên nghiêm • nguyên bắc sơn • vũ
trọng quang • từ thế mộng • trần bang thạch. • trần hoài
thư • nguyên cát đông • hải phương • trần duy phiên •
hồ thủy giử • trần tuần kiệt • nguyên tôn nhan • phạm
trích tiên • chu ngạn thư • phạm thị quý • lưu nhữ thụy
• nguyên thị thanh bình • phạm văn nhàn • ng thị
tường vi ...

Tập năm tháng năm 2002

Giờ đây, tôi hiểu ra trong nhiều loại bất công của cuộc đời, thì bất công trong tình bạn là đáng yêu hơn cả. Tôi càng thấm thía điều đó, khi tôi đến thăm mộ Ngự Hữu ở Chà Bang, tỉnh Ninh Thuận. Mộ Hữu nằm dưới một ngọn núi mà khi tôi đến, những cành hoa mua màu tím nở ngát làm cho núi trở thành một ngọn núi tím. Tôi và Nguyên Minh thắp một nén hương, nhìn tấm hình bạn trên bia mộ. Quạnh quẽ vô cùng. Chỉ có những con trâu gặm cỏ quanh mộ Bạn. Những con trâu lui tới nơi bạn an giấc vĩnh viễn, giống như những con trâu ở Vân Dương tuổi thơ bạn chăn dắt. Tôi chảy nước mắt. Không phải vì Bạn, mà vì những con trâu trong tuổi thơ chúng ta.

Lukieu

Em, tôi, bạn bè chúng ta, những người tuổi trẻ của những năm 70, đã có mấy người chụp bắt kịp cái khoảnh khắc tuyệt vời đó đâu em, cái khoảnh khắc hiếm hoi đến gần như không có thật. Hằng hà số còn lại, trong đó có tôi và em, đã để lỡ. Không phải tôi muốn đổ lỗi cho mở giáo điều đã vây khốn chúng ta nhưng mà nghĩ lại coi, cái thời buổi kỳ cục đó. Chúng ta có quá nhiều trách nhiệm phải chu toàn ngoại trừ cái trách nhiệm với chính mình. Chúng ta lớn lên và sống cho đủ thứ đòi hỏi chỉ trừ cái đòi hỏi được sống cho riêng ta...

Rồi còn giặc già, rồi cơn ly tán. Ai trong chúng ta đã tới kịp giờ hẹn của đời mình?... “

Caovikhanh

THƯ QUÁN BẢN THẢO

Tuyển tập văn học nghệ thuật bất định kỳ

Thư Quán Bản Thảo

Tuyển tập văn học nghệ thuật bất định kỳ

TẬP NĂM, THÁNG 5 - 2002

đọc trong số này:

Viết chung 5 • Nguyễn Bắc Sơn *thơ* 22 • Lữ Kiều *Thử bút* 24 • Nguyễn Lệ Uyên *Pho Tượng* 25 • Hồ Thủy *Giữ Nỗi Cô đơn sau bản Concerto của Bruch* 51 • Vũ Trọng Quang *Thơ* 56 • Phan Phụng Thạch *Thơ* 58 • Cao Vị Khanh *Và em và chút sầu khổ dịu dàng* 60 • Từ Thế *Mộng Thơ* 67 • Hải Phương *Thơ* 68 • Nguyễn văn Ngọc *Thơ* 70 • Ng th Tường *Vi Thơ* 71 • Cao Vị Khanh *Thơ* 72 • Tâm An *Chuyển Kiếp* 74 • Vĩnh Hảo *Thuở Hồng Hoang* 82 • Nguyên Nhung *Mây quấn quanh trời* 107 • Nguyễn Tôn Nhan *Thơ* 120 • Trần Tuấn Kiệt *Thơ* 122 • Phạm Trích Tiên *Thơ* 123 • Chu Ngạn Thư *Thơ* 124 • Nguyễn Cát Đông *Kiều Tâm Khánh...* 125 • *Thơ Kiều Tâm Khánh* 126 • Nguyễn Cát Đông *Thơ* 129 • Phạm thị Quý *Thơ* 131 • Lưu Nhữ Thụy *Nghệ thuật Nhân Bản trên nền tảng nhân gian* 133 • Ngô Nguyên Nghiễm *Vách Đá* 149 • Trần Bang Thạch *Cùng Một Giòng Sông* 157 • Nguyên Minh Dĩ Vãng *Ôm Đầy* 167 • Trần Hoài Thư *Chuyện thật ngắn* 177 • Nguyễn Thị Thanh Bình *Chàng-ngẫu-nhiên* 179 • Phạm văn Nhân *Vùng đồi* 191

Hình Bìa: Thoai Q Tran

Viết Chung

Bắt lại nhịp cầu

Phạm văn Nhân

Bắt đầu viết vào ngày đầu tuần của “Spring Break Holiday” . Tất cả học sinh các trường Mỹ nghỉ học để đón Xuân về. Ở đâu cũng vậy, quê nhà hay quê người, xuân đến đem sự vui tươi cho muôn loài, xua đi cái lạnh của mùa đông. Những ngày đầu mùa xuân, tôi thấy vui khi nhận được tin tức từ quê nhà gửi ra (qua những e.mail) của bạn bè, anh em một thời cầm bút, ở hai miền: Trung và Nam, trước 1975.

Nghĩ lại, như có cái gì đó “tự nhiên thành”. Có phải: Thiên, Thời. Địa lợi , Nhân hòa chăng ? Có thể “trời đất” cho anh em chúng tôi nối lại nhịp cầu sau 27 năm đã gãy? Nhìn lại năm qua, từ tháng 10 năm 2001, nhóm chỉ có năm ba anh em, suy nghĩ có nên làm một tuyển tập văn hay không? Chỉ nghĩ thôi, tiền bạc bài vở chưa có ai chuẩn bị. Có người nói: lấy những bài cũ đi lại. Có người lại không chịu, phải viết bài mới. Nhóm chủ trương, mỗi người ở mỗi ngã, công việc làm ăn khác nhau, người làm ngày, kẻ làm đêm. Mới nghĩ đó, mà một tuần sau TQBT tập 1 được xuất hiện và gửi đến bằng hữu. Với chủ trương loại trừ khả năng thương mại (và mãi mãi TQBT vẫn sẽ là như thế) và tìm đi lại những bài vở của anh em trong nước (1/3 cho mỗi tuyển tập). Nhưng làm cách nào để liên lạc được với anh em, bạn bè trong nước, sau 27 năm bất tin. Thật khó tìm. Khi mà sau 27 năm “ đứt giống ” đó . Bạn bè thì đông, nhưng mỗi người ở mỗi nơi, mỗi ngã, khó tìm, khó liên lạc. Và, biết ai còn? Ai mất? Miền Tây? Miền Trung? Thế mà TQBT tập 1 cũng góp

được vài ba bài của các bạn trong nước trước 1975, dù không nhiều, nhưng cũng “thỏa mãn” được với chủ trương của nhóm. Nhìn lại, vốn vẹn có ba người: Cao Thoại Châu. Trần Huyền Ân. Nguyễn Minh.

Qua tập 2, thêm được nhiều người bạn: Hạc Thành Hoa. Nguyễn Bắc Sơn. Vũ Trọng Quang. Bùi Nghi Trang. Từ Thế Mộng. Phải nói cũng nhờ đến các anh em đã có tấm lòng, và một tâm huyết đến với TQBT, sau khi đọc tập 1.

Dù công việc ở sở “bù đầu”, thì tối về “ngồi gõ trên keyboard” bài của anh em. Khi mà, “tay trắng vẫn là trắng tay” của mỗi người lại dám làm một tờ báo văn học hoàn toàn chữ nghĩa không có một “cột” quảng cáo. Làm báo ở Mỹ, hay ở đâu cũng vậy, người làm báo phải có tiền, hay phải nhờ qua những cơ sở thương mại quảng cáo mới có tiền để “làm báo” thì tờ báo đó mới sống. Nếu không có quảng cáo, tờ báo đó “một sớm một chiều” chết ngay. Nhưng đối với TQBT không ở trong trường hợp này, cũng may, có Trần Hoài Thư, mồm mẫm, học hỏi, với nhiều quyết tâm thực hiện cho được từ những “trang nhà trên internet” để “tự in ấn” bằng kỹ thuật Perfect Binding và phương pháp Book on Demand với loại hot melt glue mà anh đã phải chịu “nóng” trên những đầu ngón tay. Nhờ phương pháp đó (in ấn bằng tay) TQBT ra đời không tốn tiền in ở các nhà in chuyên nghiệp (mỗi lần in rất đắt), chỉ tốn tiền mua mực, giấy. Thế là “cuộc chơi” bắt đầu. Và, thật sự bắt đầu cho tới ngày hôm nay (TQBT 5), song song với tuyển tập TQBT, bên cạnh đó còn có những tác phẩm của anh em cũng được ra đời (13 tác phẩm). Và hôm nay, một truyện dài: Cõi Vô Cùng cũng được in ra từ đây, theo phương pháp book on demand.

TQBT tập 2, phong phú hơn là bước nối tiếp cho những tập 3 và 4... và sau này. Phải nói nhờ đến các anh như nhà thơ Hải Phương một thời làm thơ của những năm

1957, 1958) . Bây giờ anh vẫn tiếp tục làm thơ, hiện định cư tại San Jose cung cấp tư liệu . Và nhà thơ Phạm Cao Hoàng định cư ở Seattle, hơn hai năm nay. Với Phạm Cao Hoàng đã gửi đến cho tôi tập: *Thơ Của Bạn Tôi (cảm nhận)* do Bùi Nghi Trang viết (nhà xuất bản Thanh Niên). Trong tập này, những người bạn cầm bút trước 1975 trên mảnh đất niên Nam tự do đã được TQBT trích lại, như: Ngô Nguyên Nghiễm. Hạc Thành Hoa. Lê Ký Thương. Bùi Nghi Trang...Và, nhà thơ Hải Phương còn gửi đến cho chúng tôi những bài thơ và tùy bút của Từ Thế Mộng, thật tuyệt vời, đã tạo thêm “ hương sắc “ cho TQBT 2,3, 4.

Có niềm vui nào trọn vẹn như ngày đầu “ mùa xuân ” Spring Break này không? Phải nói là vui lắm.Vui, là vì nhịp cầu đã gãy sau 27 năm, nay đã nối lại được với nhiều anh em, bạn bè mà “ một thời chơi trò văn chương chữ nghĩa ”, chữ của Cao Vị Khanh . Mà lúc đầu TQBT nghĩ khó thực hiện được cái hoài bão lúc ban đầu.

Lúc ban đầu chỉ có vài người bạn trong Ý Thức cũ: Nguyên Minh, Lữ Kiều, Lê Ký Thương. Và hôm nay liên lạc được với Nguyễn Lệ Uyên (cũng một thời Ý Thức cũ) qua e.mail, qua điện thoại, niềm vui đã nối lại. Nhưng trong cái vui đó cũng có những nỗi ngậm ngùi từ những người bạn. Hôm nay, sau 27 năm, Nguyễn Lệ Uyên vẫn “ cần cù ” trên “ hai công ruộng ”, sớm nắng chiều mưa nơi quê nhà của anh (Tuy Hòa, Phú yên). Cái “ hào sảng ” của người lính cũ nơi anh ngày nào, đâu rồi? Cái “ nghiêm trang ” của một ông thầy giáo khi đứng trên bục giảng ngày nào, đâu rồi? Mà hôm nay anh phải “ dẫn trâu ” xuống ruộng, làm vài mươi gạ gạo để nuôi con, sau lần thu hoạch. Qua anh, chúng tôi mới biết anh vẫn còn viết (vì cái nghiệp văn chương khó chối bỏ) nhưng, viết rồi để đó, biết gửi cho ai với cái tên Nguyễn Lệ Uyên. Cùng với những người bạn cũ của chúng tôi một

thời còn sống ở Tuy Hòa. Cái khổ nạn nào đã rút xuống cho các anh. Nào: Trần Huệ Ân. Mang Viên Long. Phạm Ngọc Lữ ...để rồi, như anh nói: khi nào anh có “ miếng thịt heo ” ngon, hay một ít “ gạo ” dư thừa chút đỉnh lại mang đến biếu anh Huệ (nhà thơ Trần Huệ Ân. Một nhà thơ và một ông thầy đáng kính trong ngành giáo dục) trong cái ân tình anh em đó. Dù chính anh cũng chẳng dư dật gì cho lắm. Nào là: Mang Viên Long nghe nói đã về An Nhơn, Bình Định tìm cách ẩn dật trong ngôi chùa cổ. Nào là: Phạm Ngọc Lữ nghe nói đã về Đà Nẵng kiếm sống với nghề kèm trẻ (TQBT 6 , chúng tôi sẽ đi cái truyện ngắn của anh : Cái Đuôi Sao Chổi).

Và nữa, nhóm “ Khai Phá cũ ” miền Tây, mà Nguyễn Cát Đông đã liên lạc được. Chúng tôi lại có thêm những “ tư liệu ” vô cùng quý giá. Bởi, chủ trương của TQBT là: *“ với mục đích lưu giữ và phổ biến những sáng tác của bạn bè và của những người làm văn học nghệ thuật trước 1975, còn ở lại quê nhà. Mà, có lẽ, sau 27 năm họ gần như quên lãng ”*

Những anh chị trong nhóm Khai Phá cũ, hay ngoài Khai Phá ngày nào, đã làm cho chúng tôi như sống lại “không khí ” thơ văn ngày nào của thập niên 60. Đâu cần phải có một buổi hội họp đông người, thơ văn mới hiển hiện, phải không? Đâu cần một buổi ra mắt sách, anh em mới có dịp để nói chuyện “thơ văn” cho người nghe, phải không? Cái không khí “thơ văn” trong các căn phòng trang hoàng xinh đẹp, trang nghiêm đó, làm cho con người “ thi, văn ” sẵn có tính ” văn nghệ, phóng khoáng ” bị ít nhiều chùng lại. Thập niên 60, chỉ cần “ dăm ba anh em ” nơi góc quán cà phê nào đó, gặp nhau, phì phà hơi thuốc lá, là chuyện “ văn chương ” nổ như bắp ran rồi. Cái không khí thật dễ thương đó của thập niên 60 năm nào như mới hôm qua, không xa lắm đâu, dù tóc trên đầu bây giờ ai cũng bạc. Nhìn lại, nào: Ngô Nguyên Nghiễm. Lưu nhữ Thụy. Hạc Thành Hoa. Nguyễn Tôn Nhan. Trần

Tuấn Kiệt. Phạm Thị Quý. Minh Nguyễn. Trịnh bửu Hoài. Chu Ngạn Thư. Trần hữu Dũng. Lưu Vân. Từ Thế Mộng. Nguyễn Bắc Sơn. Vũ Trọng Quang. Nguyễn Lê Uyên. Lữ Kiều. Nguyên Minh. Phạm Ngọc Lữ... những bạn bè của thập niên 60 năm nào đã trở về với hiện tại rồi đó.

oOo

Nhịp cầu gãy, đã nối lại sau 27 năm, để chúng ta vẫn còn thấy cái “ hào sảng ” của những anh em cầm bút trước 75 hiển hiện qua thơ văn. Mà, *những bạn bè đó vẫn còn giữ nguyên nét bút, lời văn không bị “ mai một, lai căn ”.* Văn, *thơ của các bạn đó vẫn của một thời như xưa.*

Nhịp cầu gãy, đã nối lại, để chúng ta thấy những anh em cầm bút cũ vẫn còn có cuộc sống “ nghiệt ngã ”, như Trần Huyền Ân. Mang Viên Long. Nguyễn Lê Uyên. Lê văn Trung. Hà Nguyên Dũng và Phan Nhựt Thức (anh đã mất trong nỗi nghiệt ngã, túng thiếu)...

Nhịp cầu đó đã nối lại với chúng tôi. Và, với ước mong sao TQBT sẽ là nơi dừng để đi lại những bài viết của anh em “trong và ngoài nước”. Ngoài nước, anh em cùng chia sẻ với nhau những sáng tác có giá trị thật mới. Trong nước, TQBT sẽ cố gắng sưu tầm hoặc trích đăng lại những sáng tác hiếm quý có nguy cơ bị mai một cũng như của những tác giả mà đời gần như quên lãng họ từ sau 1975 như là tấm lòng tri ân của anh em chúng tôi....

Cùng một nhịp đập

Trần Hoài Thư

1.

Tháng 9 năm 2000. Bạn tôi, họa sĩ Huỳnh Minh Chí từ vùng Bắc Cali bay qua miền Đông . Tôi và anh đã bỏ nguyên một buổi để về New York thăm New York

Metropolitan Museum. Trong một buổi trưa của thành phố được xem là đông nhất thế giới, náo nhiệt nhất thế giới, nơi mà đất dường như không còn thấy màu xanh, trừ công viên Central Park, tôi lại ngỡ như lạc vào một chốn cõi nào khác lạ. Bảo tàng viện rộng lớn mênh mông. Những trụ cột cao vọi vọi được kiến trúc theo nghệ thuật Cổ Hy, những căn phòng tranh ảnh tượng đồ cổ ngay cả những quan tài thời cổ Ai Cập có lẽ cả ngàn năm trước. Có bức tranh che hết cả vách tường. Có bức nhỏ bằng một khung hình. Có tác giả quen thuộc như Picasso, Renoir, Van Gogh... Có tác giả xa lạ đối với tôi. Tên họ nằm đấy. Tiểu sử của họ cũng được khắc ghi bên cạnh đấy. Có người qua đời cách đây hơn hai trăm năm. Có người vẫn còn sống.

Nhưng rõ ràng, linh hồn họ, thần trí họ, sự dâng hiến của họ đang chiếm ngự lấy đời sau. Chính nghệ thuật mới là trường cửu.

Chúng tôi yên lặng như mọi người có mặt. Tại một phòng tranh, một người đàn bà hướng dẫn đang giải thích về ý nghĩa của bức tranh. Chỉ cái bóng mà tác giả vẽ trên vách, trong một bức tranh vẽ một người thiếu nữ đang đàn dương cầm đã chứng tỏ được một hoàng hôn bên ngoài mời gọi. Tôi nghe những tiếng trầm trồ hít hà. Phong cách của những người xem cũng bắt đầu thay đổi. Từ sự chiêm ngưỡng đến sự ngưỡng mộ và có lẽ xen vào lòng tri ân. Bởi trên khuôn mặt của mỗi người phản ánh sự thành khẩn của một tín đồ.

Như vậy, nghệ thuật quả có một giá trị huyền diệu. Nó sống mãi. Những mảng màu trên bức tranh dù khô đặc meo mốc hay phai nhạt, nhưng chúng vẫn toát lên thần trí từ những con tim đau khổ hay quặn quại trên những ngón tay run rẩy hay bạo tàn. Cám ơn những tác giả đã để dành cho hậu thế những tuyệt phẩm.

Có một điều: Không có một tên tuổi Việt Nam.

2. Ngay cả trong giòng sinh hoạt văn chương Việt Nam này, còn hiếm hoi những tên tuổi một thời hướng gì ở một bảo tàng viện thế giới. Phải, ngay cả chúng ta, có lẽ, không biết, không nhớ, hay không cần thiết để nhớ, hướng hồ những người xa lạ.

Có phải vậy không?

Tôi nhớ lại một tập sách mỏng chừng khoảng trăm trang, sưu tầm những lá thư của những người lính Mỹ bị chết trong trận chiến VN. Tập sách là một best seller. Vì sao? Vì văn chương ư. Chắc chắn là không. Những lá thư mộc mạc từ những người lính trẻ gửi về cho cha mẹ, người yêu, bạn bè... Họ không phải là nhà văn, nhà thơ. Thì tại sao ?

Có nên nói vì những trang bản thảo không ?

3. May mắn vẫn còn có những người bỏ công sưu tầm những lá thư ấy để xuất bản. Để triệu người đọc. Để phim được dựng. Nhạc được viết. Để hôm nay, sau mấy mươi năm, vẫn còn có tờ giấy viết bằng mực chì màu của một cháu gái bé nhỏ: Thank You để dưới chân vách tường Đài tưởng niệm Vietnam Memorial ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Như vậy, có nên nói đến ý nghĩa của tuyển tập bản thảo này không?

4. Dù muốn dù không, TQBT cũng xuất hiện đến tập Năm. Bây giờ bài vở anh em trong nước lại tràn ngập đến độ kinh ngạc. Như thể một đập nước bị phá sập, nước tuôn ào ào. Mừng lắm, bạn hữu ơi, hãy uống dùm chúng tôi ly rượu. Mừng lắm, bọn mình có mái nhà như năm xưa để anh em mình đã từng có để cùng nhau chia xẻ, nói như Phạm văn Nhân - *cùng một nhịp đập*. Nhờ TQBT, chúng ta mới bắt lại liên lạc với Nguyễn Lê Uyên, Mang Viên Long, Đặng Tấn Tới, Nguyễn Bắc

Sơn, Vũ Trọng Quang, Lữ Kiều, Nguyên Minh, Bùi Nghi Trang, Ngô Nguyên Nghiễm, Lưu Nhữ Thụy, Hạc Thành Hoa v.v... Mới biết được con của nhà thơ Nguyễn Tôn Nhan mới kết hôn cùng con của nhà thơ Đặng Tấn Tới... Chao ôi là đẹp làm sao. Mái nhà cho dù cơ hàn nhưng đậm đà tình nghĩa làm sao.

Vâng. Tình nghĩa như trong những điện thư gửi ra ngoài, bạn bè vẫn nhắc đến chiếc chiếu rượu năm xưa và uống dùm cho chúng tôi. Xa quá, nhưng cũng gần quá. Đọc lại những bài vở của bạn, thấy vẫn như xưa, văn phong vẫn như xưa, không một chữ lai, không một từ mượn...

5. May mắn trong số bạn hữu xa cách ấy, có Lữ Kiều có dịp qua Mỹ.

Tháng tám năm 2001, Lữ Kiều gọi tôi từ California. Bạn nói sẽ bay qua miền Đông. Bạn mong tôi hướng dẫn đến thăm viện Bảo Tàng New York Metropolitan Museum.

Làm sao để diễn tả được nỗi vui mừng của tôi khi bắt lại tin một người bạn xa cách mấy mươi năm. Chúng tôi thời ấy sống ở Huế nhưng lấy Phan Rang, một thành phố nhỏ bé, để làm điểm khởi đầu cho cuộc chơi văn chương chữ nghĩa. Bởi ở đây những tập Ý Thức đầu tiên quay bằng roneo như Phạm văn Nhân đã kể lại trong tập một, đã làm kinh ngạc nên in ấn bấy giờ. Nghệ thuật quay roneo của Ý Thức đã lên tới mức thượng thừa. Và tác phẩm Nỗi Bơ Vơ của Bầy Ngựa Hoang của Trần Hoài Thư đã được cơ sở Ý Thức chọn làm tác phẩm đầu tiên.

Anh em Ý Thức đã bỏ bao nhiêu công lao, sức lực để phổ biến, phát hành NBVCBNH. Sự thành công ngoài sức tưởng tượng đã khiến YT xuất bản thêm Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi và Những Vì Sao Vĩnh Biệt của THT. Và thêm hai lần, NM tiếp tục vừa đọc bản thảo, hay chữ sách đi phát hành. Và thêm những đêm bạn bè gặp gỡ cà phê thuốc lá và đọc thơ và hát, và uống rượu và khóc và cười. Lữ Kiều thì chuyên môn dở dành Nguyên Minh khi bạn

ta say. Còn Lữ Quỳnh thì hay hét vào tai tôi khi chúng tôi say mềm. NM quả thật có tài đóng kịch như anh đã viết trong một bài văn ở TQBT tập Ba. Anh thấp người, nên phải đứng trên chiếc ghế để diễn xuất... Và mỗi lần anh nói là chúng tôi ôm bụng mà cười đến chảy cả nước mắt.

Và còn biết bao nhiêu chuyện cần phải nói với bạn. Chai rượu ngâm mật gấu đã chờ để rót cho người đến từ phương xa. Để chúc mừng chúng ta vẫn còn sống sót. Và còn tiếp tục viết.

Một đêm bạn từ Washington DC gọi lên, cho biết bạn đã qua thủ đô, và chuẩn bị lên New York bằng đường xe. Nhưng ngày hôm sau là ngày 11 tháng 9 năm 2001, ngày đại nạn của nước Mỹ. Và cũng là ngày không cho LK được đến thăm Metropolitan Museum như bạn ao ước, và cũng là ngày không cho tôi được gặp bạn xưa nữa.

Tình cờ hay là định mệnh ?

03/26/02



Nguyễn Minh nhìn bởi Thân Trọng Minh (VN)

Những trang viết từ Houston

Trần Bang Thạch

NIỀM VUI ĐẦU NĂM ÂM LỊCH

Mùa Xuân này rồi sẽ qua đi như tự ngàn năm trước. Nhưng tôi có cảm tưởng như những niềm vui đến với tôi từ đầu xuân năm nay sẽ ở lại với mình.

1. Niềm vui TQBT

Trước hết TQBT tập 4, rồi tập 5, như là một điểm xuyết thêm cho một mùa xuân bằng hữu. Đứa con chung chào đời từ tháng 10 năm 2001 và tiếp tục lớn, mạnh hơn và kháu khỉnh hơn; rồi đi xa hơn và được nhiều chú ý hơn. Bằng phương pháp Destop Publishing, THT, sau 1 ngày làm việc ở sở, một mình dưới basement nhà mình đã hằng đêm dựng tóc, phờ râu, tay chân rã rời, cho ra đời từng tập, rồi từng tập TQBT; cho nên số lượng TQBT rất giới hạn; sự đóng góp tài chánh từ những người chủ trương để mua giấy mực và bưu phí cũng có giới hạn, nên TQBT, vốn không bán và chưa có một mẫu in quảng cáo nào, chỉ đến với một số bạn viết và một số đọc giả bằng hữu, những người bằng cách này hay cách khác, đón nhận TQBT như cùng tham dự một trò chơi chung. Bằng tình thương yêu của mỗi ngày một nhiều thêm mà TQBT sẽ vẫn tiếp tục đi vào đời; chắc chắn là nhiều gai chông và cũng chắc chắn là có niềm vui để bù trừ. Sau cơn thất tán 75, người ở lại, kẻ ra đi, có những bạn văn mấy mươi năm không gặp. Nay một sớm một chiều, qua TQBT mà nhận được tin nhau, rồi đọc những sáng tác của nhau, như những ngày làm văn làm báo cũ. Những nhịp cầu đã nối, từ quê nhà, từ khắp nơi. Có những độc giả tận trời Âu gọi điện thoại khuyến khích, hay có người ở Úc Châu chỉ email 1 dòng: “Đừng quên gửi báo cho tôi”. Đó phải

chẳng là niềm vui quý hiếm bây giờ?

2. Vui với đồng hương ngày Tết

Nhân những ngày cuối năm cũng như đầu năm, tôi được dự những buổi họp mặt Tết niên, Tân Niên. Văn hoá dân tộc, tình yêu quê hương là ở đây. Ở xứ người không có Tết như ở quê nhà; nhưng ai dám bảo là trong lòng của mỗi người tham dự họp mặt Tết niên, Tân niên của các chùa, các nhà thờ, các hội đồng hương Nam Định, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam Đà Nẵng, Qui Nhơn Bình Định, Vĩnh Long, Vĩnh Bình, Sa Đéc, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau ... là không có Tết? Tết trong hội trường cũng có bàn thờ Tổ tiên để lễ bái, có Ngọc Hoàng, Táo quân, có áo dài khăn đóng, có pháo, có lân, có chúc thọ người già và lì xì cho trẻ nhỏ, có đặc san Xuân, có bánh chưng, bánh tét...Đáng chú ý nhất là Tết thể hiện trên từng gương mặt của người tham dự. Vài năm trở lại đây, dường như tình đồng hương được trân quý hơn và khao khát hơn so với những năm đầu tảo tần hôm sớm nơi xứ người. Người ta tham dự trước hết là muốn gặp gỡ nhau trong buổi đầu năm. Tình đồng hương chắc phải cao vợi vợi thế nào mới có được 1 buổi họp mặt mừng Xuân của hơn 600 đồng hương của 1 tỉnh nhỏ địa đầu, dân cư vốn thưa thớt là Quảng Trị? Và của hơn 700 đồng hương 3 tỉnh miền cuối Việt? Được tham dự những buổi họp mặt này để thấy cái vui ngày đầu năm của đồng hương. Và thấy cái vui bất chợt trong lòng mình.

3. Vui họp mặt Văn Hóa Việt Nam

Vẫn trong không khí Tết của một ngày tháng Giêng âm lịch, tại thành phố Houston, Tạp chí Văn Hóa Việt Nam đứng ra tổ chức một buổi họp mặt người viết và độc giả, vừa cùng nhau ăn Tết và mừng tạp chí VHVN tròn 4 tuổi,

vừa cùng nhìn lại quê hương thân yêu. Đây quả là một đêm hội ngộ văn nghệ kỳ thú. Hơn năm mươi người làm văn nghệ, như nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ, ca sĩ, người ngâm thơ...từ Texas và nhiều nơi khác về tham dự với hơn bốn mươi độc giả thân hữu tại Houston. Những bài nói chuyện của nhà văn Doãn Quốc Sỹ về Những Năm Nhâm Ngọ Trong Lịch Sử, của họa sĩ Phạm Mộng Chương, chủ nhiệm Tập san Cửa Phật, về Hà Nội 36 Phố Phường, của Giáo sư Nguyễn Cúc, chủ biên Đặc san Tiếng Sông Hương, về Ngũ Sắc Huế Qua Thi Ca Việt Nam, và của nhà văn Nguyễn Văn Sâm về Những Giai Thoại Trong Văn Học Miền Nam... đều là những khơi động tình yêu quê hương trong tâm tư hàng trăm người có mặt. Trong cái không khí thời sự nóng bỏng về việc mất đất, mất biển của nước mình, có được một đêm để nhìn về quê hương qua các bài nói và các bài hát về quê hương 3 miền thì thật là có nhiều ý nghĩa. Chân tình của những người viết đối với nhau cũng đã thể hiện qua đêm gặp gỡ này. Họ gặp nhau như đã lâu lắm rồi không gặp. Nhà thơ Tô Thùy Yên đã xuất khẩu nói về cái bầu khí sinh hoạt văn học đêm ấy và tình bằng hữu qua sự gặp lại các người bạn cũ. Lấy quê hương để làm duyên cho gặp gỡ, họ cùng hát, cùng nghe. Và cùng vui. Tôi như thấy đâu đó cái không khí sinh hoạt văn học nghệ thuật trong các khung viên đại học thời trước 75.

và một chút xuân thì...

Cao Vị Khanh

Nơi tôi ở, vẫn được gọi là thành-phố-có-ngàn-nóc-chuông-nhà-thờ, mùa xuân đang lấp ló trở lại.

Nói là lấp ló không phải tại vì mùa đông ở đây dài và hung hăng quá nên bất cứ ai muốn dành chỗ cứ phải rụt rè.

Nói là lấp ló tại vì ngàn cái nóc chuông nhà thờ đi đâu cũng gặp đó. Ngàn cái nóc chuông đủ kiểu đủ cách, cái quắt queo vắn vẹo như muốn nói trước đường lên trời rất nhiều khê, cái tròn tròn cong cong lại như muốn nói cái đường đó thường hay đi lòng vòng lắm.

Nhưng mà muốn nói gì thì nói, dường như mấy cái gác chuông cao vút đó, trước hết và sau cùng vẫn là cái chỗ rất yêu thích của bầy chim sẻ thành phố. Đúng ra, tôi cũng không biết đó có phải là chim sẻ hay không nữa. Chỉ biết những con chim đó cứ bay đi bay về những sớm hôm, líu ríu lích rích, từng nhóm đảo qua đảo lại làm như bận bịu gì dữ lắm. Cũng như tôi vậy, con kiến nhỏ xíu thấp tè dưới mấy trăm thước, cũng cứ bận bịu qua lại sớm hôm, lúc thì cần cù đi kiếm ăn, lúc thì long nhong như một thằng vô tích sự. Từ mấy ngày nay, đúng ra ngay từ hồi nào cũng không biết, đã thấy mấy con chim đó lấp ló trên cao tít, giữa mấy ô cửa, kè đá, bệ tường, vòm tượng vất vẻo trên ngàn tấm nóc rêu xanh. Líu lo, dáo dác, rĩa lông, gõ mỏ, rồi gù gù gọi nhau, rồi bay ra bay vào, dòm ngó tới lui như để quan sát lại cái chỗ đã bỏ đi từ mấy tháng nay, từ lúc những cơn gió đổi chiều thổi cái hơi bắc lạnh lùng về thành phố. Trời cũng chưa thôi lạnh hẳn, vậy mà lũ chim coi bộ rất vừa lòng, cứ lấp la lấp ló, ríu ra ríu rít cả ngày làm khách bộ hành cũng bị động lay. À thì ra từ trên những nóc chuông cao vút đó, đang có một cái gì chờn vờn quây đập theo mấy cánh chim mà tự hình, mà khêu nhẹ những nỗi ủ ê trong lòng người, gọi

dậy cho vui cùng. À thì ra cái mùa xuân trốn mất biệt theo bầy chim rồi cũng đương theo bầy chim mà trở lại. Từ trên cao, tin vui phút chốc đổ ào xuống, lan ra thiệt nhanh như một thứ bệnh truyền nhiễm. Đường lộ, cây cối, phố xá, mới mấy hôm trước còn dầu dầu bộ mặt đưa đám, co ro cục rúc bây giờ coi bộ cũng muốn thở phào, vung vai mà nhõm dậy. Thêm một chút xú mặt trời ló ra, một chút xú nồng nàn thôi, là ai nấy cảm thấy như sống lại, rạo rực đến nỗi muốn ôm hôn bất cứ ai, kể cả kẻ hôm qua mới vừa thấy cái bản mặt là đã muốn gây sự. Coi vậy mà tin xuân quan trọng dữ. Tôi cũng có khác gì đâu. Hôn tôi không đứng mà thức dậy sau một mùa đông thiếp ngủ.

Vậy đó, mùa xuân đang lấp ló trở lại, e dè, nhưng quyết chắc nơi thành phố tôi đang ở. Hôm qua, trên con đường vắt ngang núi, tôi thấy mấy đóa hoa xuyên tuyết đã nhoi lên, loi choi điểm vàng điểm tím giữa bãi tuyết trắng. Và cái mùi nhựa cây chổi dậy cứ hăng hắc theo gió mà bay xa, cùng khắp. Trời đất chộn rộn giao mùa làm lòng người cũng chộn rộn theo, ngây ngây như muốn say.

Rồi bỗng dưng mà tôi nhớ lại cái truyện ngắn mới đọc. Ông nhà văn gốc lính, sau khi đã ba chìm bảy nổi với nước non trở thành người sinh viên già, sách vở đến trường làm lại đời mình. Ông đi học mà lòng cứ lẩn cấn không nguôi với chuyện nhà chuyện nước. Bởi vậy mà ông ta buồn nhiều hơn vui. Thiệt ra có ai mà vui được với cái lịch sử quá sức bầm dập của dân tộc, nhất là có mình ở trỏng. Không viết lách thì thôi, hễ viết là thế nào rồi cái buồn đó cũng vận vào thơ văn nên cứ nghe ra cay đắng. Mãi rồi đến khi ông ta gặp một cô sinh viên từ quê nhà sang du học. Cô ta trẻ, đẹp, xinh tươi như một nụ tầm xuân. Hai người kết bạn trong một đêm cuối năm rồi đưa nhau đi đón giao thừa giữa lòng Nữ Ước. Đêm đó, đêm hết một năm, đêm bắt đầu một năm mới. Trời đất và người chắc cũng có nỗi niềm giao cảm. Không biết tại

người bạn gái đó đẹp và trẻ tới độ mong manh như hình sương bóng khói, hay tại ông lính già cảm thấy sự lung linh thay đổi của trời đất cũng làm lòng mình rưng rưng thay đổi theo mà tự dưng ông ta chợt bắn khoăn khi sắp sửa thổ lộ nỗi buồn rầu của mình với cô gái. Ông ta bắn khoăn, rồi ngưng lại. *Tuổi em không phải là tuổi tôi. Không thể mang nỗi buồn rầu của thế hệ tôi về thế hệ em.*

(*)

Câu văn đó đã là đề tài nói chuyện một bữa tình cờ tôi gặp lại người học trò cũ. Gọi là học trò cũ cho oai chớ thật ra cô ta cũng đã trên dưới 40, đã chồng con đề huề, đã lao đao vì vận nước và lận đận vì đời sống xứ người. Nghĩa là đã có đủ điều kiện để nói chuyện ngang hàng với ông thầy cũ. Tuy nhiên vì truyền thống, cô ta vẫn một mực thầy trò khuôn phép lắm. Vậy mà lần đó, khi nghe tôi kêu ca về nỗi sầu lữ thứ kéo theo một mơ dây mơ rễ má sầu vong quốc sầu vong thân sầu vong tình... hăm bà lằng xằng cấu sầu của thế-hệ-bất-hạnh-tôi đến nỗi cô ta phải duyên dáng mà nhẹ nhàng cản lại. Giữa khi tôi còn ngơ ngác, cô ta đã đột nhiên hỏi vặn lại tôi vậy chớ sầu hoài không thấy khổ thân sao. Rồi lịch sự đề nghị hay là lần này người lớn thử nghe lại người nhỏ coi. Thay vì cứ đi lo truyền lại cái rầu buồn của mình cho em út. Sao không bắt chước tuổi trẻ mà sống cho vui. Lớp trẻ đó có tội tình gì mà kéo vô gánh tiếp cái sầu bất tận của cha anh. Lớp lớn cũng có tội tình gì mà đeo đẳng mãi cái sầu vô cùng vô hạn. Mọi người phải sống chớ. Ai cũng còn một đời dài lắm, chớ có ngăn ngụt gì đâu...

Câu khuyên lớn của cô học trò cũ cùng với câu tâm sự của ông nhà văn trên, trong cơn say của mùa xuân dậy thì bỗng dưng làm tôi thấy sung sướng tới muốn la hoảng lên như Archimède khi tìm ra được định luật sức đẩy của nước. Eurêka. Eurêka. Có đơn giản vậy mà sao tôi không biết.

Phải rồi. Thiệt tình đơn giản như hết đông thì xuân tới. Những mùa lạnh thì buồn. Trời ấm sao mình không vui. Tuổi già hay tiếc nuối những mất mát. Tuổi trẻ có mất mát gì đâu mà sao bắt tiếc nuối với mình.

Mùa xuân của trời đất còn đi đi lại lại. Mùa xuân của con người chỉ tới có một lần. Tuổi trẻ, yêu đương, hạnh phúc có những bước chân rất vội. Lỡ để vuột mất thì không còn lần thứ hai nào nữa.

Nghĩ tới sự vội vã của xuân thì làm liên tưởng đến bức ảnh đen trắng của Robert Doisneau chụp đầu từ những năm 50 một cặp tình nhân trẻ tuổi đang hôn nhau bất chợt ngay khi mùa xuân vừa lật bật trời dậy ở Paris.

Trích lại một đoạn viết cũng đã lâu. “... *Bức ảnh có tên là Nụ hôn trước tòa thị sảnh, được bày bán trong một quán sách dọc bờ sông Seine. Nụ hôn của tuổi trẻ đúng độ ngay giữa một thời tiết đúng mùa. Cả người cho và người nhận cùng có mặt đúng lúc. Cuộc hạnh ngộ với định mạng chỉ có một lần trong đời. Người ta đến kịp hay không. Rồi thôi, không có lần thứ hai nữa. Ôi nụ hôn tuổi trẻ say đắm không gợn một vết buồn phiền, hồn nhiên như mây thì bay và chim chóc thì ca hát khi xuân thì vừa chín tới. Cái hạnh phúc tuyệt vời đó lẫn lẫn đâu trong nhân gian mà bỗng bị sọt ngang và cản ghit giữa hai cặp môi ngon, thành ra như giữ cả thiên thu ở lại. Tóc người trai bay lông theo gió sớm, mặt người gái ngửa lên, hiến dâng và tay buông lỏng, chấp nhận. Cả hai như đã bỏ thế giới này, lánh mặt vào thế giới của riêng họ, bất kể thiên hạ chung quanh mặc tình dòm ngó. Vũ trụ chắc không có ai, không còn ai nữa. Trong một thoáng hai người đã nhập thành một và nụ hôn của họ có vẻ gì kiêu kỳ của một cơn gió lạ, bất thường. Ôi có phải hạnh phúc là cái khoảnh khắc đã-quá-đi-ngay-khi-đang-nói-tới đó không mà người*



chụp ảnh tài hoa may mắn bắt kịp vào âm bản. Và thanh xuân nữa, có phải là cái thời khắc hiếm hoi chỉ được-nhận-ra-khi-đã-mất-đi, bây giờ được đóng khung lại để treo trên bức tường kỷ niệm...

Em, tôi, bạn bè chúng ta, những người tuổi trẻ của những năm 70, đã có mấy người chụp bắt kịp cái khoảnh khắc tuyệt vời đó đâu em, cái khoảnh khắc hiếm hoi đến gần như không có thật. Hằng hà số còn lại, trong đó có tôi và em, đã dễ lỡ. Không phải tôi muốn đổ lỗi cho mở giáo điều đã vây khốn chúng ta nhưng mà nghĩ lại coi, cái thời buổi kỳ cục đó. Chúng ta có quá nhiều trách nhiệm phải

chu toàn ngoại trừ cái trách nhiệm với chính mình. Chúng ta lớn lên và sống cho đủ thứ đòi hỏi chỉ trừ cái đòi hỏi được sống cho riêng ta...

Rồi còn giặc giã, rồi cơn ly tán. Ai trong chúng ta đã tới kịp giờ hẹn của đời mình?... “

Hình ảnh của một khoảnh khắc hạnh phúc được đông đặc để còn lại mãi mãi có phải là cái ước mơ vĩnh cửu của con người, của tôi, của bạn về một hạnh phúc trần thế rất đổi mong manh mà thế hệ chúng ta đã để cho vượt mất.

Thế hệ chúng ta đã hy sinh hay đã bị hy sinh, điều đó ai cũng biết. Cũng đã đành. Thì hãy để cho thế hệ sau được sống đời của họ, yên lành và sung sướng như chúng ta đã từng mơ ước cho mình.

Nỗi sầu của ta đã vậy. Thêm một người nữa cũng chẳng bớt sầu hơn. Mà thiếu đi một người không chừng cuộc đời này có đáng yêu thêm chẳng.

Vâng, thiếu đi một người sầu không chừng mùa xuân sẽ dài thêm một chút. Thêm nhiều người thôi sầu nữa cho mùa xuân cứ dài mãi thêm ra. Cho đến lúc cả mặt đất này là một mùa xuân bất tận.

Vâng, xuân là chính ở lòng ta đó...

(*) Truyện ngắn Đêm Mơ của Trần Hoài Thư đăng trong TQBT tập 3

Nguyễn Bắc Sơn

Tháng Chạp Sầu Đời Trên Núi Cao

Tặng Vũ Trọng Quang

Nằm giữa mặt ở bên trời lặn đặng
Ta và người, hai gã cóc cần đời
Đời mặt pháp, con người mặt hậu
Có một tấm lòng, rồi cũng chỉ rong chơi.

Quân tử thất thời nằm gãi háng
Thuyền duyên lỡ hội bỏ đi tu
Tiếng chuông em gõ bên chùa cổ
Mà sao lạnh đặng cõi sương mù

Sương mù, sương mù, ừ sương mù
Khuya về trăng mọc ngọn mù u
Cầm ống sáo đồng, gõ vào vách núi
Tráng sĩ hề! Lạnh thấu thiên thu

Ta lạnh còn em đâu có ấm
Tiếng tụng kinh, là tiếng chim rơi
Để ta tụng bài thơ thiên cổ
Thơ là kinh Phật đó mình ơi !!!

Em ni cô ta là thi sĩ
Có lúc thần tiên, lúc ngạ quỷ
Cầm kinh địa tạng ở trong tay
Mà uống rượu sầu, say bí tử

Mười năm nằm đọc Hoa Nghiêm Kinh
Cảm ơn cõi Phật thật lung linh
Cảm ơn Ngài Cửu Ma La Thập

Cảm ơn Bùi Giáng dạy cho mình

Về núi mang theo Kinh Kim Cương
Dắm cuốn thơ tình đắm phong sương
Nửa đêm tụng chú mà rơi lệ
Nơi thanh lương địa mà sao
lòng mình chưa thanh lương

Tụng Hoa Nghiêm, Đại Bi rồi Chuẩn Đề
Sao lòng mình cũng vẫn lạnh tê
Hai thằng ra suối lược hột vịt
Làm luôn một chai Ngũ Gia Bì

Nhảy tòm xuống suối giỡn trăng khuya
Hát khúc vọng tình, khúc nhớ quê
Quê Nhà xa tí và xa tấp
Non nước cháy hương chẳng chịu về

Bát cơm Hương tích Phật
Thọ dụng suốt đời vẫn thấy dư
Nhưng thiếu tình yêu và tình bạn
Làm sao cho khỏi ngất ngư
(Mồng 5 Tết Nhâm Ngọ)

Thử Bút

LỮ KIỀU

TỰ TÌNH

Gửi Nhóm Ý Thức.

Những ngày cuối năm, thật buồn. Xé những trang ghi chép của một năm, tưởng như xé đi một phần trí nhớ. Nhưng làm sao quên? Quên, đó cũng là một đức tính, hiểu theo một nghĩa nào đó.

Sáng nay lên nhà Nguyên Minh cùng với Hồ Thanh Ngạn. Căn phòng nhỏ nhìn ra bãi cỏ xanh mượt phi trường Tân Sơn Nhất. Gió thổi bạt đi những âm thanh của máy bay lên xuống. Nắng chấp chới trên những mái nhà xa xa. Những chiếc máy bay lặng lẽ. Nhìn. Bao nhiêu chuyến đi trong năm qua. Cuộc du lịch đã no nê, nói như Hồ Thủy Giũ.

Phải, đã nhìn ra thế giới bên ngoài, giờ đây, ta thu xếp nhìn lại bên trong của mình. Cuối năm. Cuối năm. Thế đó.

Nhìn lại bên trong. Hình như những dịp cuối năm, đều nhìn lại mình.

Nhìn nhưng đâu phải lúc nào cũng thấy.

Nguyên Minh háo hức nói về những trang bản thảo mới viết, về những tình cảm vừa được giải phóng trên trang giấy, về những dự tính văn chương, con đường văn chương mà chúng tôi đã cùng đi từ thời trẻ.

- Chỉ mong đừng bệnh để tôi thực hiện.

Nguyên Minh nói bằng giọng nhiệt tình. Nguyên Minh nhắc đến Trần Hoài Thư, Phạm văn Nhân đang làm báo ở Mỹ. Về sự bế tắc của những người bạn quanh đây, trong đó có tôi, có Lữ Quỳnh, có Châu văn Thuận. Có bạn vẫn sáng tác, ít hay nhiều, như Hồ Thủy Giũ ở Huế, Hồ Thanh Ngân ở Sài Gòn, Trần duy Phiên ở Pleiku.

Tôi nghe, mà lòng lênh đênh. Thuở đôi mươi, chữ nghĩa đã mê hoặc tôi. Giờ đây, những con chữ như những giọt nước trên con đường cũ. Đã thấm vào đất. Đã tan trong đất. Còn lại chẳng, chỉ là một hoài cảm, tẻ hơn, là một nỗi buồn, nỗi buồn văn chương, nỗi buồn cuối năm.

Sống là chia xẻ.

Viết là một cách chia xẻ. Đâu phải chỉ là chia xẻ chữ nghĩa, trong đó còn có quả tim tội nghiệp, cái đầu thao thức, những cơn mê sảng của lý trí, những tuyệt vọng khốc liệt của từng đêm thao thức. Tưởng như có người chia với mình những điều buồn bã ấy, cho đến khi hiểu ra, cuộc sống vẫn hồn nhiên trôi đi, ta cũng trôi đi, con đường tưởng là đi chung đến lúc nào đó, dừng lại, chỉ còn thấy ta lẻ loi một mình.

Một mình với chiếc bóng.

Chiếc bóng tưởng như thật, nhưng cũng có lúc không thật nữa.

Nhớ Lữ Quỳnh. Tôi đã yêu bạn ấy biết bao. Có một ngày rất trẻ, bạn nằm bệnh viện, tôi đến, ngồi bên bạn, nắm tay bạn. Thuở đó, bạn là một đứa trẻ bất hạnh, tôi truyền tình cảm của tôi cho bạn qua cái nắm tay hồn nhiên tuổi 13, đó là kinh nghiệm chia xẻ đầu tiên của đời tôi.

Nửa thế kỷ sau, một ngày tháng 8 năm 2001, đặt chân lên đất Mỹ, bạn đón tôi ở phi trường, tôi nắm tay bạn. 50 năm, vẫn một hơi ấm từ bàn tay thuở đó, dù đời đã khác.

Bạn lái xe đưa tôi quanh thành phố, nơi bạn định cư. Chúng tôi đang ở xa Việt Nam nửa quả địa cầu. Sự cách xa làm tôi xúc động. Thành phố nằm trong thung lũng bao quanh là những ngọn đồi cỏ vàng. Những con đường hoa lá. Tôi lặng đi khi nhìn Bạn ngồi trước tay lái: những vết nhăn trên khuôn mặt Bạn, những sợi tóc bạc không dấu diếm. Phải rồi, chúng tôi không còn trẻ, quỹ thời gian của đời người đang hồi vết cạn, như cuốn vở học trò chỉ còn vài trang cuối, chỉ vài trang cuối để ghi chép cái bao la của đời này. Đã đến hồi chung cuộc, nhưng ta không có quyền thay cuốn vở mới.

Ôi, văn chương, ta viết gì cho những trang cuối cùng này?
Nói cho cùng, ta đã viết gì, đã ghi chép gì trên cuốn vở đời ta?

Ngày đầu tiên, đặt chân lên đất Mỹ, ý tưởng ấy làm tôi se lòng.

Tôi nhớ đến Ngy Hữu. Nhà của Hữu ở Vân Dương. Bạn chần trầu trên cánh đồng thật rộng, tôi và Lữ Quỳnh ngồi trên những thửa ruộng khô để chờ bạn dắt trâu về. Trên cánh đồng mạ ấy, chúng tôi bàn chuyện văn chương.

Ngy Hữu chết đã 2 năm. Bạn không ngồi giữa chúng tôi – thuở đó, Ngy Hữu luôn thích ngồi giữa tôi và Quỳnh để sôi nổi chuyện văn thơ. Tập báo viết tay đầu tiên hình thành trong tình bằng hữu ấy. Nhưng rồi thời gian qua, sự xa cách về không gian làm chúng tôi xa nhau. Hình như chúng tôi đòi hỏi ở nhau quá nhiều, nên có lúc thất vọng. Giờ, nhớ lại, quả thật chúng tôi có bất công với nhau. Đáng ra, phải chấp nhận Bạn-như-Bạn-là. Chứ không phải Bạn-như-Bạn-phải-là.

Giờ đây, tôi hiểu ra trong nhiều loại bất công của cuộc đời, thì bất công trong tình bạn là đáng yêu hơn cả. Tôi càng thấm thía điều đó, khi tôi đến thăm mộ Ngy Hữu ở Chà Bang, tỉnh Ninh Thuận. Mộ Hữu nằm dưới một ngọn núi mà khi tôi đến, những cành hoa mua màu tím nở ngát

làm cho núi trở thành một ngón núi tím. Tôi và Nguyên Minh thấp một nén hương, nhìn tấm hình bạn trên bia mộ. Quanh quẻ vô cùng. Chỉ có những con trâu gặm cỏ quanh mộ Bạn. Những con trâu lui tới nơi bạn an giấc vĩnh viễn, giống như những con trâu ở Vân Dương tuổi thơ bạn chăn dắt. Tôi chảy nước mắt. Không phải vì Bạn, mà vì những con trâu trong tuổi thơ chúng ta.

Giờ đây, chỉ còn tôi và Lữ Quỳnh, chia với nhau tâm cảnh của thành phố hoa vàng: Có thể, không bao giờ chúng tôi nghĩ sẽ ngồi cạnh nhau ở xứ người, xa hết những bằng hữu tuổi thơ. Bạn vừa lái xe, vừa kể cho tôi nghe về những ngày tháng ở quê người. Về góc phố chờ xe buýt đến sở. Về những buổi mai ra đi rất sớm, ra về rất trễ. Về bữa ăn Việt Nam người vợ mang theo, để buổi trưa hai vợ chồng ngồi ăn với nhau vội vã. Về những sắt se nhớ những người thân ở lại. Bạn cũng nói về sự an toàn trong đời sống mới, sự hội nhập cuối cùng phải có. Để sống. Chứ không phải để tồn tại.

- Còn văn chương?

- Mình nghĩ mình sẽ viết được.

Vậy là hạnh phúc rồi. Tôi đến thành phố này lần thứ hai. Những trải nghiệm trước một nơi chốn đều mỗi khác. Á Châu. Âu Châu. Mỹ Châu. Điều quan trọng đối với tôi ở mỗi nơi chốn là tìm thấy những đôi mắt thân yêu. Nếu không, thì nơi đến chỉ là chốn lưu đầy. Tôi nói điều đó với Lữ Quỳnh, và bạn tôi trả lời, giọng nhỏ đi.

- Mình cũng tìm thấy một đôi mắt.

Nhìn nét mặt của bạn, nghe giọng nói của Bạn, tôi hiểu rằng quả thật ở chốn này, bạn cũng tìm thấy một đôi mắt. Dù là đôi mắt mong manh. Đôi mắt muộn màng. Như thuở trước, chúng tôi rất nhạy cảm trước tình cảm của nhau.

Còn đôi mắt của văn chương?

Phải, còn đôi mắt của văn chương? Đôi mắt của ý thức? Của mê thức? Của vô thức? Đôi mắt số phận của mỗi người?

Tôi nhớ lại. Cái động lực nào khiến cho chúng tôi ngày ấy ngồi lại bên nhau để cùng bước đi trên con đường chữ nghĩa? Tưởng là chơi thôi, đâu ngờ đã vận vào đời mình cái mê hoặc của văn chương trở nên nghiệp dĩ, mang theo suốt cuộc sống thăng trầm cho đến hôm nay.

Cho đến những ngày cuối năm này, bàng hoàng thấy lòng mình buồn vô hạn. Một nỗi buồn lạ lùng mà các năm trước, tôi chỉ nghĩ tới chứ không nhận ra, đó là sự tỉnh thức cay đắng của cơn mộng văn chương.

Phải, tôi đã làm gì đời tôi?

Thì cũng sống như mọi người, cũng như cỏ cây chim cá, cũng vui buồn theo trời đất gió mưa, cũng ngu uẩn, cũng thất tình, thế nhưng, như mang căn bệnh tâm thần phân liệt trầm kha, tôi còn nghe một tiếng nói, một tiếng nói thứ hai ngày đêm vang bên tai tôi.

Nói gì vậy?

Đó là vấn đề.

Để bước tới. Để dừng lại. Hay để nằm xuống.

Cuối năm, những thao thức kia chợt không rời. Ta đã làm chi đời ta. Không làm gì cả. *Chỉ cái Ngã nhỏ nhoi làm vướng bận con đường giải thoát..*

Nhớ lần cùng bạn đến khu rừng cây hóa đá. Đó là một buổi chiều, mặt trời dần tắt, đặt chân vào khu rừng già có những thân cây ngã dài trong hố sâu, sờ lên thân cây, đúng là đá. Cây đã sống trên ngàn tuổi. Và để hóa thành đá, phải có thời gian trên ba triệu năm. Vậy thì cái cây đang nằm trước mặt tôi có tuổi trên ba triệu năm; So với trăm năm của đời người, thì kiếp người quá ngắn ngủi. Quá ngắn, vậy mà sao nhiều chuyện quá. Lịch sử con người được làm bằng chiến tranh chứ không phải bằng

tình yêu thương nhau.

Và, vì vậy, có phải văn chương là giấc mộng đem con người gần lại với nhau, tử tế với nhau.

Nhận được bài văn của Hồ Thủy Giũ, viết về cái chết của người vợ, về một khúc nhạc tuổi thơ. Khúc Adagio trong Concerto số 1 của Max Bruch, có tiếng vĩ cầm réo rất mà chúng tôi cùng nghe ở tuổi hai mươi. Réo rất mà se sắt vô cùng, cùng nghe với nhau, và cùng cảm thấy bị tình phụ.

Tôi đã bước qua tuổi trẻ quá nhanh. Không kịp có một tình yêu. Chỉ có những tuyệt vọng. Một cô gái gây guộc, ngồi dưới ánh đèn vàng sau khuôn cửa sổ, còn chúng tôi đi ngang nhà nàng, nhìn vào, một thằng đau khổ, và cả bọn đau khổ theo. Làm sao quên được những ngày tháng đó, những ngày tháng làm nền cho cơn mê văn chương của chúng tôi.

Để nửa thế kỷ sau, một cây nến trắng trên thành cửa sổ một quán khuya cũng đủ làm đau đớn vết thương cũ chưa lành.

Tôi nhớ Châu văn Thuận, chàng trai lãng mạn trữ tình không có tuổi, với những câu thơ tượng trưng mang âm thanh và nhịp điệu thật lạ lùng. Hình như ngôn ngữ thơ của Châu văn Thuận cần người đọc có một tần số chung với Thuận để cảm nhận.

Tôi nhớ Phan Thiết và người con gái áo vàng thuở Châu văn Thuận còn tuổi 20:

Ta thiên nhiên thâm nở nụ hoa vàng

Hồn thảo mộc ngậm ngùi một bóng

Tôi nhớ những đêm rượu nồng cùng bạn. Những câu chuyện về Đạo, về Đời, về Tình Yêu, và cuối cùng về Văn Chương. Gần Bạn, tôi có cảm giác được thông cảm, tưởng như cùng biết cách bắt đầu và cách kết thúc một

trầm tư.

Thế đó, nhưng cùng với tuổi tác, cùng với hoàn cảnh, đã hiện ra những khoảng cách. Những khoảng cách tất yếu để nhìn ra nhau. Như cách vật trí tri. Làm sao bạn tôi hiểu được nỗi buồn của những bức phác thảo tôi vẽ về khoảng cách đó, tôi gọi là “*hoà nhi bất đồng*”, đó là lúc kinh nghiệm chia xẻ va vào bức tường vô tri của số phận. Bất khả tư nghị.

Sống, đã là cuộc chia tay. Vậy mà vẫn mong sự ràng buộc. Một buổi sáng lạnh buốt ở miền Bắc Mỹ, tôi ngồi trên bậc thềm với Đình Cường. Cường lặng lẽ vẽ. Lặng lẽ làm thơ. Tôi nhìn bạn, lòng bồi hồi, tôi yêu mến sự dịu dàng lãng đãng thơ mộng của bạn, của tranh bạn. Nhờ bạn, tôi biết cầm cọ, biết màu sắc, biết vẽ bức tranh đầu tiên. Và cứ thế tiếp tục.

Người đàn bà mặc áo tím, cô gái 16 tuổi của 40 năm trước, mang lại cho chúng tôi tách cà phê. Một ngọn nến trắng chỉ còn một nửa, ngọn nến đã cháy suốt đêm qua trước thềm nhà, lặng lẽ đêm khuya tưởng niệm những người vừa chết trong cái sát-na oan nghiệt khi tòa nhà cao tầng ở Nữ Ước sụp đổ. Chiếc máy bay đâm thẳng vào. Lửa. Người chết.

Phải, sống đã là cuộc chia tay.

Người đàn bà đưa tách cà phê cho tôi. Nàng vẫn yêu màu tím, vẫn mang màu tím trong lòng từ cuộc chia tay đầu đời. Tôi nói với Bạn:

- Đã gần cuối đường đời, phải biết bỏ bớt hành trang cho nhẹ gánh.

Bỏ bớt những cái bỏ được, kể cả thân xác ta.

Căn nhà người đàn bà yêu màu tím nằm ven khu rừng. Đêm rất khuya, tôi bước vào căn phòng thờ phụng của bạn. Một bức tranh của Đình Cường, tượng Phật, bàn thờ di ảnh của cha mẹ bạn, những ngọn nến im lặng, một

thanh kiếm dài đặt ngang trên bàn thờ. Ánh thờ người cha lúc bấy giờ còn rất trẻ. Thanh kiếm chỉ huy của ông. Khuôn mặt người mẹ xinh đẹp, tươi tắn. Đó là những người đã nhìn thấy tuổi trẻ của tôi, đã nhìn thấy tình yêu tôi và bạn ngày hai mươi tuổi, đã nhìn thấy chúng tôi hạnh phúc và đau khổ, gần gũi và chia xa.

Tôi đứng lặng trong đêm, hình như tôi lúc này là một cái tôi khác, một cái tôi hồn nhiên hơn, tin cậy hơn, đáng yêu hơn và đáng ghét hơn.

Phải bỏ bớt đi hành trang nặng nề. Bỏ đi. Dọn mình. Nhưng giữ lại gì? Biết giữ lại cái gì cho mình, đó là một hạnh phúc.

Dù là hạnh phúc đã mất.

Phải, bây giờ là những ngày cuối năm. Tôi buồn vô hạn. Buồn như khánh kiệt tâm hồn. Sự tỉnh thức nào cũng đau đớn. Nhất là sự tỉnh thức muộn màng.

Tôi thêm hơi ấm của bàn tay Bạn, tôi muốn chia gánh nặng trong lòng, nghiêng nỗi buồn về phía Bạn. Dù ở tuổi nào, trong lòng ta cũng có một đứa trẻ. Đứa trẻ ấy luôn luôn muốn được an ủi, kể cả khi nó chẳng hề buồn.

Trong đêm khuya, tôi một mình. Tôi biết người bạn cũ cũng đã một mình lặng lẽ trong căn phòng này. Bạn đã may mắn có một cuộc sống bình an. Nhìn Bạn như nhìn thấy sự thiện. Tôi nghĩ đến khoảng thời gian quá dài tôi không gặp bạn, thậm chí, có lúc dù cố gắng, tôi cũng không tưởng tượng ra được khuôn mặt Bạn ra sao, Bạn sống như thế nào, với ai, ở đâu. Trong suốt thời gian đó, bao nhiêu tai ương đã đến, nhưng vào lúc tuyệt vọng nhất, tôi vẫn nghĩ tới Bạn, đến đôi mắt tin cậy Bạn nhìn tôi, và lòng tin đó giúp tôi đứng dậy, bước tiếp.

Bước tiếp cuộc đời, bước tiếp cơn mộng.

Tôi nghĩ đến sự may mắn. Trong chiến tranh, may mắn là viên đạn tránh mình. Trong trại tù, đó là lúc nhiều năm

không được ăn một miếng đường, một hôm đi vô rừng
đốn củi bắt gặp một tổ ong mật. *Với tôi, may mắn là khi
gõ cửa, tôi biết, bên kia cánh cửa đóng, có Bạn.*

Vậy thì làm sao tôi dừng lại, làm sao tôi không đứng dậy,
đi tiếp.

Đi tiếp. Nhưng đôi chân tôi không còn vững. Tôi không
có quyền vấp ngã, vì tôi biết, mình không còn gượng dậy
được. Từ đó, bước chậm. Thật chậm. Bước để mà bước,
để mà trầm tư về từng bước chân của mình. *Bước đi. Hay
bước về. Luôn như nhau.*

Phải, thế hệ chúng tôi không còn trẻ. Tôi nhớ sợi tóc bạc
của Lữ Quỳnh ở thành phố hoa vàng. Mái tóc bạc của
Hoàng Khởi Phong, của Nguyễn Mộng Giác, của Trần
Hoài Thư, của Ngô Thế Vinh.

Các bạn đang ở Mỹ, vẫn tiếp tục con đường chữ nghĩa.

Còn ở đây, râu tóc của Hồ Thanh Ngạn năm nay bạc
nhiều. Ngạn vẫn hăng say làm thơ, lập ngôn, nồng nhiệt,
với quả tim trẻ trung. Đỗ Hồng Ngọc cũng chẳng hơn gì
tôi, nói như Trịnh Công Sơn: *về thu xếp lại*Thậm chí
người trẻ nhất bọn là Lê Ký Thương, tóc cũng đã muối
tiêu. Chỉ còn tranh bạn, nỗi hoài cảm về tuổi thơ là còn
trẻ.

Ồ, tại sao tôi lại nói về những mái tóc. Bạc tóc. Còn bạc
lòng nữa – như câu hát của Phạm Duy trong bài “Thuyền
viễn xứ”: *Ru con bạc lòng*

Có phải tôi cảm động nhìn thấy Nguyên Minh năm vừa
qua đã già đi nhanh chóng. Giờ đây, Nguyên Minh vẫn
mang tấm lòng nhiệt tình cầm bút. Anh viết nhiều. Mỗi
buổi sáng anh ngồi trước máy vi tính, gõ nhịp chậm rãi
những ý tưởng của mình. Những hồi ức về người cha, về
thị trấn khô, về mối tình đầu, về mối tình cuối, về người
vợ hồn nhiên tốt lành.

Anh không thao thức về văn chương. Viết, đối với anh,
như ăn, như thở. Như bệnh. Như đau bụng. Như ối mửa.

Anh không suy nghĩ về văn chương, anh làm văn chương. Đó là tâm cảnh mà tôi không có.

Cuối năm, nỗi buồn cuối năm khi nhìn lại mình. Những hoang mang về con đường mình đi. Những hoài bão về văn chương như ngọn lửa, lửa thì không còn, chỉ còn tro than. Rồi chỉ còn tro mà thôi. Than cũng tắt.

Tôi nghĩ đến những mái tóc bạc của các bạn tôi. Bạc tóc. Và bạc cả lòng nữa. Chưa hẳn là bạc bẽo, *chẳng qua chỉ là cuộc chia tay với chính mình*. Ta phụ tình với ta. Ta bạc lòng với ta. Lửa đã tắt thật rồi. Tro than cũng không còn. Còn chẳng, chỉ là một sợi khói phù du.

Một sợi khói thôi, mà nặng lòng nhau. Ngày trẻ, tôi đã từng viết như vậy.

Bây giờ thì tôi hiểu rằng, không phải chỉ nặng lòng nhau, mà còn phiền lòng nhau nữa.

Tôi ngồi trong một góc phòng trên lầu cao viết những dòng này, lòng buồn vô hạn. Hằng đang ngồi vẽ dưới bếp. Người bạn đời của tôi còn trẻ, khi đến với Bạn, thì lòng tôi đã mùa thu. *Khi mở lời thu ngỏ ý tìm, mùa Xuân trên má thẹn êm đêm*. Ôi, một câu thơ bay bướm đầy âm thanh và chữ nghĩa. Tôi bước xuống cầu thang, nhìn Hằng ngồi trước giá vẽ. Nhìn bạn vẽ, bao giờ tôi cũng xúc động. Bàn tay ấy nuôi con, nấu ăn, vẽ. Tôi đứng sau lưng bạn, nhìn cái lưng bạn đã bắt đầu cong xuống dưới thời gian, tôi nhìn con cá đỏ trong tranh bạn. Màu đỏ cam, có vài vết trắng ngang thân. Cá bơi trong hồ, có nhiều rong biển, sứa, hải quỳ.

Tôi nhớ rồi, cảnh đó là những con cá trong bảo tàng viện ở Chicago. Bạn vẽ những gì bạn thấy, bạn yêu, Như dòng sông Colorado nhỏ xíu, có chút ánh sáng xanh lục chảy giữa thung lũng đá. Như cây xồi khô cằn trên bờ vực ở Grand Canyon. Bạn vẽ đơn giản, vì bạn yêu thiên nhiên,

và bạn làm cho thiên nhiên qua tâm cảnh bạn là một thiên-nhiên-của-bạn. Một cõi riêng.

Nhìn Bạn cặm cùi say mê trong đêm, tôi se sắt. Người phụ nữ đã cộng nghiệp với mình. Cuộc sống chung dễ chịu vì mỗi người là một cõi riêng, như tranh vậy, nhưng vẫn chung, như chung một palette màu sắc. Không thể tưởng tượng ra một đời sống khác, không có bạn.

Quả thật, tôi không còn trẻ. Tôi mỗi một. Đôi khi, nỗi buồn cũng hòa nhập vào nỗi một mỗi.

Phải, lửa không còn. Than cũng tắt. Chỉ còn tro thôi. May ra còn một sợi khói phù du bay hoài trong trí nhớ.

Như những dòng Tự Tình này.

XII. 2001.

Nguyễn Lệ Uyên

Pho Tượng

Trong bóng tối nhá nhem của buổi chiều lên cao. Từng chuyến xe cá lần lượt trở về đậu chật cả khoảng sân trống. Từ căn gác ở phía cuối sân, Ngạn có thể trông thấy bóng lão Chiệt lơ mơ với điều thuốc cháy nửa trên tay. Đầu lão hơi cúi xuống. Hai tay chống lên gối nom có vẻ mỏi mệt. Lão là người dường như ít nói nhất trong bọn xà ích. Và có lẽ do ở tính thật thà nên dì Đoan đã giao phó cho lão trông nom tất cả mọi công việc lớn nhỏ. Lão không ngại nhận hết, nhưng chỉ xin đi được cho lão tiếp tục chở cá như thể tìm lại những kỷ niệm êm đềm của một thời xa xưa. Dĩ nhiên là dì Đoan bằng lòng, bỏ tiền cho lão lên tận Thạch thành mua ngựa, đóng thêm cỗ xe mới. Ngày đầu tiên về bên dì Đoan, Ngạn nhìn lão có vẻ của một kẻ chán đời lơ vận hơn là người suy tính, thích ngồi trên lưng ngựa đi hàng ngày không biết mệt. Tuy vậy, đôi lúc lão cũng vợ vắn bắt được đâu đó con chim non đem về nuôi cho đến khi nó chết khô queo trong hộp thiếc lão mới chột nhớ rằng, cái chết của nó do chính sự vô tâm, thiếu bàn tay săn sóc của lão... Chỉ bao nhiêu đó, một sự việc nhỏ nhặt cũng đủ làm lão khóc, buồn cả buổi. Dì Đoan hay ai đó trong bọn họ có gạn hỏi lão cũng chỉ lắc đầu, tiếp tục công việc bỏ dỡ. Nhưng lão Chiệt dù có ngồi trên lưng ngựa cho sải mù kèn, tung bụi đường trắng xóa như người hiệp khách thuở xưa hẳn không có gì ngộ nghĩnh cho bằng lão để vợ ở một cối, một thân nằm trong nhà khi dì Đoan cô quạnh với khúc gỗ gòn làm gối ôm. Lão đã từ chối tất cả nhưng không khi nào bỏ sót một chuyến xe cá dù cho lão có đang nhuộm bệnh. Khi nào nằm ngã xuống rên ư ử mới thôi.

Công việc của lão trong ngày dường như đã xong, khi những giỏ cá đã được khiêng xuống sắp ngay ngắn đầu vào đó ở góc sân. Lão không buồn để ý đến lũ đàn bà thườn thẹo quanh xóm bắt đầu to tiếng vì một giỏ cá lưng đầy. Lão cũng không cần biết hôm nay đám trẻ con có những đứa nào, vắng những ai và con cả Trạch kiếm mót được nhiều cá để về nấu cháo cho cha... Quanh lão, cảnh ồn ào ngày nào cũng giáp mặt gần xoáy lưng bóng đêm. Nhưng thật sự lão không cảm thấy bức bối, trái lại có chút gì gần gũi ấm cúng trong hồn lão. Như đêm nay có tiếng khóc của đứa nhỏ nào đó vang lên nhức óc ở phía lò sấy cá.

Lão Chiệt chậm rãi tháo dây cương, nịt, đẩy xe vào góc rào và dẫn ngựa vào chuồng. Lão bỏ vào máng ngựa dùm cỏ khô, một ít thóc và pha thùng nước cám đường rồi trở lại tảng đá ngồi chờ dì Đoan. Mọi động tác đối với lão đều chừng mực và quen thuộc. Bàn tay, bước đi thật nhịp nhàng khoan thai. Lão móc trong túi áo điều thuốc cong queo gắn lên môi, đốt. Khói vương ngang mắt gần như lão đã cố gắng biểu lộ những tình cảm rất nhân thật. Trong bọn họ không có điểm nào giống lão. Càng cố gần, tình thân càng nhạt nhòa men rượu đã tan, biến lẫn với cơn buồn ngủ sau một đêm thức trắng trước tách cà phê đầu ngõ. Có lẽ chỉ có những tảng đá sù sì này mới chịu để lão ngồi, cùng nhau chịu đựng một cách ê ẩm. Đời lão sau bao nhiêu dời đổi còn lại được bao nhiêu đó. Thật mơ hồ. Thăng Trạo cả tháng nay cũng trốn lại đi mất biệt. Lão thở dài nghĩ đến tuổi niên thiếu và khung cảnh chung quanh dễ lồi cuồn nó hơn là bàn tay sù sì của lão, vuốt ve thiếu êm ái... Lão còn gì an ủi đâu ngoài những chuyến xe, bến cá quen thuộc. Lão lại thở dài... Khoảng sân chợt im lặng, đèn đuốc tối mù, âm u như ngày đi lạc vào rừng sâu. Lão hé mắt, chẳng còn ai ngoài dì Đoan đang lui cui quét dọn. Lão vươn vai ngáp dài một cái thật kêu rồi tiến lại gần đầu sân, gần chỗ đi

Đoan.

“Lóng rày trời nóng quá. Biển lại sắp động nữa rồi, liệu tính trước để có mà bán. Chuyến xe chiều nay mệt ứ hơi, mấy con mẹ bá láp ở ngoài chẳng đâu vào đâu, chán quá đi thôi”

Đi Đoan chống cán chổi, nhìn lão Chiệt đùa.

“Bữa nay lại bày đặt đông dài trắng gió. Có bà nào ngoài Mỹ Á đòi theo ông hả ông Chiệt”

Lão nhún vai, khuynh tay ra điệu bộ.

“Ấy, ấy đừng có nói bậy, lời cái con mẹ vợ tôi hay được thì thật khó sống, già cả chùng này ! Đi ngủ đây, sáng dậy còn đánh mấy chuyến sớm”

“Ăn cơm đã chứ”

Tiếng đi Đoan nhẹ nhàng.

“Thôi nhậu với mấy ổng ngoài bãi rồi, còn no lắm”

Lão xua tay, khật khưỡng đi vào kho như đã say rượu. Lão xô cửa lấy chiếu trải xuống ổ rơm. Tiếng động bật ra thật nhẹ chỉ vừa đủ để Ngạn nghe tiếng lão ngáy đều đều, một phút sau đó.

Đi Đoan trở lên với bộ đồ ngủ gọn gàng. Nom đi có vẻ trẻ hẳn ra đến vài tuổi. Từ khi chồng chết, đi chỉ lo làm ăn. Tiền dành dụm được gửi vào cho đứa con học ở Saigon. Mỗi khi nghe tin Nhân đỗ thêm vài chứng chỉ là đi mừng, vui gần cả tháng, phấn khởi làm việc. Tất cả tình yêu thương đi dồn hết vào đứa con xa xôi đó. Cũng vì do cái cảnh heo hút xa xách nên khiến đi mền Ngạn hơn, và ngạc nhiên không hiểu tại sao Ngạn lại dám bỏ học xuống đây chịu đựng với vô vàn những thiếu thốn. Hẳn trong một phút nào đó, bất chợt đi thấy tính Ngạn có vẻ gần gũi với Danh, chồng đi. Danh cũng có những phút ra đi miệt mài những phút ra đi miệt mài những ham thích bất thần không ai hiểu nổi. Cuộc đời đi gắn liền với Danh không phải vì cái gia tài đồ sộ của cha mẹ để lại mà do cái tính ngang bướng, gan lì làm rung động cõi lòng đi. Đến những năm chạy loại hay những lúc yên vui,

chồng dì đều dẫn dắt hôn dì vào thế giới của hư huyền, mê mê của tiếng sáo cao vút giữa trăng khuya. Bắt đầu từ thời con gái mới lớn là những hạnh phúc no tròn, đến khi nhìn thấy Nhân bập bẹ trong những bước đi chập chững cũng là lúc thân xác chồng dì hòa tan vào biển khơi. Hạnh phúc như quả bóng xì hơi. Dì mơn mõi. Mỗi đêm, chớp mắt dì còn nghe văng vẳng đâu đó tiếng réo gọi nghìn trùng. Sóng biển đang thì thầm, tình tự với dì, mang người tình biệt tích về gần với dì hơn. Tim dì nhói đau. Mất dì xa xôi trông đợi. Nhưng sự thực không đến với dì, chẳng bao giờ tìm lại được những giây phút ngày xưa. Một đời dì đã như vậy. Dù sao, bên cạnh vẫn còn Nhân như một nguồn an ủi, như một bóng hình nổi kết sâu đậm trong trí nhớ. Có những lúc Ngạn bắt gặp dì nhìn mình như thể Ngạn là cái gì quái lạ. Nhưng sau đó cặp mắt dì lại rưng rưng những thương xót, che chở. Như hôm nay dì kéo ghế ngồi xuống gần Ngạn.

“Cả tháng nay con không chịu về trường học hành. Thi cử đến nơi rồi mà chỉ lo tìm đá. Ngày nào cũng đá với đá. Bộ con mê đá thật tình hẳn. Hôm trước ba mẹ con bảo con theo học văn chương cơ mà. Con đang học thêm địa lý nữa sao?”

Ngạn cúi mặt. Trong lối nói của dì không chắc có sự mai mỉa. Nhưng sao Ngạn thấy bối rối quá chừng.

“Dạ không dì, nhưng con có thừa với ba mẹ là con xuống ở với dì”

“Thì ai không biết điều đó”

Dì Đoan thở dài. Dì đang nghĩ những gì trong đầu vậy. Có thật Ngạn làm phiền lòng dì. Ngạn bạo miệng:

“Nhưng chắc gì dì hiểu con đâu”

Dì trợn mắt:

“Ui chao cái thằng này. Không hiểu mà dì để riêng cỗ xe ngựa cho con đi tìm má. Con biết, những ngày biển êm cá về nhiều xe chở không kịp chứ”

Ngạn nhìn ra phía cửa sổ. Dù sao dì cũng bắt đầu giận

Ngạn rồi. Tốt hơn hết là đừng nên kéo dài tình trạng này. Chấm dứt ngay đây thì vừa. Nhưng khốn nỗi trước mắt Ngạn như có cái gì vô hình thôi thúc khiến Ngạn càng thêm tin tưởng việc làm của mình.

“Con cứ ngỡ ông Chiệt nói thật. Hôm đưa xe, ông ta bảo “cậu đi chơi thì nên lấy cái này. Chạy thì đỡ chỉ được cái ăn”.

Dì Đoan xoa tay, gần sát Ngạn hơn.

“Ấy, dì nói là vì chuyện học hành của con đấy chứ, đâu phải đi đi phân bua với con cái cỗ xe”

“Vậy khi nào xong con sẽ mang trả ông Chiệt ngay. Hay để con phụ đi chở cá với dì”.

“Chà, dì cảm ơn trước nhé, còn mấy con khuôn về để đó nhìn chơi à, hay lại chở xe về Saigon?”

Hai má dì rung rung, đôi mắt hấp háy nửa thương hại, nửa như muốn chế giễu.

“Không dì, con sẽ tạc tượng...”

Ngạn nói chưa hết lời, dì la lên:

“Tạc tượng. Con mà tạc tượng à... chúa ơi...”

Dì Đoan lúc lắc cái đầu đứng dậy vội vã rồi biến mất sau cánh cửa ngăn đôi phòng khách và nhà ăn. Thái độ của dì thật khó hiểu. Ngạn trở lên phòng mình tắt đèn. Dì hay Ngạn, ai là kẻ đáng tránh mặt trong câu chuyện vợ vắng này. Dì không hiểu Ngạn thật. Như biển, đêm nào cũng đập ì ầm lên bờ đá, lên bãi cát tung bọt. Từ ngày xuống đây. Ngạn chưa lần nào thấy dì hấp tấp vội vã trong câu chuyện không đâu như tối nay. Sự xúc động thái quá của dì làm Ngạn đâm ra thất vọng. Phải nói dì chưa hiểu Ngạn thì đúng hơn. Rồi có ngày, rất gần, dì sẽ biết, như Dung sẽ thôi lật những trang giấy trắng tinh để tìm lại dấu vết của một quá khứ xa xôi mơ hồ nào đó. Ngạn tin những nụ hoa ở đầu vườn sẽ làm mọi người dễ chịu hơn là cơn mưa rối mù, không thấy con đường quanh co dưới chân núi đã nhiều lần Ngạn lạc lối. Ngạn nhìn thấy hoài người cảnh sát già gà gât trước cổng sở mà thương cảm

cho khu phố quá yên lặng. Nhưng trời sinh ra ông cảnh sát không phải chỉ để giữ việc đứng đường, chạy xe... Một lúc nào đó, cao hứng ông có quyền khép đôi mắt một chút, mơ màng. Cũng như Ngạn, phải nhất quyết tạc cho được một pho tượng mới yên lòng.

Ngạn chậm chạp xuống từng nấc thang, đi ra mé sau vườn nhìn sở sững cảnh hoa sứ tỏa hương bay ngào ngạt. Ngạn ngây ngất, mê mê như có hồi chìm ngộp trong cái nhìn yên lặng và tha thiết kia. Khoảng thời gian hơn một năm, chỉ cho Ngạn được gần gũi trong trí tưởng một bóng hình bám chắc. Những tiếng nói trong canh khuya chỉ mình Ngạn nghe. Như đêm nay sương đã phủ kín hồn Ngạn.

Khi đám trẻ con bắt đầu lẫn vào các bụi rậm tìm dây bó củi thì Ngạn cũng xuống núi, đánh xe trở về. Bóng dáng chúng chỉ nhìn được qua những cành cây lắc lư, rung rinh dữ dội.

Thêm một ngày nữa sắp tắt.

Những bó củi lớn sẽ được chúng vác về nhà một cách chắc chắn hơn hở. Không như Ngạn, lúc nào cũng nghe mồn vó ngựa không gõ đều xuống mặt đá. Những ngọn gió lướt nhẹ và những mảnh vải đuổi chim, rách te bay phơ phất ngoài đồng xa càng làm con đường dài thêm, và hiu quạnh hơn bao giờ. Ngày bắt đầu của Ngạn thật xa và chưa bao giờ thấy Ngạn nở một nụ cười trước những tảng đá tìm gặp. Nỗi trống không dâng lên hồn Ngạn trong chuyến xe chiều trống trải. Ngạn từ chốn nào trở về trên con đường quen thuộc này với những thửa ruộng, mương nước, khúc quanh và cách đồng đã lún sâu trong đầu óc. Hẳn trong những gần gũi khó thương đó đã du lão thợ đá đến chỗ phải lấp hăm vác búa ra đi, về một miền đất xa xôi. Ở đó có chắc làm lão hài lòng. Ngày lão ta bỏ núi Ngạn không hay biết nhưng thế nào trong hồn lão cũng ôm một mối sầu xa cố xứ. Lắm lần lão lắc đầu bảo hoài công, “núi ở đây chỉ có thể tìm ra đá lót đường

thôi. Sao ông còn cố tìm chi cho nhọc công”. Câu nói của lão giữa trưa nắng Ngạn nghe như chính nỗi chán ngán của mình. Vậy mà không hiểu tại sao, thật lạ lùng. Ngạn vẫn bám sát. Hết ngọn núi này đến ngọn núi khác. Ngạn lục lội cùng khắc. Chả nhẽ mới có mấy năm mà thợ đá đã ra sức khuôn đi hết những tảng đá cẩm thạch rồi sao. Vì những tin tưởng mong manh đó nên rồi Ngạn không muốn trả lại đi Đoan cỗ xe, dù có lúc Ngạn có ý định bỏ cuộc. Những con đường quanh co dưới chân núi tưởng không bao giờ tìm thấy lối ra, lại là lúc nhìn rõ dáng Dung hơn hết. Nàng đang đứng trước mặt Ngạn. Những bước chân thật chậm, nhẹ nhà trong khu vườn nhỏ. Những cánh hoàng lan đã đưa Ngạn đến tận cùng cõi hôn mê. Ngạn gần như chìm hút trong đôi mắt xanh biếc và mái tóc như trút sương xuống cánh rừng thu. Ngạn đến cũng như một cơn gió vô tình, rồi cuối cùng hóa thành những giọt nước rơi đọng trên cánh hoa, không chịu bay đi. Một thoáng nhìn yên lặng qua khung cửa lưới và những nụ cười nở giữa phố mai nghe như sợi tơ chạm nhẹ lên da thịt. Ngạn xao xuyến. Ngạn thật khó lòng yên ổn ở một khoảng xa ngun ngút, trong đó mỗi ngày Ngạn đều nghe hoài những tiếng ê a vô nghĩa của mù bóng. Một ngày đến với Ngạn thật quá dài...

Quả thật, việc Ngạn xuống ở nhà dì Đoan và hỏi mượn đi cỗ xe ngựa không giải thích được tại sao nó ra làm vậy. Dần dà Ngạn nghĩ, nếu ngay lúc này không tạc được pho tượng cho Dung thì chẳng bao giờ làm nổi cho dù khoảng cách giữa hai người xa gần khó định. Thực ra điều này không làm giảm ý muốn Ngạn. Vì ngày xưa nếu có người đi tìm trăng dưới đáy sông, nói như có một tâm hồn viễn mơ thì những tìm kiếm của Ngạn chắc không đến nỗi tệ để Tam phải vất vả viết thư an ủi một cách đều đặn. Bởi vậy nên mỗi sáng thay vì nằm trên gác đọc sách hoặc ra đứng trên bao lơn nhìn cánh đồng cỏ chạy tít mù xa, chờ những chuyến xe cá trở về với những cảm giác lạ, thì

Ngạn lại rủ Thía, người giúp việc của dì Đoan, đánh xe lên núi. Ngạn đi quanh quần khắp vùng. Hết ngày này sang ngày khác, đều đặn như bánh xe quay tròn dưới đường. Ngồi trên lưng ngựa lắc lư giữa cách đồng rộng căng gió, Ngạn hứng chí ví mình là kẻ lãng du, mà quả thực Ngạn đang đi tìm đá để tạc cho nàng một pho tượng. Đá... đá.. đá...

Mỗi lúc nghe vang vọng trong hồn Ngạn những lời réo gọi. Rồi tôi sẽ tìm được tảng đá, tạc cho nàng pho tượng đứng giữa vườn hoa lắng nghe tiếng trăng rơi trên kẽ lá. Tôi sẽ tạc cho nàng hàng mi cong vút và đôi mắt huyền xa xăm. Tôi sẽ tìm được đá mà. Em tin tôi chứ. Tôi có quyền của tôi. Không ai có thể dùng một uy lực nào để cấm cản tôi làm chuyện này. Ngay cả dì Đoan có thể nói thẳng với tôi để lấy lại cỗ xe đi chở cá hoặc đuổi tôi về gia đình bất cứ lúc nào. Nhưng như vậy không có nghĩa là tôi đầu hàng, bỏ dỡ mà trái lại. Một pho tượng giữa vườn trăng khuya. Ánh sáng chảy xuống mái tóc, bờ vai. Còn gì tuyệt diệu hơn. Nàng đẩy cửa từ nhà bước ra đứng nép dưới bóng cây. Pho tượng thạch của đêm trăng trong đời một kẻ giang hồ. Hắn đã dừng chân, đôi mắt thu hút lấy hồn nàng ngây ngất. Đến Từ Hải, một đời ngang dọc cũng không sao thoát được đôi mắt huyền mơ đó. Đừng ai phá vỡ giấc mộng tuyệt vời trong đời hắn nhé.

Con ngựa vẫn cầm cúi kéo xe lên dốc, nghiêng ngã, bắt đầu tới đoạn đường xấu. Tiếng nói Ngạn đang tan trong hư vô. Bao giờ thì đến tới nàng. Liệu có ai nghe Ngạn hay tất cả đều vô tình hờ hững. Có phải vậy không bởi những vị thần linh hiển.

“Ê, ông làm nhảm gì vậy!”

Thía ngồi sau thùng xe chồm tới lay vai Ngạn.

“Đá”

Ngạn trả lời cụt cằn.

“Ông có biết là tôi nể vì ông nên phải theo cả tháng nay không ? Cái mộng nè...” Thía nhồm đít lên cổ đưa về

phía Ngạn những chiếc xe cứ như là con thuyền trôi trên sông, hấn ngồi xuống chỗ cũ ”... nó sưng vù lên tới ngủ phải nằm sấp hoài. Đã đau mà sáng nào cha Chiết cũng lật dậy chỉ mặt cười nhạo báng.”

Ngạn vừa quơ roi xuống lưng ngựa vừa nói:

“Cứ ngỡ là Thía cũng thích đi chơi chứ. Ở nhà hoài với mấy thúng cá hôi hám chịu sao nổi”.

Hai tay chống lên hông, Thía ngó Ngạn như một thách thức

“Hôi à, hôi nhưng dít không bị dộp, tối ngủ một lèo tới sáng, không đau nhức cũng chẳng cần...”

“Thôi, mai Thía ở nhà với đi”

“Ông đuổi tôi à”

“Tại Thía thích ngửi mùi cá hơn là ra ngoài đồng leo núi...”

“Nhưng ông tìm đá chi vậy. Sau hè nhà mình thiếu cha gì. Có mấy tảng đá bà dì kê thùng mấn đó sao không xin. Cỗ xe bỏ còn cho nữa là”

Ngạn cho xe chạy rẽ qua bãi đá. Thía không chịu thôi.

“Ông tìm đá chi vậy. Mà sao không ở Saigon, ra đây buồn hiu”

Ngạn sẵn giọng:

“Thía biết gì. Đã bảo mà”

Hấn bấu môi ngồi trệt ra sau bàn đạp im lặng. Ngạn không buồn nhìn xem nó làm gì, cho xe quành ra mé biển chạy tắt về nhà.

Ở mỗi cái nhìn, chỉ riêng mình mới hiểu thấu mức độ cao thấp của sự khổ sở hay niềm vui... Ngoài ra đều kín bưng, khó lòng bước vào cách cửa sổ khác. Như bây giờ Thía cố nén sự đau nhức dưới mông và Ngạn đang chịu đựng nỗi ám ảnh về pho tượng, mái tóc, về nàng. Ngạn cố mỉm cười. Biết đâu nụ cười sẽ làm Thía bớt hằn hộc, không như Tam, mỗi khi bước vào nhà một người tình phải uống vài chai lave để lấy bình tĩnh.

Lúc ngang qua vườn xoài đá trắng, Ngạn nghe có tiếng

chim quen thuộc, hót lẻ loi đầu đó trong bụi cây ven đường. Tiếng hót của nó giục già rồi chùng thấp rồi cất cao vô chừng. Ngạn không hiểu nó là loài chim gì, nhưng lâu lắm, lúc còn bé theo gia đình chạy loạn Ngạn đã ngồi ở mé rừng khóc ngon lành khi nghe tiếng nó hót. Có chút gì nhớ thương xa vắng và Ngạn không sao tìm ra. Từ đó Ngạn đặt tên cho nó là con chim lẻ loi, bởi có lẽ nó sống một mình và tiếng hót của nó nghe bơ vơ quá đỗi. Tiếng chim lẻ loi lơ lửng trên đầu, Ngạn quát ngựa băng trên con đường đầy ổ gà, bất chấp tiếng la hoảng hốt của Thía. Chuyển xe không lao nhanh trong bóng đêm phủ xuống ngập lòng Ngạn. Con đường vẫn còn xa lắm. Chạy nhanh hơn nữa đi hỡi con vật đáng thương. Ngạn lại đập roi lên lưng ngựa túi bụi. Chiếc xe chồm mạnh tới, chao nghiêng. Trong cơn xao động Ngạn nghe có tiếng khác thút thút ở sau.

Ngạn nhất quyết trả lại dì Đoan cỗ xe ngựa. Dì có vẻ không mấy hài lòng với những ngày Ngạn đi suốt đến chiều tối mù mịt mới chịu về. Ngạn phải hiểu rõ điều đó, dù dì có thật tình thương yêu Ngạn cũng chẳng nên kéo dài tình trạng này thêm một ngày một phút nào nữa. Hãy yên tâm xếp nó vào một xó, như lão Chiệt ngủ cong queo dưới ổ rơm. Cả một đời sau cùng của lão dường như hòa liền vào hơi hám của trời đất thì Ngạn phải hiểu, ở một khía cạnh nào đó, chưa nên xóa bỏ những bước chân run rẩy trong sáng tinh mơ. Khu nhà nguyện thì xa cuối chân đồi và gác chuông chiều vọng hồn thanh thản đi về. Ngạn đã đến đó rất nhiều lần và chắc chắn sẽ còn đến đều hơn nữa. Bởi trong một phút yếu đuối, Ngạn cần phải có một chút niềm tin để tiếp tục đu lên sợi dây lơ lửng giữa trời, nghe thật xa vời. Ngạn biết rõ rằng không có một đấng thần thiêng liêng nào đến cứu giúp Ngạn, ban cho Ngạn cơm áo, tình yêu... Nhưng theo đó, khó lòng khước từ những sự ban ơn vô hình. Phải chăng tất cả đều do chính nơi Ngạn, thấp lùn và dập tắt, dập tắt và

mỗi một sau những tháng leo núi rờn rã, đi về. Ngày nào tiếng chuông còn ngân vang trên đồi thì ngày đó Ngạn phải tìm gặp dì Đoan bày tỏ một vài điều mà lâu nay dì vẫn ngỡ là không tính trí cho lắm. Quả nếu dì có tìm thấy ở Ngạn điểm nào giống Danh, thì xin đừng đánh mất những sợi tơ nồn nà, mong manh đó để du Ngạn vào ngõ kẹt cuối cùng. Ở đó Ngạn đoan chắc không thể nào giáp mặt được với Danh hay bất cứ ai, như biển đã gọi tên dì.

Cánh cửa vụt mở, dì Đoan cầm trên tay xấp thư bảo ở Saigon gửi ra. Ngạn đỡ lấy và nói cảm ơn dì. Dì ngồi xuống ghế, đưa cho Ngạn những tờ giấy bạc mới toanh, dì nói để Ngạn “xuống phố có cái mà tiêu vặt vĩnh, dì vừa trúng mỗi cá buổi chiều đấy”. Căn phòng như ấm hẳn lại, ít nhất cũng với dì Đoan. Những bàn ghế, tủ chén sách vở gần gũi hơn, mang hơi hương sâu nồng của một thời đã qua, giờ bắt gặp lại. Dì Đoan với tay lên tủ cầm com búp bê đặt vào lòng. Mái tóc nó vàng óng như những sợi tơ trời và nhất là đôi mắt khép lại dưới hàng mi cong hiền dịu đó lẽ làm dì xúc động. Dì nhìn chăm vào nó. Ở cái tuổi của dì có sự thiếu thốn nào chăng ? Dì trẻ và đẹp, điều này hẳn dì dư biết hơn bất cứ ai. Vậy tại sao dì lại chịu giam mình ở cái xó xỉnh tối tăm này. Thật lạ, chỉ khi dì hành động như thế nào thì Ngạn mới có thể nói dì đang làm như vậy. Còn bây giờ Ngạn xin nhường lại tất cả cho dì. Cũng như thế giới khép kín của Ngạn với nỗi ám ảnh vô cùng của người con gái ngồi sau khung trời lưới suốt ngày. Sao nàng lại là Dung mà không là những đứa con gái khác đến với Ngạn quá dễ dàng và ra đi cũng thật chóng vánh, không gợn trong lòng chút nuối tiếc, đứng dừng như hạt bụi chiều. Những lúc Ngạn đánh xe dì Đoan đi cả ngày có làm nàng hiểu ra điều nhỏ nhoi đó. Ngạn chịu, không sao giải thích nổi nỗi hân hoan đã rụng vàng. Như Ngạn không bao giờ là chàng Trương Chi có giọng hát rung tim người. Nên chỉ mỗi lần đứng trước

khung lưới Ngạn đều kín chêm, cố nói nhưng không nói ra lời. Có ai đã thoa chất hồ keo, lấy từ kệ đá vào miệng Ngạn rồi chẳng. Phút cuối cùng là những im lặng và tan rã. Ngạn lại bắt đầu nhớ tới chút định những uy quyền vô hình nào đó.

Dì Đoan đặt con búp bê lên bàn, bàn tay trái gõ nhịp xuống mặt kính, tay kia gác lên đùi không mấy thoải mái. Dì thôi nhìn con búp bê như bận suy nghĩ, tìm kiếm cái gì. Ngạn thì chăm chú. Nó đáng yêu đấy chứ. Đôi mắt bây giờ thôi nhắm, mở tròn xoe như hai viên bi. Miệng son đỏ mỉm cười một cách thơ ngây. Dì Đoan chợt hỏi sao không thấy Ngạn xuống ăn cơm. Ngạn nói đã ăn với ông Chiệt. Dì cười, đôi môi hấp háy (nụ cười cố hữu dành cho Ngạn đẹp tuyệt vời) muốn nói điều gì. Ngạn nín thở. Bao giờ Ngạn cũng mất bình tĩnh.

“Mai con ở nhà. Dì bảo ông Chiệt thay be và bàn đạp để Thía nó đi chở cá”.

Dì Đoan kéo cao cổ áo, nhỏ nhẹ. Ngạn chưa bao giờ thấy dì nhỏ nhẹ một cách duyên dáng như vậy.

“Sao vậy, con không dùng nữa à. Con không giận đi điều gì chứ”

“Dạ không. Con ở nhà đọc sách. Dì có cuốn le Petit Prince (1) cho con mượn”

“Con thích làm cậu Hoàng Nhỏ của “Xanh tắc” rồi à. Ủ, trong phòng đọc sách của dì đấy. Con muốn đọc gì thì cứ vào đó ngồi. Thôi, dì chúc con ngủ ngon nhé”

Ngạn gật đầu chào. Dì hôn lên trán Ngạn rồi bước vào phòng. Chưa lần nào Ngạn thấy dì vui vẻ như lần này. Nhưng lạ, Ngạn không gạt hết vết khói trên bức tường vôi. Vậy là thế nào. Đêm nay có chút gì ngậm ngùi và bỗng dưng Ngạn thấy mình trở thành người lớn, hiểu đời hơn ai hết.

Trong phòng dì Đoan đèn đã tắt, chỉ còn ánh sáng của chiếc đèn ngủ nhợt nhạt, cố thò sợi tóc qua khe cửa hở. Ngạn trở lên phòng, mở toang các cửa sổ. Gió đêm từ các

núi đồi, cánh đồng và biển khơi ủa vào cùng khắp. Sách vở bàn ghế đều cảm thấy sáng khoái. Bóng trắng trải xuống khu vườn phía dưới kia và cùng khắp mà ngọc thạch huyền hoặc. Từ khuôn cửa sổ trước mặt bàn viết Ngạn có thể nhìn thấy được biển lấp lánh đằng xa. Biển đêm nay là một hồ sữa mênh mông. Biển của suối tóc vàng óng ả, lượn lờ như có bàn tay vô hình nào đó vuốt ve. Hoàng Tử bé hần đêm nay em đang ở một tinh cầu khác, trong đó em có các vì tinh tú để chuyện trò. Riêng ta, ta chết lặng một cõi. Giữa căn phòng âm u nhìn em mà thêm ước. Ngày nào em về nhớ mang cho ta một tảng đá thật lớn ở tinh cầu em vừa qua để ta tạc cho đời ta một pho tượng em nhé. Đúng vậy, trái đất này không phải là chỗ của chúng ta và tất cả mọi vật đều khan hiếm, kể cả một tảng đá cẩm thạch. Ở những tinh cầu em đang tới có nghe tiếng trắng khua trên cành lá, vang vọng tiếng ta gọi về. Tiếng trắng vỗ nhịp hát ca từ đằng xa kia, dưới biền, đang đánh thức nàng dậy đó. Nàng đã đi vào vĩnh cửu trong cõi hồn ta với suối tóc, với đôi mắt, với tất cả, vô vàn nét diễm tuyệt. Sao em không giúp ta một tảng đá để tạc cho nàng pho tượng trắng. Em vẫn nổi tiếng là kẻ lãng du trên mọi tinh cầu cơ mà. Đá. Đ...á...á. Em nghe tiếng ta vang lên chứ.

Ngạn quay vào, lấy bị vải của gã lãng tử nào đó bỏ quên trên chuyến xe từ phố chạy ra núi, đeo lên vai và bước ra ngoài.

Đêm nay Ngạn sẽ đi về đâu giữa những ngã đường giăng trước mặt, trên những lối cỏ ướt sương. Ngạn ra phía nhà kho như có ý muốn tìm lão Chiệt. Không hiểu sao Ngạn lại thôi. Con chó nằm ở hiên nhà nghe tiếng động vụt nhồm dậy, kịp nhận ra Ngạn nó chạy quẩn dưới chân chàng kêu ừng ằng nũng nịu. Thế là hết nhé Loulou. Ta không còn những phút đi về để Loulou thót lên xe phá phách con ngựa. Ngạn bồng con chó lên, vuốt mắt nó ngầm ý bảo hãy ngủ đi rồi đặt nhẹ xuống hiên. Con chó

nằm im đuôi ve vẩy, Ngạn qua chuồng ngựa đẩy cổng ra ngõ.

Ngạn đi miết, mê mãi. Trên đầu núi tiếng con chim lẻ loi lại cất lên hòa tan trong gió đêm thấm lạnh. Ngạn rùng mình nhìn lên ngọn đá bia với những đốm lửa nhỏ, le loi. Ngạn đỡ bị vãi của gã lãng du soát lại các thứ vật dụng cần thiết. Cái búa, cái đục, con dao... đủ cả. Ngạn nủi lúc mỗi gần trong tầm mắt Ngạn hơn. Hai bên thái dương nóng rang. Mạch máu chạy rần rật trong cơ thể. Rồi bỗng nhiên Ngạn cảm thấy lành lạnh ở xương sống. Ngạn thẳm nhủ. Giây phút hiển vinh của pho tượng bắt đầu rồi đây và Ngạn bám vào các hốc đá leo lên. Những dầm đá dầm vào tay chân Ngạn một cách êm ái. Trên đầu núi Ngạn nghe thật rõ tiếng chim lẻ loi kêu sương giục giã. Ngạn đê mê, thấy mình chơi vơi giữa thình không. Pho tượng thạch tẩm trắng ! Hẳn nàng sẽ bằng lòng với mái tóc xoắn bờ vai với cánh tay vươn dài núm giữ, đôi mắt buồn xa xôi, nụ cười... *Lescheveux qui sont l'âge de l'amour Comme le vin qui cuole dans les doigt Souviens-toi, ouviens-toi des fleurs de la terre...*

Gà vừa gáy sang canh, lão Chiệt lại thức dậy, vén dọn chỗ nằm, xếp đặt cho chuyến xe sớm. Quán cà phê ở đầu đường cũng đã chong đèn. Những người khách hàng thường trực và sớm sửa nhất không ai khác hơn là những gã xà ích nghèo nàn như lão Chiệt. Họ ngồi uống một cách lặng lẽ tránh nhìn nhau. Thỉnh thoảng họ đưa tay lên che miệng, ngáp vài cái. Cảnh này quá quen thuộc, không đến cũng biết. Lão Chiệt cười cười, bước ra chuồng ngựa. Con Loulou cũng nhảy theo. Lão bỏ thêm vào máng cỏ một ít cỏ tươi rồi ra vại nước gần đó rửa mặt. Nước lạnh làm lão tỉnh táo hơn. Lão tự nhủ, lại một ngày kế tiếp. Những bức dọc và niềm vui nho nhỏ. Lão Chiệt lại cười vu vơ. Có tiếng con Loulou sửa rộ sau vườn, lão không lạ gì tính nó, cái tính hay sửa bóng gió bày bạ. Lạ không thêm để ý, tiếp tục tát nước lên mặt,

chà xát hai bên tai. Con Loulou lại sửa nữa, mẹ cái con chó, rồi bỗng đứng lại lại thấy nó đứng cúp đuôi, cạp cạp vào chân lão sửa ửng ửng như muốn kéo lão đi đâu. Bực mình lão sẵn thau nước bưng đổ ụp lên người nó buông kèm theo tiếng chửi thề. Nhưng con chó không chịu đi, cứ chạy ra vô rồi chân lão. Như vậy nó không ngăn được lão chậm rãi ngồi xuống hiên thêm vấn điều thuốc quẹt lửa. Con chó đã bỏ chạy ra vườn, cào cào lên mê rỏ kêu sồn sột nhức óc. Lão chợt nghĩ hay có chuyện chi đây. Lão Chiệt đứng đây, lại phía chuồng ngựa cầm cái roi và rón rén đi vòng lên đầu nhà. Lão không hiểu mình cầm roi để làm gì, nhưng có nó lão vẫn yên tâm hơn. Con chó vẫn cúi đầu trên mê rỏ. Lão chợt nhìn lên và suýt kêu thành tiếng. Thân thể lão lạnh buốt. Cái gì vậy. Một bóng người trắng lớp đứng dưới gốc cây hoa sứ. Lão lằm thắm. Ma hề. Ma hề. Rõ ràng trước mắt lão là một bóng người như pho tượng dưới ánh trăng khuya. Ma hề. Ma hề. Cuối cùng lão không còn biết gì, nằm thiếp bên cạnh con chó. Trong chuồng con ngựa dẫm chân lộp cộp dưới ván gỗ.

Tác giả nguyên một thời được xem là một cây bút trẻ miền Trung rất quen thuộc của Văn, Bách Khoa, Ý Thức v.v.. Hiện làm ruộng ở VN. Bài viết được trích lại từ một số Ý Thức cũ trước 1975.

HỒ THỦY GIỮ

NỖI CÔ ĐƠN SAU BẢN CONCERTO CỦA BRUCH

Tối nọ, như lệ thường, tôi mở TV bắt kênh VTV3, tới lúc tình cờ tôi được nghe-ngắm dàn nhạc giao hưởng Hà Nội bắt đầu chơi bản concerto số 1-Gm của Bruch. Một lát sau là đến cái đoạn *adagio*, tôi thấy cả con người tôi bừng lên một cảm xúc mãnh liệt, như bỗng đưa tôi trở về với những thời điểm xa lắc xa lơ, tới cái thuở mà chính đoạn *adagio* này đã từng làm cho tôi nảy sinh một thứ tình cảm và tư tưởng trong sáng, lãng mạn mà rất thẳng hoa; vừa nghe lại khúc nhạc xưa tôi vừa suy nghĩ, vào thời tuổi trẻ tôi đã cố tìm hiểu đối tượng chân thật trong chính mình, mà nào đâu có ai, nhưng chính nghệ thuật âm nhạc kia đã đem đến cho tôi những ý tưởng thật độc đáo và rất trừu tượng về tình yêu mà tôi vẫn cho rằng, thật là kì lạ, chưa khi nào nó có khả năng kết hợp lại thành hình ảnh nào cụ thể trong tôi. Điều đó ngăn cản tôi tự gọi ra cho mình một khuôn mặt thiếu nữ nào đó, ngay cả trong số những người tôi hằng giao tiếp. Tại sao chàng trai trẻ hai mươi tuổi này chưa hề có một tình yêu nào cả? Tôi đã tự hỏi, nếu có chẳng nữa, đối với chàng, tình yêu cuối cùng chỉ là bản chất mất mát và xa cách? Chàng đành phải chấp nhận số phận này của tình yêu cũng như cái chết có liên quan đến nó!

Bây giờ được nghe khúc nhạc này tôi vẫn không có ý

nghĩ gì khác. Ở Bruch, sự tuyệt vọng, làm cho tình cảm trở thành thánh thiện trong những hợp âm bay vút lên tầng cao.

*

Một buổi tối khác sau đó chừng mấy ngày, tôi ngồi canh trực người vợ thân yêu của tôi đang chẳng may bị bệnh nan y nằm liệt giường ở bệnh viện Huế. Không biết phải làm gì, tôi lấy giấy bút viết thư cho một người bạn rất thân, bác sĩ Minh để kể về hoàn cảnh đầy lo lắng, tuyệt vọng của tôi và bảo rằng tôi đang nhớ tới khúc nhạc của Bruch đã từng được nghe cùng anh thuở xa lắc xa lơ ấy, vào những năm đầu thập niên 60, và tôi cố nhắc lại cho anh nhớ về căn phòng của anh ngày ấy, với ánh đèn ngủ màu hồng của một chàng sinh viên y khoa thời lãng mạn lại đang cầm bút lãng du vào thế giới văn chương, nhắc tới chai rượu mùi quý của anh được hâm nóng mỗi khi có bạn bè, khi rượu rót ra ở những chiếc ly thủy tinh bé nhỏ, cứ trong vắt như là rượu đế làng Chuồn, mà lại bốc lên một mùi hương đặc biệt từ tận bên xứ trời tây Ma-rốc; Curacao của Châu Phi được hâm nóng lên từ nơi cái lò sưởi giữa trời đông giá rét xứ Huế. Cảm giác xa xôi mà thú vị, ấm áp đến tuyệt vời! Đêm đã khuya, tôi ở lại với anh để cả hai cùng nghe các đĩa nhạc giao hưởng. Giai điệu của bản Concerto số 1 đã bắt đầu từ lúc nào trong căn phòng kín cửa với ánh sáng dịu êm trữ tình, đĩa nhạc bóng loáng màu đen quay vòng chậm chậm êm ả dưới một chiếc kim nhỏ xíu bằng kim cương óng ánh. Chúng tôi cùng im lặng lắng nghe đến khúc *adagio* này, cùng nhấp từng ly rượu trắng thơm nồng, cùng chung suy nghĩ về tình yêu đầu đời của mỗi đứa, cùng quan tâm và lo lắng cho nhau: tình cảm của bạn dành cho cô ta có được đáp lại? Tình yêu của bạn có nảy nở tốt đẹp? Minh nghĩ tới tình cảm trong sáng và đam mê của anh với người

thiếu nữ đẹp như thiếu nữ trong tranh vẽ của Nguyễn Trung hay Đinh Cường: những nàng áo lụa, áo lương, môi hiền run rẩy xứ Huế! Còn tôi? Tự bịa cho mình một vài đối tượng để bạn khỏi thấy bơ một mình giữa dòng. Vào lúc đó tôi chỉ biết âm nhạc của Bruch gọi cho tôi tình yêu, thứ tình yêu đã được chắt lọc qua nghệ thuật của ông mà tôi chỉ còn biết chứa đựng nó trong cô đơn lãng mạn của tôi. Tình yêu nam-nữ là cái gì, tôi chưa hiểu vào lúc đó, chỉ là những phút giây rung động nhất thời qua nụ cười hay qua ánh mắt sáng ngời vui vẻ của những thiếu nữ quen biết.

Còn bây giờ, bên người vợ tuyệt vọng đáng thương này của tôi, tôi hiểu được tình yêu đã được sưởi ấm lại, được an ủi lại bởi tiếng nhạc, bởi bức thư tôi sắp gửi cho bạn tôi. Nhưng tôi sẽ dành cho nàng điều gì hay chỉ là biết khuyên nàng niệm Phật, đừng nghĩ gì đến thế gian nữa và tôi cầu nguyện cho nàng. Phải, chính là sự cô đơn cùng cực của tôi khi ngồi bên nàng đang đau nặng, đang cần sự giúp đỡ và an ủi của tôi. Tôi nắm tay nàng, tôi nhớ tới bản Concerto số 1 đã nghe và nhìn ngắm vợ tôi đang ngủ thiếp thêm thiết đến nỗi như ngâm bảo rằng nàng sắp từ giả cõi đời, từ giả tôi. Tôi cảm thấy bàng hoàng khôn tả, cuốn trôi trong cơn mây mù lãng đãng của ý thức. Ước gì nàng được các vị bác sĩ ở đây tận tình cứu chữa lành bệnh! Ước gì nàng sẽ hồi sinh và tâm hồn nàng sẽ bay cao cùng tôi như sức sống của khúc *adagio* đang vẫn còn văng vẳng đâu đây.

Thế rồi, độ nửa tháng sau, bạn tôi, người bạn nhiệt tình và hào sảng mà giờ đây không còn trẻ sau 40 năm, gửi cho tôi đĩa hát Concerto số 1 của Bruch, với những lời đề tặng gọi nhớ những ngày qua của chúng tôi thời tuổi trẻ. Tôi thầm cảm ơn bạn và rất xúc động lắng nghe lại chính tiếng đàn xưa, tiếng đàn vĩ cầm của Heifetz danh thủ.

Nhưng chỉ vài tháng sau, còn đâu nữa người vợ thân thích của tôi bên cạnh! Một mình nghe lại khúc nhạc của

Bruch như thuở nào cùng với người bạn. Và lần này, với sự cô đơn của tuổi trẻ trong kí ức ngày xưa, tôi thấy còn kèm theo cả sự trống vắng không cùng của tuổi già đã điểm sương trên mái tóc.

8.2001

TRẦN DUY PHIÊN

NGÕ TÌNH YÊU

Hãy nhìn một dòng sông
Mà thấy hết biển cả
Hãy nhìn một chiếc lá
Mà thấy hết cỏ cây
Hãy nhìn một đám mây
Mà thấy hết vũ trụ
Hãy nhìn một tinh tú
Mà thấy hết ngân hà
Hãy nhìn một đóa hoa
Mà thấy hết hương sắc
Hãy nhìn một đuôi mắt
Mà thấy hết tình yêu

Noel 1997

MỘT THOÁNG ĐẠO ĐỨC KINH

Có thời gian nào ngoài thái dương
Có không gian nào vượt cõi biếc
Có tồn tại nào sau hủy diệt
Có ly biệt nào trước gặp nhau
Có sắc màu nào ngoài sắc màu
Có mùi vị nào ngoài mùi vị
Có chân lý nào ngoài chân lý
Có nỗi đau nào ngoài nỗi đau
Có tình yêu nào trước tình đầu
Có nát tan nào sau tình cuối
Có xa cách nào ngoài chờ đợi
Có đơn độc nào trong cùng nhau

8.9.2001

Vũ Trọng Quang

Người cha và chỗ nằm

Tặng chú HL, chú HT, nhà thơ CV, em TT và đặc biệt anh N - những kẻ đồng hành

Mẹ ngồi đan thời gian thành chiếc áo sông dài núi cao
biển vô tận hết thấy con đường thanh xuân
mũi kim lần theo mệnh số

Hoang mang lời mách bảo
giằng xé và chạm lý trí không nguôi
tôi đi tìm vô ảnh từ tiếng chim cú mèo
nửa thế kỷ dòng sông chậm nguồn ra đại dương
lịch sử sóng vỗ triền miên bão dữ
người lính ấy trúng đạn lâu rồi
linh hồn bàn tay không cầm súng bay về đâu đôi cánh

Đi dọc chiều dài mũi kim tháng năm
trang bị mảnh liệt lòng thành khẩn
chiếc la bàn hướng bắc trái tim
tôi nguyện cho tôi thêm mặt trời
loài bò sát có trí thông minh dẫn lối
mùi hương từ hoa dại không hương
con chấp tay bên người
bên kia linh thiêng xin cho con mở mắt

Xin cho con thấy xin cho con thấy
tên tuổi nơi chốn chiếc cầu cành cây khô kích thước cự ly
toàn thân tôi run lên miệng tôi há hốc mắt tôi rực sáng
nhìn ra hướng đông sóng vỗ niềm tin cảm nhận
chỉ riêng mình nghe tiếng thì thầm vọng gọi xa xôi
mở cửa tâm linh tôi khai đất

những cuộc đất kinh động đùn lên nắm mồ
tự hủy hồ nghi quá khứ

Chính sự lãng quên nuôi dưỡng trí nhớ
thi thể không còn xương tan biến dạng
làm sao hội ngộ cùng xác chết đám đông
Người hiện hữu giữa trần ai bằng sự vắng bóng
mưa rơi dịu dàng lặng lẽ vào bình minh

Nguyện trăng về hướng bóng tối tôi về hướng ấy
Người bí mật khuya khoắt vào huyết bên hàng dương gió
hú
như bí mật sống bí mật yêu bí mật cầm súng bí mật ngã
xuống
nghe lịch sử sóng vỗ êm đêm

Bí ẩn u minh phục sinh thái sơn phục sinh ngọn lửa
thấp hàng nến sáng lên nhang khói mịt mù
cân não thêm rơi nước mắt
yên lòng trở lại xứ sở quê nhà nơi tôi biệt ra đi
đêm nay không mộng寐 nhớ câu thơ tiên tri
được giấc tròn thanh thản
có ai nhẹ nhàng lay tôi dậy
mưa rơi dịu dàng lặng lẽ vào bình minh

Chim cú mèo đã vỗ cánh
đưa chiếc áo năm mươi năm đan xong bay về trời
thêm một lần Mẹ rừng rừng đội mang khăn đẹp
Cha ơi
con yêu tro bụi vô cùng

Tháng 3/2001

Phan Phụng Thạch

Con đường áo lụa

Ta trở lại con đường xưa áo lụa
Hàng cây cao đứng đợi các em về
Các em không về - Cây buồn lá úa
Ta cũng buồn đi giữa nắng lê thê

Ta bờ bên ni nhìn qua thành nội
Phượng đã tàn rụng xuống buổi đầu thu
Làm sao quên những ngày qua bóng tối
Lửa kinh thành ngùn ngụt khói âm u

Những chuyến đò ngang qua về Thừa Phủ
Còn chờ tình bên nớ tới bên tê ?
Ta mỗi bước càng thêm dài nỗi nhớ
Những chiều mưa sớm nắng các em về

Ta trở lại giữa sân trường Đồng Khánh
Lòng hoang vu như cỏ dại quanh trường
Ôi những nắm mồ hương tàn vắng lạnh
Có lời gì muốn nhắn với quê hương ?

Tháng hạ

Khi trở lại với nỗi buồn tháng hạ
Lối xưa giờ hoa phượng nở rưng rưng
Tình nghĩa đó đã phai vàng như lá
Các em còn lưu luyến chút gì không ?

Các em còn thương về ngôi trường cũ ?
Vườn thiên đàng của tuổi nhỏ vàng son

Thầy đứng đó như một loài cỏ thụ
Chút bóng hiền che nắng lũ cây con

Buổi học cuối môi cười nhưng mắt khóc
Hồn rơi theo lá phượng rụng sân trường
Các em về với nắng vàng trên tóc
Vội ve sầu cất tiếng hát bi thương

Từ hôm đó bay đi muôn vạn ngã
Trời quê hương có mỗi cánh ngàn chim
Lòng các em có xanh màu lá mạ ?
Và lời thầy còn vang dội trong tim

Những âm vang của giờ chơi giờ học
Đã chìm theo cùng tiếng trống tan trường
Những tin yêu thầy gieo giờ đã mọc
Hay cũng tàn theo khói lửa quê hương

Khi trở lại với nỗi buồn tháng hạ
Lối xưa giờ hoa phượng nở rưng rưng
Tình nghĩa đó đã phai tàn như lá
Các em còn lưu luyến chút gì không ?

TQBT xin được cảm tạ anh chị Phan Khâm đã chép tặng
những bài thơ hiếm hoi của một nhà thơ miền Trung rất
quen thuộc của tạp chí Bách Khoa trước 75.

Cao Vị Khanh

...và em và chút sầu khổ dịu dàng

Khi tôi thấy em lần đầu ngược nhìn tôi, từ giữa một lớp học đông người, buổi sáng tháng chín năm đó, tôi biết giữa chúng ta thiên thu đã phong kín hết mọi lối ra.

Bữa hôm đó đâu có lạ gì hơn những sớm mai khác. Mặc dầu cơn mưa bất chợt nửa đêm có làm tôi thức giấc rồi thấy dạ có chút băng khuâng trong căn phòng nhỏ ở một khách sạn tỉnh lẻ. Tiếng nước chảy xối xả đến sốt ruột có làm tôi bồi hồi nhớ lại con sóng vỗ ngang khi qua phà Vàm Cống, nó còn đưa xa tôi tới những con sóng đã vỗ tấp giữa lòng... mấy lượt đưa người đi, dù không đưa qua sông... Một giây? Một phút? Không lâu hơn một thoáng... Rồi tôi ngủ lại cho tới khi tiếng đồng hồ báo thức gọi dậy. Có gì đâu.

Khi tôi ra đường thì thành phố đã tỉnh queo. Mấy con chim sẻ nhí nhảnh vừa ríu lông vừa rử rử trên hàng dây điện đường. Hàng me xanh lướt thướt, reo lá lạnh chanh. Không khí ướt sũng đêm qua, sáng nay đã ráo hoảnh. Tôi ghé chiếc quán đầu tiên, gọi ly cà-phê đậm, đốt hơi thuốc đầu ngày nhớ mình đương là khách lạ.

Tôi rời Sài-gòn hôm qua, bỏ lại đó phố xá chưa quen và mấy người tình không còn nhớ. Tôi tới thành phố của em, lần đầu. Ngụm đắng thứ nhất đã thấy quen quen. Ngụm đắng thứ hai đã thành thân thiết. Khóị tụ quanh quanh, lòng nhẹ hẫng. Tại sao? Không chừng tại phố nhỏ. Không chừng tại một cái gì đó đã sẵn có trong tôi. Một cái gì đó, ai biết được.

Rồi tôi gọi chiếc xích-lô bảo đưa tới trường. Qua chiếc cầu sắt nhỏ trước chợ thấy mấy vạt áo dài lấm tấm nắng

mai, tôi thấy lại y nguyên lòng tôi náo nức tựa trường hai mươi mấy năm trước. Bởi vậy sao cái gì cũng nhớ nhớ quen quen mà thật ra đâu có gì để quen để nhớ. Tôi có tới chỗ này lần nào đâu mà sao không thấy lạ. Con nước chảy xuôi ra biển, miếng ván cầu kêu lục cục dưới sàn xe, con đường nhựa có hai lề cỏ ướn rịn làm rứt rề mấy đôi guốc nhỏ, lá me rơi sấp sải trên vai trên tóc và tiếng cười khúc khích giấu rịt sau vành nón lá... tất cả chỉ là bóng của những hình đã trầm tích trong tôi, lâu đến nỗi như có đó mà không còn đó nữa...

Chắc tại vậy mà cho đến khi tôi vừa rẽ ngoặt vào lớp, đi vài bước để đứng lên bục giảng, đưa mắt ngó xuống khe chào lại lớp học vừa đồng loạt đứng lên thì mắt tôi chạm phải mắt em, đôi mắt em, ừ, sao tôi thấy như đã thấy đâu từ tiền kiếp. Đã thấy đâu rồi không biết nữa mà y thể như xưa. Đã gặp đâu rồi không biết nữa mà như vốn đã hẹn hò mấy lượt.

Nắng hiên ngoài lao chao, sấp ngửa. Em dưới đó, rối ren hai con mắt. Tóc xô giạt nửa lừng, thắc thỏm từng sợi nhỏ. Giữa em và tôi, thiên thu tự dựng chết sống, không gợn một áng phân vân.

Em ở lại trong tôi, từ đó, ba mươi năm sau không một chút phai pha.

Em ở lại trong tôi, từ đó, dẫu năm năm đâu không một chút ngó ngang.

Em còn ở trong tôi, hai mươi lăm năm sau mới gặp lại để cùng tôi phát giác ra cái nhà ngục mệnh mông đã giam giữ chúng ta, biến biệt ở hai phương.

Em yêu dấu, đến giờ này em cho tôi được gọi một lần hai tiếng dấu yêu dù chỉ là tiếng gọi giữa thinh không. Bởi vì giữa chúng ta đã trùng trùng bốn phận và trách nhiệm. Giữa chúng ta, oan khiên đã lắm nỗi thì dẫu gọi trăm lần cũng chỉ như tiếng đập thẳng thốt của con tim héo hon, nghe ra như giọng oán của tiếng chim kêu chiều. Dù vậy,

tôi xin được gọi em lần nữa, nhen em.

Em yêu dấu,

Sức mạnh nào đã đẩy chúng ta ra xa dù rằng khoảng cách gần còn gần hơn gang tấc. Không gian nào đã bắt lìa chúng ta khi lòng mình vốn phải là chỗ trú ẩn của nhau, đến cùng.

Tôi sẽ phải giải thích thế nào khi mọi lời nói đã rã rời ngay khi môi mới vừa ướm chữ. Tội nghiệp cho chúng ta, những câu nói đẩy đưa... quá đổi vô tình dẫu rằng giữa lòng mình tiếng yêu thương nhiều không biết cơ man nào mà kể. Nhưng mà có đáng gì không, chính lòng ta ta đã để lỡ.

Năm năm. Thành phố của em và những cơn giông đầu hạ. Tôi kiêu căng như loài công tốt mã, xum xoe những điệu tình ngả ngớn, điêu ngoa. Đời bày cuộc vui cho tôi nông nổi. Tôi lang bạt bất kể mà cứ tưởng như đằng sau khung cửa sắt thời gian cũng đóng lại, để chờ.

Năm năm. Em lớn thắm như một đóa tường vi, khép nép giữa mấy dây lầu rêu, phố chợ. Mấy buổi tôi lên lớp, em ngồi thu mình như viên sỏi nhỏ bỏ quên trong túi áo, cam lòng. Tôi vô tâm đùa cợt với chữ nghĩa kiêu sa mặc em ngơ ngác giữa trường và đời, giữa mộng và thực. Có lúc nhìn lại thấy áo em trắng tinh thả lỏng đường eo thắc thỏm, bỗng làm tôi ái ngại. Hai con mắt xốn xang một niềm ăn năn rất lạ. Em mong manh đến hồn tôi độ lượng, tôi bỏ đi làm con thú dữ, hoang đường.

Năm năm vừa đủ ngắn cho em bước vội. Chừng ngó lại, em đã ra khỏi vòng tay tôi hồi nào. Dĩ nhiên, không ai phiên trách chi em. Chính cả tôi, cũng không có gì đáng trách. Em xa như sương khói vây quanh mà gần như lá cỏ trên tay, niềm bí ẩn của riêng em như sức hút của một loài ong chúa. Bạn bè em, bấy đàn vừa lứa đó... Còn tôi, ở bên này bờ ranh nghiệp chướng, tôi đành đoạn làm kẻ bao dung. Cho dù sự rộng lượng lạ lùng này cũng chỉ là

phản ứng trốn chạy của một tấm lòng kiêu ngạo. Tôi có ở cùng cương vị của em và bạn bè em đâu. Chắc vì vậy, lắm lúc vô tình gặp em và bạn ở chỗ hẹn hò, không biết tại sao tôi lại có cảm giác thấy một chút gì đó hao hao khóí đục bốc lên từ đôi mắt em, giống như một niềm cay đắng. Cũng giống y như niềm cay đắng đang cố giấu trong tôi.

Năm năm. Tôi nhìn thấy em đi lại, trên những con đường tôi đã đi. Những con đường có hoa có bướm, có chút mộng đầu và rất nhiều thơ dại. Tôi bằng lòng nhìn em vui đùa, ngún nguẩy làm duyên giữa những mồi mọc lúu rúu nghe thương như bầy sẻ gọi nhau. Con đường tình em đi có bãi cỏ non và gót son qua rất nhẹ, có gió rất lành và cây trái rất thơm, có biển vừa xa mà sông nước lại gần... Nghĩa là có tất cả cái điểm kiêu của trời đất mà người ta không thấy nữa khi tới một tuổi nào đó. Dẫu sao tôi đã sung sướng cho em tuổi thiếu nữ hẹn hò giữa một vùng đất cát thân quen. Tôi cảm tạ trời đất đã rải nắng vàng và trắng xanh cho em tình tự.

Năm năm tôi mất em mà vẫn thấy an tâm. Hay là giữa chúng ta, tôi biết chắc thiên thu dù có lơ dềnh cũng không hề sơ sẩy. Rồi phải đến một lần, chúng ta là của nhau.

Vâng, phải có một lần, chúng ta là của nhau.

Lần đó, hai mươi lăm năm sau mới đến. Cái khoảng cách tưởng như không cùng đó đủ cho mọi mường tượng đều sai lạc. Chẳng hạn như tôi đã già đi như nhánh cây khô, và con tim tôi đã mục rã như chiếc lá rụng đầu từ lần thu trước, nằm xấp lóp dưới mấy lớp lá thu này. Chẳng hạn như cuộc tình thời trẻ dại thoảng đến thoảng đi như mưa bóng mây có khi không đủ ướt đất. Chẳng hạn như em đã là thiếu phụ, diễm đạm và ân cần, trái tim dành cho chồng con đã chật kín đến không còn một chỗ trống. Vâng, tất cả đều đúng nhưng không đúng hết. Như tôi đã

già đi nhiều, tâm đã thôi xốc nổi mà sao đôi khi cứ loáng thoáng một niềm ray rứt rất lạ. Như em đã yên nơi yên chỗ từ hơn hai chục năm rồi mà trong lòng vẫn có chỗ không yên. Và nhất là mối tình chưa bao giờ xác nhận tưởng đã chết rục tự đời nào vẫn còn kiên nhẫn nằm chờ như cô Bạch Tuyết kiên nhẫn nằm ngủ trong rừng, ngủ im chỉ để chờ nụ hôn tình gọi dậy. Dĩ nhiên thời gian cũng đã tàn phá hết có chừa lại gì đâu. Nó gặm nhấm dần mòn những sắt son bạc béo, những yêu thương ghét bỏ, ngay cả hạnh phúc và khổ đau. Có một điều cái thứ tình vô vọng nó dai dẳng léo lách đến chẳng ai ngờ. Nó không để bị hủy diệt mà chỉ chờ được hoá thân như chén ngọc Trương Chi cứ chờ nước mắt Mị Nương khóc cho một lần rồi mới chịu tan vào huyền sử.

Khi tôi thấy lại em lần đầu, sau hai mươi lăm năm mất biệt, ngược nhìn tôi từ đám đông nhốn nháo giữa phi trường Orly một buổi sáng tháng chín Paris, tôi biết giữa chúng ta, thiên thu đã đứng hẹn.

Em lảng xăng bên chồng, miệng cười mà con mắt xốn xang, đón tôi bằng cái vòng ôm lỏng lẻo như không. Mấy con rồi em còn vẫn rụt rè. Một chút tuổi tác có làm trề vành mi sắp mỗi. Còn lại, em vẫn là em. Một thoáng thiết tha. Nửa chừng xa lạ. Niềm bí ẩn của em còn nguyên đó. Ba mươi năm sau lần đầu, chúng ta nhìn nhau lại bằng con mắt tiền kiếp. Có chút gì rưng rưng không thấy kịp.

Xe về qua mấy phố xưa, Paris vàng sậm khi thu vừa chín tới. Quán cà-phê hè đường đầy những cặp tình nhân ngồi thủ thủ. Lá từng chiếc, nấn nín bay ngang. Paris chào người đến thay em bằng bộ mặt buồn buồn của phố thị chuyển mùa. Đẹp đến nao nùng. Bữa tiệc tái ngộ có rượu vang đỏ ngọt chát, có giọng cười hào sảng của người chồng rộng lượng, có em ngồi đối diện mà có lúc tưởng chừng đi đâu vắng. Em ở đâu trong mịt mù năm tháng, yêu thương cam nín và chạy đuổi nhau qua bãi đời vô

vọng. Em ở đâu, mà suốt một đoạn trường.
Mấy ngày liên tiếp, em đưa tôi dạo chơi khắp thành phố. Chỉ cho tôi pho tượng trắng nhỏ cuối vườn Lục Xâm Bảo tôi hay kể em nghe những mùa tựu trường xa trước. Dắt tôi lội trên con đường ngập lá cho tôi nghe lại tiếng thu rơi như tôi đã dạy em trong những giờ giảng văn ở một thành phố không có mùa thu. Đưa tôi đến ngồi ở một quán vắng khách, gọi cho tôi tách cà-phê đen, nghe lại đĩa nhạc Juliette Gréco hát thơ Jacques Prévert như đã có lần em nghe tôi mơ ước. Khói thuốc Gitane rồi xanh như mấy dòng kỷ niệm. Có lúc tôi tưởng chừng thời gian muốn chạy ngược lại, ba mươi năm, để tôi còn có dịp tỏ tình. Giả sử bây giờ là ba mươi năm trước, em có chịu yêu tôi?

Câu hỏi không được đặt ra. Em ngồi ngó mông lung ra đường, chiều gần tối. Câu hỏi không được đặt ra. Nhưng tôi biết. Ở một góc nào trong trái tim em, vẫn còn một chỗ trống, có thể rất nhỏ, nhưng vẫn là một chỗ trống, em còn để lại cho tôi. Từ một hốc tối nào của đôi con mắt thao thức không ngủ, hình như có một chút lệ, mờ lấm, nhưng mà là một chút lệ. Tôi biết. Em không thể quên. Giống như tôi. Tôi không thể quên. Dù rằng chúng ta chưa hề cố nhớ. Khi xa nhau không ai thể thốt. Không ai nợ ai chút tình. Thì chẳng ai đòi trả. Sao chúng ta vẫn muốn trả nợ cho nhau.

Khi tôi đưa em về, người bồi còn ngắt vội đóa hồng nhưng trên bàn tặng với cho em. Cánh hoa chưa ứa đã thấy buồn. Em cầm trên tay, đóa hoa chúc xuống mặt đường như một nụ tình đã héo. Đôi mắt em còn xốn xang hơn vì sao hôm mọc sớm, lấp ló sau tàng cây phong trụ lá. Hai người đi dọc theo một vỉa hè vắng ngắt. Bộ quần áo thanh lịch, sậm đen như một khúc tạ từ. Khi ngang qua cầu St. Michel, em ném cánh hoa xuống con sông Seine đang bốc khói. Nước chảy mau. Chân cầu đứng lại. Hoa và người sao trôi nổi như nhau.

Bữa chót, trên đường ra phi trường, em chỉ cho tôi cái gác chuông mà Quassimodo đã đeo vắt vẻo như đã đeo đồng đưa mối tình tuyệt vọng của mình. Có phải em muốn nhắc tới cái bướu mà thằng gù đã đeo nặng. Hay cái khối dĩ vãng đang trì kéo giữa lòng. Có điều tôi biết nụ cười thách thức của em là để xác nhận cả hai đều nhẹ lắm so với cái hạnh phúc mà chúng ta đã để mất. Em cảm ơn tôi đã tới sau ba mươi năm đã đời. Còn tôi, tôi cảm ơn đời đã giữ em tròn vẹn, y nguyên cái hình ảnh tôi đã có về em từ ba mươi năm trước. Bỗng nhiên tôi thấy thanh thản, lòng vui. Em cũng vậy, em ứa nước mắt mà miệng cười. Dù gì, sau rớt, chúng ta cũng đã có dịp nói với nhau sự chung thủy của mình về lần chọn lựa hồn nhiên nhất.

Khi tôi ngoái lại nhìn em lần cuối trước khi quay lưng đi hẳn vào hành lang dẫn ra phi cơ, tôi biết giữa chúng ta, thiên thu đã thôi động đập. Còn lại một mình giữa phòng đợi mênh mông, dáng em mỏng mảnh như cái dấu phẩy bỏ lỡ sau câu viết nửa chừng. Đã chấm hết đâu, trong lòng ta những xao động. Sẽ còn nữa, những dư ba. Tuy nhiên cả hai, tôi và em sao đã thấy rất yên lòng.

Có phải câu thơ của ai đó mà đêm qua khi ngồi nghe lại mấy bản nhạc xưa em đã đọc nhỏ lẩm thầm là cái giải pháp tuyệt vời cho chúng ta.

Mốt mai sóng dậy ba đào. Xin về trú giữa lòng nhau, cuối đời.

Cũng đủ rồi, em hả.

Từ Thế Mộng

Một Phương Quỳ (*)

Không phải suối
không phải sông
mà ướt đầm mái tóc

Không phải rực vàng
một màu hoa cúc
mà đơn sơ áo ướt một đôi vùng

Em tắm biển về biển ướt ở sau lưng
vàng mấy khoảng cho mặt trời tới đậu

Em đạp xe về
dáng hiền thực quá
đơn giản vậy mà sao lòng anh lạ
ngiêng theo em như thể đoá hoa quỳ
ôi màu vàng đâu thể dễ phai đi

Màu vàng không phai
mặt trời vẫn ướt
nên phương em lẻo đẻo một phương quỳ./.

(*) Trích trong tập “ Lẻo Đẻo Một Phương Quỳ “ Thư
Ấn Quán sắp xuất bản, Hoa kỳ.

HẢI PHƯƠNG

Một đoạn ở liễu chương đài quán

Ta không vó ngựa mà rong ruổi
nay bến phù vân mai bến em
hí lộng một đời không bến tới
đậm trường phiêu hốt bóng trăng đêm.

Ta không gươm giáo mà chinh chiến
trận địa hôm qua cũng máu đào
bạn ta hào kiệt phơi tay súng
không mộ bia xanh cũng chiến hào.

Ta không chinh chiến mà lưu lạc
thất quốc sang bang mỗi dấu yêu
từ buổi ta về thêm đá cũ
rêu đã rêu phong mộ địa chiều.

Ta không chẵn gối mà trắng mặt
không chút quê hương để đãi người
còn nói chi nhau vàng đá gửi
qua cầu con nước ngậm ngùi trôi.

Ta không rượu uống mà say khướt
cạn chén càn khôn trong mắt em
đáy cốc tiệc tàn mỗi nhật nguyệt
phù hư chuyện cũ mở ra xem.

Ta không khanh tướng mà như thế
đau xé lòng trai cung kiếm xưa
thì thôi chuyện ấy mai sau kể
chương đài liễu quán cạn môi chưa.

Saigon 1985

**Cỏ chiêm bao nhẹ
đằm ã giọt sương**

Cũng là em
vòng tay ã
thả hương trong gối
bỏ bùa trong chăn
thả mây trong tóc
phân vân
lùa ta vào cõi phù trần
có em.

Cũng là em
miếng môi ã
ngậm vành trăng xế
khúc phiên hồ cầm
mắt nhìn lưới bủa
lặng câ
môi hôn tiền kiếp
núi âm vọng về.

Cũng là em
chén trà khuya
cỏ chiêm bao nhẹ
đằm ã giọt sương
vòng môi khép lại
dư hương
vòng trời ã lã
vô thường
gió bay.

San Jose
01/28/2002

Nguyễn văn Ngọc

Viết trên đường chuyển quân

Tháng chạp về Tây Ninh tăng phái
đại đội chuyển quân bằng công-voa
chào nhé Tân Uyên, rừng bỏ lại
bạt ngàn tre, dài những trận mưa.

qua Gò Dầu Hạ trời hừng sáng
so vai nghe lạnh gió đông về
xe dừng, lính đổ tìm hàng quán
ta cũng thêm sao, ly cà phê.

phố nhỏ điều hiu buồn như thể
cô hàng, đôi mắt ướt, xa xăm
cũng tóc xõa vai cho ta nhớ
người yêu xưa giờ đã mù tăm.

đốt thuốc, khói bay đầy quán sớm
mấy thằng em cười nói râm ran
đời lính trận, tử sinh, nguy khốn
niềm vui là đôi phút nghỉ chân.

xe tiếp tục đường lên tây bắc
tháng chạp, mùa đang lúa chín đồng
tháng chạp, làm viện quân đuổi giặc
Giáng sinh này lại ở trên rừng.

(trích tập thơ *Chuyện Kể*, tác giả xuất bản năm 2002.
Liên lạc Nguyễn văn Ngọc P.O.Box 5923 Bridgeport, CT
06610, dt: (203)338-0278)

Ng~ Th. Tường Vi

khi nhớ Lạc phố

1.

Mai về Lạc phố tìm em,
Ngó trưa thăm thắm, ngó đêm vật vờ
Ngó ngày trống hoác, trơ vơ
Ngó em tẻ lạnh, quạnh chờ tháng năm
Ngó em quánh đặc lệ thắm
Thấy tôi ngậm ngải tìm trầm... uống công

Thì con nước lớn nước ròng
Thì em cũng đã sang sông một lần

Ờ thì núi cản đèo ngăn,
Ngó như chẳng đặng, về ngang... đoạn đành

2.

Xa nhau chần chiếu lạnh giường
Tay trơn lạnh nhớ, mình sưng lạnh
thèm
Đau tình, trắng bệnh, buồn thêm
Thơ đau kêu tiếng, thịt mềm đau im
Lập lờ ngọn sáp đau chìm
Phần em em giữ, tôi ghìm phận tôi

Tình hờ, đau nổi chẻ đôi...

Cao Vị Khanh

ví dầu...

câu sầu

Nửa trắng, gổi chiếc gợ hình
Nghiêng vai gợ nhớ, trở mình gợ nhau
Tóc mai gợ mấy câu sầu
“ Ăn cơm chẳng đặng ăn trầu giải khuây” (*)

tóc mai

Vẻ duyên thì cũng một thời
Chính chuyên thì cũng một đời, chiêm bao
Câu vui ai đổi câu sầu
Áo xưa còn nhớ qua cầu gió bay
Ví dầu em chốn trang đài
Cũng xin mấy sợi tóc mai, vấn dài
Lỡ sau trí nhớ tàn phai
Cũng còn biết chỗ... thương hoài ngàn năm

ớn em

Ớn em ngọt suối ngọt đồi
Ngọt sông ngọt nước ngọt trời biển tôi
Ngọt ngày tháng đã mù khơi
Ngọt sầu hận cũ, ngọt lời oán than
Ngọt niềm lo, nỗi hoang mang
Ngọt chia cách, ngọt tình lang mỗi mòn
Ớn em ngọt xót môi son

ru em

Trong ta em ngủ giấc nồng
Trong ta bờ bến không cùng đâu em
Trong ta cỏ mịn nhưng mềm

Trong ta rã thịt lột êm chỗ nằm
Trong ta còn giọt lệ câm
Từ thiên cổ lụy lâm râm mưa về

Này em, tim dựa gần kề
Ngủ ngoan đi nhé, ta lê cuộc đời

(*) *ca dao*

Tâm-An

CHUYỂN KIẾP

Một buổi chiều cuối tuần, người bạn gái làm việc cho đài phát thanh địa phương nhờ chị đại diện cho đài để tham gia một buổi sinh hoạt của các cựu quân nhân. Cô bạn dặn đi dặn lại: *“Nhớ đi dùm tôi, viết cho tôi một bài tường trình thật chi tiết”*. Bình thường thì chị đã từ chối lời yên cầu này. Chẳng vì một nguyên nhân đặc biệt nào mà chị không đi, nhưng trong hầu như bất cứ một buổi họp mặt nào cũng đều có khiêu vũ và hát karaoke. Không khiêu vũ, không hát ca giữa một bầu không khí nhộn nhịp rất dễ trở thành lạc lõng và có khi quê mùa. *Tập nhảy đầm đi chứ, chị mà biết rồi thì thích lắm. Vừa được giải trí vừa giống như tập thể dục để giữ sức khỏe*. Trước những lời mời mọc như thế, chị chỉ mỉm cười. Lần này chị nảy ý muốn đi, một phần có lẽ vì chị vừa mới đọc xong hai tập thơ của hai tác giả một thời mang áo trận. Một phần khác, có lẽ thậm kín hơn là cuốn sách đã làm sống lại quá khứ và tuổi trẻ của chị cách đây 3 thập niên.

Chị đến muộn nên khi bước vào căn phòng lớn đã thấy các ông các bà ngồi đầy nơi bàn. Các ông mặc đồ lớn thất cravate mang màu cờ vàng ba sọc đỏ. Có nhiều ông oai phong hơn, khoác bộ quân phục hoa lá cành phẳng phiu với đầy đủ lon lá. Các bà trang điểm cẩn thận như đi dự dạ hội và tà áo dài tha thướt khiến các bà trông trẻ đẹp và sang trọng hơn. Nhìn các ông chừng chạc trong bộ quần áo tươm tất mặc trên người, thật khó đoán được ông nào từng là lính tác chiến hay là lính văn phòng năm xưa. Chiến tranh đã chấm dứt cách đây 26 năm. Dấu vết của cuộc sống trong quân ngũ trước đây chỉ còn được thể hiện qua màu cờ mang trên áo, như một món trang sức

thời thượng. Khi được sống trong no đủ, được hít thở bầu không khí tự do, người ta thoát kiếp tầm thành bướm, thay đổi hình hài. Thay đổi tương đối là sự thay đổi diện mạo và dáng vẻ bên ngoài, còn thay đổi trọn vẹn là thay đổi luôn cả nếp sống, tâm hồn và bản chất. Chị nhủ thầm, có phải khi vượt thoát được ra ngoài này, mang thân ty nạn là đồng nghĩa với một cuộc chuyển kiếp để đầu thai vào một cõi khác sung sướng và bình an khiến người ta dễ quên hơn chăng. Đi qua chặng đường ty nạn giống như ăn bát cháo lú để quên những cảnh khổ, những đày ải của kiếp trước. Có người chuyển kiếp thành công, quên hẳn kiếp trước mình là ai. Nhưng cũng không ít người kém may mắn hơn, sau cuộc chuyển kiếp đã loay hoay không biết làm thế nào để không trở thành kẻ vong thân khi trong lòng vẫn còn ấp ủ một quê hương thu nhỏ, một quá khứ trùng trùng kỷ niệm. Bộ quân phục rằn ri còn thơm mùi vải mới ở đây có phải là chiếc áo xưa của một thời lính trận.

*Tuổi trẻ tôi là chiếc áo xưa
Chiếc áo tôi một thời là lính trận...*

*...Vải áo mồ hôi dày thêm lớp muối
Sậm vàng thêm màu bùn rạch phèn kênh
Con rận cả tuần trong áo ngủ quên
Phơi nắng chưa ra lên đường đánh tiếp. (1)*

Ồi những người lính đi hành quân miệt mài trong lửa đạn, khát uống nước hố bom, đói ăn cơm gạo sấy. Những người lính kiên nhẫn ngồi ôm súng canh xác bạn đồng đội, đợi trực thăng tải về hậu cứ. Những người lính lúc nào cũng gầy gò trong bộ áo trận không bao giờ sạch sẽ, da đen sạm, râu lởm chồm vì cả tháng trời làm bạn với

rừng rậm, muối mòng và bùn lầy. Những người lính không có chút liên hệ nào với người lính lấy ba lô làm bàn, lấy trăng làm đèn để viết thư cho người yêu như lời của một bài hát về lính đang được hát trên sân khấu.

Lại nhớ đến những giòng thơ khác:

.... *Ta cầm súng thời làm lính thú
Dọc ngang ta nón sắt đội đầu
Vết gót giày bạc phéch áo trận
Viên đạn đồng ngủ đứng trong bao.*(2)

..... *Chiếc nón sắt quên đời lẫn lóc
Lỗ đạn tròn khoét vết đau thương
Người lính sau theo người lính trước
Đất vô danh cây cỏ vô hồn...* (3)

Chiếc nón sắt của anh bây giờ ở đâu. Chiếc nón sắt có lỗ đạn tròn của một người tình không chân dung đã mượn bờ lau sậy bên sông để làm chỗ yên nghỉ ngàn đời. Hai mươi sáu năm, một thời gian dài với một số người đủ để làm lành vết thương chiến tranh nhưng lại quá ngắn đối với nhiều người khác để quên mối oan khiên đè nặng trong tâm trí.

Trên sân khấu người ta đã lục đục chuẩn bị để bắt đầu chương trình. Chào cờ và một phút mặc niệm là hai mục mở màn trong mọi sinh hoạt cộng đồng. Chị đã quá quen với màn mở đầu này, nhưng lần nào cũng thế, khi đứng thẳng người để hát bài quốc ca, *này công dân ơi đứng lên đáp lời sông núi, đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống*, chị lại thấy cay cay ở mắt. Lúc nào chị cũng hát một cách trân trọng, hát hết mình.

Chị ngắm nhìn những người đàn bà sang trọng đang lướt

đi trong điệu nhạc xập xình. Đa số các bà nhảy với chồng hoặc partner nam, nhưng lại cũng có nhiều bà đi nhau trong tiếng nhạc du dương như kếp với đào. Lối ăn chơi thời thượng bây giờ là vậy. Chị nhắm mắt lại, cố hình dung hình ảnh những người vợ lính của năm xưa, tay bế con, tay xách giỏ thức ăn đi thăm chồng trên con đường nắng cháy khi đoàn quân về đóng ở gần thành phố. Những người vợ lính từ quê bỗng bế con tìm đường đến hậu cứ thăm chồng.

..... *Tôi bỏ em vào tận rừng tràm
Em cũng theo tôi nuôi chồng lận đận
Bà Tú Xương ngày xưa gánh gạo
Em cũng theo bà gánh tiếp lao đao...(4)*

Những người chinh phụ của thế kỷ 20 chỉ hạnh phúc thật sự khi nhìn thấy bóng dáng chồng trở về bình yên sau mỗi chuyến hành quân. Hạnh phúc là ổ bánh mì, là gói xôi dúm vôi vãi vào tay chồng trong những lần thăm viếng, là những ngày phép ngắn ngủi người lính lợp lại mái tôn đã rỉ sét để che mưa che nắng cho vợ con. Những chờ đợi mỗi mòn, những khắc khoải lo âu rồi cũng có một ngày chấm dứt khi người lính không trở về nữa. Chắc chắn không có sự tương quan nào giữa những người đàn bà trung niên đang ôm nhau nhảy đầm ở đây với những người đàn bà mỗi mắt trông tin chồng cho đến ngày nhận được tờ giấy báo tử. Những người đàn bà chạy giặc cộng sản, vai oằn quang gánh, một đầu thúng gánh con, đầu kia gánh cái gia tài nhỏ bé, rách nát tang thương. Ngày 28/4/1975 gặp người đàn bà ở trại tạm cư, hỏi chồng đâu, chị ngơ ngác thất thần. *Chồng tui đi lính đã lâu không thấy về, tui ở nhà quê biết đi đâu mà hỏi. Thấy người ta chạy giặc, mấy ông lính biểu chạy thì tui gánh con chạy, mai mốt chồng tui về kiếm, biết tui ở đâu mà tìm.*

Ánh đèn màu chớp loé, vòng tròn quay trải những chùm

ánh sáng lốm đốm hoa xanh, đỏ, tím, vàng lên những thân hình đang lướt đi trên sàn nhảy như trong cơn đồng thiếp. Màu đỏ của mùa hè đỏ lửa 1972. Nắng hừng hực nóng, đốt cháy thịt da. Nghĩa trang quân đội nằm im lìm như giấc ngủ bình yên của những người lính sau một lần vĩnh viễn buông súng. Người thiếu phụ trẻ đứng lặng lẽ bên ngôi mộ mới đắp, vành khăn tang trắng như trắng hơn dưới ánh nắng chói chang. Những đứa con nhỏ ngồi ôm nhau trốn nắng dưới bóng mát của một bia đá. Đã xong về phần người ra đi. Nhưng người ở lại thì quần quai giữa cơn mê tỉnh của một nỗi đau bất ngờ đổ ụp xuống đời, mặc dù vẫn biết đấy là chuyện không thể tránh được. Chiếc thẻ bài và tờ giấy báo tử là những gì còn lại mang vết tích của người lính. Lá cờ vàng ba sọc đỏ phủ kín chiếc quan tài bọc kẽm với hàng chữ Tổ quốc Ghi Ơn.

*Em đắp thêm anh áo núi mềm sông
Sợ anh lạnh, không hòm, không nhang khói
Sợ anh tủi, không mộ bia, thăm hỏi
Sợ anh hẩm hiu, cháo lú, ăn xin
Em gào cùng ma quỷ âm binh
Xin hàng ngũ oan hồn về che chở
Em đắp mình anh ba hàng sọc đỏ
Để ngàn đời xương tóc quyền thiên thu... (5)*

Ngày nhận số tiền tử tuất người đàn bà ngơ ngác tự hỏi mình sẽ nuôi được con trong bao nhiêu lâu nữa. Tương lai như đám mây xám vẩn vù bay trên bầu trời báo hiệu một cơn giông sắp đổ xuống. Cái gia đình nhỏ bé của người vừa nằm xuống rồi sẽ gia nhập vào một đoàn quân khác, đoàn quân của hè phố, để chiến đấu bên các đồng rạc Mỹ, trước các bar hay ở bến xe Tân Cảng.

*Ba năm sau một ngày giải giáp,
ba năm em cũng đoạn tang chồng,*

*đèn hiu hắt bóng về trên vách,
đứa con đâu biết hỏi ba không?*

*Ba năm mẹ già hơn vóc vạc
Trở gió trời nghe bước con về
Rừng thay mẹ canh mồ lưu lạc
Chớp bể mưa nguồn lấy lòng che*

*Người lính trận bỏ tình đi mất
Bỏ trăm năm khói tỵ mây thành
Lòng nghĩa trang tiếc thương đã nhạt
Cả vòm trời như áo nửa manh... (6)*

Trong ánh đèn mờ ảo như khung cảnh của một vũ trường, thốt nhiên chị nhớ đến một trại mồ côi ở Lái Thiêu.

Đều đặn mỗi tháng những người trẻ tuổi vừa xe đạp vừa xe gắn máy chạy từ Sài Gòn đến trại để công tác. Từ đường lộ lớn vào trại phải đi qua một đoạn đường đầy ổ gà, lổm chổm đá khoảng vài cây số. Hôm nào trời mưa, đường trơn trượt thì dắt xe đi bộ. Quần áo dính bết đất bùn, ba lô đeo vai, chân bước thấp bước cao, nhếch nhác như lính hành quân ở trận mạc. Nhưng khi nhìn thấy bọn trẻ lố nhố đứng chờ sẵn ở ngoài cổng, lại thấy lòng tràn đầy hứng khởi. Đám trẻ mồ côi đã quen với những lần thăm viếng hàng tháng như thế. Quà bánh không có nhiều, nhưng tiếng hát và nụ cười thì nhiều đến bội thực. Trại có khoảng 30 đứa từ 3 tuổi đến 13, 14 tuổi. Không có người ở ngoài vào làm việc trong trại dù là làm thiện nguyện. Sư cô là người duy nhất điều hành trại và nuôi chúng bằng tiền đi xin ở nơi nào chỉ có trời biết. Sư cô tứ thời đi chân đất nhưng không ngần ngại gõ bất cứ một cánh cửa lớn kiên cố nào miễn là có được lương thực đem về nuôi lũ trẻ. Có một ngày Cô nhặt được một đứa trẻ sơ sinh dưới gốc cây trước cổng bệnh viện Từ Dũ.

Đem về nuôi, thằng bé càng lớn càng đen như lọ nồi, tóc quần đen nhánh. Đứa bé khốn khổ không được xã hội bên ngoài thừa nhận nhưng ở trong cái thế giới nhỏ bé của trại, nó là một thành viên của cái gia đình tí hon mà đám người lớn đặt tên là gia đình Xi Trum. Không có gì khác biệt giữa màu da và mái tóc của nó với màu da và mái tóc của những đứa còn lại bởi chúng nó bám vào nhau để sống, nương vào nhau để tìm hơi ấm. Đứa lớn trông đứa bé. Đứa khoẻ mạnh chăm sóc cho đứa ốm đau quặt quẹo. Chúng lam lũ bần thủ, tóc tai rối bù. Khi đám người trẻ kéo đến, trại như được hồi sinh với những trò chơi, tiếng hát và những trận cười vang vang. Quét vôi chỗ này, lợp lại mái tôn bị dột ở chỗ kia, tráng xi-măng cho một khoảnh sân, may lại mấy cái quần áo rách, tắm rửa tập thể cho lũ trẻ ở giếng nước. Buổi tối là lửa trại và khi trời gần sáng, nằm lăn ra đất ngủ. Khi đám người lớn ra về vào chiều ngày hôm sau, bọn nhỏ khóc meo meo, nín áo không cho đi. Mỗi lần như thế thì không ai bảo ai, tất cả vội vàng phóng lên xe chạy thẳng, không dám quay đầu nhìn lại. Những cuộc thăm viếng đều đặn tiếp diễn cho đến cuối tháng 4/75. Ngày 28/4 họ đến giúp cho một trại tạm cư của đồng bào chiến nạn và đó cũng là công tác cuối cùng của họ. Số phận trại mồ côi sau này ra sao? Sư cô có xin được hộ khẩu để tiếp tục cứu mang lũ trẻ không? Liệu sư cô có thuyết phục được lòng hảo tâm của những người chủ mới của đất nước, khi những đứa trẻ là con mồ côi của Ngụy, là giọt máu rơi của kẻ thù đế quốc Mỹ. Hỏi để mà hỏi, không ai có được câu trả lời. Sau này chị cứ ân hận mãi là tại sao không trở lại trại mồ côi một lần để tự tìm cho mình câu trả lời. Ở cái tuổi ngoài 20 của chị lúc bấy giờ, chị không có đủ can đảm để nhìn vào sự thực. Chị sợ mình sẽ oà khóc nếu biết rằng khu trại đã không còn, và lũ trẻ phải dắt díu nhau từ giữa cái thế giới bình yên của tuổi thơ để bước vào một cõi

địa ngục trần gian của người lớn.

Hình ảnh cái trại mồ côi hơn 20 năm trước bỗng dựng trở lại trong tiếng đàn điệu nhạc của các bài luân vũ đêm nay khiến chị đau lòng biết mấy. Làm sao chị có thể trải qua một cuộc chuyển kiếp thành công khi bát cháo lú không xoá nhoà được những hình ảnh và cuộc đời năm xưa trong ký ức.

Chị bỏ về trước khi chương trình dạ vũ chấm dứt và tự nhủ sẽ nói với người bạn, chị không có bài viết cho chương trình phát thanh.

Tâm-An

3/02

(1) *(Trần Hoài Thu- Ao Xưa)*

(2) *(Khoa Hữu- Tượng Lính)*

(3) *(Khoa Hữu- Sự Yên Lặng Của Cát Bụi)*

(4) *(Trần Hoài Thu- Sợi Tóc Nhớ Nhung)*

(5) *(Trần Hoài Thu- Đêm Xuống Tóc)*

(6) *(Khoa Hữu- Sự Yên Lặng Của Cát Bụi)*

VĨNH HẢO

Thuở hồng hoang

Hai ngàn hay hai chục ngàn năm sau cũng tờ tờ như nhau thôi. Muốn nói hai ngàn cũng được mà muốn nói hai chục ngàn cũng thế. Bởi vì thời gian lúc ấy rút lại chữ không phải như bây giờ. Cách tính thời gian theo kim đồng hồ không còn dùng được nữa mà được ghi bằng những ký hiệu, biến đổi thật nhanh từ bộ não, phát sóng ra ngoài qua tia mắt, muốn thấy thì lập tức thấy, muốn không thì nó không.

Thế giới lúc ấy bị phá hủy tan hoang, xơ xác, chẳng phải vì thiên tai hay đại họa gì của thần linh giáng xuống. Chỉ đơn giản là do con người với những ảo vọng quá tải của nó. Những ảo vọng ấy khi chưa thực hiện được, sẽ làm cho người mang nó nhấp nhồm như bị động kinh; mà nếu thực hiện được thì góp phần tăng thêm sự hỗn loạn cho trái đất (những cụm từ thế giới, quốc tế, quốc gia... lúc ấy không còn nữa). Mỗi thứ ảo vọng, cứ lần lượt tìm cho nó một cách thế để hiện hữu thành hình hài cụ thể. Cứ vậy, trái đất càng lúc càng chật chội hơn. Đi ra đi vào chỉ đựng toàn là những ảo vọng. Cái hư tương tranh tương tồn với cái thực, thết rồi chẳng còn phân biệt đâu là cái thực nữa. Có cái tưởng là giả, té ra là thực; ngược lại, có cái tưởng là thực, hóa ra là giả. Cõi gì mà kỳ cục, ngọt ngat, khó chịu quá! Chẳng còn chút thanh thoi thoải mái nào. Hóa điên được lúc ấy thì cũng đỡ; đang này, không điên được mới chết ngất! Mà khi một cái đầu không điên hẳn, nó lại tiếp tục sinh ra nhiều ảo vọng khác. Cứ đối diện, gặp gỡ một thứ ảo vọng nào đó của ai, là đầu óc lại nặn để ra ngay một ảo vọng khác để phòng ngừa, hoặc đối kháng lại. Một vài gã được điên thật—hoặc chỉ mới ở chỗ mập mé của trạng thái điên liền cố ý điên luôn—

mang cái máy liên lạc nhỏ xíu như cây bút máy—cũng vừa là cây súng bắn tia hồng quang (laser) cực mạnh—cứ gặp thứ gì là bắn đại, bắn bừa thứ ấy, để cho tâm trí được thoải mái, khỏi cần phải suy nghĩ, khỏi cần phải sáng tạo thêm ảo vọng. Cái chiêu đó có vẻ hữu hiệu trong nhiều trường hợp, vì tia hồng quang (hay kích quang) ở thời ấy mà nhắm tới đâu thì bộc phá tan tành đến đó. Thế là, cõi đất hỗn loạn. Bốn phương tám phía khói lửa mịt mù. Những tiếng nổ long trời lở đất liên tục phát ra, lúc chỗ này lúc chỗ kia, lúc ở mọi nơi như cùng hẹn, bùng lên một tiếng rung rinh cả hành tinh nóng bức.

Đừng tưởng lúc ấy sẽ có những ông già bà lão chạy ra chạy vô nhốn nháo đâu nhé. Thuở ấy không làm gì có cái chữ “già” hay chữ “bệnh” đâu. Chỉ có “sanh” và “chết” thôi. Trước đó 100 năm thì tuổi thọ trung bình của con người đã là 180 và cao nhất là 220—nhờ đã trải qua nhiều thế hệ biết chọn và cấy những căn bào tốt (nên nhớ là tính theo thời gian của chúng ta thời nay thì nhân 100 lên, tức là khoảng 18 đến 22 ngàn năm). Thể chất con người thời kỳ ấy hoàn toàn không có tật bệnh. Con người không bao giờ ho, sổ mũi, chảy nước mắt, ứa nước dãi, ngáp, hắt hơi (thứ sau là thứ mà các thế hệ tiền bối của họ—nhất là phái nam—rất khoái!). Cũng chẳng có đi đại tiện tiểu tiện gì cả (hai thứ này cũng thuộc loại khoái của tiền nhân, nhưng đối với họ thì mất thời giờ lắm nên giản lược đi). Máu, mủ, đàm, dãi... mọi thứ chất lỏng trong cơ thể, cũng đều được tiết giảm. Nên nhớ là trước đó 150 năm, người ta đã biết cách làm cho cơ thể tự sinh trưởng mà không cần ầm thực; và họ cũng đã cắt giảm bớt những bộ phận xét thấy thừa thãi nơi cơ thể, cho nên, hậu môn và bộ phận sinh dục, hệ thống bài tiết không còn nữa. Thế họ ân ái thế nào để có con đấy à? Ôi dào, chuyện đó thực đơn giản. Họ chỉ nhìn qua nhìn lại với nhau với tình ý dâm dục hừng hực thì tự đứng thụ thai thôi (nhưng sự hừng hực này cũng hiếm hoi lắm). Còn họ

sinh để thế nào ư? Ờ, thì muốn chỗ nào lại chẳng được! Em bé—có khi từ trong bụng mẹ được lôi ra, có khi lại từ nơi cái hông của cha mà ra đời, có khi lại từ một cái ống nghiệm hay một cái hũ chứa phôi bào trong nhà mà hầu như ai cũng có—vừa chạm chân tới đất đã chạy ra đường ngó người khác bay lượn trên trời. Thời ấy họ bay, chính thân xác họ bay như những thiên thần chứ chẳng cần máy bay hay xe bay đâu. Thân thể họ nhẹ (người nặng nhất chừng mười mấy kí-lô, nhẹ nhất từ tám kí-lô), lại thêm tư tưởng và ý chí của họ rất mạnh, thế là họ bay. Con người lúc ấy sạch sẽ lắm nên chẳng cần tắm. Thay vì tắm, trong mỗi nhà đều có cái máy thay tế bào giống như một cái hòm kiếng để đứng. Bước vào đóng cửa lại, bấm nút một cái, huyết huyết huyết, tế bào chết bị hút vào máy, xịt xịt xịt, tế bào mới đưa vào người theo lỗ chân lông. Vậy là xong. Giống như là đi tắm hơi mới ra. Sạch sẽ, tươi mát.

Cũng cần phải nói thêm rằng loài người lúc ấy ai cũng là khoa học gia cả. Họ thông minh kinh khủng. Nhưng đó là cái thông minh của sự phong phú dữ kiện nhờ chương trình ghi nhớ tập thể chứ không phải do suy tư. Có nghĩa rằng, hầu hết những gì người này biết thì tất cả những người khác đều biết. Kiến thức thì giống nhau, chỉ còn phần cảm giác (rất mơ hồ, thoạt có thoạt không) của mỗi người thì mới có sự sai biệt và riêng tư. Về tính chất, cách suy nghĩ của họ không giống như là cách suy nghĩ của chúng ta hôm nay. Trong mỗi ý niệm của họ đều có sự cấu thành và tác động từ những ý niệm đồng thời khác của những người chung quanh. Không có cái suy nghĩ độc lập. Ngay cả cái gọi là ‘sáng tạo’ cũng không hẳn là sáng tạo độc lập nữa—nó luôn luôn được hình thành bởi sự phản ứng đối với những ý niệm và tư tưởng sáng tạo khác. Từ ý niệm đi đến hành động của họ, chỉ trải qua một khoảnh khắc rất nhanh. Những gì con người tác tạo lúc ấy đều là những hành động đột biến phát sinh từ

những suy nghĩ cũng có tính cách đột biến. Bao nhiêu kiến thức để lại của mấy ngàn năm trước, họ có khả năng thừa hưởng đầy đủ nhưng họ thấy không cần thiết nên cứ mỗi hai năm họ lại cập nhật kiến thức mới, hủy bỏ bớt những kiến thức cũ. Sự cập nhật hóa các kiến thức (bao gồm cả luật lệ xã hội đương thời) được thực hiện đồng loạt chỉ qua một vài phút, bởi ủy ban đời sống, vào giờ nghỉ ngơi nhất định của mọi người (xin lưu ý, chẳng có ngủ đâu, chỉ nghỉ ngơi để sạc thêm năng lượng cho cơ thể thôi).

Chính vì mỗi người lúc ấy là mỗi khoa học gia chẳng cần trường lớp nên tụ năm tụ ba chia thành nhiều trường phái, cãi lộn rồi bắn giết nhau loạn xạ. Cãi lộn những chuyện đầu đầu. Choảng nhau. Chết. Chết nhiều lắm. Nhưng cũng do tính cách đồng bộ, tương quan chặt chẽ giữa từng cá nhân với nhau ngay trong tư tưởng, nên họ không sợ chết. Ý niệm về bản ngã đối với họ rất mơ hồ. Họ sinh ra và chết đi một cách đơn giản. Nhiều lý do để bị người khác tiêu hủy mình, mà chính mình muốn chết thì cũng chết rất dễ. Mà chuyện quan hệ tình dục, sinh sản hay truyền giống vốn không phải là điều đem lại nhiều hứng thú cho họ, trong khi khuynh hướng cách mạng, tìm mới, sáng tạo (cái mình thích) và hủy diệt (cái mình không thích) thì rất mạnh; thế nên dân cư trên hành tinh càng lúc càng trở nên thưa thớt.

Không có biên giới quốc gia. Không có ngôn ngữ và chữ viết địa phương. Người ta chỉ nói hoặc liên lạc với nhau bằng ký hiệu điện tử, hoặc đoán biết nhau bằng tia mắt. Con người lúc ấy sinh ra, lớn lên như thổi, bảy tuổi đã biết yêu, tám tuổi rưỡi đã biết ân ái, chín tuổi miệt mài với tình gia đình, mười tuổi đã sớm mỗi một chuyện chăn gối (à quên, lúc đó họ không còn giường nệm chăn gối chi đâu, chỉ có cặp kiếng điện tử mang vào, che bớt tầm nhìn đôi mắt để dễ tập trung, vậy thôi), thích bay lòng vòng trên không để chiến đấu và thi thố óc sáng tạo cho

đến khi nào bị một đối thủ nào đó bắn hạ. Cho nên, xét về sức khỏe, họ có khả năng sống đến 220 tuổi (thì ao ước được chết vì không còn đủ sức chịu đựng thế giới chán ngắt), nhưng cơ hội cho họ sống lâu giữa một thế giới hỗn loạn thì hầu như chẳng có. Đến giai đoạn cực loạn thì chẳng mấy ai sống qua 18 tuổi (mười tám tuổi, chẳng phải nói lộn đầu, số một và số tám đấy bạn ạ). Từ mười tuổi đã lên đường đánh giặc lung tung suốt ngày suốt đêm trên trời rồi thì sống làm sao quá tám năm được!

Đấy, như thế đấy. Con người thay quyền tạo hóa, vẽ kiểu, trình bày cõi sống theo sở thích và nhu cầu của nó. Bộ óc và kỹ thuật cực kỳ thần thông của họ—những chữ tối tân, hiện đại, hậu hiện đại, hậu hậu hiện đại, tân thời, tinh vi, tinh xảo... không còn khả năng diễn tả nổi—nhanh chóng biến hành tinh này thành một cõi sống khác, có vẻ như không còn lưu lại kỷ niệm sâu đậm nào của tổ tiên, cha ông họ. Cái gì cũng có vẻ mơ hồ, không thực. Ngay cả những bộ phận trên cơ thể của họ cũng mang cái đáng vẻ của người máy nhân tạo, một cấu trúc phối trộn lộ liễu tính cách lắp ráp, nối kết. Con người lúc ấy là một hình thể được rút gọn, giản lược đến mức tối đa. May ra thì họ vẫn còn giữ lại cái hình dáng con người với cái đầu nằm ở trên, nối với mình và tứ chi qua cái cổ. Chẳng giữ được cái sườn cốt lõi đó thì đó ai mà còn gọi họ được là con người.

Ở thời kỳ ấy, họ cũng không cần đến tôn giáo hay bất cứ thứ triết thuyết, học thuyết đạo đức nào cả. Họ không cần bởi chính mỗi cá nhân họ đều có thể tự điều hướng tất cả những hành xử của mình theo cái khung qui tắc đã được chương trình hóa. (Một cái chip điện tử tóm thâu tất cả những luật tắc và đạo đức nền tảng của đời sống được gắn vào đầu của mỗi người khi họ mới sinh ra và được công nhận như là một phần tử của hành tinh). Nhờ cái chip điện tử đó, mỗi người tự biết điều gì nên làm và

không nên làm đối với tự thân cũng như đối với tha nhân. Hễ dự tính làm điều gì sai trái, ngược với ước lệ và tập quán chung của hành tinh thì tự dừng nơi bộ não của họ phát ra tín hiệu cho biết điều đó không nên làm. Nếu cố ý làm thì hệ thống báo động trong não bộ của họ rung động rất mạnh, rất căng thẳng, sẽ phát sóng ra ngoài khiến người khác có thể biết được mà né tránh hoặc xúm lại kềm chế hay hủy diệt mình. Nếu không ai biết được lúc ấy thì sự trừng phạt chỉ là một chút căng thẳng trong não, rồi thôi. Đó là lý do mà tội ác và bao điều phi lý cứ diễn ra trong từng khoảnh khắc.

Đã có những người tập hợp lại với nhau, mưu tìm phương thức khống chế tội ác nhưng vô phương. Một khi cái giả và cái thực đã hòa trộn với nhau nhập nhằng bất phân như thế, thì vấn đề kiểm soát thiện-ác, tốt-xấu cũng khó mà thực hiện được.

Như thế đó, chính trong cái bối cảnh chẳng còn chút không khí nhẹ nhàng thoải mái cho người ta hít thở, có một cặp trai gái do một chuyến công tác mà còn sót lại với nhiều ấn tượng thô kệch của đời sống con người quá khứ. Chẳng phải họ cố tình tách ra khỏi cái thế giới hỗn loạn kia đâu. Họ chỉ thi hành sứ mệnh của họ thôi, nhưng rồi họ tồn tại, và thay đổi theo chiều thoái hóa.

Số là khoảng 200 năm trước đó, một nhóm người tìm cách tách riêng, tập trung tại một vùng rừng núi còn tương đối khá rậm rịt. Tại đây, họ xây một thành phố nằm sâu trong lòng núi, sinh sống biệt lập với thế giới bên ngoài. Họ chỉ ra ngoài khi cần thiết. Thường thì chỉ những người được tin tưởng giao phó trách nhiệm mới được ra ngoài, còn mọi người hầu như đều cấm túc trong lòng núi. Cuộc sống trong lòng núi tương đối thanh thản, ít biến động.

Ngoài mục đích cách ly với xã hội bất ổn hiện tại, họ còn có ý hướng tìm cách khôi phục lại một số giá trị truyền thống của tổ tiên mà họ hi vọng là sẽ mang lại một vài ý

nghĩa nào đó cho cuộc sống hiện tại. Để thực hiện điều này, họ lén lút tái tạo chiếc máy thời gian (máy này đã bị cấm chế tạo và sử dụng từ 400 năm trước đó vì một số người được đưa đi nghiên cứu quá khứ đã trốn luôn không quay trở lại), đẩy một cặp nam nữ—nam tên A, nữ tên E—là hai người trẻ nhất trong nhóm đi lùi vào quá khứ, ghi nhận các dữ kiện quan trọng và yếu tố đặc thù của nền văn hóa tổ tiên.

Chuyến đầu tiên, cặp nam nữ này rời khỏi nhóm của họ khoảng bảy tháng, nhưng đối với đời sống quá khứ, họ đã đi vòng quanh thế giới gần 60 năm, thu thập khá nhiều dữ kiện quan trọng của đời sống loài người cách xa họ cả ngàn năm (tính theo thời gian bình thường của chúng ta). Trở về lại hang núi, họ lần lượt trình bày những điều mắt thấy tai nghe cho hội đồng lãnh đạo và một ủy ban đặc trách nghiên cứu về nguồn gốc tổ tiên. Họ trình bày và trao đổi với nhau bằng các ký hiệu, diễn dịch ra ngôn ngữ chúng ta như sau.

“Thưa các bô lão, chúng tôi xin đúc kết vài điểm then chốt nhất trong vô số điều lạ lùng trong đời quá khứ của tiền nhân chúng ta... Phải nói rằng, tiền nhân chúng ta rất ư tội nghiệp. Họ sống khổ cực lắm. Tóm tắt có năm điểm nổi bật khiến đời sống họ khổ sở và tốn kém rất nhiều thời giờ là ngủ nghỉ, ăn uống, làm tiền, ham danh và yêu đương. Thứ nhất, trong khi chúng ta không hề ngủ, thì tiền nhân họ phải ngủ trung bình là 8 giờ đồng hồ; không ngủ thì không được. Họ không nghỉ ngơi chút xíu đâu mà là ngủ, ngủ suốt cho tới khi mặt trời sắp mọc. Khi ngủ, đầu óc của họ hoàn toàn buông xả, không làm việc, hoàn toàn mất ý thức, chẳng biết gì xảy ra chung quanh, trông như là người chết ấy. Người nào bị chứng mất ngủ thì coi như là bệnh hoạn, phải đi bác sĩ, xin thuốc uống. Ngủ đủ giấc thì thấy tươi tắn, khỏe khoắn. Mà giấc ngủ dường như đem lại cho họ niềm hạnh phúc lắm vậy, cho nên họ ham ngủ và chịu mất thời giờ vì nó. Thứ hai, để phát

triển và nuôi dưỡng cơ thể, mỗi ngày họ phải ăn uống các loại thực phẩm từ thực vật cho đến động vật—ôi chao, giết động vật khác để ăn đấy quý vị ạ! Từ lâu đời, họ đã tạo ra thói quen ăn uống rồi càng lúc càng chế biến ra đủ loại thức ăn cầu kỳ, kiểu cộ, rườm rà... một cách phi lý. Cuối cùng, thức ăn không phải chỉ để nuôi dưỡng cơ thể mà để phục vụ vị giác. Chỉ vì đáp ứng cái vị giác mà họ phải chịu tốn kém công sức, tiền bạc, thời giờ. Ôi, thật là buồn cười. Hặc hặc... chưa hết đâu nhé, có một thời, ở một vùng đó, con người bị mập phì ra vì ăn nhiều chất bổ dưỡng, đến nỗi không đi đứng gì được nữa, phải nằm ì một chỗ. Một số người khác thấy vậy sợ quá phải lo nhịn ăn uống trở thành ốm tong ốm teo, cũng nằm ì một chỗ chờ chết. Chung qui cũng chỉ vì chuyện ăn uống ấy thôi quý vị ạ. Thứ ba, muốn có một nơi để ở yên mà ngủ nghỉ ngon giấc cũng như những bữa ăn ngon lành sướng miệng thì người ta phải làm việc để kiếm tiền. Làm việc có nhiều cách, không làm sao kể hết. Tự trung thì lấy kiến thức, kinh nghiệm, sáng kiến, thời giờ, tài năng, vật sản... của mình ra để đánh đổi lấy những đồng tiền. Những đồng tiền ấy ban đầu là biểu vật để trao đổi hàng hóa, dần dần nó trở nên quan trọng và chi phối toàn bộ đời sống vật chất của con người. Nhiều người đánh giết nhau hoặc yêu, hoặc ghét nhau, cũng chỉ vì đồng tiền và những sản vật. Mà kỳ thực, đồng tiền chỉ là những tờ giấy màu xanh, màu đỏ thôi, thưa quý vị. Đó là 3 yếu tố về mặt vật chất. Đến cái thứ tư, thuộc về tinh thần, là cái cũng làm khổ tiền nhân chúng ta khủng khiếp lắm, nhất là vào thời kỳ gọi là hậu-hậu-hựu-hậu-hậu-hiện-đại (tức là thời kỳ tiền-cách-mạng-thân-xác); đó là cái danh, hì hì, chắc quý vị không tưởng tượng ra nổi phải không? Xin thưa, danh là cái tên, cái hiệu đặt cho mỗi người đấy ạ. Chúng ta cũng có những ký hiệu để phân biệt từng cá nhân với nhau, nhưng đối với thời đại của tiền nhân thì ký hiệu của chúng ta không thể gọi là

‘danh’ được; bởi vì ‘danh’ của tiền nhân là một cái gì có vẻ thiêng liêng, quan trọng, giống như là bảo vật, bất khả xâm phạm, bất khả xúc phạm...”

“Hây, khó hiểu quá! Chỉ là một cái hiệu, một tiếng gọi thôi, có gì mà thiêng liêng với bất khả xâm phạm chứ!” một ông trong hội đồng khó chịu, lên tiếng.

“Vây mới nói!” anh A hóm hỉnh tiếp. “Cái danh đó được đặt bởi cha mẹ của mỗi người từ khi mới sanh ra. Cái danh lớn dần theo tuổi tác của mỗi người và gắn chặt vào con người đó đến nỗi xúc phạm đến cái danh chính là xúc phạm đến họ. Ôi, các ngài không biết đâu, vào thời đó, nếu người ta vô cớ bị người khác đấm một cái đau điếng thì trong vòng cao lắm là một giờ đồng hồ, họ sẽ bỏ qua ngay; nhưng lỡ mà lấy cái danh của họ ra mà... đấm, mà đá, mà lăng nhục, chửi bới, nguyền rủa... thì họ sẽ ăn ngủ không yên suốt đời đấy ạ!”

“Lạ lùng thật! Làm sao có chuyện đó được nhỉ? Làm sao mà giữa cái danh và cái thực lại gắn liền với nhau như thế!” ông trưởng ủy ban nghiên cứu lên tiếng. “Thế sao họ chẳng chịu cắt bỏ cái danh đi, coi như không có nó, thì có phải là thanh thoi không! Khỏi phải lo sợ bị xúc phạm!”

“Không phải chỉ là chuyện xúc phạm đâu, thưa ngài. Ngược lại, tâng bốc và ngợi khen cái danh thì cũng chính là đề cao con người ấy khiến người ta cũng sẽ được sung sướng, quên ăn bỏ ngủ, và niềm hạnh phúc này cũng có thể ảnh hưởng cả đời đấy thưa quý ngài. Chưa hết đâu, ôi dào, ban đầu cái danh chỉ dùng để phân biệt, càng về sau, nó càng rườm rà hơn và chi phối thật nặng vào đời sống con người; đến nỗi nó còn kéo theo những cái gọi là chức vụ, vị thế, phẩm hàm, giai cấp, chủng loại... nữa kia. Có một thời, tiền nhân chúng ta không còn thiết tha chuyện ngủ nghỉ, ăn uống, tiền bạc, vật chất... gì nữa, mà chỉ thích thú say sưa với sự nêu danh tính và chức vụ của mình giữa đám đông. Người nào có tên và chức vụ càng

dài thì càng được trọng vọng. Đến nỗi trong những lúc nhóm họp, người ta phải tốn hơn nửa thời gian để nêu cho hết những danh tính và địa vị. Mà cái việc nêu danh này càng lúc càng trở nên một nghiệp vụ đòi hỏi sự chuẩn xác cũng như sự tinh tế về tâm lý để làm vui lòng mọi người. Nêu tên ai mà thiếu mất một chức vụ đi kèm của họ thì ắt là có chiến tranh xảy ra đấy thưa quý ngài.”

“Ôi thôi, phiền quá, nghe chán ngắt,” ông hội đồng đứng dậy xua tay, “thôi đừng nói cái chuyện tào lao đó nữa làm tao tức cả ruột đây nè. Tự dưng đặt ra cái tên để rồi khổ sở với nó suốt đời! Ông bà chúng ta thật là... u mê hết sức vậy đó. Thôi, dẹp cái điều thứ tư đó đi, qua điều thứ năm coi bộ hấp dẫn hơn à.”

“Thưa vâng, điều thứ năm, phải rồi, rất hấp dẫn, đó là tình yêu, hay đúng hơn là yêu đương, rất phổ cập trong suốt mấy ngàn năm của quá khứ, được ghi lại rất nhiều trong sách, báo, phim ảnh... mà vẫn không làm sao cất nghĩa được một cách đầy đủ chính xác.”

“Khoan, xin ngắt lời, sách, báo, phim ảnh... là sao?” ông ủy viên nói.

“À quên nữa, sách báo là những xấp giấy đóng thành tập như vậy, ghi chép những kinh nghiệm, những suy nghĩ cũng như những biến cố xảy ra trong đời sống ở khắp nơi. Tội nghiệp! Họ muốn hiểu biết nhiều thì phải lo đọc nhiều; không đọc thì không biết. Cho nên kiến thức của họ rất là giới hạn. Người trẻ phải đến trường để ghi nhận những hiểu biết của người đi trước. Cái học đó giúp cho họ có được việc làm ở các công sở, hãng xưởng, tiệm... Còn phim đấy à?... thì là những câu chuyện do một nhóm người giả đặt ra, làm bộ giống như thật, thu hình rồi chiếu lại cho mọi người xem ấy mà. Vậy mà người ta cũng hồi hộp, cũng xúc động, cũng cười, cũng khóc đấy ạ. Ha ha. Thấy cũng lạ. Họ biết đó là giả nhưng họ vẫn đưa cảm giác của họ theo phim. Đó là một cách giải trí của họ. Chiếm khá nhiều thời giờ trước khi đi ngủ...”

“Thôi, thôi, đi lạc đề rồi,” ông hội đồng lại xen vào, “đang nói chuyện tình yêu tự dừng nhảy qua sách báo phim ảnh là sao! Trở lại lập tức, xin hỏi, có phải tình yêu cô cậu muốn nói ở đây là... cái việc thông đồng dục lạc với nhau qua tia mắt giống như chúng ta đấy à?”

“Không đơn giản như vậy đâu... Ừm, có thể nói là về mặt tình yêu, họ có cái gì đó có vẻ phong phú, không, ý tôi muốn nói là họ rườm rà, kiểu cách hơn chúng ta nhiều,” anh A nói mà tự dừng cơ thể và đầu óc anh bị rung lên kỳ lạ.

“Gì vậy, cậu có sao không?” một người khác trong ủy ban đặc trách nghiên cứu văn hóa tiền nhân hỏi.

“Ồ... chẳng hiểu sao nữa, tự dừng nhớ lại cái cách tiền nhân chúng ta yêu nhau, bỗng thấy cơ thể nóng ran lên, choáng váng cả mặt mày vậy đó,” anh A nói.

“Tôi cũng có cảm giác đó nữa,” cô E xen vào, một tay để lên ngực.

“Thôi, thôi, các cô cậu phiền quá đi. Bộ không kiểm soát được xúc cảm sao chứ! Trở lại vấn đề đi, trình bày sơ sơ về tình yêu của tiền nhân, khác chúng ta chỗ nào.”

Anh A ngó cô E, cô E ngó lại anh A. Chưa ai biết nói gì. Phải một lúc lâu anh A mới cố gắng:

“Xin trở lại vấn đề, trong khi 3 điều đầu tiên thuộc về vật chất, điều thứ tư thuộc tinh thần, thì điều thứ năm này lại bao gồm cả tinh thần lẫn vật chất đấy thưa quý ngài. Có nghĩa là trong tình yêu của tiền nhân, không phải chỉ có sự thông đồng dục lạc như chúng ta mà kèm theo đó là một mối cảm xúc dạt dào xoáy mạnh trong tim, rung động cả toàn thân, ảnh hưởng toàn bộ sức sống của con người cả trên mặt tâm lý lẫn vật lý, lẫn sinh lý đấy ạ.”

“Khó hiểu quá!” ông hội đồng ngắt lời. “Nhưng... cũng khá lý thú đấy. Có thể đây là điểm mà ủy ban nghiên cứu cần để tâm. À, nếu nói như cậu thì tình yêu hay sự yêu đương của tiền nhân đâu phải là yếu tố khổ đau, mà phải là yếu tố của hạnh phúc chứ?”

“Ờ, cũng khó mà trình bày cho quý ngài đầy đủ được. Chúng tôi cũng không dám kết luận rằng tình yêu ấy là hoàn toàn mang lại khổ đau hay thuần hạnh phúc. Bởi vì nó không thuần là tinh thần, cũng chẳng thuần là thể xác, mà là sự kết hợp của cả hai mặt. Tùy theo cảm nhận của mỗi người mà nói là khổ hay vui. Nhìn chung, nếu so với đời sống đơn thuần của chúng ta hôm nay thì họ có vẻ khổ đau lắm, nhưng... ôi, thật khó nói, chẳng biết chừng họ lại hạnh phúc, ai mà biết được.”

“Thiệt là dài dòng, rắc rối,” ông ủy viên cau có xen vào.

“Để cho dễ hiểu, xin trả lời tôi: giữa tiền nhân và chúng ta, điểm khác nhau nổi bật trong tình yêu là ở chỗ nào?”

“Khác nhiều lắm chứ. Trước hết, tình yêu của tiền nhân luôn có tính cách chiếm hữu. Toàn bộ cuộc sống của họ cũng vậy, phải chiếm hữu; không chiếm hữu thì không có hạnh phúc. Tóm lại, yêu đương là chiếm hữu, chiếm hữu tình cảm và chiếm hữu thân xác. Ngoài ra, vì thân xác của họ rất rườm rà nên sự biểu lộ tình yêu của họ qua thân xác cũng rườm rà. Họ có bộ phận sinh dục ở chỗ này, đàn ông khác, đàn bà khác. Còn ngực của đàn bà đó hả, không phải phẳng lì như bức vách của cô E đâu, mà nó cộm ra như vậy nè! Bởi vì cơ thể của họ cần sự ăn uống để phát triển chứ không phải chích thuốc và thay đổi tế bào như chúng ta, cho nên đàn bà sinh con phải có vú và có sữa để tiếp tế cho đứa con mỗi khi nó đói đấy ạ! Đó là lý do mà ngực của đàn bà thời đó, hì hì, thấy tức cười lắm!”

“Dạ đúng, ngực của đàn bà thời xưa rất xấu, thô, nặng nề lắm, họ phải dùng nịt để giữ nó lại đó, rất phiền phức,” cô E tiếp lời, “chứ đâu có được gọn đẹp như tôi.”

“Tuy vậy, có một thời đại người phụ nữ lại cố ý làm cho bộ ngực của họ to lớn thô kệch hơn một cách dị thường bằng cách bơm hay nhét đồ giả vào...” anh A vừa nói vừa cười, “mà để được như vậy, họ phải chịu tổn kém tiền bạc đấy thưa quý ngài. Điều đó chứng minh rằng cái thị

hiếu của người đàn ông thuở ấy khác với chúng ta hôm nay: họ thích cái gì thô kệch to tướng kia!”

“Thôi, rườm rà quá, không cần bàn rộng cái chuyện đó làm gì. Nghe tôi hỏi nè: họ yêu nhau thế nào? trình bày đi chứ nói quanh co hoài vậy!” ông hội đồng gắt.

“Thưa, không phải họ chỉ khác chúng ta ở bộ phận sinh dục đâu à, mà còn khác ở chỗ họ có trái tim nữa kia. Trái tim nằm trong lồng ngực, phía bên này. Tôi nghĩ dường như trái tim mới chính là trung tâm, là tham mưu của mọi sinh hoạt yêu thương của họ đó. Cô E có nghĩ vậy không?” A hỏi.

“Chắc anh nói đúng. Trái tim của họ điều khiển lòng thương yêu và khát dục. Không có sự rung động của nó hình như họ không có tiến đến chuyện trao đổi tình dục được.”

“Lạ nhỉ. Sao họ lại phải tốn nhiều thời giờ cho trái tim như vậy! Sao không lược bớt, bỏ bớt nó cho khỏe? Thế họ trao đổi ra sao hả?” ông ủy viên nôn nóng hỏi.

“Lược bớt trái tim thì phải đến thời đại cách-mạng-thân-xác cách chúng ta 1,000 năm như quí ngài đã biết đó mà. Còn cái thời mà chúng tôi nghiên cứu là thời trước đó nữa, xưa hơn. Thời đó cơ thể người ta nặng nề lắm, còn đủ thứ linh tinh trong người nữa chứ không phải chỉ trái tim không thôi. Họ không biết bay, chỉ đi bộ thôi. Muốn bay thì phải mua vé lên con chim sắt khổng lồ, để nó chở đi. Sau đó khoảng một trăm năm thì họ cải tiến những chiếc xe chạy trên đường để có thể vừa bay được trên không, ai cũng có xe ấy cả nên không cần con chim sắt nữa. Trở lại vấn đề, họ trao đổi tình dục thế nào ư? À hừm... hi hi, tức cười lắm,” A nói, “có thể nói đó là một việc làm khổ nhọc với những tư thế và động tác rất buồn cười và thô tháo, nhưng dường như khoái cảm mang lại thì cực mạnh chứ không phải một thoáng vụt qua như chúng ta đâu.”

“Buồn cười thế nào, trình bày cho mọi người nghe, đừng

có đùa nữa,” ông hội đồng thúc giục.

“Thưa, không trình bày được ạ, vì tình yêu của họ là một điều vô cùng phức tạp, khó hiểu. Có khi tưởng như là yêu mà thực ra chỉ là ham muốn tình dục, có khi tình queo chẳng thấy biểu hiện gì cả mà thực sự bên trong lại có yêu đấy ạ.”

“Gì mà kỳ thế! Có sao thì phải làm vậy chứ, sao họ không biểu lộ sự thực mà phải dối?”

“Không phải họ dối đâu. Ưm... chẳng biết phải giải thích sao với quý ngài điều đó. Tóm lại là tình yêu của họ khó định nghĩa lắm. Dường như nó chỉ có thể cảm nhận được nhờ sự đập nảy của trái tim đấy ạ. Nói chung, cái thời của họ, làm việc gì cũng phải tốn nhiều công sức lao động cho nên trong sinh hoạt tình dục cũng thế, họ dùng sức dữ lắm, cuối cùng thì mệt lả rồi lăn ra ngủ!”

“Dễ sợ đến thế cơ à!” ông ủy viên nhăn mặt than, “thế có diễn tả cho chúng tôi xem được không?”

“Diễn tả đấy à? Quý ngài hỏi ý cô E xem?”

“Mình đâu có những bộ phận như họ đâu mà diễn tả cho giống! Quý ngài chỉ cần biết đại khái là họ lao động cực nhọc, thô tục, nặng nề, không được thoải mái nhẹ nhàng như sinh hoạt tình dục của chúng ta. Biết vậy được rồi,” cô E phân trần.

“Nhưng cái điều thắc mắc ở đây là tại sao cực khổ như thế mà họ vẫn cứ phải làm chứ? Không lẽ họ thích sự cực khổ?” một người hỏi.

“Không phải vậy đâu,” anh A xua tay nói liền, “đĩ nhiên là họ có niềm hạnh phúc, sung sướng của họ chứ. Ngay cả những vấn đề khác cũng thế đấy, chứ không riêng vấn đề tình dục. Mà thử nghĩ xem, ở vấn đề tình dục mà họ còn chịu khổ sở như vậy huống gì những vấn đề khác. Chưa kể đến chuyện sinh đẻ của họ: khốn khổ vô cùng tận. Tóm lại là nếu nói theo tâm thức cá nhân thì tôi thấy tiền nhân hạnh phúc hơn chúng ta, nhưng với tập quán cộng đồng thì chúng ta không thể nào chịu đựng nổi cuộc

sống của tiền nhân đâu ạ.”

“Nói lạ vậy! Tại sao lại phân biệt cá nhân với cộng đồng như thế?” ông hội đồng hỏi.

“Là bởi vì... niềm hạnh phúc và khổ đau của tiền nhân hoàn toàn tùy thuộc vào ý chí tự do của mỗi cá nhân: muốn khổ thì họ sẽ khổ, muốn vui thì họ sẽ vui. Họ có thể tự quyết định chọn lấy con đường dẫn đến hạnh phúc hay khổ đau, mà những con đường ấy thường thì do các tôn giáo hay những nền triết học phương này phương kia hướng dẫn.”

“Nhưng rốt cuộc thì khổ đau vẫn nhiều hơn hạnh phúc?” ông hội đồng hỏi vặn lại.

“Chỉ là tương đối thôi. Không có khổ đau thì sẽ không có hạnh phúc đâu ạ.”

“Có nghĩa là họ tìm hạnh phúc trong sự đau khổ à?” ông hội đồng vẫn kiên trì hỏi tới.

“Hạnh phúc trong đau khổ, có thể tạm kết luận như vậy đi, nhưng... dường như là họ phải chấp nhận lối sống ấy, không thể nào làm khác đi được... để chờ đợi cho tới những thời kỳ cách mạng sau này, mới thay đổi được phần nào hiện trạng đó. Tóm lại, trong năm điều nổi bật của tiền nhân, bốn điều mang lại khổ đau đã được chúng ta cải cách, triệt bỏ đi từ lâu rồi; còn điều thứ năm thì chúng tôi cho rằng nó nằm ở lưng chừng hạnh phúc và khổ đau. Nếu chúng ta nghiên cứu và khai thác đúng cách, e chừng chúng ta có thể mang về thêm cho đời sống chút thú vị nào đó... Nhưng, thưa quý ngài, tôi có thể trình bày thêm điều này được không ạ: tiền nhân có những cái gọi là nghệ thuật mà thời nay chúng ta không còn dùng đến nữa; chẳng hạn âm nhạc, hội họa, văn chương, nhiếp ảnh... Những thứ này cũng góp phần mang lại hạnh phúc cho đời sống tiền nhân, khiến cho đời sống của họ phong phú hơn, đi sâu vào xúc cảm hơn...”

“Xúc cảm, xúc cảm! Những thứ tầm phào chẳng lợi ích chi cả. Cậu không nhớ rằng chúng ta truy diệt xúc cảm

đến cùng để có được đời sống bình lặng hôm nay sao? Vô ích cho những thứ nghệ thuật gì đó mà anh nói,” một ông trong hội đồng thét lên.

Ông trưởng ủy ban đứng dậy, xua xua bàn tay, ra dấu A đừng nói nữa, rồi ông lấy vẻ trịnh trọng, nói:

“Cái chuyện hạnh phúc hay khổ đau không phải là đơn giản đâu. Đừng có hỏi và nói linh tinh lang tang như vậy mất thời giờ. Hãy quan sát, lắng nghe hai cô cậu trình bày theo từng câu hỏi của ủy ban nghiên cứu thì may ra mới dẫn đến kết luận được. Thưa quý ngài trong hội đồng, xin để dành công việc tra vấn, nghiên cứu cho ủy ban chúng tôi ạ.”

Thấy mọi người gục gặc đồng ý rồi, ông ủy viên ngồi xuống, thung thủng hỏi tiếp:

“Theo chỗ tôi nhận xét, tiền nhân chúng ta phải đánh đổi lấy hạnh phúc của họ bằng một quá trình khổ đau nhiều hơn gấp 20 lần hơn, phải không hai cô cậu?”

“Thưa... phải. Muốn hạnh phúc 1 thì phải chịu cực khổ 20 lần, có khi 100 lần lớn hơn đấy ạ,” anh A nói.

“Trong suốt bao nhiêu năm dài, tiền nhân chúng ta không nhận thức ra được cách thế nào để thoát khổ ư?”

“Thưa, có những triết gia, những giáo chủ các tôn giáo, đề nghị những phương cách giải quyết khổ đau, nhưng chẳng mấy người áp dụng được, cho nên, vẫn tiếp tục chịu khổ thôi ạ.”

“Lạ nhỉ! Biết là có con đường thoát khổ nhưng vẫn không chịu áp dụng. Cái tâm lý gì mà kỳ quặc thế! Chẳng lẽ con đường thoát khổ ấy khó thực hiện lắm sao? Những triết gia, lãnh tụ tôn giáo có nhiều không? Họ đưa ra bao nhiêu phương cách giải quyết khổ đau? Tự trung cô cậu có thể kể ra một vài phương cách điển hình được không?”

“Thưa, có thể tạm rút lại thành hai khuynh hướng nổi bật nhất thời bấy giờ: một là tôn thờ thần linh để được hạnh phúc sau khi chết; hai là phủ nhận sự thực hữu độc lập

của cá ngã và thế giới khách quan để tìm thấy sự bình an trong cuộc sống.

“Khuyh hướng thứ hai thì có vẻ tương tự cuộc sống bình thường của chúng ta ngày nay: nhìn thế giới như là những huyền tượng nên không bám chắc vào nó; còn khuyh hướng thứ nhất, sao lạ quá! Có thể nói kỹ hơn được không? Tại sao phải tôn thờ một thần linh? Thần linh đó ở đâu? Là người thế nào? Giống chúng ta không?”

“Những thần linh đó theo tiền nhân chúng ta thì không phải là người mà là thần, có nghĩa là những người siêu việt, có quyền năng biến hóa và làm những ảo thuật.”

“Ví dụ?”

“Họ biết bay, biết biến hóa, biết chữa bệnh bằng phép lạ; có khả năng gây ra tai họa to lớn cho nhiều người và khả năng ban điều phúc lợi cho một số ít người.”

“Thế thì thần linh cũng giống như chúng ta thôi chứ gì! Nếu mà tôi đi lui vào thời ấy, làm những điều bình thường của tôi hôm nay, thì tiền nhân chúng ta sẽ nghĩ rằng tôi là thần linh, có phải không?” ông ủy viên vừa nói vừa cười nửa miệng.

“Có thể là như vậy. Nhưng thần linh của họ khác chúng ta ở chỗ... hình như thần linh chỉ có trong trí tưởng tượng của họ mà thôi.”

“Lạ vậy! Nói rõ hơn một chút được không? Vậy hai cô cậu chưa hề gặp những thần linh của tiền nhân sao?”

“Chúng tôi chỉ đọc trong tư tưởng của tiền nhân và thấy hình ảnh những thần linh trong đó mà thôi. Còn trên thực tế thì chẳng bao giờ gặp thần linh cả,” anh A nói xong rồi ngờ ngợ ngó cô E. Cô E liền đứng dậy tiếp:

“Có một thời đại người ta chống lại khuyh hướng tin tưởng thần linh nhưng lại thần-hóa một cá nhân nào đó để dễ điều động đám đông. Thời đại này có thể nói là thời đại kịch cớm và tệ hại nhất của quá khứ. Bởi vì, tà là thần linh trong trí tưởng, dù sao cũng còn cái vẻ linh thiêng không-khuyết-điểm không chạm đến được; đàng

này, thần linh chỉ là một con người được tô vẽ cái điều thánh thiện mà nó không có, che giấu những điều tệ hại mà nó có rất nhiều, để rồi dụ hoặc quần chúng, lôi kéo họ đi theo con đường của mình.”

“Có thể xem đó là phương cách cố ý biến con người thành nô lệ cho một nhóm người thông qua hình ảnh của thần linh hay lãnh tụ,” anh A hứng chí tiếp lời cô E, “vì chỉ có những kẻ nô lệ mới mang lại nhiều lợi ích cho những chủ nhân ông tự do mà thôi.”

“Không cần thiết nói nhiều về giai đoạn tệ hại như thế. Trở lại vấn đề thần linh, cô cậu nói rằng chỉ là những hình ảnh trong tư tưởng của tiền nhân? Thế thần linh có giống chúng ta không?” ông ủy viên nghiêm trọng hỏi.

“Xấu hơn chúng ta nhiều. Vì thần linh của tiền nhân cũng có thân thể nặng nề, cũng lông lá, râu ria, tóc tai, và cũng mặc áo quần... y như chính họ mà thôi—đâu có được nhẹ nhàng như chúng ta. Cho nên trong thời gian nghiên cứu, tôi với cô E cứ phải lẫn tránh mọi người dữ lắm chứ không thôi thì gây nên lắm chuyện xôn xao. Nội cái chuyện biết bay của chúng ta là đã làm náo động cả thế giới của tiền nhân rồi. Hì hì, có lần một đám nông dân thấy chúng tôi bay ngang trời liền xúm nhau sụp lạy, rồi đọc những bài kinh gì đó... họ tưởng chúng tôi là thần linh đấy ạ.”

“Ôi tội nghiệp. Tóm lại là họ tôn thờ những thần linh mà họ chẳng bao giờ gặp? Chính vì bất lực trước thiên nhiên mà họ đặt kỳ vọng vào những cái siêu nhiên do chính trí tưởng của họ nặn đắp ra?”

“Phải, chỉ là những kỳ vọng để thoát khỏi thực trạng bất toàn của họ.”

“Thế còn khuynh hướng kia, phủ nhận sự thực hữu độc lập của thế giới và con người, có vẻ giống chúng ta ngày nay, nhưng sao cũng không giúp thay đổi được cuộc sống đau khổ của tiền nhân?”

“Giống nhưng lại chẳng giống, vì khuynh hướng này chỉ

thuần là sự đào sâu vào tâm linh chứ không đi theo con đường cách mạng vật chất và kỹ thuật như chúng ta. Trong khi chúng ta—từ thời đại cách mạng thân xác đến nay—tìm bắt và hủy diệt những phần tử xấu có ý đi lệch ra ngoài sự đồng nhất của hành tinh thì họ chỉ lo tìm bắt và hủy diệt những tư tưởng và ý niệm xấu hoặc có khuynh hướng vun bồi sự tách ly tổng thể.”

“A, hay đấy, hay đấy! Nhưng điều này thì ngày nay chúng ta đã làm bằng kỹ thuật cài chip điện tử, chọn lựa và loại trừ những điều tốt-xấu ra khỏi não bộ mọi người mỗi hai năm,” ông ủy viên tự mãn nói.

“Nhưng chúng ta không hủy diệt được cái động lực chính của những kỳ vọng, ảo vọng, khát vọng,” anh A lắc đầu nói, rồi tự dừng bực hững, anh tiếp luôn một tràng dài, “chúng ta chỉ chọn lựa, thay đổi, hủy diệt những cái ngon, còn cái gốc là cái động lực chính nảy sinh tư tưởng và ý niệm thì chúng ta chịu thua, chúng ta chẳng biết nó nằm ở đâu mà thay đổi hay hủy diệt, phải không? Đó là lý do mặc dù chúng ta đã trải qua gần 1,000 năm của thời kỳ cách-mạng-thân-xác và cách-mạng-não-bộ, những hiện tượng tội ác, điên rồ, phá hoại cộng đồng... vẫn tiếp tục xảy ra, và trên thực tế, chúng ta cũng đâu có thực sự hạnh phúc!”

“Nè, nè, cậu A nói cái gì kỳ vậy? Chúng ta vẫn chưa tìm được nguyên nhân gây nên các ảo vọng, tôi đồng ý, nhưng nói chúng ta không hạnh phúc thì cậu phải nói lại đó nghe! Căn cứ vào đâu mà cậu nói vậy, đụng chạm nền văn minh chói đỉnh của hành tinh hôm nay, lệch hẳn quỹ đạo suy tư của cộng đồng! Cậu hãy cẩn thận lời phát biểu và ý tưởng xấu kiểu đó nhé!” Ông ủy viên nóng mặt đứng dậy nói, rồi ngồi xuống, rồi lại đứng dậy tiếp. “Hạnh phúc của chúng ta có được hôm nay là thành quả của cả một quá trình 1,000 năm lọc bỏ dần dần từ thể xác đến tinh thần, những bộ phận thừa thãi, cũng như những cảm giác khổ đau và phiền toái không cần thiết của đời

sống con người. Cậu không thấy rằng chính nhờ phấn đấu liên tục trong cách mạng kỹ thuật mà chúng ta có thể đứng ngang hàng với các cư dân của Kim tinh, Mộc tinh, Thủy tinh, Hỏa tinh và Thổ tinh hay sao chứ!”

“Cho dù là vậy, trên thực tế, chúng ta vẫn còn ngụp lặn trong những ảo vọng. Hạnh phúc của chúng ta cũng chỉ là ảo vọng mà thôi. Tại sao chúng ta lại chọn đời sống cách ly trong hang núi như thế này nếu hành tinh thực sự có hạnh phúc? Chúng ta chỉ giả vờ chấp nhận ảo giác bình an tạm thời để thay thế những cảm giác thực sự của tiền nhân. Chúng ta đơn giản hóa tất cả mọi vấn đề để rồi lại bị xỏ mũi bởi cái nguồn ảo giác sôi sục kia...” anh A hăng say nói, như một kẻ lên đồng, quên cả mọi người đang trở mắt và há họng nghe. Cô E dùng tia mắt, bắn tín hiệu qua nhằm ngăn cản anh A lại, nhưng anh cứ phớt lờ, nói tiếp. “Thực sự thì công tác đi về quá khứ để nghiên cứu nền văn hóa của tiền nhân chỉ là một cách nói hoa mỹ chứ nói đúng ra thì chúng ta kỳ vọng tìm được một đời sống hạnh phúc hơn đời sống hiện tại, phải vậy không thưa quý ngài?”

“Nói tầm bậy! Anh im đi, đừng có phát biểu linh tinh nữa. Anh đúng là kẻ phản cách mạng! Thưa hội đồng, có nên trừng phạt phần tử đã đi lệch hướng này hay không?” Ông hội đồng xoa tay, ôn tồn nói:

“Thôi, xin can. Mọi thứ đâu đã xong, còn trong vòng nghiên cứu mà. Thì cứ để hai cô cậu này nói hết những ý nghĩ của họ. Chính đó là phản ứng trung thực của con người giữa hai đời sống ấy mà. Bây giờ tạm thời nghỉ ngơi, ta sẽ họp lại sau nhé. Tan hàng!”

Chờ cho mọi người tản ra rồi, ông hội đồng ngoắc anh A lại, nói nhỏ:

“Tôi hỏi riêng cậu điều này nhé: có phải là cậu có cảm giác rằng tiền nhân chúng ta dù thô kệch, nặng nề, thiếu văn minh, nhưng họ sống hạnh phúc hơn chúng ta nhiều không?”

“Ồ... câu trả lời của tôi có được đưa vào phần tư liệu của chương trình nghiên cứu không ạ?”

“Không, chỉ nói riêng với tôi thôi mà, nói thực đi, không sao đâu.”

“Dạ thưa đúng như vậy. Mặc dù phải dụng nhiều công sức khổ đau để có được hạnh phúc, tiền nhân chúng ta cũng thực sự nếm được hạnh phúc của họ đấy thưa ngài hội đồng. Còn chúng ta, khổ đau không có nhưng cũng chẳng có cái quái gì gọi là hạnh phúc cả. Chỉ là sự bình lặng của một dòng vô cảm được bảo vệ bằng các hệ thống kiểm soát tư tưởng... rất là khô khan, nhàm chán. Thưa ngài hội đồng, theo tôi thì càng trở về gần với nguyên ủy chừng nào thì niềm hạnh phúc sẽ to lớn nhiều chừng đó. Cái thời mà tôi và cô E nghiên cứu vẫn còn là cái thời tương đối nhiều khổ đau và phiền tạp, vì thời đó tiền nhân chúng ta mang nhiều tham vọng là biến cải đời sống vật chất càng lúc càng trở nên tiện nghi hơn; vì vậy họ tiến từ chỗ đơn sơ đến chỗ rườm rà, mà càng rườm rà thì càng ít hạnh phúc. Từ thời đại của họ tiến dần đến thời đại chúng ta giống như tiến từ chỗ rườm rà đến chỗ đơn sơ trở lại. Nhưng chúng ta đi trật đường rồi thưa ngài hội đồng ạ. Bởi vì đơn sơ không nghĩa là cắt giảm đi những bộ phận nguyên ủy của thân xác và ngoại vật mà chính là đơn sơ trong tâm hồn đấy ạ. Ngài hội đồng không tin cứ hỏi cô E thử xem sao.” Cô E nãy giờ đứng chàng ràng quanh đó, nghe vậy thì trở tới ngay. Ông hội đồng lại đặt câu hỏi:

“Theo cô E thì tiền nhân chúng ta hạnh phúc nhất ở điểm nào?”

“Ồ trong tình yêu và cách biểu lộ tình yêu của họ đấy thưa ông hội đồng.”

“Họ thực sự là hạnh phúc trong vấn đề ấy à? Không gì cao hơn sao?”

“Có những loại hạnh phúc khác nữa, nặng nhẹ khác nhau, nhưng tựu trung thì đối với toàn thể con người thời

ấy, tình yêu đứng hàng đầu.”

“Vậy nếu chúng ta cũng vinh danh tình yêu để được hạnh phúc như họ thì cô cậu nghĩ có thể làm được không?”

“Thưa không ạ. Vì chúng ta không có trái tim, không có bộ phận sinh dục nguyên ủy, không có hệ thống thần kinh liên hệ giữa não, tim, bộ phận sinh dục và toàn thân.”

“Vậy sao! Thế thì chúng ta vô phương cảm được cái hạnh phúc của tiền nhân à?”

“Vô phương,” cô E lạnh lùng nói.

“Ngoại trừ chúng ta khôi phục lại trái tim và các hệ thần kinh đã bị lược bỏ từ 1,000 năm đổ lại đây,” anh A khẳng định.

“Có cách nào không? Những thứ đó chúng ta có thể chế biến ra được ấy mà, nếu cô cậu diễn tả đúng?” ông hội đồng phấn khởi hỏi.

“Tự mình suy nghĩ rồi chế biến thì không mang lại cảm giác thực sự của tình cảm đâu ạ. Cho nên, phải mượn hai cái xác nguyên vẹn mạnh khỏe của những người mới vừa chết trong thời đại nguyên ủy rồi trở lại đây, cấy giống từng bộ phận cho mọi người.”

“Hay lắm, ý kiến hay. Cô E nghĩ sao?” ông hội đồng xoay qua cô E.

“Đó là điều mà tôi và anh A bàn với nhau trước khi về đây báo cáo. Chúng tôi không dám làm trước vì sợ về đây bị khiển trách. Nếu ông hội đồng cho phép thì chúng tôi sẽ thực hiện trong chuyến đi tới,” cô E vui mừng nói.

“Nhưng cô cậu có bảo đảm là mang hai cơ thể của thời ấy về đây sẽ không gây nguy hại cho hành tinh chứ?” ông hội đồng vẫn còn chút nghi ngại.

“Dạ bảo đảm mà. Chỉ sợ là ông hội đồng không thuyết phục được toàn hội đồng lẫn ủy ban nghiên cứu mà thôi.”

“Nếu không thuyết phục được, tôi sẽ tìm cách bảo vệ và che giấu cô cậu ở một vùng cách ly khác, được không? Chỉ khi nào bảo đảm có hạnh phúc và an toàn với thân

thể nguyên ủy của tiền nhân thì tôi mới công bố.”

“Ý kiến hay. Ông hội đồng ủng hộ hai chúng tôi nhé. Chúng tôi bảo đảm sẽ thực hiện được kế hoạch mà,” anh A vô cùng phấn khởi.

Sau đó là một cuộc họp kéo dài đầy tranh cãi. Ông hội đồng thuyết phục được các thành viên của hội đồng nhưng không thuyết phục được ủy ban nghiên cứu văn hóa tiền nhân với những đầu óc tro lì vô cảm—những đầu óc cứng ngắc với những ảo tưởng hạnh phúc đã hóa thạch. Cuối cùng thì người ta cũng cho hai cô cậu E và A lên máy thời gian để trở về quá khứ nghiên cứu tiếp một lần nữa nhưng vẫn trong tư cách khách quan của những người nghiên cứu thuần túy bằng ghi nhận hình ảnh nơi nào bộ, không được mang về bất cứ vật chất cụ thể nào của tiền nhân.

Lần này hai cô cậu được đưa thẳng về thời đại thượng cổ với lời đề nghị của ông hội đồng. Và dĩ nhiên là giữa ba người ấy đã mặc nhiên trù định kế hoạch táo bạo của họ trong chuyến đi này. Với một vài dụng cụ thần thông của thời đại được mang theo, hai cô cậu không phải chỉ mượn xác tiền nhân rồi trở lại ngay mà họ đã sinh sống với nhau trong quá khứ đến ba đời thay xác; cứ tái sinh để yêu nhau từ thuở dậy thì đến tuổi trung niên rồi lại đổi xác. Như vậy họ đã trải qua khoảng 200 năm sống trong quá khứ rồi mới quyết định giữ lấy hai thân xác tráng kiện và khỏe mạnh nhất để trở về thời hiện đại.

Khi họ trở về thì cả hành tinh đã tan tành, hoang vắng. Khói lửa mịt mù. Nhờ ông hội đồng cố gắng bảo vệ máy thời gian đến hơi thở cuối cùng nên họ trở lại được. Nhìn quanh thấy không còn ai. Chỉ có những mẩu vụn của máy móc.

“Mình làm gì bây giờ hở anh?” E khóc rưng rưng hỏi.

“Nín đi em. Không sao đâu. Mình vẫn còn sống và yêu nhau được mà. Mình có nhau là đã có tất cả rồi.”

“Hu hu, tội nghiệp ông hội đồng. Ông muốn đem về cho

ổng trái tim để có hạnh phúc như tiền nhân.”

“Thôi đừng khóc nữa em ơi, nước mắt của em làm cho tim anh trĩu nặng xuống quá à. Ôi, những giọt nước mắt, sao mà kỳ diệu! Thời đại chúng ta vì không có nước mắt khổ đau nên cũng chẳng bao giờ có được nụ cười hạnh phúc cả!”

“Trời ơi! Tại sao cả hành tinh bị tiêu hủy thế này! Đâu có êm đềm như thuở chúng ta mới yêu nhau, phải không anh?”

“Ừ, quả thật thời đại chúng ta mới là thời đại khủng khiếp nhất. Tưởng rằng mình đứng ở chóp đỉnh hạnh phúc hóa ra là chỉ lặn hụp ở cùng tận cái đáy khổ đau. Ta nên phá hủy hết tất cả những di sản hiện đại để bắt đầu sống lại thời đại nguyên ủy, em đồng ý không?”

“Đồng ý. Còn mấy cây súng nằm lẫn lóc chỗ kia kìa anh. Phá hết đi, rồi phá luôn chính chúng nó.”

“Không những phá hủy, chúng ta còn phải quên luôn trong ký ức của mình là đã có những thời đại đầy hoang tưởng mà chúng ta được biết. Đó là điều bí mật đau khổ và tội tặc của thời đại mà chỉ có hai chúng ta biết thôi, em nhé, không tiết lộ cho đám con cháu sau này làm gì, em đồng ý không?” E gật đầu. Họ phá hủy tất cả bằng vũ khí hiện đại. Rồi họ dắt nhau đi lang thang trên địa cầu. Không còn ai. Chỉ còn hai con người trần trụi ăn lông ở lỗ, khai mở một thời đại hồng hoang khác. Thời đại đó thiếu vắng tất cả những nền tư tưởng triết học, đạo học; thiếu vắng tất cả những kiến trúc hoành tráng văn minh và những dụng cụ khoa học kỹ thuật thần thông. Mặc dù có khả năng tạo dựng lại thế giới tráng lệ huy hoàng và cực kỳ thần thông hiện đại, nhưng họ không cần. Họ chỉ cần một khung cảnh hồng hoang và hai trái tim hồng hoang. Với hai trái tim ấy, họ dựng lại đời mới. Họ đan tay nhau, dìu nhau đi mãi giữa đất trời mênh mông ngút ngàn khói lửa. Và trong nỗi quạnh vắng buồn tênh khi chiều xuống, họ cảm thấy cần nhau, ôm lấy nhau, lắng

nghe nhịp đập lạ thường của hai trái tim vừa được tìm lại
trong tương lai của một quá khứ lịch sử hoang tàn. ■

Nguyễn Nhung

MÂY QUẤN QUANH TRỜI

Người ta gọi khu công viên này là Green Park, vì nó nằm trên đường Green. Con đường làm người ta liên tưởng đến những bóng cây râm mát, rợp kín những lối nhỏ quanh co lượn theo triền cỏ xanh. Mỗi buổi sáng, mùa Đông hay mùa hè, người ta vẫn thấy những người lớn tuổi đi lên đi xuống những ngọn đồi cỏ còn ướt sương, thoai thoải dọc theo một con suối rất phẳng lặng.

Tôi gặp bà ta trong một buổi sáng vào thu trời rất xanh, cơn gió heo may đã thổi về xào xạc trên những tàn cây sồi xanh thẫm, và cuốn những chiếc lá khô xuống chân đồi. Những buổi sáng vào thu êm đềm như vậy, khiến lòng như chơi vơi, khắc khoải một nỗi nhớ không rõ rệt.

Đó là một người đàn bà Á Đông nhỏ nhắn, trạc ngoài năm mươi tuổi. Sở dĩ tôi để ý đến bà vì qua mấy câu hỏi thăm, tôi biết chúng tôi cùng là người Việt Nam. Trong công viên chỉ có một vài người hay đi bộ buổi sáng, nhưng đa số là người Mỹ đã lớn tuổi, hay mấy phụ nữ Mễ Tây Cơ dáng mập mạp, đi đứng nặng nề lẩn theo những con đường tráng xi măng bằng phẳng.

Người phụ nữ này không còn trẻ, nhưng khuôn mặt vẫn còn những nét mặn mà, khi mùa Đông tới, bà hay phủ lên mái tóc một chiếc khăn len màu nâu, khiến nét mặt ấy càng dịu dàng hơn như hình ảnh một người tu nữ. Mới đầu, gặp nhau bà chỉ cười dè dặt, bà thông thả đi chứ không hề vội vã, và tôi thường thấy bà đi về hướng bờ suối, lặng lẽ nhìn xuống con suối thỉnh thoảng lại xao động vì tiếng cá quẫy trên mặt nước.

Có lẽ chúng tôi chỉ cưỡi mở với nhau từ hôm bà

ngồi nghỉ chân trên chiếc ghế đá, và qua những câu vu vơ làm quen, từ đấy chúng tôi có nhiều chuyện để kể cho nhau nghe mỗi lần gặp. Sau này, tôi mới biết đó là một phụ nữ trông bề ngoài có vẻ tầm thường, nhưng lại có một tâm hồn rất chiều sâu, ngắm nhìn cuộc đời từ những khía cạnh tầm thường nhất để rút tỉa được những tư tưởng lớn.

Đôi khi người ta vẫn cần nói ra điều gì đó để được nhẹ lòng, để an ủi chính mình hay để được người khác chia sẻ. Bà ta là loại người đó, nhưng cũng rất dè dặt chứ không phải dễ dàng thổ lộ sự suy nghĩ với bất cứ ai. Hôm ấy, một sáng đầu thu, hơi se se lạnh nhưng nắng mai vẫn óng ả trên những lá cây xồi xanh biếc, hai chúng tôi cùng dừng lại nghỉ chân. Tự nhiên tôi tò mò hỏi bà:

" Sao bà thích đi ra bờ suối nhỉ? Ở đấy có thể có rấn trong những bụi cây rậm rạp, nghe nói ngày xưa, có người con gái đã vào đấy thắt cổ tự tử. . ."

Tôi tưởng nghe xong bà sẽ ngạc nhiên vì những gì mới mẻ được biết, nhưng bà chỉ nhếch mép cười và nói một câu là lạ:

" Tôi thích ra đấy để nhìn những con cá quẫy lên trên mặt nước. Ít ra còn có những con cá muốn ngoi lên để hít thở một chút không khí trong lành, hơn là cứ lặng lẽ sống hoai dưới một mặt nước phẳng lặng."

Tôi thật sự thích thú với sự suy nghĩ của bà ta, nhưng vẫn phản bác lại sự suy nghĩ đó:

" Bà không nghĩ là khi con cá tách khỏi nước, nó sẽ chết."

Bà ta vẫn bảo vệ ý nghĩ của mình:

" Vẫn biết thế, như con người cần không khí để thở, nhưng không phải lúc nào cũng ngồi yên mà thở để sống cho qua một kiếp người."

Đúng là một người thật trầm tĩnh mà cũng lý luận thật chặt chẽ. Tôi biết bà là một phụ nữ có học, mà biết đâu vì hoàn cảnh, lại có thêm một nỗi u uẩn tình cảm

nào đó trong cuộc đời.

oOo

Từ đấy tôi thăm cảm mến bà, và cũng do sự cảm mến này chúng tôi đã thành đôi bạn đồng hành khá thân nhau, trong khu công viên mà mỗi buổi sáng có nhiều người đến đó để chạy bộ, đi bộ hoặc tập những động tác thể dục. Tôi biết bà tên An, trước kia là một nhà giáo, có một cuộc đời rất phẳng lặng như cái tên của bà. Bà An nói sở dĩ chọn nghề giáo là vì bà thích chơi với trẻ con, và chỉ có ở nhà trường bà mới có cơ hội để hằng ngày được sinh hoạt với lũ trẻ mà thôi. Nhưng đó chỉ là dĩ vãng rất xa xưa, vậy mà bà An có vẻ vẫn nhớ mãi như ngày nào còn trẻ.

Sau buổi đi bộ buổi sáng như mọi ngày, tôi và bà An trở lại chiếc ghế đá đặt dưới một tàn cây lớn. Bà nói: " Hôm nay, tôi định kể cô nghe một câu chuyện, bởi vì nó cứ khiến lòng tôi bồi ngùi làm sao đó."

Tôi bỡ ngỡ nhìn bà ta, và trong bụng đang đoán mò rằng bà An sẽ kể tôi nghe một câu chuyện lòng. Tôi đoán vậy, và quả tôi không lầm khi nhìn được nét u uẩn trong đôi mắt buồn vời vời kia. Mỗi ngày trong khu công viên đường Green này, chúng tôi thường gặp nhau và lắm khi cũng đi với nhau như một đôi bạn đồng hành trên những con đường quanh quanh khu công viên. Nhưng hôm nay hình như cỏ có xanh hơn, chim hót rộn rã hơn, và tôi rất im lặng để trân trọng lắng nghe những lời tâm sự của người phụ nữ dễ thương như bà An.

Hóa ra không phải câu chuyện lòng của bà, vì tôi vốn nhạy cảm nên lúc nào cũng nghĩ khi về già, người ta hay thổ lộ những chuyện xảy ra từ ba mươi năm trước. Tuy vậy, nó cũng không hẳn là câu chuyện chỉ dành cho hôm nay, vì cuối cùng thì bà cũng hé mở cho tôi thấy tại sao gương mặt bà lại mang mang một nét buồn sâu kín.

Bà bắt đầu bằng một tiếng thở dài:
" Cuối cùng thì nó cũng chết rồi cô ạ "

Tôi hơi ngạc nhiên mà cũng hơi lạ lùng cho câu nhập đề lại có vẻ giống như một đoạn kết của câu chuyện:

" Ai chết? Bà định nói về ai vậy?"

Bà ta cười nho nhỏ:

" Ô xin lỗi, tôi làm cô giựt mình. Tôi nói rằng con chó ấy nó chết rồi cô ạ."

Tôi hơi ngỡ ngàng, và cũng bức mình vì bỗng đứng bị hụt hẫng:

" Một con chó chết thì đâu có gì ngạc nhiên, nhưng bà nói sẽ kể cho tôi nghe một câu chuyện, tôi không nghĩ đây chỉ là chuyện một con chó chết."

Bây giờ bà mới mỉm cười và bắt đầu vào chuyện:

" Vậy mà là chuyện một con chó, vì nó là một con chó tội nghiệp nhất mà tôi gặp, khi tôi mua căn nhà đang ở, thì tôi bắt đầu chú ý đến nó. Nó là giống chó Fox có bộ lông xù nhưng rất óng ả, lại bé tí xiu như những con chó người ta vẫn bày trong những cửa hàng đồ chơi. Đó là con chó của người hàng xóm của tôi, một phụ nữ Mỹ sống một mình trong một căn nhà đầy bóng cây, bà ta vẫn thường dẫn chó đi dạo vào mỗi buổi sáng."

Tôi thấy câu chuyện khá tế nhị, không hấp dẫn như mình nghĩ, nên chỉ cười gượng:

" Ô, ở đây người ta thường sống đơn độc với những con thú, và hình như cũng chẳng cảm thấy cô độc đâu."

Bà khẽ nói với giọng buồn rầu:

" Đúng vậy, nhưng gương mặt của bà chủ nó vẫn làm tôi ái ngại. Bà ta lạnh lẽo thế nào ấy, hơi kiêu ngạo mà lại ác độc một cách quái quỷ. Cách bà cầm sợi giây cột với cái vòng cổ con chó cho tôi cảm giác là bà ấy kèm tủa sự tự do của nó kinh khủng, vì con chó này là một con chó bé bỏng , rất vui tính."

Tôi bật cười:

" Một con chó bé bỏng, rất vui tính."Tôi lặp lại lời nói của bà với vẻ đầy giấu cợt, nhưng bà An dường như không để ý tới vẻ mỉa mai của tôi, bà gật đầu:

" Có chứ, chẳng những vui tính mà nó lại hay tò mò nhìn những gì nó gặp trên đường đi . Tôi quan sát nó kỹ lắm, vì mỗi lần bà Mỹ kia dẫn nó đi, gặp ai nó cũng hay dừng lại ngửi ngửi để làm quen, và nếu không vì sợi dây cột cổ kia giựt ngược lại, thì tôi nghĩ nó sẽ có một đời sống ý nghĩa lắm."

Đã quen với lối nói chuyện ngộ nghĩnh của người phụ nữ này, tôi hỏi bà:

" Đúng ra thì con chó nào được ra đường, cũng hay ngửi ngửi như vậy, vì chúng có một cảm quan bén nhạy để ghi nhớ một cái gì."

Đôi mắt bà An có vẻ thật xa vắng:

" Ừ, có lẽ con chó nào cũng thế, nhưng với tôi thì chính vẻ lạnh lùng của bà chủ nó, khiến tôi có cảm tưởng nó bị tước đoạt tất cả. Nhà tôi ở bên cạnh nhà bà ta, tôi lại có dư thì giờ để ngắm nghía một con chó đẹp, cho nên tôi biết bà ta là một con người độc đoán, sự chăm sóc của bà ta với con chó mang nặng tính chất ích kỷ. Bà ta muốn nó cũng không thể khác mình, nghĩa là cũng phải tách rời với những gì bên ngoài thế giới của căn nhà ấy."

Nghe bà An nói, tôi lại có cảm tưởng bà là người có dấu hiệu thần kinh, vì dưới mắt bà cái gì cũng có thể mổ xẻ thành một đề tài để suy nghĩ. Tuy vậy, tôi vẫn tò mò:

" Nhưng làm sao mà bà có thể kết luận như vậy. Tôi cho rằng nó hạnh phúc, sung sướng vì được một người chủ tử tế, nuôi nấng chăm sóc cẩn thận, hơn là những con chó hoang, mèo hoang mà tôi thường gặp đi lang thang ở ngoài đường, thỉnh thoảng lại bị xe cán chết."

Bà An trở lại câu chuyện của bà:

" Cô không nhìn thấy đôi mắt nó, cho nên cô không cảm nhận được nỗi thèm khát trong lòng nó. Tôi quan sát

nhiều lần, mỗi khi bà kia dẫn con chó cưng của mình đi dạo, con chó rất thích thú làm quen hay được ngắm nghía những gì nó thấy, nó gặp. Khi thì một cánh bướm lượn trên bụi hoa, khi thì khao khát nhìn mấy con chó hoang đi thong thả trên bờ cỏ, có lần nó cố trì lại mãi nhìn theo một con chim đậu trên cành cây, nghe con chim hót nó sủa, như chia vui với nhau. Nhưng nhìn nét mặt cau có của bà chủ nó tôi sợ quá, khi bà ta giục mạnh chiếc dây và xiết chặt lấy cổ con chó để lôi đi, tôi thật vô cùng bất nhẫn."

Bà An im lặng một chút rồi tiếp:

" Tôi thương nhất đôi mắt bé bỏng đó, như đôi mắt một đứa trẻ thơ khờ dại mà ham vui. Khi con chó nằm dài ra dưới tàng cây phong của nhà bên cạnh, tôi thấy đôi mắt nó mơ màng theo dõi từng chiếc lá khô bay vèo xuống khoảng sân vắng. Đôi mắt ấy kỳ lạ lắm, nó như chất chứa một đám mây, mơ mộng như một đôi mắt người có tâm sự gì u uẩn lắm. Nó khiến tôi phải nhìn lên bầu trời, để thấy những áng mây cũng giăng giăng khắp đó đây, hóa ra bầu trời cũng giống như một nhà tù lớn."

Nghe bà An tả, bất giác tôi cũng ngẩng nhìn bầu trời ngập nằng, với những dải mây trắng quấn quanh trời, tựa hồ như trời cũng bị cầm hãm bởi những áng mây đó. Ý nghĩ đó làm tôi bật cười, trong khi bà An tiếp tục kể:

" Nó cũng thường làm quen với tôi, khi bà chủ thả nó trong hàng rào để làm vệ sinh, hề thấy tôi đứng bên bờ rào bên này là nó chạy tới. Vẫy đuôi, ư ử như một lời chào của trẻ con khi thấy nhà có khách, và khi tôi thò tay qua hàng rào để vuốt ve nó, thì nó im lặng vẫy vẫy chiếc đuôi dài thượt như sung sướng lắm. Nhưng bà chủ nó dễ gì cho nó tận hưởng những giây phút chia sẻ ấy với người khác. Bà ta quát lên, gọi nó về như sợ con chó của mình yêu thương người khác vậy. Thế là nó tiu nghỉu chạy vào, nhưng vẫn tiếc nuối quay lại nhìn . . ."

Câu chuyện của bà An có vẻ đã đi vào nhiều khía cạnh khác trong cuộc đời, tự nhiên tôi nghĩ như vậy, và óc tò mò muốn biết tại sao con chó lại chết:

"Ồ, một con chó thật dễ thương, đúng là không nên kèm kẹp nó trong sự yêu thương mang đầy tính chất ích kỷ như vậy. Nhưng lý do nào mà nó lại chết?"

Bà An có vẻ mỉm cười thật sự, khi kể lại cho tôi nghe về cái chết của nó:

"Cô còn nhớ mấy hôm trời gió to vừa qua không? Cây phong sau nhà bà hàng xóm của tôi bị gãy, đè lên nóc nhà sửa xe, thế là bà ta phải gọi người đến cưa cây và sửa lại mái nhà. Lúc mở cổng cho những người thợ, bà ta vì vội vàng mà quên mất con chó con của mình, cho nên thừa lúc ấy nó chạy vọt ra khỏi cổng rào, và cứ thế băng mình chạy. . ."

Tôi ngắt lời bà An:

"Lạ nhỉ, một con chó cưng như vậy mà bà kia lại quên cột cổ nó lại, và không để gì một con vật có thể bỏ đi?"

Bà An ngập ngừng:

"Vậy mà nó đã bỏ đi, nhờ thế con chó mới được một lần nếm sự tự do trước khi ra đi vĩnh viễn. Để tôi kể lại chuyện con chó nhỏ, khi thoát được nhà bà An, nó cứ thế băng mình chạy, như sợ không có dịp nào để hưởng cái thú tự do ấy trong đời nó. Và khi nó tìm cách băng qua đường để đuổi theo một con sóc, thì nó bị xe cán chết."

Tôi buông ra một câu thật tàn nhẫn:

"Đó, bà thấy chưa? Cái giá của tự do thật là đắt, nếu nó cứ bị bà chủ nó cột cổ thì kết luận đâu có bi thảm như vậy."

Nhưng bà An vẫn không chịu thua, bà nói:

"Tôi không nghĩ như cô. Vì nếu tôi là chủ của nó, tôi có quyền cột cổ nó nhưng vẫn tôn trọng đời sống riêng tư của nó, nghĩa là vẫn để nó thưởng thức cái đẹp của đời sống, và vẫn được tự do chia sẻ với con người hay loài vật xung quanh nó, bằng một cuộc sống ý nghĩa hơn. Và

nếu bà kia biết vui với cái vui của nó, thì tự cuộc sống cũng có ý nghĩa và đỡ ảm đạm hơn."

Im lặng một chút, giọng bà đầm đầy sự thương tiếc và ngậm ngùi:

" Như thế cũng là một sự giải thoát, vì giờ đây nếu có linh hồn, có lẽ hồn nó đang bay lượn trên một bầu trời thênh thang đầy mây trắng."

oOo

Cái chết của con chó chỉ là một câu chuyện nhỏ quanh cuộc sống chúng ta, hay là của bà An và tôi. Nhưng từ đấy, tôi lần ra được dĩ vãng của bà An, dấu khá kín đáo, nhưng bà An đã tâm sự với tôi sau cái chết của con chó nhỏ nhà hàng xóm.

Hôm ấy, cũng sau giờ đi bộ, trời cuối thu và rất đẹp, nắng vàng óng ả mà tiết trời chỉ hơi se lạnh. Bà An lại phủ lên mái tóc chiếc khăn len màu nâu, hôm ấy chúng tôi ngồi lại khá lâu trong công viên, để ngắm những chiếc lá vàng theo làn gió lại xào xạc cuộn tròn trên thảm cỏ, đổ về hướng cuối dốc. Giọng bà ta đều đều như một bài kinh sớm:

" Cô ạ, để tôi kể cô nghe chút ít về cuộc đời của tôi, vì qua một thời gian quen biết, tôi nhận thấy giữa chúng ta có một sự chia sẻ rất chân tình. Tôi là đứa con không được may mắn, khi sinh ra được ít lâu thì mẹ tôi chết. Bố tôi lấy vợ khác, và vì thế gia đình tôi tuy khá giả nhưng suốt cả đời tôi chỉ được gửi gắm vào những chỗ cô quạnh. Khi tôi bắt đầu học trung học là bố tôi gửi tôi vào trường dòng ngay. Tôi lớn lên với những bà sơ, với tiếng chuông nhà thờ và những bài kinh cầu. Đó là chỗ an toàn để bố tôi đem tôi tới, khi ông không đủ tin tưởng vào người vợ kế, lại có thể thương yêu đứa con mình như con ruột. Tôi đến đó không phải để trở thành một nữ tu, nhưng chỉ là để ăn học, và sau những tháng năm ấy thì

tôi được cho về nhà, để chuẩn bị đi vào một cái nhà tù khác. Tôi nói vậy cô đừng hiểu lầm tu viện là một nhà tù, vì chỗ đó là nơi dành cho những người có lý tưởng cao đẹp, nhưng tôi không hề có ý định đi tu, chỉ vì sự bất buộc mà đành nhốt kín hết một thời con gái."

Tôi cảm thấy ái ngại cho một nỗi buồn riêng, mà nếu nói ra được chắc nhẹ lòng lắm:

"Đúng rồi, ở những thập niên trước, thế giới của những trường dòng vẫn hơi khe khắt, cho nên bà không được thoải mái là phải."

Bà An nhắm mắt lại, như cố nhớ lại hết những gì trong dĩ vãng:

"Sau khi tôi tốt nghiệp trung học, thì bố tôi cho tôi về, vì không có lý do gì để bắt tôi phải ở mãi trong đó. Tôi muốn trở thành cô giáo, vì đó cũng là một cách tìm lại tuổi thơ của mình trong thế giới của trẻ thơ. Tôi học sư phạm hai năm, chỉ là một cô giáo tiểu học, nhưng điều ấy với tôi không hề gì, vì gia đình tôi khá dư dả, tôi không phải băn khoăn khi nghĩ đến tiền bạc."

Tôi sốt ruột nghe bà kể chuyện, có lẽ bắt đầu chuyện ly kỳ từ chỗ này. Bà An vẫn nhấn nhá kể, như bản tính từ tốn của bà:

"Trong thời gian tôi đang học Sư Phạm, thì tôi quen nhà tôi. Ông là một giáo sư rất chừng mực, đủ tư cách của một nhà mô phạm, xuất thân từ một gia đình giàu có. Có lẽ ông cũng như tôi, đi dạy để có việc làm, và để tìm một niềm vui cho đời bớt phần tẻ nhạt. Không hiểu sao tôi lại bị chinh phục bởi một ông thầy, thay vì chung quanh tôi lúc đó có rất nhiều bạn đồng học cùng trang lứa. Tôi không phải là người giáo sinh có sắc đẹp, nhưng nhà tôi theo đuổi tôi vì có lẽ thấy tôi có vẻ ít nói, trầm lặng hơn những cô con gái mà ông gặp. Đó là mẫu người khá lý tưởng cho những cô con gái thời buổi đó, vì ông có đủ thứ để người ta mơ ước: địa vị, gia đình giàu có, con người toát ra một sức thu hút có chiều sâu, và cái chính

là tôi được đáp ứng những gì mà tôi thèm khát như tình phụ tử chẳng hạn. Từ nhà tôi, tôi có thể tìm thấy hình ảnh một người cha, một người anh, một người chồng lúc nào cũng chăm lo cho mình từ những nhỏ nhất. Như vậy ai dám bảo tôi không hạnh phúc?"

Tôi cũng gật đầu:

" Đúng thế, với một người chồng như thế ai dám bảo là không hạnh phúc."

Bà An cũng vắt lại mảnh khăn len bị tuột xuống bờ vai, bà tiếp tục nói:

" Vậy mà không phải vậy, khi kết hôn với nhau, có một thời gian chung sống, tôi mới phát hiện đó là một con người ích kỷ chưa từng thấy. Ông lớn hơn tôi cả chục tuổi, lại là một nhà giáo cho nên cách xử sự với tôi, vì thế đôi khi vẫn nhầm lẫn như với một người học trò, có lẽ vì vậy mà ông không coi tôi là người đồng hành với ông trong cuộc sống. Tất cả những gì trong nhà, khi ông đã quyết định thì điều đó phải đúng. Ngay cả vấn đề giao tế bên ngoài, thay vì ông phải trẻ trung theo cô vợ, thì ông lại bắt tôi già nua đi với ông, đó là điều tôi không chịu được."

Tôi ngắt lời bà:

" Thí dụ?"

Bà mỉm cười đau khổ:

" Ông cấm cản tôi ngay từ cách ăn mặc, thời trang đối với ông là một sự lố lăng và phỉ báng tư cách con người. Tôi chỉ được mặc những chiếc áo dài màu sắc ảm đạm, mặc những chiếc quần kiểu cổ lỗ sĩ để trở thành một người phụ nữ mờ nhạt ngoài xã hội. Rồi ngay cả những giao tế với bên ngoài, tôi bị hạn chế rất nhiều."

Tôi hiểu phần nào vấn đề:

" Ông ghen đó thôi, nhưng nếu bà yêu ông, thì có lẽ mọi chuyện đều bình thường."

Bà An hỏi lại tôi một câu khá hóc búa:

" Thế cô có cho là cũng vì thế mà tình yêu bị chết đi

không? Tôi đã đi từ cái nhà tù này tới cái nhà tù khác, tôi cần phải hít thở đời sống tình cảm thật tự nhiên của con người, vì tôi là con người, không phải một con chó để cho ăn, cho uống, rồi kéo sợi giây giặt lại một cách tàn bạo mà bảo rằng yêu."

Tự nhiên bà An cao giọng giận dữ, khiến tôi kinh ngạc, nhưng tôi cũng hiểu ra vấn đề tại sao bà quan tâm đến cái chết của một con chó. Tôi buột miệng hỏi:

" Bà vẫn ở với ông ấy chứ?"

Bà An gật đầu:

" Tôi vẫn ở với ông ấy, vì danh dự của một gia đình và cũng vì những đứa con, nhưng tình yêu thì chết hẳn. Ông hăm hực khi tôi vui cười với những bạn bè cùng trang lứa, sự khó chịu của ông đến nỗi tôi phải bỏ cả nghề dạy học, vì làm gì mà không phải gặp gỡ với bên ngoài, nhất là với những bạn đồng nghiệp vui tính. Thật sự tôi có yêu ông kèm theo sự kính trọng, nhưng không phải với thứ tình yêu ích kỷ bệnh hoạn như vậy. Từ đấy, chúng tôi sống bên nhau mà như sống trong một giải băng sơn dày lạnh lẽo, nhưng không ai tìm cách thoát ra. Cô hiểu hai chữ danh dự nó hành hạ thần kinh con người đến mức độ nào không?"

Bà An thở dài rồi tiếp:

" Sau đó, tôi ở nhà chăm sóc con cái, đè nén tự do bằng cách vui với công việc của một con ỏ, vì thật ra lúc đó chúng tôi có dư tiền bạc để mướn một người làm công. Nhưng thực ra, nếu không có việc làm, chắc đời sống còn tồi tệ hơn thế nhiều. Tôi không phản bội ông ấy, nhưng trong tư tưởng thì ít nhiều đã như người phản bội, vì không còn chút tình yêu nào cả. Những ngày sau đó, ngày ngày tôi xách giỏ đi chợ, lo cơm nước trong nhà như mọi người đàn bà bình thường khác, chỉ giản dị là điều ấy lại khiến ông bằng lòng, gia đình được bọc trong một vẻ êm ấm giả tạo. Nhưng nhờ đó, tôi mới phát hiện được tình yêu có nhiều điều mà mình không hiểu được, đó là

hôm chiếc xe của tôi bị hư, và tôi ghé vào chỗ sửa xe nằm ở đầu đường gần nhà tôi ở. Hôm ấy tôi mới phát hiện rằng anh chàng sửa xe cho tôi, hai vợ chồng chỉ độ ba mươi tuổi, cả hai cùng bị câm điếc, và họ sống với nhau thật hạnh phúc."

Tôi lại hỏi:

" Sao bà biết họ hạnh phúc?"

Bà An mỉm cười:

" Làm gì mà không biết qua cách họ đối với nhau. Anh chồng lom khom làm, ngứa lưng không gãi được, chị vợ đã nhanh nhẩu chạy tới gãi lưng cho chồng. Khi anh ta muốn nói gì, chỉ nhìn vợ rồi ú ớ, thế mà chị ta hiểu, rồi hai người cười xòa với nhau. Rồi khi thấy tôi nhìn họ ngạc nhiên, thì cả hai cùng nhe răng ra cười như bảo cho tôi biết là họ yêu nhau lắm. Cô chưa thấy cảnh hai người ngồi ngấm trăng với nhau đâu. Có một buổi tối, tôi dẫn con đi ngang vì hôm ấy là ngày tết trung thu, tôi thấy hai vợ chồng người câm đã thu dọn cái hàng hiên bày đầy những vỏ xe và dầu nhớt, họ ngồi bên nhau trên hai chiếc ghế đẩu để trước nhà, hướng mặt về phía mặt trăng chỉ chỗ. Mặt chị vợ phản chiếu ánh đèn đường cứ sáng rõ lên, họ đang ngồi chia nhau miếng bánh trung thu, và người chồng cứ nhất định bắt vợ ăn thêm miếng bánh của anh ta. Thế giới của hai kẻ câm điếc, không một câu tỏ tình nhưng cứ quan sát vẻ mặt họ, thì tôi nhận ra rằng hạnh phúc chỉ giản dị thế thôi. Họ cứ nô giỡn như hai đứa trẻ con, không cần phải giữ ý như những con người trưởng giả, lúc nào cũng dấu kín con người thật trong cái vỏ đạo đức khô cứng."

Tôi cũng thú vị với câu chuyện của bà An, trong khi bà vẫn miên man với những hình ảnh cũ:

" Họ không nói được với nhau câu nào, nhưng hạnh phúc thì tràn ngập trên nét mặt họ. Dù vất vả, dù phải dãi dầu nắng mưa mới kiếm được bữa ăn, nhưng họ hạnh phúc lắm. Còn hơn là mình biết nói mà lại không dùng lời nói

để ban phát hạnh phúc cho nhau, cứ dẫn vạt nhau mãi để ép buộc nhau vào bốn phận."

Tự nhiên tôi buột miệng hỏi bà An:

" Ông bà vẫn còn ở với nhau chứ?"

Bà An lắc đầu:

" Không, ông nhà tôi mất rồi. Nhưng trước khi chết, ông xin lỗi tôi, vì đã phí một đời sống bên cạnh nhau, mà không tìm được một lối thoát tốt đẹp để đừng làm khổ nhau. Bây giờ tôi không giận ông ấy nữa, nhưng tôi cũng không còn trẻ để sống lại cho trọn những niềm vui của cuộc đời."

Tôi trêu bà An, vì câu chuyện không còn gì để phải mổ xẻ nữa:

" Thế bây giờ bà còn buồn gì mà không vui lên?"

Bà An cũng trả lời tôi thật đáo đố:

" Tôi chỉ buồn vì cuộc đời vẫn còn những người không biết cách yêu thương, để vô tình làm khổ một con chó mà thôi."

Nguyễn Nhung, 2002.

NGUYỄN TÔN NHAN

Máu và mưa

Chẻ đôi đôi núi ra đi
Ao ào rỗng gáy nửa khuya đội ngàn
Xoè tay hứng giọt mưa tan
Máu và mưa thấm lạnh hàn tới tim.

Mất Hương rất đại lại hiền

Nụ hoa tầm gửi
Rụng bởi gió lay
Tóc xưa em cài
Đường mưa côi cút

*

Mất môi của Phật
Độ lượng anh về
Mưa hiền giọt nước từ bi.

*

Vú em nho nhỏ
Nụ đỏ nụ xanh
Em nhớ tình anh
Xối vun vườn cải
Trời mưa tháng bảy
Tro xám thái dương
Má môi em hờm
Anh đi để nhớ

*

Mây ơi từ độ
Khói sóng xây thành
Mất hiền hoa cải còn xanh.

Thảnh thơi

Hạo nhiên đẩy một bầu đeo
Sáng đi vô núi đợi chiều trở ra
Tịch không hạt bụi sa bà
Rủ ngàn lau kịp về nhà ngủ thôi.

Tìm thơ

Leo lên trên núi tìm thơ
Mà vẫn không xong vần điệu
Trời thoi thóp thở như mưa
Đất phun khói sương trắng hếu

*

Lạnh tanh nơi kia tiếng kếu
Âm u lau cỏ xô đùa
Hắt hiu ở trên vách miếu
Những hồn oan của ai xưa

*

Dưới đám xương cành, trắng vừa
Mọc im, hỏi không lời đáp
Hiu hiu mấy đám sao thưa
Đường như cũng thêm muốn ngập

TRẦN TUẤN KIẾT

Hơn người

Lúc ở Thủ Đức
Sáng nay má mây
Không còn gì
Ngoài mấy củ mì
Trong giỏ
Con cái làm ngơ
Bạn bè không có
Nghèo xác nghèo xơ
Hơn chú ăn mày trước cửa!

Toàn nhiên

Tạ từ mây phủ bến sông
Nghe mùa thiên địa về trong nụ cười
Hong - ân mưa rải xuống đời
Điểm chuông nhàn động đất trời hoà
âm
Biên niên sử lịch chập chùng
Cổ kim hận sự xô hong bến xanh
Cây thay lá mộ bia thành
Bỗng đứng im bật tỏ tình ngàn năm
Mùa đi thiên cổ âm thầm
Nguyên tuyến để giọt sóng ngấm bể
dâu

PHẠM TRÍCH TIÊN

Cho bạn chài lưới trên sông

Tặng Lộc Vũ

Người về chài cá trên sông rạch
Ao tới nón rách hề ngư ông
Nước trong rửa sạch lòng không hời
Danh bỏ tai ngoài bụng trống trơn
Con thuyền hiu hắt đời riêng bóng
Đêm với vầng trăng bạc lẻ loi
Vỗ bụng trống không thơ chẳng có
Gặm nỗi buồn tê buốt trong người
Người xưa câu cá quên thời vận
Tiêu xái cuộc cờ với túi thơ
Nhàn tản ung dung bên chiếu rượu
Cuộc đời khinh bạc tựa như đùa
Người nay sinh kế đi chài cá
Dày dạn phong trần quá nắng mưa
Có phải ngư ông và biển cả
Thực buồn như chuyện thuở nào xưa
Ta đây đâu khác gì người hời
Về ruộng vườn tay lấm chân bùn
Mười năm buông bút ta cầm búa
Trả nợ đời thê tử áo cơm
Ngư tiều xưa khác ta và bạn
Bao giờ bao giờ hề gặp nhau
Gởi người một chút tình thân cũ
Ngoài đêm. Trăng yếu. Tiếng quyên sầu.

CHU NGẠN THƯ

Qui từ

Quay về ư ?
Khi nguyệt quế rõ ràng vằng trán
Sao chẳng giục nước trường giang
chảy về thăm khe suối cũ ?

Quay về ư ?
tên giặc đấu với ê chề đau đớn
làm kẻ được, người thua
vuông nhiều đồ có nghĩa gì, nơi ấy ?

Quay về ư ?
khi trần trề hoan lạc
lúc sầu não trập trùng
nhịp thở,
sao thừa mứa cho đời-lũ-dừng-dừng ?

Mộng ngỗ tóc xanh

Nhát búa của loài gỗ kiến
tự bổ vào chính lồng ngực mình
từng thanh âm khàn đục dội ra
tựa trút cạn chút cuối cùng hy vọng,
giữa mê man tuyệt vọng già từ.
Sao lại mộng ? tôi về ngỗ tóc xanh ?

Nguyễn Cát Đông

KIỀU TÂM KHÁNH : NGƯỜI LÀM THƠ TÌNH NHƯ NÓI CHUYỆN (*)

Kiều Tâm Khánh, tên thật là Lê Công Sinh, làm thơ không nhiều, suốt đời anh chắc chỉ có chừng trên dưới 50 bài thơ. Trong đời mình, anh làm thơ rất trẻ và những năm cuối đời anh chỉ viết vài bài thơ đưa cho bạn bè đọc chơi. Có những lần anh ngưng viết thật lâu, có khi cả chục năm không có một bài. Sở dĩ tôi biết rõ như vậy vì chúng tôi vốn là bạn thân từ thời còn ở trung học; rồi sau này cùng có những sinh hoạt văn học nghệ thuật chung khi cùng học và làm báo ở Sài Gòn

Còn nhớ những năm đầu thập niên 60, đang là học sinh đệ nhị cấp ở Cần Thơ, Kiều Tâm Khánh đã có những bài thơ tình đăng trên các báo PNDĐ, VNTP, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Tiếng Động,... Đặc biệt thơ anh xuất hiện trên các giai phẩm Xuân của vài trường trung học đã tạo nên những luồng dư luận khá sôi nổi trong giới học sinh, nhất là giới nữ sinh từ các trường tỉnh cho tới các trường lớn ở Thủ đô. Người ta chú ý đến thơ KTK vì đề tài thơ anh là những gì người trẻ thời đó suy nghĩ; và cũng vì thơ anh là những mẫu tâm tình bằng những lời thơ thật thà, đơn sơ như nói chuyện. Những bài thơ anh viết lúc gần cuối đời vẫn mang cái hơi thơ như vậy. Kiều Tâm Khánh mất ngày 5-5-1997 tại quê nhà Cần Thơ. Tháng Năm này là giỗ lần thứ 5 của anh. Vì không có đủ tài liệu nên chúng tôi chỉ đăng được 3 bài thơ của nhà thơ Kiều Tâm Khánh, coi như một nén hương thấp lên nhân ngày giỗ của một bạn thơ.

Thơ KIỀU TÂM KHÁNH

16, 17, 18, 19.

*Khi ánh trăng sao xếp hàng nằm ngủ
Tôi hỏi tôi rằng mình đứng đợi ai
Trời vào thu trời lớp lớp mựa bay
Tôi 16 tôi vào sầu quá sớm
Trái chín tình yêu nụ buồn mới chớm
Mộng ngày xanh vỗ cánh xa bay
Mà tôi buồn tôi xõa tóc chờ ai?
Khi mây gió lã mình nằm ngủ.*

*Chiều tháng chạp gió mây tình tự
Nắng rưng rưng đổ giấc mơ tròn
Trời đương xuân trời hoa bướm trao hôn
Tôi 17 tôi đương thì con gái
17 tuổi yêu không ngần ngại
Người yêu tôi: anh thiếu úy không quân
Tôi thấy thương cuộc sống quân nhân
Với những chuyến bay dài không muốn hết*

*Những lúc nhớ người yêu buồn muốn khóc
Cánh thư làm cầu bắc nhịp yêu thương
Trời sang đông trời nuôi tiếc thu vàng
Tôi 18 học làm chinh phụ
Đã thấy xót xa, thấy sầu tư lự
Sớm, tối, trưa, chiều dõi cánh chim bay
Tôi đứng bên này trông phía trời tây
Để thăm nhủ: người yêu tôi ở đó.*

*Có người yêu thời chiến chinh thật khổ
Phút gần người yêu ngăn ngủ làm sao
Phút già từ cũng không kịp hôn nhau
Tôi đã khóc đưa người yêu vào lịch sử*

*Chiều có buồn đâu sao chiều bỏ ngõ?
Mây có buồn đâu sao mây trải khăn tang?
Trời vào mưa trời khóc thương chàng
Tôi 19 tôi vào đời quả phụ !
(1964)*

THƯ GỎI CHO CON

(viết khi lên SG đưa con gái lấy chồng sang Úc)

*Mỗi lần về nhà ba thấy nhớ con
Mấy mươi năm con sống gần ba mẹ
Vậy mà bây giờ sao xa đến thế
Ba nhớ thương con ba viết lá thư này*

*Tiếng ai ru con bên hàng xóm à ơi
Khiến cho ba nhớ con thời còn bé
Con nằm nôi miệng mỉm cười nhỏ nhỏ
Và đôi môi bập bẹ gọi ba ba ...*

*Ba bắt chước người, ru hai tiếng à ơi
Và chợt thấy lòng ba đầy thanh thản
Mấy mươi năm một đời ba lận đận
Ba làm sao quên con, ba làm sao quên?*

*Thôi bây giờ ba biết nói sao hơn
Nhìn cánh chim xa dần lòng ba bứt rứt
Con cố sống một đời trung thực
Ba tin rằng con sẽ hiểu ý ba con ! ...
(1994)*

THƯ GỎI BẠN PHƯƠNG XA

tặng Nguyễn Văn Tạo

*Nói gì thì nói em cũng đã ra đi
Chúng ta xa nhau nửa vòng trái đất*

*Có những lúc buồn, nhớ em quay quắt
Anh tự hỏi hoài sao em nỡ bỏ quê hương?*

*Nói gì thì nói anh cũng đã yêu em
Em ở phương xa em làm sao biết chứ
Chiều xuống phố một mình buồn chỉ lạ
Anh nhớ thương em thương nhớ đủ muôn chiều*

*Con gió buồn con gió thổi liu riu
Cơn mưa vô tình đưa anh qua ngôi trường cũ
Lớp học ngày xưa vẫn còn nguyên đó
Mà người xưa giờ phiêu bạt nơi nao?*

*Trời bây giờ tháng bảy mưa ngâu
Giọt ngắn giọt dài nghe sao buồn quá vậy
Em đi rồi để tình anh ở lại
Trời đất thương anh nên cũng sụt sùi*

*Em ở phương xa em có ngậm ngùi
Có nhớ tuổi học trò dễ quên dễ nhớ
Nhớ thuở yêu nhau dễ giận hờn nầy nọ
Để bây giờ anh ôm mối tình si*

*Em ở xa, ôi em ở quá xa
Em làm sao biết được
Anh nhớ em anh khóc
Một mình anh lặng lẽ trong đêm...*

*Em muốn cười, hãy cười thật to lên
Còn muốn khóc, hãy thét lên thật lớn
Bắt chước người xưa, anh vỗ bôn mà hát:
"Tóc mai sợi ngắn sợi dài
Lấy em không đặt thương hoài ngàn năm"
(1996)*

THƠ NGUYỄN CÁT ĐÔNG

ĐÊM NGHE THẲNG BẠN THÂN VỪA CHẾT

cho linh hồn Lê Công Sinh

Mây đã đi rồi. Có thật không Sinh?
Đêm xứ lạ tao nghe buồn thê thiết
Muốn đọc mấy nghe một bài thơ mới viết
mây đâu còn bên đó để nghe thơ!

Bằng hữu bây giờ như những lá khô
cứ lần lượt rụng nhau về cõi khác
Mới nói chuyện hôm nay mà mai đã mất
Nên từ lâu tao ngại kể chuyện đông dài

Nói thật với mây, tao đang khóc đây
khóc thẳng bạn của một thời nổi khổ
Tao vẫn biết mỗi người có số
nhưng số mây sao vẫn vậy Sinh?

Còn biết bao nhiêu chuyện chưa hoàn thành
sao mây bỏ đi quá vội?
con cái mây, đứa chưa mười tuổi
đứa chưa thành vợ thành chồng

Vợ chồng mây có mấy lúc được vui chung
có mấy khi "anh, em" ngọt sớt?
Đã xin lỗi vợ mây chưa
hời thẳng chồng hào hoa số một?
hay nhong nhong cỡi ngựa về trời?

Bạn bè mây mỗi đứa mỗi nơi
thấy thấy đều thương mây quá đổi
Mây còn nợ tao những điều chưa kịp nói

ta còn nợ nhau chén tạc chén thù
Tao còn hẹn mấy một bữa quắc cần câu
nhân chuyển trở về năm tới
Nhưng mây đã đi
đã đi rồi
đi quá vội!

Bạn bè mây còn cả lũ, Sinh ơi
những Sáu-Gà-Tre, Châu-Gia, Tĩ-Sữa, Tuyết-Đôi-Mồi
những Tòng-Ngủ, Huệ-Điên... và bao nhiêu thằng nữa
Chúng tao cùng chết điếng đêm nay
đêm nghe mây gục ngã
Chúng tao nghe như sét nổ trong đầu
Mây thì thông thả đi rồi, có còn biết tới ai đâu
đâu cần biết những bạn mây đang đau từng khúc ruột

Thôi cũng đã xong một kiếp đời ô trọc
hãy coi như đã trả nợ trần hoàn
Nơi thế giới an bình mây hãy ngủ bình an

Hãy ngủ bình an
ngủ bình an trong lòng đất mẹ.

Houston, đêm 5-5-1997

() Nhà thơ Kiều Tâm Khánh mất ngày 5 tháng 5 năm 1997. Hôm nay là ngày giỗ lần thứ năm của anh. Nhóm chủ trương TQBT xin đốt một nén nhang để tưởng nhớ đến người bạn Thơ đã mất.*

PHẠM THỊ QUÝ

Mộng tưởng

Những con diều giấy bay qua cánh đồng tuổi thơ
Những ngọn gió dịu dàng
Thổi về khu vườn mộng tưởng
Hàng cây lá ngọn
Em nâng trái táo xanh đắng chát
Mùa chưa tới
Con đường vắng gọi người hành hương
Cánh đồng vẫn xanh
Những bóng hình quá khứ
Cơn gió huyền ảo
Hình dạng tương lai
Ngọn cỏ sương mai
Thấm đẫm lời mật ngọt
Ru người vào cơn mê mệt của ký ức
Những cánh diều thắm tím
Trên bầu trời chập choạng hoàng hôn
Cánh đồng chìm vào giấc ngủ
Lặng yên
Hãy thấp nển lên đêm lung linh
Những con mắt sáng
Đất đá mù tằm
Cây khô xương xẩu
Em ngồi đếm
Những hạt chuỗi thời gian
Mù mờ vạch trắng vạch nâu
Trên nền cũ
Những giọt nển đỏ hồng
Sợi tơ nhện mong manh
Trên bờ tường rêu xám
Con thuyền ngược dòng

Trôi lên trôi xuống
Táng lục bình xoay tròn
Cơn xoáy mộng mị
Của trời đất
Chiếc thuyền giấy nằm im
Trên bãi cỏ mờ sương
Đêm lững lờ trôi
Hãy thấp nền lên
Cho ta nhìn rõ mặt người.

LƯU NHỮ THỤY

Ngệ thuật nhân bản trên nền tảng dân gian

Sau lưng đời sống nhìn lại, dù với cảm quan khác biệt chắc không một ai có thể phán định hay phủ nhận lối kiến trúc riêng từng sắc thái của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Văn hóa dân tộc vì thế lúc nào cũng xây dựng trên nền tảng cấu tạo đời sống, triều đại - như một căn bản thiết yếu nói lên tiếng nói và màu sắc đặc biệt nó có.

Đông Phương và Tây Phương có những thiên tiên, thần thoại, khung trời kiến tạo đặc thù và mầm tự hào riêng tư để ngưỡng vọng. Nhưng chắc hẳn không lầm lẫn hoặc trùng hợp. Vì qua đời sống địa dư, tâm tưởng hội tụ nhất định hoàn toàn cá biệt để nở rộ sắc thái dân tộc độc lập, chói sáng tỏa ra mỗi hành tinh phần khởi dặm trùng - tranh đấu không ngơi nghỉ giữa những áp lực xương máu như một *dấn nạn*. Mãnh liệt từng giờ phút âm thầm bồi dưỡng cho lộc chồi xanh tươi. Sung mãn, nếu tinh túy đời sống là phân bón tốt. Ở văn hóa, chúng ta phải nhìn không phải nơi kết tụ mà còn phải ghi nhận ngưỡng bóng hình bao quanh cuộc sống đó tăng trưởng, hy vọng nở ra dưới mọi khung cảnh xã hội chúng ta đang sống. Văn hóa phát hiện từ lòng dân tộc đầy đủ hương sắc, bởi đời sống của văn hóa gắn liền với hơi thở dân tộc. Tuy thế cũng phải cho văn hóa một quyền hạn tối thiểu, để vượt phóng trên căn bản tự tồn, tiến bộ. Như vậy, có thể nói văn hóa chính là ngôn ngữ, màu sắc dân tộc được biểu lộ qua mọi khía cạnh xã hội thoát ra từ sản phẩm đời sống, muôn đời tiếp nối mãi và phát triển không thôi. Văn hóa tự nó từ lòng dân gian, từ phía đại chúng đơm hoa và được kết tinh bằng mọi hình thức với mọi phương tiện phổ biến cho chính đám đông, hay đúng hơn cho chính nó. Đây cũng là thế đứng của văn nghệ dân tộc. Một thế

đứng uy nghi, to lớn thật sự như một cơn gió đồng vọng
mênh mông, thơm ngát, choáng ngợp. Đánh bại những
luồng gió khó tiêu, khó thở từ bên ngoài du nhập qua
những tư-trào-văn-hóa lai căng.

Loạt bài viết dành dụm trong chủ đề này nhằm vẽ
phác lại những nét khái quát hơn là chuyên môn. Những
tư thế có riêng của dân tộc, bởi vậy, cũng chỉ trình bày
như một ý thức khơi dậy niềm tin mà bấy lâu nay tựa
như quên lãng. Cũng bằng những ý nghĩ đó chúng tôi
mạn phép nói tới trong cố gắng thiếu thốn của tuổi trẻ
đang hực chân, chơi với giữa một nền văn hóa phương tây
ồ ạt xâm nhập theo dấu chân *loài-thú-máy-móc* thiếu
nhân tính, tràn ngập cuồng bạo giữa đời sống hỗn mang.
Những cố gắng theo những bàn tay với hực đang tìm nắm
lấy chiếc phao văn hóa dân tộc mỗi ngày một trôi xa.
Những hồi chuông báo động, nếu không lắm đã vang
động cũng nhiều trên những tạp chí, tuần báo đấu tranh
cho một nền văn hóa nhân bản (?). sự kêu gọi được lặp
lại ở đây chắc hẳn không thừa, chúng tôi nghĩ thế, và
mong rằng những bậc thức giả hãy cùng chúng tôi trên
diễn đàn này, phát biểu và lên tiếng thêm nữa ở khía
cạnh chuyên môn, để, không gì hơn, chúng ta dựng lại
mùa tin: *tự hào và phấn khởi với văn hóa nước Việt Nam
như một lợi khí chống trả những nguy cơ và áp lực văn
hóa nước ngoài đang chiếm cứ trên đời sống chúng ta.*
Chúng ta có quyền tin tưởng ở một tương lai trong luồng
sinh khí dân tộc vừa khơi dậy như một sức sống mới. Để
hơi thở của một con bệnh nằm mê mồi trên giường giữa
giây phút hồi sinh chợt xao xuyến và thêm khát nhìn lại
chốn thân yêu của chính mình mà bấy lâu nay đã mê
thiếp trong cơn mộng kinh hãi. Và nhìn lại đó là gì nếu
không ngoài những tư thế sẵn có của văn hóa Việt Nam
bằng thi tứ, ca dao, điệu hò, lời hát - hay những hình ảnh
của nhân gian được thể hiện trên bao nguồn sáng tạo của
loại tranh mộc bản, đơn sơ, đang biến thái, suy diễn qua

tinh thần căn bản dân tộc, mà nền tảng nghệ thuật phương đông chỉ thích hợp với tâm tình, tính chất con người Việt Nam chuộng vẽ đẹp thiên nhiên bình dị, thanh thoát.

TỪ HUYỀN TRUYỆN ĐẾN CA-DAO TRONG THỂ ĐIỀU TRÌNH BÀY

Điều ghi nhận đầu tiên một nền khí hậu tốt tươi bao quanh, hỗ trợ cho văn học Việt Nam không gì khác hơn là văn chương lưu truyền. Từ huyền thoại thiên tiên dựng lên để báii tụng, tin tưởng và hành diện. Bằng sự trường gần năm ngàn năm, xã hội Việt Nam khởi thủy đã chọn cho mình một *totem* kết hợp cao nhất để ngưỡng vọng. Có lẽ sự chọn lựa này do *clan-éccossais* đầu tiên giống trăm Việt tiêu biểu, chính thống chấp nhận (như ý-niệm-tinh-thần của nhà xã hội học Durkheim trong thế kỷ XIX : 1858-1917) cho bất cứ truyền thống dân tộc nào bắt buộc phải có về một cơ cấu chính trị sơ khai như chính dân tộc *Lạc Việt* bất khuất. Với phần cổ sử được ghi chép lại theo những dấu tích của một nền văn minh dựng quốc phôi thai trong thời đại thạch khí. Thời đại mà những huyền thoại chói sáng nhất như những chuyện Con Rồng Cháu Tiên thời Hồng Bàng, qua Phù Đổng Thiên Vương được sinh ra như một tình cờ (thiên định) khi bà mẹ dẫm phải vết chân lớn ngoài đồng để ngài xuất hiện tựa một tướng trời, đánh phá giặc Ân cứu nguy dân tộc rồi mất hút trên núi Sóc Sơn. Đến Trọng Thủy- Mỵ Châu được dựng lên như lòng chung thủy, son sắt tiêu biểu Á Đông được nhìn qua thật vẹn toàn với nợ nước tình nhà. Hay những chuyện khác được truyền tụng và dệt thành huyền sử căn bản cho một nếp sống một suy nghĩ lớn giữa lòng dân tộc Việt Nam, tồn trữ, hỗ trợ cho một nguồn phong phú. Đời sống tinh thần đại chúng qua những huyền truyện đã ảnh hưởng sâu xa và góp phần

không nhỏ vào việc xây dựng từ căn bản một tiêu chuẩn cực đại để hướng tới không ngừng, khai khẩn không thôi. Với những huyền truyện được tin tưởng, dù trải qua bao thế kỷ, người dân Việt luôn bám chặt không ngoài bốn phận gìn giữ như những bảo vật quý báu được cẩn trọng, tôn thờ. Bởi đó là những quá khứ uy nghi để hy vọng, phấn khởi. Và cũng trong sự tất yếu đó đã biết bao lần chúng ta thoát khỏi mọi phương sách đồng hóa với âm mưu diệt tộc như một cương bách của Trung Hoa, hay những hình thức văn hóa viện trợ của sự nô lệ nguy trang bên ngoài. Chúng ta đều thoát ra sau một thời gian rào kín. Những thể ấy không gì khác hơn sự tiềm ẩn vĩ đại của niềm tin văn hóa đã tự hào. Văn hóa Việt Nam phong phú trong sự phong phú đời sống đến cả phong phú tinh thần. Vì hào sảng văn nghệ đã nằm sẵn trong đời sống, tự nhiên phát sinh do đại chúng bộc lộ từ cảnh vật ngự trị hoặc thể hiện từ nhu cầu tình cảm, cung ứng thật dồi dào trong nhịp sinh hoá của dân tộc. Ngoài những huyền truyện được ghi trong cổ sử theo sự lưu truyền, cộng theo đó còn phong cách đặc biệt không kém quan trọng của loạt văn chương truyền khẩu gắn liền theo tam tính đa số bình dân cũng như đời sống biến chuyển dưới mọi thời đại đều được hản ảnh một cách trung thực trong nhịp điệu co giãn của xã hội qua những thể ru lời hát phát xuất khắp nơi từ Bắc chí Nam, lan cùng mỗi miền mọi ngã trong thể ca mộc mạc đầy đủ ý tình. Đây không gì xa lạ với chúng ta, với đời sống tự nhiên đã có, tự đó ca dao nảy sinh. Chính ca dao đã ôm lấy chúng ta từ tiếng khóc lên tiếng chào đời, và ca dao cũng là bầu khí quyến hồng hào, khỏe khoắn nhất trong diễn tiến tới nền văn chương bác học của văn tự trau chuốt. Cũng bởi thế chúng ta không thể nói ngoa rằng ca dao là nguồn sống hỗ trợ từng sinh lực dồi dào của cuộc đời và lịch sử văn học dấn tộc giống trăm Việt ta sát cạnh bên huyền truyện đã được ghi trong cổ sử. Như đã nói, ca dao

chẳng những dòng biểu hiện của nhịp sống mà lại còn là những cái mốc vững vàng nhất sinh-hóa-điều-thơ lục bát như một thể thơ đặc biệt riêng cho Việt Nam, nguồn thơ đầy đủ những âm điệu và tiết tấu, đúng theo sự nghiên cứu của các nhà học giả: lục bát thành hình do yếu tố ca dao mài, sắc lại, tuy vậy không thể phủ nhận những câu, ngoài lục bát ra, còn phụ thêm hoặc xen những câu như một cách nói (diễn tả riêng), có những chữ thêm câu 5,7,8 không chừng, hoặc nhiều chữ hơn nữa...

Trúc xinh trúc mọc bờ ao,

Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh.

Với niềm hân hoan tự nhiên xao động mối quan hoài đến một người hay một tâm tình trong ước vọng mù mù xa cách - Chợt hứng ngẫu nên lời giữa bối cảnh thiên nhiên đầy ấp chất thơ vận dụng đầy đủ những tiếng phụ, đệm để vọng lên phủ trọn trong điệu nhạc phải có. Hoặc cách thể diễn tả được trình bày như một cấu tạo, hình dung cho nét đẹp của người con gái với không gian được ghi nhận, thường nghe thấy ở miền Nam

Cổ tay em trắng lại tròn,

Đầu tóc em don don,

Môi son má phấn,

Cổ tay em hân hân

Tợ như bông cúc nở xây,

Vái trời đứt gió lại còn mây,

Ngồi xây, xây lại hội nầy cho vui.

Trên đây, điển hình vài nét điển đạt chính thức của ca dao qua thể lục bát, cũng như bên cạnh một thí dụ phổ quát với bản chất tư sinh từ cảnh vật, tạo nên những xúc cảm riêng chẳng kém thi vị của ca dao trong cách xử dụng ngôn ngữ nói giữa muôn nghìn thể trình bày khác mà chúng tôi vừa thí dụ qua.

Bằng một cuộc nhàn du nhỏ. Chúng ta thử làm một dạo chơi chốc lát chung quanh vườn hương thật gần gũi với đời sống của chúng ta mà ca dao thể hiện đầy đủ,

hầu như chẳng bỏ quên một thiếu sót nào, dù nhỏ nhất. *Vườn thượng uyển thiếu chi chồi lan huệ*. Bởi ca dao, với bản chất đúng nghĩa của nó thoát nguồn từ đại chúng, nên những dụng ý của nó chỉ nhằm nói lên và nguyện đạt cho đại chúng từng thời như những ghi nhận hữu duyên. Ca dao không có tham vọng gì khác hơn ngoài sự bộc trực tinh tế pha lẫn đôi điều thẩm mỹ của tình cảm.

Sáng trăng già gạo giữa trời

Cám bay phất phưởng thương người xứ
xa.

Ca dao ăn sâu vào tâm hồn người như tiếng tơ rung, ngân mãi, như mạch máu luân chuyển đậm đà, đở rức. Ca dao trẻ trung với mọi người theo tuổi hồng chớm dậy. Ca dao khỏe lăm, reo vui mãi mãi trong suốt tất cả mọi đam mê nồng nàn trên khắp nẻo đường Việt Nam. Tắm ánh nắng dân gian, đùa trong thiên nhiên rung cảm như ca tụng sức nhẩn nại phấn đấu, chịu đựng lâu bền...Ở đâu ca dao cũng tỏa sáng niềm tin chân thật. Ca dao với hương bay thoảng tới, luôn nhắc đến hành trình văn hoá dân tộc. Một hành trình giữa hương vị mộc mạc, chất phác nhưng cũng chẳng kém tình thương yêu đậm đà của khung cảnh đời sống Việt Nam. Mọi thể điệu, lời ca dường như thấm nhuần tiết tấu lớn của ca dao. Qua một vài lối hò, lối hát hiện rõ nhất. Như điệu ru con ở miền Bắc:

A hơi hơi, hạ hơi hơi !

Nam nhi đứng ở trên đời

Thông minh, tài trí là người trần gian.

Hoặc hát đưa em ở miền Nam:

Ấu ơ...

Ví dầu tình bậu muốn thôi

Em cam ở vậy ầu ơ...nuôi bầy con thơ.

Với lối dùng chữ chất phác thật đặc biệt, tính chất miền Nam rức rõ hẫng lên từ tấm lòng son của người đàn bà vùng đầm lầy đã diễn tả thấm thía tính nhẩn nhục,

cam chịu cho riêng phận mình trong trường hợp bạn tình chung bỏ bê ân nghĩa, (bậu trạ từ chữ bạn, ý nói người cùng chăn gối) lìa xa. Với dòng ngôn ngữ căn bản, đã sinh biến tại miền Nam, cải hình thật phóng túng trong tính cách đa dạng của nó. xin được phép nêu lên trong thí dụ điển hình bằng điệu hát đưa em. Ví dầu tình bạn muốn thôi. *Muốn thôi*, tự nó đã là một dần lấy của từ ngữ, cùng bằng vóc dáng *sự khước từ*. Ngôn ngữ miền Nam phóng túng từ tâm tính buông thả trong mọi bản sắc đồng nội. Dễ yêu. Dễ hờn. Chấp, biến quá nhanh. Và phút cuối cùng trở về dung hòa. Đó cũng là nét cơ yếu quan trọng của người miền Nam trong tư trào văn hóa. Sự phồn thịnh của bản tính có lẽ nảy nở từ tinh thần khai phá trong thời gian Nam tiến ồ ạt. Dòng lịch sử đang ghi nhận điều đó. Ngoài lối hát đã thông dụng ngoài Bắc như hát Quan họ, Trống quân, Hát văn, Đám, Cách, Đò đưa chẳng hạn. Bây giờ cũng đã tải truyền sâu rộng sau thời di tản 46 - 55. bên cạnh hãy còn lối *hát giao duyên* giữa đôi hoặc đoàn nam nữ. Lối hát này như tên gọi đúng là lối hát gieo tình trai gái, bên hỏi bên thưa mà trong Nam thường gọi là hát huê tình. Những thâm ý kết tụ qua ca dao quá nồng nàn bao gồm mọi sinh hoạt tỏa lớn, phủ trọn tâm hồn dân tộc. Tính chất riêng của âm vọng đòi người là những thể hiện gần gũi mọi nếp sống, mọi suy tư của đại đa số nhân dân được phản ánh đúng cách.

Hồ lơ hồ lơ
Lắng tai nghe hó lơ hồ lơ
Xương ta, ta bắc nên cầu,
Ai đi hồ lơ !
Để cho con cháu,
Ai đi hồ lơ !
Lên lầu tự do !
Hồ lơ, hó lơ,
Lắng tai nghe, chúng tôi hồ lơ...

Đây cũng là thể điệu thông dụng nhất, sau hát đưa em.

Với thể điệu này, rộng rãi hơn. Chúng ta có thể gặp ở bất cứ nơi nào trong lúc cấy lúa, trong lúc xuôi vàm, trên đồng dưới rạch đều nghe thấy cả. Hồ lơ tuy không có một quá trình sâu đậm nhưng cũng được ưa chuộng liền sau lúc phát sinh vì âm hưởng lúc khoan, nhặt xử dụng cho tất cả mọi tấm lòng. Cũng điệu hò này mỗi nơi đều mang riêng một địa phương tính riêng biệt. *U-Minh, Rạch giá, Thị Quá, Sơn Trường. Gió đưa bông sây dạ buồn nhớ ai.* Hay những ẩn dụ về sự no đủ của miệt vườn *Ba phen qua nói với diều Cù lao ông Chuông có nhiều cá tôm* để phân cách địa danh muốn nói tới. Thật ra dòng ca dao này chỉ xuất hiện một cách mạnh mẽ ở những vùng Đồng Tháp, Sa Đéc, Bến Tre, Cần Thơ, Châu Đốc: *Hồ (ơ)... củi tre dễ nấu. Chồng xấu dễ xài... hò (ơ)...Chớ đừng ham bóng sắc (ơ)... nó hành hài tấm thân (ơ)...* Với một vài thể điệu vừa dẫn và kể qua. Chúng ta thỉnh thoảng cũng nghe nhắc tới *hò mái dẫy* xuất hiện ở vùng Huế, Thừa Thiên. Hay các điệu khác trong Nam như *Lý con sáo, Lý ngựa ô, Lý chim chuyền, Lý ru con.v.v...*

Trở lại ca dao, trên hình thức chính yếu của căn bản đời sống. Ca dao ghi nhận thật đầy đủ, từ hình ảnh thật nên thơ diễn tả phong thái lãng mạn chất chứa cái tình, cái đẹp của nhân sự. Chuyên chở mối tình cảm mộc mạc nhưng không kém nồng nàn của đại đa số quần chúng. để thu gồm luôn cả hỉ nộ ái ố. Ca dao đều chú tâm tới tất cả gì mà chúng ta nghe thấy được, kể cả những hình ảnh khả khiếm, mất đi chất thơ và hiện lên thực tế. *Thôi thôi buông yếm em ra, Để em đi chợ kéo hoa em tàn để chỉ những cảnh xàm xỡ của lũ con trai.* Hoặc những ẩn ức hướng động của người góa phụ còn xuân *Chồng chết mà chưa hết tang, L. đà mấp mè như mang cá mè* trong biểu tính "quá con người". Ca dao, biết bao hình ảnh đã lột trần, tuy nhiên hãy còn thiếu sót rất nhiều trên mặt ghi chép. Đôi lúc, bên cạnh ca dao chúng ta còn nghe nhắc đến hồn nhạc đặc biệt của lối ca Huế không biết bắt

nguồn từ thời đại nào mà chỉ biết đấy là nhạc thánh phòng để trình diễn với khán thánh giả chọn lọc ở cung điện Việt Nam ngày xưa, ít nhạc công. Do các ban Nhã nhạc, Tri túc tế nhạc bằng lối Yến nhạc hay những cuộc lễ thuộc loại Quan nhạc nhưng chẳng phải tục nhạc gồm hai điệu chính Nam, Bắc với nhiều giọng như Xuân, Ai, Đảo, Oán. Hiện nay tuy được lưu truyền nhưng thánh thoảng mới được nghe trong những buổi Quốc nhạc như các bài Lưu Thủy, Kim Tuyền, Xuân Phong, Hồ Quảng và những bản khác đã biệt tích như Tư Mã Tương Như, Tiên Nữ Tống Lưu Nguyên, Bá Nha khắp Tử Kỳ...lắm khi còn được gọi là nhạc tài tử như các điệu Nam Ai, Vọng Cổ Hoài Lang. Riêng điệu sau được phát xuất tại Bạc Liêu với thể đàn của ông Sáu Lầu để diễn tả một tâm trạng mong nhớ. Và người ta còn nhớ một thời gian đó, hát ả đào giữ một địa vị rất lớn trong sinh hoạt văn nghệ phong kiến. Hình ảnh biểu hiện cho văn hóa dân tộc nếu không kể tới các điệu vũ, hát bội, chèo, cải lương là một thiếu sót trong phần nghệ thuật trình diễn. Bài này chúng tôi chỉ nhắc lại vài nét khái quát qua các điệu Phụng Vũ, Vũ Trống, nhằm trình bày những nét đặc thù. Vũ khúc công phu nhất, kết hợp đúng với điệu nhạc phải nói đến Liên Hoa Vũ Khúc cùng các điệu Nhạc trống giao duyên, Trùng dương sinh hoạt vũ, Vũ khúc nón quai thao, Múa lưới, Chèo thuyền, Kiếm vũ cũng không kém quan trọng trong lối y phục cổ kia phối hợp và dung hòa.

TRUYỆN HOẠT KÊ, TIỂU LÂM : GIÁ TRỊ GIẢI TỎA CHO ĐỜI SỐNG.

Trong sử trình văn học, nhân bản nghệ thuật luôn phát hiện từ lòng dân gian. Yếu tính nhân bản không gì hơn sự phổ quát từ phía đại chúng. Những huyền truyện đã dẫn dòng ca dao đã nghe. Hình ảnh dân tộc đã thấy qua điệu nhạc trình diễn, âm thanh tiếng hát muôn đời

vẫn là truyền thống đặt định một nền phong hóa nước Việt mà chúng ta gần gũi tự bấy lâu. Bên ngoài các sự thể đó chúng ta chắc hẳn không quên những pho tiểu lâm góp mặt với tính cách giải tỏa nhiều hơn trình bày những truyện gợi dục ! Trò đùa của tâm tính xây dựng trên căn nguyên phóng thể từ đám đông để đả phá những cái xấu hơn trình bày lại những cái xấu đó. Chúng ta đã nghe đến những chuyện cổ nhắm vào tâm lý quần chúng dựa vào căn bản đạo đức và tình nghĩa nhiều như Công chúa Tiên Dung, Trương Chi My Nương, Trầu cau...hầu thực hiện hệ thống luân lý Việt Nam theo mệnh thuyết Phật Khổng. Một uy thế đã bén rễ sâu đậm ở mọi sinh hoạt hỗ trợ cho truyền thống Đông phương với một bản sắc riêng biệt. Song song bên loại chuyện cổ này các truyện tiểu lâm còn được xem là một thực thể của tâm tính con người. Bằng những truyện có thể có hoặc không có, dù sao truyện tiểu lâm cũng phong phú trong đời sống dân gian sau một ngày vất vả ngoài đồng áng, bận rộn với công việc. Phút ngơi nghỉ bên chén trà, bên mâm rượu là lúc những truyện tiểu lâm đắt giá nhất. Như truyện "Cày hộ" nói chuyện một người vợ vì tin bạn của chồng mà dờ khóc dờ cười cho tiết phụ người đàn bà cũng như gây đau khổ cho người đàn ông. Cốt chuyện cười ra nước mắt xảy ra do lòng tin quá lớn của vợ dành cho chồng. Phải chăng dụng ý của chuyện này nhằm đặt lại đức tin trong chiều hướng dựng truyện ? Những truyện của dân gian xuất phát không một đòi hỏi nào cả nhưng hướng đến một chủ đích thỏa mãn phần nào một mỗi của thể xác trên căn bản tinh thần. Tất cả câu chuyện không hạn định một không gian xuất hiện nào. Truyện trong gian gần gũi và điển hình có thể kể tới các truyện bao quanh Trạng Quỳnh. Một nhân vật tượng trưng mãnh liệt cho sức đối kháng, ngông nghênh bất cần của người Việt đối với Trung Hoa trong thời đi sứ, Cống Quỳnh ương ngạnh với các tham quan vô lại. Và thú vị có lẽ lối chơi chữ của

ông trong cảnh ngồi "đá bèo " đối với một chức sắc lớn liên hệ tới nhà vua. Trạng Quỳnh được coi là một hình ảnh gần gũi, tiêu biểu mọi bất mãn dưới thời quân chủ xưa. Những truyện về ông khởi dựng từ tranh huống một mỗi của giới sĩ phu trước một thời đại đầy đầy những phân hóa. Với một thời đại như vậy xuất hiện những truyện như trên không lấy gì làm ngạc nhiên nhưng ít ra cũng biểu hiện được phong cách "bốn cột và xây dựng". Truyện Trạng Lợn chẳng hạn, ghi nhận về thời phong kiến mà "cầu tước mua quan" với những người sung túc tiền bạc là chuyện thường ! Truyện kể về một anh lái heo đốt nát nhờ đồng tiền mà được làm quan Trạng lại được vua sai đi sứ nước Tàu. Những nhân tài Việt Nam thời đó đã làm Trung Hoa cảm phục với tài đối đáp nhanh nhẹn bên các cuộc thử trí. Và truyện Trạng Lợn đúng là cảnh chó ngáp phải ruồi :

Trước câu đối "Nam Bắc lai triều, xâm tể tể" của Tàu, anh chàng lái heo đã ngẩn tò te. Trong lúc ngồi suy nghĩ, bất ngờ Trạng ta nhớ lại trên đường đi sứ, trước khi nhập thành, Trạng đã trông thấy ngoài kinh đô một người đàn bà Tàu ngồi bên bờ ao, vén ống quần cao tận háng để tiểu tiện. Nhớ lại thật rõ màu da thịt, đặc ý, Trạng ta bèn đối bữa một câu bằng tiếng Việt cho xong : "Nâng tay dí bẹn, đổ hăng hăng ". Vì là tiếng Việt, vua và các quan Trung Hoa nghe ngễng ngẵng thế nào, thành tiếng Tàu là: "Đông Tây chí diện, đổ hân hân" ! Thật là một câu đối tuyệt, vế đối vế, vần đối vần. Chẳng ai tài hơn Trạng Lợn là thế !

Truyện tiểu lâm có bao người cho rằng đó chỉ là chuyện giải trí không có gì thâm thúy. Không hẳn vậy. Thật ra các câu chuyện tiểu lâm không ít thì nhiều cũng phong phú hóa cho nền nghệ thuật bình dị của lớp quần chúng Việt Nam một cách chân thành và tha thiết. Các truyện trong kho tàng văn chương bình dân, Ba Giai Tú Xuất đáng nhớ với các mẫu chuyện Cô hàng tôm, Tú

Xuất mua quần, Con mèo biết nói, Mua chim...Nhân vật Tú Xuất cũng tương tự trong vòng bất mãn thời thế của Trang Quỳnh cùng hiện lên hình thành trong văn chương trào phúng, kéo theo Bang Bạch tượng trưng cho nịnh hót, lòn cúi hầu dựa thế bất nạt mọi người - Xã Xệ, Lý Toét như cặp bài trùng làm việc có nhau trên phương diện thông tin, liên lạc giữa xã và huyện, khuôn mặt quen thuộc của xóm giềng qua mọi dịch vụ thường nhật. Những nhân vật đó có bất tử hay không cũng đều nằm trong dân gian đã giới thiệu. Tuy là truyện dân gian nhưng các truyện tiểu lâm nhằm trình bày *điều kiện xã hội* hơn dựa theo *căn bản luân lý* trong loại truyện cổ, hay *yếu tố đức tin* trong các huyền truyện.

CĂN BẢN NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH VIỆT NAM

Qua sử liệu Việt Nam, người ta còn tìm thấy thêm ngoài điều ghi nhận những vết tích còn lại trên tường đá, đền đài bằng những nét đẽo đục thật đặc sắc biểu tượng cho tinh thần phấn đấu. Những hình khắc trên đá thường trình bày đơn sơ những ý chí vươn tới mà trước đây đã khai quật và tìm thấy ở Chapa (Lào Cai) hay Đông Sơn với một số kim loại được mài dũa tinh vi. Trong đó có *Trống đồng Ngọc Lũ* để chứng minh cụ thể hai thời đại quan trọng của nhân loại, văn minh kim khí và thạch khí. Những thời đại mang một nguồn hứng khởi bao la tiếp dẫn về sau cho mối giềng nghệ thuật căn bản của hội họa và điêu khắc Việt Nam. Luật trang trí trên trống đồng Ngọc Lũ kết hợp thật tuyệt vời ! Mặc dù trong giai đoạn sơ khai chắc hẳn vấn đề này còn phôi thai trên văn kiện nhận định. Nhưng bằng những kết hợp như thế cũng mang đầy niềm tin riêng cho quá trình tạo hình, mà phương Tây chỉ xác định *luật kết hợp* vào thế kỷ VI , sau Ai Cập và Trung Hoa. Giữa niềm tin rộng lớn như thế, những người nghệ sĩ thời cổ sơ chắc hẳn ngoài hành

động sáng tạo họ còn linh trí, cơ ứng cho khoảng thời gian sau, để xác định vai trò tìm kiếm của người nghệ sĩ bị thiên nhiên áp đảo. Bởi những áp đảo và chi phối đã tạo nên gia độ khắc phục không chùn bước trước thiên cơ. Vậy kẻ tìm được lửa đầu tiên cũng đã lên ngôi thần thánh với bước đầu khám phá khía cạnh cấp thiết cho đời sống. Kẻ ấy, trước hết là một nghệ sĩ vĩ đại. *Từ đấy đất được nung cho những hình tượng thăng tiến vô vàng suốt thời gian sáng tạo, và nghệ sĩ thay đổi gỏi trộn tâm tư mình cho bàn tay nghệ thuật nhào nặn.* Người đã lấy vật liệu của Trời sáng hòa ý tưởng phong phú của mình. Với bàn tay, người cải biến hình thể mặc tia nhìn ghen tức của mặt trời ! Bất chấp cả mọi gian nguy của trần thế, *cây dương biển được bứng lên.* Đôi khi say sưa trong hành trình nghệ thuật người đành tâm bóc vỏ đôi môi tạo thêm đồ trang sức xinh xinh. Tóm thâu luôn cả vùng trời biển để *cẩn nón xa cừ.* Trải qua biết bao kết hợp từ mọi trường sinh hoạt nhỏ hẹp đến cơ cấu xã hội qui mô, nhất thiết đều mang nghệ thuật vào trong viễn trình mới, luôn luôn xao xuyến để phục vụ và thăng hoa đời sống. Một đời sống đầy đam mê !

Quá khứ vàng son của một nền nghệ thuật đã cố gắng thoát ra ngoài mọi ảnh hưởng ngay từ thế kỷ thứ nhất. Sau một thời vay mượn và chung đụng trong nền văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa, mà thời băng rã để tạo riêng bản sắc Việt Nam được biết tới qua cổ tích còn để lại trên các đền thờ được tìm thấy ở Thanh Hóa. Giai đoạn phôi thai khởi sự nền *Nghệ thuật Đông sơn* đầu tiên cho dân tộc. Khoảng thời gian này chỉ manh nha thôi, tiếp tục phải kể đến những dung hòa nghệ thuật giữa Anh Đô Nê Giêng và Chiêm thành để tạo dựng *nghệ thuật Đại La* (cũng là tên một cổ thành ở Hà Nội) như lối liến trúc, chạm trổ theo đường cong của hình vật nổi bật trên các tháp (mà mái cong các ngôi chùa Trung Hoa, Nhật Bản hay các nước phương bắc đều ảnh hưởng quan trọng

đến nghệ thuật Đại La - Giao Châu). Nghệ thuật Đại La còn lưu lại thường bằng gỗ chạm trổ, đất nung, các hình tượng *qua đánh trống, Tứ thiên vương, ngôi tháp cổ Việt* trì với 11 tầng cao 15 m đặt trên chiếc bệ hoa sen. Nhưng thuần túy Việt Nam không gì quan trọng hơn những bức chạm khắc trên gỗ ở chùa Cói (Vĩnh Yên) thời kỳ được ghi nhận rất cực thịnh trong lịch trình kiến trúc cuối thời lệ thuộc Trung Hoa, trên đường dành lại độc lập Việt Nam bằng những hình chạm tuyệt kỹ hòa hợp lối trang trí người cạnh muôn vật (trên sà gỗ) hay hình con rồng uốn cong mình, đầu cất lên nằm gọn trong mô hình trang trí (đất nung) một viên ngọc... Phải được đề cập như khởi thủy của nghệ thuật điêu khắc. Với cách nhìn ngấm về khởi điểm chói lòa của nghệ thuật Việt Nam thoát khỏi ảnh hưởng những cường quốc da vàng...

....Dưới thời nhà Lý (1009-1225) bằng những biến đổi mới của kinh tế, văn hóa và chính trị. Sự gọi mùa của tranh dân gian đang ở thế khởi sự tập hợp song song với hình thức mới của tiền tệ vừa mờ ra trong kỷ nguyên dễ dàng hòa sự trao đổi. Tranh dân gian, trong yếu tố đó đã *lên đường tham dự* cạnh những khó khăn và trở ngại dưới hình thức thạch bản không được chu toàn về mặt kỹ thuật. *Mộc bản* được chú ý nghiên cứu, thay thế, đáp ứng cho nhu cầu ẩn loát đang cấp bách đòi hỏi. Rồi trong thời kỳ hệ thuyết Phật giáo bành trướng mạnh, tranh dân gian càng phát triển hơn nữa hầu thỏa mãn phần nào trong hình thức tôn thờ. Đồng thời với việc phát hành giấy bạc, trong dân gian đã góp mặt đúng lúc. Để kiện toàn việc phổ biến tranh nhiều địa phương đã sống hẳn với nghệ thuật làm tranh mộc bản, dành trọng gần một năm để chuẩn bị. Và những phiên chợ Tết chính là mùa tranh dân gian khoe sắc. Quê hương của tranh dân gian nổi tiếng phải kể đến làng Đông Hồ thuộc tỉnh Bắc Ninh. Nói đến tranh dân gian là tạo sự liên tưởng đến "tranh gà tranh lợn" trong nét điển hình. Đơn sơ mộc mạc riêng biệt -

tranh dân gian đã gửi tới đám đông thưởng ngoạn những nét *xúc tác tinh thần* tươi mát, nhẹ nhàng. Tranh dân gian là gì ? nếu không đồ lại nhịp sống gần gũi của tôn giáo, luân lý, sử tính qua tích truyện thì chắc hẳn đã thất bại ? Với hình ảnh "Đón dâu" năm người trong một đoàn có một lão trưởng đi trước cùng họ hàng liên hệ đàn trai đã nói lên yếu tính nhân bản nghệ thuật Việt Nam quan nghệ thuật trình bày tranh dân gian ! "Đập lúa" biểu hiện cho tình thân làm việc của một gia đình nông dân trong cảnh vợ chồng cùng đưa cao phần lúa chuẩn bị đập xuống để ghi lại sinh hoạt thường ngày. Các tranh khác như "Hoa tiên cổ truyện", "Nén bông", "Bà Triệu cưỡi voi", : "Đường tăng thỉnh kinh", "Lão Tử thủ tâm", "Quan âm", "Trường thi", "Thạch Sanh chém chằng" Vì vậy tranh mộc bản có một nhân tính riêng của nghệ thuật tạo hình. Trong khả tính phong phú của tranh dân gian. Đề tài trình bày, khi đưa sửa liệu, lúc nhằm chế biếm, đôi thì ghi tập tục theo từng dịp: "Đấu vật". "Lão Oa giảng đạo", "Hứng dừa" cũng mang theo một mối tư tình khác... đại loại tranh dân gian có thể phân ra: thú vật (Anh hùng tương ngộ), tranh truyện (Lục Vân Tiên), Điển tích (Ngưu lang Chức nữ), lịch sử (Đinh Tiên Hoàng cưỡi rồng)...Tranh dân gian khởi thủy cũng bị chi phối bởi Trung Hoa, nhưng về sau cũng có riêng một chiều hướng nằm sâu giữa đời sống dân tộc mà màu sắc của tranh đã hiện rõ. Trước tranh dân gian (mộc bản) còn phải kể ở Việt Nam lối Thủy Thái hoạ (giấy, lụa), hay sơn mài (dùng men, sơn riêng) cấu tạo. Chung quy đều nằm trong căn bản nghệ thuật tạo hình mà những nét nhẹ nhàng của bản tính đều thể hiện đầy đủ (màu lạnh, đậm xen lẫn chút nóng) của cảnh sắc thuần khiết với kiện tính nhần nại trong bố cục xảo kỹ. Do tự tình dân tộc phát sinh.

Những dấu mốc liên hệ đến nghệ thuật dân gian chúng tôi vừa trình bày lại một cách khái quát. Bằng những điều đã nói, chắc không khỏi thiếu sót trên một vài

phương diện. Nhưng với tâm tình bộc trực, tham vọng của chúng tôi không gì khác hơn ôn lại quá trình vàng son của Nghệ thuật nhân bản như lời khí chống trả mọi áp đảo từ phía ngoài đè nặng. Với những áp lực đó, chúng ta đều thoát khỏi để cho có nền văn hóa độc lập Việt Nam. Từ niềm tin dân tộc vững bền, chúng ta sẽ chẳng còn lo nghĩ vì môi trường sinh động văn hóa Việt Nam. Bẩm có trong sức đối kháng tiềm tàng. Sẽ tự nhiên dung giải và phứt bỏ cặn bã tư tưởng ngoại nhập không thích hợp, để hòa đồng và vươn lên bằng ý chí phấn khởi tự hào Việt Nam một cách tốt đẹp, hăng cừ.

Ngô Nguyên Nghiễm

VÁCH ĐÁ

Người trẻ tuổi kéo trệt về bên trái chiếc nón lười trai bạc mốc. Ngược mắt nhìn cao lên ngọn núi nằm lơ đãng trong những cụm mây thấp bay ngang. Chàng cúi xuống nhẩm tính, có lẽ những bài toán còn đọng đưa vài con số ẩn, đôi mày khe khẽ chao nhẹ như chiếc lá cười với cơn gió heo may. Điều thuốc cặp chặt trong vòng môi đen sậm, ngọn lửa loé chạy lan lên đầu thuốc. Chàng ngồi sà trên tảng đá bên lề, lim dim rít từng hơi khói dài nhả vài vòng tròn quay nhẹ nhàng trong không. Gió vẫn thổi ngay ngọn, ngọn gió miền núi miền rừng bao giờ cũng mạnh, mang theo nhiều mùi hương đại và đặc biệt lạ lùng. Gió đưa từng vòng khói thuốc lên cao, chạy xô bồ rồi càng lúc méo mó tan loãng hình dạng như mây. Vài chiếc lá lao xao bay luồn trong gió lửa tít mù theo con đường chạy dài thâm thẳm trước mặt, chàng đưa mắt nhìn lơ đãng, rít ngậm thuốc cuối cùng, tàn búng xổ vào lùm cây bên cạnh. Với nhặt cành khô, vừa lằm bằm chàng vẽ ngoằn ngoèo lên bãi cát những con số to nhỏ, cộng trừ nhân chia, chia nhân trừ cộng.. Chàng vẫn lắc đầu, xoa mạnh lên những kết quả bằng thân giấy tua gót, hình như chàng đang hần học đó.

Lưng chừng núi, hai bóng người vẫy vẫy kêu gọi và có lẽ họ cũng đi dần xuống. Vách núi vang vang. Chàng trẻ tuổi hơi ngược lên, môi nở nụ cười (gió tạt ngang, tóc tai chàng ngả ngược và loạn xạ, chàng giơ tay vuốt vuốt những phần rũ hoai xuống vầng trán). Nắng trưa khá gay gắt, hai người có vẻ vợ chồng, bước nhanh về phía chàng, vừa quạt những giọt mồ hôi đọng như suối trên

nước da đen ngăm, khỏe mạnh. Bước chân họ thật dài đầy chớ, những hạt đá bén và nhọn k hác gì những mũi kim vẫn bất lực trước da thịt của họ. Chàng tuổi trẻ đứng dậy, bước đến vài bước, cười, vỗ vai họ thân mật, tìm ra hốc nào thuận tiện chưa?

Cơn gió vụt mạnh, tiếng nói vang vang, vách đá cũng trả treo câu hỏi một cách im lìm. Tìm ra hốc nào thuận tiện chưa? Người đàn ông phe phẩy vạt áo đen như màu da, khe khẽ lúc lắc cá đầu, cười gượng gập. Người vợ ngó xéo nụ cười của chồng, quay quay vạt áo rồi nhìn lên vách núi đứng sừng sững, cứng ngắc như cuộc sống của họ. Những vết đục cạn trên lưng núi, ngòi địa lôi đã được đặt quá hời hợt chưa thể đóng đầy buổi cơm canh rau cho người dân miền núi. Từng tảng đá nường theo đà thuốc nổ rớt xuống có thể đếm ngon trên những ngón tay gầy cháy nắng. Mấy mươi năm, núi đã đến với họ như giọt nước mùa hạ. Bắp thịt họ cuộn tròn theo bao nhiêu ngày tháng vác đá. Ngày tháng thanh thản và ngày tháng lo âu. Chàng tuổi trẻ chầm chậm trông sườn núi thẳng đứng, những sợi dây thừng treo lủng lẳng đang phe phẩy trước gió núi. Vài ba dáng người đang đưa trên đó, thoăn thoắt leo như vượn. Từ vùng này đến vùng khác, mấy cây cọc sắt vẫn từ từ bị gỡ theo tay, cắm ngay vào vị trí được chọn. Vài cây khác lại lay động rồi để lại mặt đá những vết hốc sâu. Nặng dần đại đổ lên thân hình bé bỏng của lũ người do chỗ đứng trên cao; người đàn bà tay che nắng im lặng ngó vách núi, ngó hoài chàng trai, lên tiếng đề nghị một cách dễ dãi, hay mình chọn mặt núi sau. Sườn còn thoải, tránh nguy hiểm lại nhiều đá. Vuốt mặt, người đàn ông bực dọc, mình chỉ được phép lấy đá mặt này thôi. Đại gì phải cực. Mấy mươi năm đo số phận trên những hồi cực khổ phá đá, ngọn núi vẫn chưa mọc lên đầy những mảnh đá non che lấp dấu vết như Thượng đế trước khi tạo con người đã nói rõ, thiên nhiên sẽ nuôi sống các người, các người được quyền gây giống và được

tự do. Bây giờ giống gậy càng ngày càng đông, tự do càng lúc càng nhiều, kể cả tự do đánh nhau, nhưng trước mặt những nhánh đá dựng sừng sững như tường đồng vách sắt ngăn cản bước tiến của nhu cầu thiết yếu, của sự hân hoan con người. Thiên nhiên vẫn thiếu thốn, thiên nhiên vẫn đề chụp trên đỉnh đầu thật điên cuồng như nắng hoang miền xa lạ nầy đó. Ba người đứng im lặng dưới chân núi, nắng vẫn đổ hăng say vào mỗi tâm trạng riêng rẽ của họ...

Mồ hôi rơi xuống như điên, mùi hăng hắt phát khởi từ những chiếc áo trần trụi, chàng tuổi trẻ bước thẳng vào chồi lá, rút thêm điều huốc, cong veo, chàng giơ tay vượt sơ sai. Tiếng xe chở hành khách loáng thoáng vụt qua, mang theo cơn gió bụi mù. Những chiếc lá vàng tung tăng cuốn mình lôi kéo teo hướng gió, bay loạn xạ. Chàng đưa mắt, lim dim nhìn vào. Nỗi lặng yên của chàng giá trị như sự rình rập của một chú mèo vờ ngủ trong bóng tối. Hơi thuốc vẫn vũ trong không vẽ thành những hình tượng quái dị xa xôi. Đầu hơi nghếch, mặt trầm lạnh như đá và nhất là những đợt khói vẫn liên tục xoay vòng, càng phút giây càng dày đặc. Ngày nào, anh trai duy nhất đã lữ lược theo chân ba mẹ đi sâu vào phương trời lơ đãng. Sự ra đời của ba, sự bắt tay tần tảo với cuộc sống để nuôi con của mẹ, và sự nối gót của anh, đã chua chát như linh hồn, lạnh nhạt của sự thế, để bây giờ chàng phải đứng sừng sững, im lặng dưới một chân núi đá. Còn nỗi niềm nào cho chàng nghĩ được ra đây bởi lòng đã dày như da trâu, ý tưởng cùn nhụt như mặt đá. Chàng tuổi trẻ cúi xuống lăm lăm lại những con số vừa rồi, bài toán vẫn rối rùi, chàng lại thở khói (chưa biết có nổi bình thản hay chưa xót). Tiếng chân dẫm trên đá sỏi trải dài trước sân, những tiếng động nhẹ và đều. Tiếng chân kéo đến bụi thềm, cạnh bàn, chàng ngược lên neho neho đôi mắt. Người đàn ông kéo chiếc ghế nhường cho vợ, ngồi xồm lên chiếc ghế ba chân còn lại, cũ kỹ.

Không khí ngôi chòi có phần mát dịu, người đàn ông thở mạnh, nghiêng chúc chúc ngọn tóc và lắc lắc, cho vài giọt nước người vừa ứa ra, rớt xuống đi con. Chàng với tay đập mạnh con ruồi cánh xanh đập bám trên tay kia, người đàn ông cười, trời mát hả mảy, dễ chịu hơn ngoài đá. Chàng trẻ tuổi cũng cười theo (nhưng thật nhẹ). Nắng như điên hả chú Tư, khó chịu hơn trong này. Người đàn bà bật cười, vươn tay chìa ngón trỏ chỉ chiếc sườn núi thoải thấp bên trái ước ao, được phép dùng vài năm. Rồi đưa mắt nhìn vách núi cũ thẳng như giấy dọi thợ hồ, không để ý đến vẻ mặt mọi người chung quanh. Hình như nơi này, người đàn bà ngủ yên và mơ mộng tới những hang động thật ngon, những cây thuốc nổ dây âm ập, từng phút từng phút trong tiếng nổ lừng lẫy, từng khối đá rớt xuống như mưa, chồng cao từng hòn núi nhỏ nhỏ, những chòi lá đột mái ngày đêm vang hoai tiếng đập giòn giã, rồi những buổi cơm nóng nghi ngút, rồi những chiếc xe tuần tự di chuyển đá xanh đến tận cùng đất nước, rồi những tòa nhà trang trọng mọc nhanh rồi nụ cười, nụ cười... Người đàn bà khoan khoái, cười. Chàng chìa gói thuốc trước mặt, người đàn ông móc và mỗi một điếu. Vẫn khói đen bay đơn đã, vẫn nhìn về vách núi chói chang, mọi người ngồi yên đó.

2.

Màn đêm rũ xuống khi mặt trời không còn núp trong thân núi một sức nóng hừng hực. Những con chim bay về buong hoai những tiếng kêu mù mịt. Đông nằm dài trước sân trong chiếc đệm dây mo, lim dim ngược nhìn rừng sao trở trắng. Mọi vật càng hồi đen đúa thêm, rồi một ngày tàn tạ đó Đông, trí óc mảy lợn cợn những nỗi buồn chưa thể tiêu hóa dễ dàng. Ngoài trời, sao mọc thêm hoai, gió vẫn thổi mạnh vào ưu phiền dần đặc. Câu chuyện vách núi vẫn chưa giải quyết rành mạch, mảy

phải nằm như chó đói. Một con chó đói ẩn núp trong lớp sơn đại diện cho một hăng thù, đối về canh chừng từng bước đứng của anh em, trông sóc từng hòn đá vô tri, đối sức sống tùy theo sức đá rơi nhanh hoặc chậm. Bao giờ, yếu tính của loài trẻ tuổi cũng tự phụ đến sự nhận thức, mây đã thấy chưa, khi đứng ngoài không gian, khi va chạm thực tế, mây đã phải từng sống trông ngọn như cây cỏ trước một vách đá lạnh lùng. Ý thức cứng ngắc, như vách đá đó, sự bó tay vẫn là điều lệ tất nhiên trước những cái vô tri giác như vách núi sao? Cảm thông chỉ nhận được giữa những đồng cảnh, dù chất phác dù thua hệt mọi người dân đập đá nơi này cũng nhìn trở ngại và cuộc sống như mây vừa nhận được hôm nay. Núi đã mài đá thành vách ngăn chặn ý thức của mây, hỡi Đông, chưa thể thẳng thắn lên tiếng soi thẳng lên vách đá, sự trả treo này là sự thật hợp lý lắm sao. Những cánh nhận vượn lưng trời cũng phải vài cái đập cánh. Không gian không thể ngăn chặn ý hướng của nó, mây phải nghĩ tới vách đá như không gian, mây cần sự tự do đó.

Gió núi bao giờ cũng lạnh buốt, tóc tai Đông rũ rượi như những chiếc lá. Đông cuốn tròn, tay gối đầu, lắng nghe giọng chó tru từ cõi xa vọng về. Gió thổi hoài, và tôi vẫn nằm đây, sự khốn khó ban ngày vẫn đọng sâu ở đâu đó. Tôi không còn muốn điều này, hỡi vách đá cho xin nổi bình yên.

Tiếng động di chuyển nhẹ bên cạnh, đông xoay người, ngồi chơi chú Tư. Người đàn ông cười hềnh hếch, khom mình ngồi chéo xuống chiếc đệm cũ kỹ, cạnh chàng trai, vẫn chưa tìm ra một phương pháp nào khác hã Đông? Vách quá đứng kể cũng cực nhọc, bao nhiêu ngày qua cố gắng cũng chỉ lấy được một số đá đếm dễ dàng như một nắm tay. Đông đứng đứng liếc ngang nắm sỏi trong lòng tay chú Tư rồi ngồi bật lên, châm mũi kê vào chiếc thuốc lá gấn gọn trên đôi vành môi từ lúc nào. Anh lửa bùng mạnh, lao chao theo gió, rọi nhê lên mặt hai người một

cách quở quái. Đông quăng que diêm, thổi một hơi khói, nhìn chằm chập chú Tư, im lặng. Vẫn chưa tìm ra một phương pháp nào khác hã Đông. Vẫn chưa phương pháp nào để giải quyết vấn đề. Vách núi vẫn đứng sừng sững trong màn đêm, hình dạng đen và sù xì. Đông nghiêng người, ngó gương mặt chất phác và cần cù trung hậu của người dân miền núi. Một vùng biên thùy xa xôi, hình như gió bao giờ cũng thổi hai chiều, họ vẫn có thói quen chịu đựng dù sương dù nắng dù nguy hiểm hằng ngày đe dọa, trên từng sợi dây từng nằm vắt ngang sườn núi, nhiều con gió trở mình, chúng dong đưa như những con rắn uốn khúc. Họ treo định mệnh lên đó. Sức sống chạy dài theo từng hồi đá lở, đổi chác sự sống với sự treo ngành, từng cái móc ngược người đánh dấu chữ thập vào một vài nơi nào có chất đá lý tưởng, dài sâu từng hang nhỏ, ghém đầy thuốc nổ rồi chạy xa trông lớp đá buông nhanh, xoa tay cười khoan khoái. Bây giờ, đá đã cạn, vách núi đứng thật thẳng chờ đón những nguy kịch chĩa tới những sinh vật biết nói nhỏ bé, cộng với thời tiết thay đổi, khác lạ hơn mọi năm, cộng với những đe dọa từ những giăng lưới, thì nụ cười của họ vẫn còn mù mờ như sương buổi mai. Bất giác Đông thở dài, sứ mạng với cuộc đời, với nỗi sống mang theo bên mình gấp nhiều cam go và buồn bã. Đông giơ bàn tay gài chiếc nút hở trên ngực chú Tư, nhìn màu đen lẫn khuất vào bóng đêm của người đàn ông chất phát, Đông nghẹn đó, ồm nghẹn chú Tư. Chàng lả vả trong khi chú tư rớt rít cảm ơn, già rồi thầy kệ nó, lo là lo cho mấy kìa. Mấy bữa nay, trông hốc hác ra, trẻ phải đủ sức lo cho vợ con chứ. Đông cười to.

Ngọn gió núi kỳ này mạnh bạo hơn, thổi vút qua màn đêm một cách hối hả và lạnh lùng. Chú Tư khẹp bầu áo, khẽ rung mình mất lượt, cha nó ngọn gì đi quá mạnh vậy. Bên cạnh, Đông chưa chát ử mặt lên bóng tối, tôi nghĩ đến chú hoài đó chú Tư. Dù da thịt chai đến đâu cũng vươn cao những nếp nhăn co rúm, dù tiếng nói của chú

có âm thanh to rộng đến đâu cũng theo vách núi im lìm vọng lại. Xoáy vào tận đôi tai, soi như mũi dùi vào từng chân lông, xếp gọn từng nét mặt, chú Tư cũng cần cỗi, nhưng buổi cơm không cho chú cần cỗi ngon lành như vậy. Hỡi người dân ngay thẳng và thật thà, vách đá vẫn đứng ngạo nghễ trước mặt các người đó. Da thịt các người mềm hơn cao su, xương cốt dẻo hơn mẩu bánh xốp thơm phứt mới ra lò không? Vách núi vẫn đứng sừng sững và ngạo nghễ đó, các người có thấy không những mảnh đá nhỏ nhen vẫn chưa rời khỏi ý nghĩ thô sơ của các người. Chúng vẫn đứng thẳng hoài trong tiếng kêu cứng nhắc, trong nỗi lo âu và thao thức mệt nhọc như người dân dốt nát thường tiêu biểu nổi vô tâm này, cuộc đóng trần trùng trị những đứa con gái chữa hoang mà không phân phải trái. (Dù rất có thể điều đó xảy một cách máy móc ngoài trí tưởng tượng, họ phải sống cam phận sau một cuộc hiệp dâm tàn bạo.) Đông ngơ ngác ngó hoài về mặt chú Tư, bóng sáng của ngọn đèn dầu sát vách lá hắt thẳng vào mặt, khiến có nét lung linh, tranh tối tranh sáng. Da chú đen lấm đó, chắc phải gian nắng suốt ngày này qua ngày khác hã chú Tư? Chú Tư hơi ngạc nhiên, khẽ nhú đôi lông mày đen rậm, hực hực bữa nay mấy hồi kỳ khôi vậy Đông. Thì nghề nghiệp bắt buộc mới có hột cơm chớ. Công tử bột rồi chết đói sao, tao già rọm hơi đâu nghĩ ngợi như vậy. Đông cười tùm tùm, vậy mà có người khen vừa chú nghe chú Tư. Người đàn ông bật ngửa, ngược mặt lên trời cười, ai vậy Đông? Vách đá. Đông nghiêm nghị, ngồi thẳng người, vuốt vuốt mái tóc, nhìn chú Tư. Mình đã nghĩ ra một kế hoạch nhưng hơi tốn công, có lẽ đã lấy được nhiều gấp năm gấp mười. Nhìn cái phắc lên như cheo của người đàn ông hiền hậu, Đông vẫn tất, hay mình làm thử đi lần trên đỉnh vách xoi thẳng xuống càng sâu càng tốt. Chú Tư im lặng suy tư, chắc chắn phải nhiều thời gian. Rồi đưa mắt thật xa, cái lo âu ngay thẳng bao giờ cũng lộ liễu thật chất

phác, những nét nhăn vờ vợi kéo lên trán một vạch dài, vài giọt mồ hôi có thể đọng sâu ở đó. Trên gương mặt ủ rũ, sự thần thờ ngủ yên, chung quanh cảnh vật vẫn run rẩy theo từng cơn gió bay loang lổ. Ở đó, Đông đã nằm xoa tay, hằng vạn ngôi sao đang châu môi bàn tán ngó hoài vào đôi mắt Đông.

2 bis.

Mọi người đã có mặt, cũng như Đông đang ngược cổ trông lên đám người trên đỉnh vách núi. Những sợi dây thừng, treo lủng lẳng từ những hôm trước, cũng còn phất phơ một nhọc trong gió. Gió thổi khá mạnh (hôm nào sức gió có lẽ cũng như vậy, sao mọi người cảm thấy hơi lạnh.) Đông và chú Tư ngồi đầu lưng trong chiếc ghế bắt sẵn dưới chân núi, rầm rì.

Trên cao, những cái máy dùi đã dự bị, những dụng cụ xong chưa? Đông nhìn đám người đang lúc chúc nhường nhau những chỗ đứng, những gương mặt đen rạn len lỏi vài hơi thở lo âu. Chiếc nón lưỡi trai lật phăng cầm gọn trong đôi tay nắm chắc, chú Tư nhìn Đông khe khẽ mỉm cười, gật đầu. Ngọn gió núi lại vụt mạnh, Đông gọi chú Tư, cười mơn man. Ngọn gió núi lại vụt qua. Cây cỏ ngẩn lên.

Mặt trời càng lúc chạy dài trên đỉnh đầu. Vách đá im lặng.

TRẦN BANG THẠCH

CŨNG MỘT GIÒNG SÔNG

Bến đồ nằm lọt thỏm giữa hai dãy quán xá nhà sàn. Hai cây bả đậu tàn lá sum suê gie ra mé nước làm con sông như bị hẹp đi. Bên này là phố chợ. Bên kia là khu trại cửa, ghe xuồng đậu chật một khúc sông. Bây giờ nước đang ròng. Những rác rến, vỏ chai, thùng nhựa và mấy thanh củi mục nằm chơ vơ trên bãi. Đàng xa kia, cây cầu sắt bắc ngang sông ánh lên những sét gỉ. Cơn nắng gay gắt làm thân cầu như oằn xuống. Một nười đàn ông đang đứng thơ thẩn trên cầu. Chỉ một mình ông. Hình như đã lâu người đàn ông không đi tới mà cũng chẳng đi lui. Đôi nạng gỗ cũng bất động như thân người. Cái dáng vẻ chết sống dưới nắng trưa của người đàn ông làm đôi mắt tôi muốn cụp xuống. Con người có vẻ gan lì dưới cơn nắng gắt mà trông sao buồn bã quá, cô đơn quá. Từ lòng đồ, tôi nhìn lên phố chợ. Chành lúa Lâm Chi Phát trước kia bây giờ là đồn công an. Ngoài ra mọi phố xá, hàng quán đều như cũ, như tôi đã nhìn, đã thấy từ hơn hai mươi năm trước.

Con đồ tôi đang ngồi thật là đơn độc. Không có một chiếc nào khác trên bến. Người chủ đồ cũng đã lẫn khuất nơi nào trên thị trấn. Một mình tôi trong khoang đồ trống lổng này. Tôi phải ngồi đợi thêm mười chín người nữa để đồ có thể nổ máy, rời bến!

- Có muốn đi ngay thì bà bao đồ đi. Tôi nổ máy liền một khi. Đợi cho đủ người thì lâu lắm à ghen.

- Dạ cảm ơn. Tôi chờ cũng được.

Nghe tôi trả lời, người chủ đồ nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên.

Độ một tiếng đồng hồ trước, khi tôi vừa bước xuống xe lôi, người ta nhìn tôi. Tôi có cảm tưởng cả cái chợ nhỏ này nhìn tôi. Người ta chỉ trỏ, xì xào. Tôi biết họ đang nói về tôi. Họ đang bàn ra tán vào về một thiếu phụ Việt kiều giữa trưa nắng gắt đã một thân một mình đến cái thị trấn cạnh quốc lộ này, rồi tiếc chi một chút tiền lẻ để phải ngồi đây hàng giờ. Dù đã chuẩn bị chu đáo từ cách ăn mặc đến mặt mũi, đầu tóc, đến cái xách tay nội hóa bằng chỉ ny lông màu nâu sậm... tôi cũng không thể chìm lẫn với những người đàn bà lam lũ ở đây. Tôi không sợ bị người nào nhận diện. Tôi chỉ không muốn tạo sự ồn ào, soi mói. Tôi muốn trở về thăm căn nhà đó một cách lặng lẽ như hơn hai mươi năm trước tôi đã lặng lẽ bỏ đi. Tôi cũng không muốn vội vã về đó, ngay bây giờ. Sự chờ đợi sẽ làm cho cái nôn nóng, niềm hy vọng của tôi được kéo dài thêm. Tôi sợ một thực tế phũ phàng sẽ trùm úp lên chuyến trở về không báo trước này. Chính xác hơn là tôi sợ phải nhìn thấy ánh mắt căm hờn, xua đuổi của Thiện. *Thiện ơi làm sao em quên được ánh mắt dịu dàng của anh ở một thời thật xa nào đó. Những năm tháng ấy, anh thật ít nói với em, nhưng những tia nhìn của anh là cả một vùng trời chất ngất thương yêu. Tuổi trẻ của em đã tắm đắm những mật ngọt, những chồi xanh, những dịu dàng lá cỏ. Tất cả đều thoát ra từ ánh mắt của anh. Bây giờ trong khoảng đồ vắng lặng giữa buổi trưa im ắng này, em bỗng thật sự lo sợ tia nhìn của anh. Em muốn được ngồi trong lòng đồ nầy chờ đợi lâu hơn một chút nữa, để khi mình vừa thấy mặt nhau cũng là lúc hoàng hôn chợt tắt và đêm tối cũng vừa lên. Tất cả sẽ chìm sâu vào bóng đêm. Em sẽ chỉ còn thấy nét dịu dàng của ánh mắt thương yêu ngày cũ. Và ở em, anh cũng chỉ thấy một cô giáo Lan của ngôi trường tiểu học ngày nào.*

Nhìn ra ngoài khoảng đồ, tôi thấy con sông như rộng ra một chút. Nước đang lớn. Con nước này sẽ đưa tôi ra khỏi đây quán xá nhà sàn, khỏi táng lá mệnh mông của

hai cây cổ thụ. Con đò rồi sẽ trôi ngang ngôi đình cổ ở đầu vàm Cái Răng Bé, vượt qua Bà Tĩnh rồi Bà Vèn. Qua khỏi rạch Bà Vèn mấy sải tay là ngôi trường tiểu học. Đi thêm một chút nữa là thửa vườn rộng với căn nhà ngói đỏ. Thiện ở đó. Tôi biết Thiện đang một mình ở đó. Một chút nữa thôi là tôi sẽ đến với chàng. Con đò này sẽ đưa tôi về bến cũ. Tôi sẽ cẩn thận bước xuống cây cầu dừa, sẽ dành đúng một giây đồng hồ để ngồi trên chiếc băng đá trên bến sông. Rồi tôi sẽ chậm rãi theo con đường lát gạch đi vào nhà. Thiện sẽ làm gì khi chợt thấy tôi? Còn tôi nữa, tôi sẽ như thế nào trong phút giây hội ngộ ấy? Tôi nhắm mắt mà vẫn không hình dung được tình huống gì sẽ xảy ra. Tôi bồn chồn quá. Buồn vui, lo sợ đủ đủ điều.

Bây giờ có thêm hai người nữa bước vào khoang đò. Chiếc đò chòng chành một chút. Người chủ đò đang chuyện trò vui vẻ với mấy chú xe lôi trên bến. Tự dưng tôi lại muốn nhìn cây cầu sắt đằng kia. Cây cầu như thấp hơn khi mặt nước dâng cao thêm. Người đàn ông vẫn đứng bất động trên cầu. Tự dưng tôi thắc mắc: không biết người đàn ông đã đứng đó từ hồi nào và bao giờ sẽ chống nạng ra đi? Bao con nước lớn, mấy con nước ròng đã chảy dưới đôi nạng gỗ ấy? Tôi cũng đã chờ đợi bao con nước ròng, mấy con nước lớn để hôm nay mới được trở về đây?

Sau chuyến đi dài hơn hai mươi tiếng đồng hồ xuyên qua biển Thái Bình Dương, gần nửa đêm hôm qua chúng tôi mới đến Sài Gòn. Sáng nay trong một căn phòng khách sạn chúng tôi đã thức sớm để mỗi người chuẩn bị chút ít đồ đạc cho chuyến đi của mình. Thật sự thì Chris hầu như chẳng phải sửa soạn gì cả: cái túi đeo lưng thật to của nó đã có đủ các thứ nó cần dùng. Nó sẽ lên chuyến xe lửa Sài Gòn- Hà Nội lúc 7 giờ. Nó sẽ dừng lại Huế vài ngày

để ghi lại mấy di tích lịch sử và thu âm những điệu hò. Chris đang thu thập tài liệu cho luận án của nó. Rồi Chris sẽ ra tuốt Quảng Trị. Nó muốn nhìn nơi chốn mà Larry, ba nó, đã từng có mặt suốt mấy năm dài. *Con muốn tới đó để họa may tìm được bàn tay trái đã mất của ba.* Chris nói với ba nó rồi cả hai cha con cùng cười. Họ thật là vui vẻ. Larry thì sẽ đi Vũng Tàu, nói là lo mấy công việc của công ty. Ba người đã sửa soạn cho mỗi người một nơi chốn để đi. Tôi thừa thông minh để biết rằng cha con Larry muốn tôi được tự do trong chuyến về miền Tây, họ không muốn xen vào chuyện của tôi. Tôi biết Larry muốn chuyến đi của tôi được hoàn toàn như ý. Tôi cũng biết Larry ước muốn được làm tất cả mọi điều tốt đẹp cho Thiện. Hai người đã từng chiến đấu bên nhau suốt những năm dài chiến cuộc. Như một điểm gở, đêm trước lúc trận tái chiếm cổ thành Quảng Trị bắt đầu, Thiện đã tâm sự thật nhiều với Larry về mối tình của chàng với tôi. Thiện đã trao cho Larry mấy viên đá ngũ sắc nhỏ nhắn, xinh đẹp mà chàng đã nhặt được trên đường hành quân, nhờ trao lại cho tôi nếu có một ngày Thiện vĩnh viễn không trở về. Chuyện này đã nhiều năm rồi mà Larry vẫn nhớ. Nhiều lần Larry nói với tôi khi biết rằng Thiện vẫn còn sống:

Em phải về đó một lần, anh ạ. Nếu mọi việc suông sẻ, lần sau anh và con sẽ cùng đi với em.

Hơn một năm nay, từ khi biết tin Thiện, Larry và tôi đã bàn tính thật nhiều về chuyến đi này của tôi. Thật tâm khuyến khích vợ mình về thăm người tình cũ và sẵn sàng lo mọi thủ tục, mọi phí tổn để đưa Thiện sang Mỹ, Larry đã chứng tỏ chàng có một trái tim cao thượng, một tấm lòng bao dung, hiểu biết. Nhưng cái trở ngại to lớn là ở Thiện. Rất nhiều cánh thư qua lại từ hơn năm nay đã không làm sao xóa được cái trở ngại này. Thiện một mực từ chối mọi giúp đỡ của chúng tôi, từ chối sang Mỹ. Và

chàng cũng nhứt định từ chối gặp mặt tôi nếu tôi có trở về. Trước những chối từ sắt đá như vậy cái mặc cảm tội lỗi của tôi càng ngày càng nặng thêm. Hơn hai mươi năm trước tôi đã bỏ lại tất cả để theo Larry về Mỹ. Cũng từ ngày đó đôi vai tôi cứ oằn xuống, oằn xuống dưới sức nặng của ân hận. Tôi đã rã rời. Tôi đã chết ngộp. Tôi đã eo sèo như chiếc lá khô. Larry hiểu biết rất rõ tâm trạng này của tôi. Những an ủi của Larry như những hạt sương mỏng trên cành lá. Làm sao tôi quên được có một phút giây bất chợt nào đó của hơn hai mươi năm trước tôi đã bỏ lại tất cả, bỏ hết vốn liếng của một đời người. Tôi đã bỏ cái thị trấn đầy bụi bị kẹp giữa hai giòng sông và bị cắt đôi bởi con quốc lộ. Hai giòng sông thì quanh năm nước đục; con quốc lộ thì rầm rì xe cộ suốt ngày đêm. Tôi đã bỏ ngôi trường tiểu học ở vòm Bà Vền với mấy mươi đứa học trò hiền như cây như cỏ. Và căn nhà ngói đỏ. Tôi đã sống cái tuổi dậy thì của tôi ở đó. Ở đó là tôi thiếu nữ là tôi mộng mị là tôi yêu đương. Tất cả bám dính như hồ như keo trên từng song cửa sổ, từng mảng vôi tường. Tóc tôi chảy mượt mà theo dòng sữa trắng non ngoài sân rêu thoảng hương dạ lý. Tôi khát thèm yêu đương trên từng phân vuông da thịt trong căn nhà trống hoác những đêm khuya. Tôi như cô giáo hiền từ ngoan ngoãn mỗi ngày trong lớp học. Còn Thiện nữa. Đôi tháng một lần Thiện như giải mây lạ, lúc nào cũng là giải mây lạ, đáp xuống sân rêu vào những đêm nguyệt tận; rồi biến thành cơn gió xoáy len vào khung cửa, đánh thức người nữ nhân ngư là tôi. Rồi hàng vạn vòng tay, hàng ngàn hơi thở. Tất cả đổ ụp xuống thân xác tôi như những ân sủng từ trời. Cái lạnh lẽo thâm u, cái hoang dại mịt mùng của vùng núi đồi Pleiku, Phú Bổn; cái nóng rát da cháy thịt của gió xoáy Hạ Lào tất cả như đồng loạt theo Thiện về đây làm bão bùng sông rạch, làm ấm ngọt đồng bằng. Tôi chết điếng trong những quán quít, cuộn mình, ngụp lặn. Tôi chơi với chơi với. Tôi choáng ngợp trong

gối chần, da thịt. Tôi tỉnh tôi mê tôi đồng tôi thiếp. Tôi đón tôi đau trên chín giải ngân hà. Tôi ngất tôi ngây dưới mười từng địa ngục. Thiện của tôi là như vậy. Tôi của Thiện cũng như vậy đó. Chúng tôi đã có quá nhiều những kỷ niệm yêu thương của một thời xanh tóc.

Chiến cuộc càng ngày càng sôi động cứ triển hạn hoài ngày thành hôn của chúng tôi; để chúng tôi đôi tháng một lần vẫn là cặp tình nhân điên khùng trong căn nhà ngói đỏ giữa một vườn trắng úa. Cho đến một ngày Thiện không còn ở trên đời để về với tôi được nữa. Gia đình Thiện được thông báo là Thiện đã tử trận ở Đông Hà. Căn nhà ngói đỏ được đóng cửa từ đó. Tôi sợ căn nhà với đầy đầy hơi hám của Thiện. Mỗi ngày từ thị trấn tôi ngồi đờ máy vào Bà Vền dạy học rồi trở về. Những khi tôi từ lớp học nhìn qua khung cửa sổ, tôi bỗng sợ màu đỏ chói chang của mái ngói vào những trưa nắng gắt. Tôi rợn rùng mỗi khi bất chợt nhìn qua màn mưa mỏng thấy hai cây dừa đang rũ tóc dưới bến sông; từ đó một con đường lát gạch tàu đỏ quạch dẫn đến cánh cửa im ỉm đóng kín. Thiện đã mãi mãi không còn là cơn gió lốc xuyên qua khung cửa đó để làm cơn bão đồng bằng trong thân xác tôi. Tôi cũng gói kín đời tôi trong ngôi nhà từ đường ở thị trấn Cái Răng. Ngôi nhà nằm giữa khu vườn rộng toàn sầu riêng trồng từ hàng trăm năm trước. Nỗi buồn riêng của tôi như nhân đôi mỗi ngày khi nhìn những cây sầu riêng lêu nghêu, cần cỗi, lưa thưa tàn lá. Những buổi trưa nằm vống căng giữa hai thân cây, lơ mơ nhìn những trái sầu riêng gai góc, xám xịt treo lủng lẳng trên những cành cao, tôi nghĩ cõi lòng mình đã ứ đầy những đường ngang nét dọc, những vết chém vết đâm, vết bầm vết sưng. Con tim này và thân thể này sẽ không còn đủ chỗ cho bất cứ một gai nhọn nào từ những trái sầu riêng trên cao nếu có cơn gió vô tình làm sầu riêng rụng. Từ ngày mất Thiện tôi đã đu đưa mảnh đời mình trong

khu vườn riêng tư đó, tưởng rằng sẽ sống suốt đời như một nữ tu tội nghiệp. Nhưng không. Larry đã đến với tôi như một dũng sĩ thành Troie. Chàng đã tiêu diệt hết thiên binh vạn mã, đã phá bỏ hết thành quách lưng hào, đã đột nhập cấm thành như một làn tên lửa. Tôi ngờ nghệch đứng nhìn người dũng sĩ trên lưng chiến mã đang chống kiếm nhìn trời. Tôi lắng dăng hư vô nghe tiếng quân hò ngựa hí, tiếng sắt tiếng đồng. Trong tôi là những trầm tích nghìn đời bỗng nhiên bị khuấy động từ đáy biển sâu, là những phún thạch vỡ tung trong cơn địa chấn toàn cầu. Tôi chơi với, chơi với, hệt hà hệt hắt trong cuộc tình với Larry. Có một điều thật rõ ràng là không lúc nào tôi quên được Thiện. Càng không quên Thiện tôi càng nồng nàn chần gối với Larry. Thiện, Thiện, Thiện ơi ...đã bao nhiêu lần tôi hào hển buông ra những tiếng như vậy dưới sức nặng của cơ thể Larry. Trong vòng tay siết mạnh của Larry tôi thấy mình được hạnh phúc vỡ tan ra từng mảnh, tôi thấy thật ấm nồng như ngày nào tôi chấp cha chấp chơi với Thiện trong căn nhà ngói đỏ. Cứ như thế, Larry đã dìu tôi qua bên kia nửa vòng trái đất. Có phải đó là cơn mộng du dài?

Có lẽ tôi không phải là kẻ quá bội bạc vô tình, vì một nửa phần đời của tôi hình như vẫn còn vất va vất vưởng trên một nhánh sông chảy qua thị trấn đồng bằng. Từ bên này nửa bán cầu tôi luôn nghĩ tới một lần trở về. Không ai có thể tắm hai lần trên một dòng sông. Tư tưởng của một triết gia phương Tây nào đó chắc không đúng với tôi. Tôi sẽ trở về. Dòng sông của tôi vẫn là dòng sông cũ. Cõi lòng tôi vẫn bập bềnh theo từng con nước ròng, từng con nước lớn. Thiện nữa. Từ một sâu thẳm của tiềm thức, tôi cứ đinh ninh rằng bằng một mặc khải siêu linh nào đó 'Thiện đã trở về sau cơn đại hồng thủy. Thiện cũng đã về với dòng sông cũ. Thiện đang mỗi chiều ngồi trên băng đá ven sông nhìn con nước ròng nước lớn. Giòng sông đó

đã đầy ắp những kỷ niệm của chúng tôi. Giòng sông đó
hoài hoài vẫn là giòng sông cũ.

Quả thật Thiện đã trở về.

Hơn một năm trước, một người bạn cùng đơn vị trước kia
của Thiện tình cờ gặp tôi ở một siêu thị vùng Tây Nam
thành phố chúng tôi cư ngụ. *Thiện còn sống là một phép
mầu chị ạ. Hơn mười năm nay anh đã trở về căn nhà cũ.
Ngày ngày anh lê đôi nạng gỗ sang ngôi trường kế bên
dạy học. Mười năm nay anh sống như một chiếc bóng mờ.
Anh đã mất hết mọi thứ. Anh muốn mọi người coi anh như
đã chết rồi. Hôm nay tình cờ gặp chị và tiết lộ những
chuyện này với chị là tôi đã làm trái với lời dặn dò của
Thiện rồi đó chị ạ.* Người bạn đã bỏ đi tự hồi nào mà tôi
vẫn còn gục đầu trên vai Larry, tai vẫn còn nghe tiếng
nói đứt quãng của anh bạn. Larry phải dìu tôi ra xe đưa
về nhà. Thiện đã âm thầm trở về nhà, như một phép lạ.
Con nước cũ đã trở về bến sông xưa. Phải rồi. Cái giao
thời giữa con nước lớn và con nước ròng là con nước
đứng. Con nước cũ đã đứng đó, đã dừng lại dưới bến
sông trước căn nhà ngói đỏ từ hơn hai mươi năm nay. Ở
một góc đời riêng tư nào đó, Thiện và tôi cũng đã từ mấy
mười năm nay ngụp lặn, tắm mát, bơi đùa trong con nước
này. Con nước ngàn đời vẫn là con nước cũ trên giòng
sông xưa.

Hôm nay tôi đang ngồi trên giòng sông này để trở về với
Thiện, với bãi bờ cũ.

Con đò bây giờ đã có thêm nhiều người bước xuống.
Chắc không bao lâu nữa đò sẽ rời bến. Tôi bỗng muốn
nhìn người đàn ông trên cây cầu sắt thêm một lần nữa.
Nước dưới cầu trôi bập bênh dưới dạ cầu. Người đàn ông
trên cầu vẫn như pho tượng gầy gò, gầy khúc dưới bóng

hoàng hôn. Tôi nghĩ tới Thiện. Không đầy một giờ hay hai giờ nữa tôi, người con gái đã bỏ đi từ hơn hai mươi năm trước, sẽ ghé lại bến sông, ngồi trên băng đá cũ, như gặp lại chính cuộc tình mình.

@ @ @

Lan, anh biết có một ngày em sẽ trở lại để gặp người xưa cảnh cũ. Cảnh cũ thì vẫn còn nguyên đó em. Bây giờ là mùa bãi trường, học trò đã nghỉ học nhưng ngôi trường vẫn còn đó, tuy có chút ít hư hao. Cùng với thư này là chìa khóa của căn nhà cũ, mái không còn đỏ như ngày nào. Mái ngói đã rêu phong. Anh cố giữ nguyên vị trí các vật dụng trong nhà như hơn hai mươi năm trước. Trên chiếc bàn kê bên cửa sổ vẫn là xấp bài luận văn em chấm dở trước lúc em ra đi. Chiếc ghế em thường ngồi đã gãy mất một chân nhưng anh đã thay bằng một chân khác. Mấy cây dạ lý hương mà em đang thấy trước sân không phải là những cây hoa cũ, nhưng mùi hương chắc vẫn ngọt ngào như xưa vì vẫn được tưới tiêu bằng những gàu nước từ con mương bên cạnh nhà. Cây cầu khỉ bắc qua mương vẫn còn đó, anh chỉ thay bằng những cây tre mới; nhưng em phải cẩn thận vì quá lâu rồi em đâu có đi ngang cây cầu khỉ nào trên xứ người. Anh lại lần thân mất rồi, ở xứ Mỹ thì làm gì có cầu khỉ hở em! Còn con đường dẫn xuống bến sông có một viên gạch tàu đã bể; rất tiếc là anh không tìm được một viên gạch khác để thay vào nên đành để vậy. Chiếc băng đá thuở nào chúng ta thường ngồi nhìn trời trắng mây nước thì vẫn ở trên bến sông, dưới hai cây dừa lã ngọn. Một người vô tình nào đó đã vẽ phía sau băng đá một mũi tên xuyên qua trái tim rỉ máu. Xin em đừng để ý tới chi tiết quá ư là nhỏ nhặt đó nhe em. Em cứ hãy ngồi lên chiếc băng và nhìn lại giòng sông buổi trước. Dù con nước lúc đó có đang ròng hay đang lớn chắc em cũng không thấy giòng sông có một

chút gì khác lạ phải không em?

Đó là nói về cảnh cũ. Còn người xưa? Thiếu phụ trao thư này cho em là Ngọc đó. Ngọc, cô học trò nhỏ của em ngày xưa, bây giờ là cô giáo của ngôi trường này. Chắc thoát đầu em không nhận ra Ngọc đâu. Vậy còn anh? Sau cuộc bể dâu anh làm sao tránh khỏi những đổi thay và những mất mát. Nhưng Lan ơi, từ lâu rồi anh cứ hoài hoài suy nghĩ về một sự dừng lại của thời gian, dừng lại ở thời điểm hai mươi năm trước; để trong cái tàn tạ bây giờ, anh vẫn còn cái sống của riêng mình, còn thế giới của riêng mình. Và anh thấy không bị mất mát gì hết, dù hơn hai mươi năm đã trôi qua, dù em đã mịt mù bóng chim tăm cá. Lan em, chắc bây giờ em đã hiểu vì sao anh đã vắng mặt hôm nay và sẽ vĩnh viễn không gặp lại em, em yêu dấu.

Cầu mong em hạnh phúc suốt đời bên Larry và Chris.

Nguyễn Minh

DĨ VẮNG ÔM ĐẦY

Miên vừa đi làm về, mới bước vào căn phòng riêng, nàng ngạc nhiên nhìn chiếc va ly đặt trên bàn. Mân bước vào và mỉm cười, định ninh rằng gặp anh Miên sẽ kêu lên mừng rỡ. Đã năm năm rồi, với thời gian dài đằng đẵng đó, hai chị em chưa bao giờ gặp lại nhau.

Miên nhìn vào khuôn mặt đứa em như tìm xem trong tiềm thức ngày trước nó có mang khuôn mặt khắc khổ, má tóp, nụ cười gằn gằn, chán chán như bây giờ, thằng con trai trước mặt Miên không ? Mân đưa tay sờ lên má mình mà nói:

- Bây giờ thì tôi đã lớn, cuộc sống quanh tôi, của những người thân yêu, bè bạn, người yêu của tôi đã làm cho tôi không còn đủ bình tĩnh, vô tư mà sống như ngày nào nữa đâu ? Nhưng điều đó không quan trọng bởi vì tôi là con trai. Khi tôi đi trên tàu, hoặc khi nghĩ đến chị, tôi hình dung chị vẫn còn tươi trẻ, chị mới hai mươi tuổi mà. Đúng rồi. Bây giờ thì tôi đau lòng mà nói là chị đã già, cằn cỗi như một cành củi khô. Tại sao mỗi lần viết thư cho em chị vẫn bảo là chị vẫn như ngày nào.

Mân chợt nhận ra mình nói nhiều quá. Nỗi cảm xúc của Mân đã tràn ra ngoài chỉ gây cho Miên thêm buồn và chán. Mân thả người xuống ghế, dựa ngửa vào thành mà nhìn mọi vật chung quanh. Vẫn cái giường sắt Hồng Kông to lớn choáng gần hết nửa căn phòng. Vẫn cái tủ sắt đặt ở góc tường, trên đó chiếc ảnh chụp giữa mẹ con Mân vẫn dựng ở vị trí cũ đã hoen màu thuốc. Khuôn mặt chị em Mân, người nào cũng mang vẻ ngây ngô, dễ thương. *"Bây giờ thì khuôn mặt mày đầy dẫy những khốn*

nạn" Mân nói thầm như vậy. Đôi mắt hiền từ của mẹ nhìn xuống chị em Mân. Vẫn cái bàn cũ kỹ, một đĩa ăn thúng vài nơi, đặt giữa cái tủ sắt và cái giường. Mân cố nhớ xem có một vài sự thay đổi nào dù nhỏ nhất trong căn phòng này không?"

- Chị Miên, đã bao nhiêu năm rồi, chẳng có một sự thay đổi nào cả ở căn phòng này. Chị làm tôi sung sướng mà nhận ra rằng hình như tôi đã nhỏ lại, tâm hồn đã trút tất cả những dơ bẩn, khốn nạn, chán chường của hiện tại để trở lại với những gì êm đềm, ấm cúng ngày xưa mẹ đã ấp ủ, đã phủ lên đầu chúng ta. Chị nhớ không? Những buổi chiều, những buổi tối tất cả chị em chúng ta đã tụ họp lại trong căn phòng này, quay quanh mẹ mà làm nũng, mà đòi quà, mà ôm lấy mẹ. Thằng Long chập chững cũng bước tới, cũng la lên, bước vào vòng tay mẹ. Mẹ ôm nó vào lòng và nó cắn tay mẹ. Tôi đập vào đùi nó. Mẹ vỗ đầu tôi và bảo: Em nó còn đại. Bây giờ thì tôi còn thêm những cái vỗ đầu đó. Chị nghe tôi kể lể quá nhỉ? Tôi biết chị cũng muốn nghe tôi nhắc lại lắm mà. Đã lâu, lâu lắm tôi chưa bao giờ được nhắc lại kỷ niệm thời thơ ấu như hôm nay, chị vẫn để cho tôi nói chứ. Sao mắt chị đỏ lên thế. Chị khóc rồi sao? Ồ, chuyện ngày xưa mà. Tôi về đây như tôi tìm một sự an ủi, một sự vỗ về, một sự thanh thoi cho tâm hồn. Tôi muốn nhớ lại tất cả những gì êm đềm đã xảy ra tại đây trong căn phòng này mà xem đó như hiện tại.

Miên chậm nước mắt và thay đổi ngữ. Chị nhỏ người và ốm. Hai mắt Miên lõm sâu, hai bàn tay đầy gân xanh đặt lên chiếc va ly Mân mà nói:

- Mân đã lỡ về đây rồi thì Mân sẽ biết, sẽ thấy. Bây giờ chị mệt mỏi, không muốn nhắc đến, nói đến. Chị muốn nghe Mân kể những nếp sống của Mân trong mấy năm vừa qua.

- Tôi không biết nói sao với chị. Tôi sống một mình,

viết văn, đọc sách và lang thang. Chị muốn tôi kể về những chuyện tình của tôi hả. Vẫn chạy theo những đam mê nhất thời. Những Nga, những Lê, những Hồng. Và thiếu những đam mê đó thì tôi không biết làm gì ?

Mân cười thành tiếng. Miên nhìn em và nói:

- Chị sợ tiếng cười của Mân. Nghe lành lạnh. Chán chán. Chị cảm tưởng như tiếng cười của những người trên ba mươi tuổi đã từng trải, chán đời, bất cần.

- Bây giờ thì tôi cần chị, cần kỷ niệm của mẹ, kỷ niệm của Nga, kỷ niệm thời niên thiếu ở nơi căn phòng này.

Miên nhìn lên ảnh người mẹ rồi nhìn bàn tay đầy gân guốc của Mân.

- Chị sợ trong thời gian ở đây, tâm hồn em không thể bình lặng, an tâm. Tại sao em không nghĩ là ba vẫn còn sống trong căn nhà này?

Ông già, mặc bộ đồ bà ba lụa trắng mang thân xác tàn tạ, gầy gò, những đường gân xanh chạy khắp thân hình của người mắc bệnh lao trong thời kỳ thứ ba. Lão bước từng bước một, chậm chạp ngập ngừng nường tựa theo chiếc gậy gỗ đều đều từng tiếng rơi rạc trên lề đường. Mụ Sáu, lão Thọ đang ngồi nói chuyện với nhau, chợt thấy lão, cả hai đều ngừng lại nhìn chăm bẳm, niềm uất hận họ nuôi bấy lâu chỉ chờ tràn ra nơi những cái nhìn ấy.

- Đ.M bây giờ thân tàn ma dại rồi, có phải như thời oanh liệt trước nữa đâu, cái thời mà lão đi đâu cũng có lính hầu, ngồi chong gọng trên chiếc xe lát niêm da, vô phúc con bé nào ăn mặc sạch sẽ, mặt mày ngộ nghĩnh, chỉ một cái nháy mắt của lão là hồng một cuộc đời con bé.

- Ông biết ông Năm Mạo không ?

- Quen quá mà bà.

- Ngày xưa lão đã bắt bỏ tù ông ta cũng chỉ vì vợ hăn hồi đó gái một con mà còn đầy đà, hương sắc.

Lão già giương đôi mắt to và quàng qua làn kính trắng về phía hai người như là dọa nạt, lão mỉm cười lộ một ít gì kiêu hãnh với cái dĩ vãng mà ai ở trong thành phố này đều phải nhắc đến, nói đến dù là với những lời chửi bới, thù oán. Nhưng chúng đã làm gì được lão trong những ngày lão sống như con chó hoang về già.

Tiếng lão Thợ nói nhỏ lại nhưng lão cũng đủ nghe.

- Bà nói khê vậy. Coi chừng lão nghe rồi lão thù mình, bây giờ lão đâu sợ ai, chắc lão có bà con với ông ty trưởng Công an đấy.

- Đ.M thời buổi này bộ dễ hại ai lắm sao. Tôi còn oán nó. Còn chửi nó đến bao giờ nó chết rồi thì mới thôi.

Mụ Sáu chửi lớn, tiếng nói chua chát chạy theo chân lão:

- Đ.M con chó ghê, bây giờ mà còn hách dịch. Mà y đã giết chồng tao, trời cũng báo thù cho tao.

Lão vẫn bước đều theo tiếng gậy và không thèm nhìn ngoảnh lại. Lão chửi thầm: *"Tao còn sống, tao vẫn còn sống mà, sống trong tiếng chửi rửa của tụi mày, nhưng tao không lấy đó làm khổ làm nhục đâu các con ạ. Tao đủ sức mà"*.

Lão mở cửa bước vào nhà, mọi hôm thì lão tiến thẳng vào nhà giữa, thả người vội xuống chiếc ghế đu mà nghỉ khoả. Những lần con gái lão đi làm về hoặc mụ vợ lẽ thứ bảy của lão, hoặc mấy đứa nhỏ con bà lẽ bảy ở nhà, lúc ấy lão mới chịu về nhà. Lão không dám ngồi một mình trong căn nhà này. Bây giờ lão đang đứng trước những bức ảnh treo trên tường, từ ngày mẹ Miên mất, căn nhà

trên dành riêng cho lão triển lãm. Có khách lạ, dù bạn thân của Miên hoặc Mân lão quên mình là người đang mắc bệnh lao nặng, lão chỉ từng bức ảnh, kể lại thời oanh liệt xa xưa: *"Đấy cô xem hồi trước tôi còn làm quan, tôi ở dinh này đây, có lính canh gác ngoài cổng, tôi lại sợ kẻ gian, trong nhà nuôi ba con chó dữ. Cô thấy bức ảnh kia đông người chửa, toàn là thanh niên cả. Nhờ bọn thân tín này mà tôi bắt được nhiều thằng Việt Minh. Bọn Việt Minh nhiều lần tổ chức sát hại tôi đấy, khổ nạn chúng nó lại cho tôi là việt gian mà tôi có làm gì đâu. Tôi chỉ phụ lực với Tây làm cho dân mình có một đời sống sung sướng như Tây chứ. Nó uống champagne thì mình cũng sâm banh. Nó sữa bò thì mình cũng bò sữa. Mình có thua gì đâu."* Rồi lão cười khoái chí: *"Cậu biết không, tôi còn ham chuộng thể thao nữa chứ. Đấy cậu xem chiếc ảnh bên cạnh cánh tay phải cậu đó. Tôi đó, chính tôi thời còn trẻ, tôi mặc bộ đồ lớn màu vàng sậm, cậu xem tôi có bảnh không ?"* Rồi lão nhìn xuống thân thể tàn tạ của mình: *"Chớ đâu như bây giờ già rồi, bệnh hoạn. Nhà cửa vắng vẻ, thời xưa, tôi nuôi cả một đội banh trong nhà, trước khi đá tôi đều sẵn sóc chúng kỷ lưỡng lắm, uống cà phê này, ăn cam, hột gà này. Tôi đâu danh tiếng đội banh của tôi vang dội tới đó".* Lão đâu biết người đang nghe khó chịu, bực bội, anh ta tối hỏi thăm Mân mà chẳng nghe lão nói gì về Mân. Anh ta tìm cách thoát nợ, may có người bạn lớn tuổi của lão bước vào, lúc ấy lão lại xoay sang nói chuyện với khách và quên mất hẳn. Hẳn mừng rỡ chào lão để ra về. *"Trời, lâu quá hai mươi năm rồi anh nhỉ, tôi vẫn còn nhìn ra anh, chắc anh ngạc nhiên về sự thay đổi nhiều ở tôi hả?"* Ông này người ta thường gọi là cụ Án. Cụ Án nói về sự nghiệp của mấy đứa con của ông ta: *"Thằng Hiên bây giờ nó đã thành bác sĩ rồi, nó mở giới có tiếng nhất Qui Nhơn đấy, nó mở phòng bệnh chuyên về giải phẫu thành giàu có lắm. Anh nhớ thằng Liên, thằng mà hồi nhỏ hay bị mụn nhọt trên đầu đó, bây giờ cái ông*

kỹ sư công chánh rồi đó. Còn con Hương, con bé hồi nhỏ anh thấy đó, nó đen thui và hoang nghịch như con trai, lớn lên nó trở nên ngoan ngoãn, hiền lành, hiện ở bên Pháp đang học được". Lão mừng lắm vì có một người bạn nói chuyện đặc ý. Hai cụ nói chuyện không biết mệt. Khi cụ Án thôi nói thì giật mình như sức nhớ ra cái không khí tẻ lạnh, vắng vẻ, trước mặt mình là bàn thờ vợ chính của lão. "*Chị cả mất rồi hả anh, còn mấy chị vợ lẽ anh đâu rồi?*" - "*Khi tôi bệnh thì con nào cũng bỏ đi theo trai. Tình đời trắng bạc như vôi, đời bây giờ sao tui nó khôn nạn như vậy được anh nhỉ?*" Rồi lão chửi bới om sòm. Cụ Án cười: "*Còn các cháu đâu tôi chả thấy, hình như con anh hơn hai mươi đứa, mấy dòng khác nhau? Kể ra anh cũng đập đất phá trời nhỉ?*". Lão phá lên cười khoái chí và nói với giọng kiêu hãnh: "*Hơn nữa đấy chứ, còn những đứa con mà tôi không biết mặt nó nữa*". Cụ Án có vẻ ngạc nhiên thì lão tiếp: "*Ấy, những đứa con hoang, mẹ nó chỉ ngủ với tôi một đêm mà*". Cụ Án nói như phân bì: "*Anh có chết đi cũng sung sướng, những mùi vị gì trên đời này anh đều đã được hưởng cả.*"

1

Bây giờ thì lão đứng một mình, dĩ vãng bao quanh bằng những bức ảnh. Sao căn phòng này vắng lặng như thế? Lão sợ không khí yên lặng này. Những đôi mắt hờn căm, những thân hình con gái yếu đuối dựa vào vòng tay lão. Những tiếng khóc, tiếng chửi bới, những tiếng thét thất thanh rồi ngắt lịm trong những tiếng xèo xèo nơi da thịt, mùi khét cháy bốc lên. Những đôi mắt ngây thơ của đàn con lão nhìn lão như xa lạ, oán hờn. Những tiếng vỗ thủy tinh, những tiếng nước tạt vào mặt vào thân thể mẹ Miên. Những tiếng khóc của Mân và Miên đang ôm chặt lấy mẹ. Khuôn mặt ướn át, lãnh đạm, thản nhiên của mẹ Miên. Tất cả bao quanh, bám chặt lấy

lão. Lão muốn quên, lão sợ, lão chạy trốn, lão cười to lên để đuổi chúng đi. Lão choáng váng, lão phải nương tựa vào cái gậy lần xuống căn nhà giữa và lão thả người xuống chiếc ghế dựa và lão ho từng tiếng như tắt nghẹn.

1

Mân đang mở va ly tìm lấy xấp vải anh đã nhờ Hồng mua, đưa cho Miên, chột anh dừng tay và lắng nghe. Chị Miên cầm lấy và nói:

- Tiếng ho, tiếng gậy, ba đã về đó. Lên mà chào ông già đi cho xong chuyện.

Giản dị vô cùng, Mân chỉ bước tới đứng trước ông, ngồi xuống đó đối diện với ông, hỏi thăm ông mà anh thấy ngập ngừng. Lúc trước anh còn nhỏ khác, bây giờ đã lớn rồi mà Mân vẫn còn mang vẻ xa lạ đó với ông. Ngày xưa, từ lúc anh mới biết bập bẹ nói, Mân khóc và làm nũng với mẹ mãi, có lần ông đã liệng anh xuống đất. Mẹ Mân đã kể lại cho Mân nghe. Khi Mân lớn lên Mân cố nhớ xem, cố nghĩ lại trong dĩ vãng có lần nào ông vuốt lên tóc Mân hoặc nói những lời dịu dàng như mẹ Mân đã từng nói. Mân chỉ biết ôm mặt chạy vào vòng tay của mẹ mà khóc. Những chị em Mân có bao giờ dám nhìn thẳng vào mặt ông đâu. Mấy chị em đang chơi đùa với nhau, nghe tiếng ông về, cả bọn lảng xa. Ông ở nhà trên, mấy chị em ngồi nhà sau, ông xuống nhà sau mấy chị em chạy vào phòng mẹ. Bao nhiêu năm qua, cha con Mân chưa bao giờ đối diện nhau, bây giờ Mân không phải sợ sệt khi ngồi trước mặt ông, nhưng anh không muốn, không thích đứng trước một người thân thuộc mà mình có cảm tưởng như một người xa lạ. Những lời Miên đã nói lúc nãy vẫn văng vẳng bên tai Mân như Miên đã nói lại với anh một lần nữa.

- Tất cả đều bỏ đi sau cái chết của mẹ. Chị còn phải ở

lại đây một mình với những hình ảnh dĩ vãng của mẹ. Nó đã nuôi sống chị trong khi hiện tại, một người cha vẫn còn đó, trước mặt, chung quanh reo rất những chán chường, vẫn có một khoảng ngăn cách như biển cả giữa chị và ba, làm sao chị lấp lại được, xóa đi trong tâm tư hình ảnh đã làm chị khiếp sợ, chán nản. Một người cha suốt đời ích kỷ.

Mân không muốn nghĩ gì nữa. Mân tự nhủ thầm: *"Dù sao trong đời mình cũng phải một lần đối diện với ba, đối diện với dĩ vãng mà mình đã muốn trốn tránh, gạt bỏ."*

Và Mân tiến lên đứng trước mặt ông.

Nghe tiếng giày gõ đều đều trên thềm nhà và ngừng lại. Lão giương đôi mắt, đăm đăm nhìn Mân như cố nhớ ra kẻ trước mặt mình là ai.

- *Mày là thằng Khương đó phải không?*

Câu hỏi của lão làm Mân nghĩ người ngồi trước mặt mình là một kẻ không quen, hoặc họ đã gặp nhau một lần nào đã lâu lắm rồi thời gian đã làm họ quên đi. Không. Không, người đó là người đã đúc kết ra Mân. Mân muốn hét to lên: *"Tôi là Mân con bà Lại vợ của ông Liên. Ông nghe kỹ chưa? Ông quên rồi sao? Phải mà, vợ ông nhiều quá, ông sinh ra nó rồi vất nó đó, mặc nó."* Những chị em Mân, mẹ Mân đều lo làm giấy khai sinh lấy. Có một người lạ hỏi tên con lão, mấy tuổi lão cũng đâu biết hết. Mân nhìn xuống đôi giày cũ đã há miệng của mình, cố gắng nói, cố dìm những nỗi uất nghẹn mà đã từ lâu nó nằm trong tiềm thức của anh, chỉ chờ dịp là nó tung ra, tràn ra. Khương đã chết trong một cuộc hành quân ở cao nguyên. Khương là anh em một cha khác mẹ với Mân. Trong cuộc hành quân, một đêm dừng chân nơi rừng rú, Khương đã gửi thư cho Mân: *"Bây giờ thì tôi hăng hái chiến đấu, suốt đời tôi cầm súng mãi mãi bắn vào đầu chúng nó. Tôi hăng say trong một cuộc tàn sát, giết chóc. Tôi chỉ cần giết, giết, giết hết. Mân ơi người ta*

còn tàn nhẫn hơn nữa, họ đã giết tâm hồn tôi từng phút từng giờ và nối tiếp. Mân còn hạnh phúc hơn tôi nhiều là Mân còn kỷ niệm của người mẹ. Còn tôi, tôi suốt đời chẳng thấy mặt mẹ tôi là ai. Tôi chỉ biết bà ta đã điên và ai đem tôi về vất vào gia đình Mân? Tôi căm thù ba, tôi không muốn bao giờ nhìn lại cái dĩ vãng đó Mân ơi... Tôi phải giết, giết cho thật nhiều."

Tôi nói nhỏ:

- Khương chết rồi, con là Mân.

Lão nói với giọng điềm nhiên:

- Vậy là xong phần nó. Còn mày về đây làm gì? Mày về thăm tao à? Tao không cần ai cả, mày biết chưa?

Trước mặt anh, khuôn mặt, thân hình lão rung rinh xoay tròn. Đầu Mân bỗng choáng váng, anh xây sẩm mặt mày, mỗi khi niềm uất ức dâng lên cao, nhất là niềm uất ức chán nản đã nằm trong tiềm thức anh trong gần hai mươi năm nay lời lão nói chỉ là cái cớ để nó bùng nổ. Mân đứng dậy và muốn té, anh dựa vào bờ tường. Cái dĩ vãng khốn nạn đang bao quanh anh trùm lấy anh làm anh chập choạng như người say rượu, tiến tới lão. Mân cần lấp cái dĩ vãng ấy đi, đập nát nó đi từng mảnh, tan tành nát vụn. Lão hoảng hốt chụp vội cái gậy đập vào đầu thằng con nhưng cây gậy trúng mạnh xuống thềm nhà và lão mất đà ngã xuống.

Miên nghe tiếng hét của Mân, tiếng người rơi, nàng vội vã chạy lên. Miền đứng sững. Trước mặt Miền lão như khúc củi gãy, lão nằm sòng sọt trên thềm nhà, chiếc gậy văng gần cạnh bàn thờ mẹ Miền. Mân đang ôm đầu ngồi nơi ghế dựa. Miền chảy nước mắt nàng lắc lấy vai Mân nói với giọng đầy xúc cảm:

- Dù sao mày cũng không nên làm như vậy mà...

Rõ ràng trước mặt Mân, Miền đang đứng đó mang về chán chường mệt mỏi, Miền bỏ đi tới gần lão, Mân đứng

dậy vội vã bước theo. Hai chị em định đỡ lão dậy. Lần đầu tiên trong đời hai chị em Mân thấy lão khóc. Lão ôm lấy mặt, ho lên vài tiếng và nghẹn ngào nói:

- Ngày xưa mọi người đều nói tao là thằng bé vô dụng, cả đời không làm được việc gì đâu. Tao chỉ là đồ vất đi. Trời ơi! Nó vẫn ám ảnh tao suốt đời. Không, không tao không là kẻ vất đi, tội mày biết chưa?”

Rồi lão cười lên ngất ngưỡng.

Trần Hoài Thu

Chuyện thật ngắn

Hôm nay cô gọi điện thoại: Chú hả. Cháu bị bệnh. Cháu chóng mặt muốn xỉu. Ông cuống cuống hốt hoảng: "Cháu cần gọi Emergency không? " "Khỏi cần. Cháu muốn về nhà. Chú giúp cháu lái xe đưa cháu về được không? " "Được. Chú sẽ đến phòng cháu ngay bây giờ".

Khi ông đến phòng cô, ông thấy gương mặt cô tái xanh. Đôi mắt không còn tươi sáng, đôi môi khô héo mất đi nụ cười quen thuộc như mọi hôm nữa. Cô thì thào: " Cháu mệt quá". Rồi cô đứng dậy. Nhưng cô muốn ngã. Ông vội chụp lấy người cô, và đỡ cô.

Tâm hồn ông bỗng nhiên nảy nở những thứ tình cảm khó có thể diễn tả. Tội nghiệp, thương hại, và lo âu. Gương mặt cô, hôm qua, hôm kia, trẻ trung tươi sáng làm sao. Màu phấn hồng phơn phớt trên má. Những sợi tóc lòa xoà trên vầng trán. Hàm răng trắng. Có cả chiếc răng khểnh duyên dáng. Mới hôm qua hai người còn kể cho nhau bao nhiêu điều, cùng cười cùng nói. Mới hôm qua, ông còn thấy cô xuất hiện trên hành lang, bé nhỏ, từ xa, trong vùng ánh sáng của ngọn đèn neon, tiến về phía ông. Và ông đã chờ cô. Hay chờ người trăm năm. Hay chờ một niềm hạnh phúc. Hay chờ một ân điển mà ông đã gặp được trong tuổi già. Chờ nhưng không còn phút rạo rực nôn nao như thời đại khờ tuổi trẻ nữa. Ông chờ cô tiến về phía ông. Cô cười, gương mặt rạng rỡ. Tự đứng lòng ông ấm áp. Đâu phải tuổi tác là nỗi buồn bất lực. Khi ấy ông ước ao được có một cành hoa để tặng cô. Cám ơn cô đã xuất hiện như chim, con bướm, màu nắng ban mai. Xuất hiện giữa cõi đời cô đơn băng giá. Đã hết rồi những giận hờn những nũng nịu những buồn

vui như thời đưa đón. Đã hết rồi tuổi trẻ tình si, Nhưng bây giờ, tự dưng có một con chim từ đâu bay đến, và đậu lại bên đời còn lại của ông. Tự dưng có một trận gió nào mang theo một mùi hương, hay một khung cửa nào tự dưng được mở ra đón nhận một vùng ánh sáng. Chính định mệnh đã làm ông đi cô đi, như một người anh, một người chú, một người tình. Cô cần ông, cô nương thân vào người ông. Ông có thể nghe được mùi hương quá kỳ bí, như thể toát ra từ da thịt của cô. Hai tay đi cô đi, lo lắng từng bước của cô, mở cửa thang máy, an ủi vỗ về cô. Cứ một lát, ông lại nói: Không sao đâu cháu, chắc cháu bị trúng gió.

Tự nhiên cõi lòng của ông đâm nảy nở một nỗi thương hại và bao dung. Như tấm lòng của người cha còng vào tấm lòng của một người tình. Tự nhiên ông bảo cô đưa hai bàn tay ra. "Thay vì cạo gió, xoa dầu, cháu hãy để cho chú chuyển hơi nóng. Xem chừng cháu bị trúng gió." Ông nhắm mắt lại. Hai bàn tay ông mỗi lúc một xiết mạnh. Ông không thích chuyện chườm, nhưng cố sao lúc này ông nghe trong người ông toát ra hơi nóng. Hơi nóng từ một thân thể hao mòn của tuổi hoàng hôn. Và ông cũng cảm nhận hơi lạnh từ hai bàn tay lạnh băng của cô. Nó đang truyền qua người ông. Có lẽ nó sẽ thấm vào máu huyết của ông, tấn công sức khoẻ của ông. Mặc kệ. Ông không màng. Chỉ biết một điều là hồn ông đang nảy nở một thứ tình cảm khác lạ. Rạo rức. Xao xuyến. Yêu dấu. Cả sự hy sinh. Mặc kệ những âm khí đang ngùn ngụt. Hai bàn tay ấy, tuổi trẻ ấy, da thịt ấy, tôi đang giữ gìn, níu kéo, Em biết không?

Buổi chiều, con Nancy gặp ông tại phòng Hội thảo, Nó nói:

Ông biết không. Mai có thai.

Nguyễn Thị Thanh Bình

CHÀNG-NGÃU-NHIÊN

Họ gặp lại sau mười bảy năm phân ly. Cả hai chợt tìm ra đáp số cho thứ tình yêu “vô lượng hải hà”. Nhất là khi chàng vẫn còn độc thân như thuở còn tắm xà bông Cô Ba. Và nàng xem chừng “yên phận tù đầy” với người chồng máy móc, sáng xách cặp da đi, chiều xách cặp da về, tối tối ngồi vào bàn, dí mũi vào một tờ nhật báo Mỹ hoặc dán mắt lên Tivi, computer... Và đêm (đều đặn là đêm cuối tuần) khi phần cơ thể dưới của người đàn ông vụt trở chứng, tức thì người nàng cũng được lật ngửa ra (nàng vốn có thói quen nằm xấp ngủ). Dĩ nhiên ở trong tư thế ấy, nàng dễ dàng đón nhận mọi nồng nàn của chồng nàng. Cho đến lúc miệng người đàn ông ú ớ hoặc kêu lên xúc động, thì nàng biết ngay đêm cũng bắt đầu khó chịu với tiếng nhạc đệm khò khè.

Phải công nhận nàng bị chứng mất ngủ kinh niên, vì chồng nàng vẫn sang sảng “gọi đồ sang sông” dài dài như thế. Nàng không biết nên buồn hay vui khi phát hiện rằng, thân xác đàn bà giống như có tấm một liều thuốc mê cực mạnh, khiến đàn ông bị thiếp mê ngay sau mỗi lần nuốt phải. Không trách nàng nghe nói, đáng trọng phu nào cũng đều lăn đùng rạ “sau cuộc chiến” và không ai có thể tử thủ để vượt ực, cảm tạ người yêu thêm vài phút. Dù sao cũng vì cuộc ái ân ngắn ngủi như chuông nhà thờ đánh nên đêm còn quá dài, làm nàng nhớ lại (à thì nàng cũng vừa nhớ là đêm nay mình đã yêu chồng một cách tận tình vô cùng).

Lúc chiều (trước khi lái xe về) nàng đã suýt đứng tim vì bất ngờ thấy lại một chàng thân yêu, quen thuộc đi ra từ phía phòng vệ sinh đàn ông. Chàng đâm sầm về phía nàng một cách tỉnh bơ và vội vã như không hề hay biết

điều gì cả. Nàng thì hết sức kinh hoàng về sự tinh mắt của mình, có điều ngay sau đó mắt nàng như mờ hẳn và bóng dáng chàng bỗng trở nên lao đao, chập chờn. Cái gọi là định mệnh đưa đẩy chắc hẳn như vậy đó. Nếu nàng và chàng không mắc tiểu cùng một lúc (nói nào ngay phải cách khoảng vài chục giây, chàng đi trước nàng theo sau coi bộ cũng hợp lý thôi) thì biết đâu mỗi người lại chẳng đi về mỗi phía khác nhau. Xong chuyện, nàng sẽ đi về một nẻo đường khác, còn chàng có thể sẽ từ phía nhà vệ sinh đi dọc lại mé bờ biển, nơi có những vệt cát còn sót lại dấu chân nàng mà chàng nào hay. Nàng đoán vậy vì chàng vốn khoái những chùm bọt sóng quần nhẹ chân mình. Không biết chàng có còn nhờ biển gào thét tên nàng hay viết nguệch ngoạc câu thơ buồn trên cát rồi mượn sóng giấu dưới biển sâu hoặc mang về cho rong rêu đọc (nàng vẫn đùa với chàng và chàng có vẻ không mấy thích vì hình như chàng chỉ muốn làm thơ cho nàng ngắm nghĩ).

Đáng ra, nàng chỉ vừa nghĩ ra điều này thôi, nếu chàng không đi thẳng một cách mạnh mẽ vào người nàng như thế (ý nàng muốn nói là thiếu đường té nhào hoặc khiến nàng gãy mũi) thì nàng đã định tâm lại (sau vài phút bàng hoàng) để ù té chạy về một hướng khác. Mọi sự đã muộn và trông chàng lặng người đi như chết đứng kiểu Từ Hải. Nghĩ cho cùng chỉ có cách này chàng mới thoát khỏi sự nghiền nát của những mảnh vỡ kỷ niệm. Trong khi chàng đứng á khẩu thì nàng lại phá lên cười một cách khoái trá, điên dại. “Anh Vũ, sao anh lại ở đây?”

Chàng có vẻ kiệt sức sau khi dần dà hồi tỉnh lại:

“Thì... đây sao?”

Nàng không mấy ngạc nhiên khi thấy chàng trả lời nàng cũng bằng một câu hỏi. Không phải cả hai đang có hàng ngàn câu hỏi về nhau?

Chàng vô đề ngay câu hỏi thứ hai khi nàng lộ vẻ bối rối (có lẽ một phần vì đường tiểu tiện bắt đầu hành).

“Có phải anh đang mơ không đây?”

Nàng bối rối thực sự, quên ngay mục đích nàng vừa chạy nhanh vào phòng vệ sinh để làm gì (đĩ nhiên không phải là để gặp chàng rồi).

“Quả đất coi vậy mà tròn ghê anh há?” Nàng lại tiếp tục đặt câu hỏi, mặc dù cũng chưa có câu nào làm họ nghẹn họng đến nỗi phải cố ý trả lời bằng một câu hỏi khác.

Tất cả cho đến lúc này vẫn còn là những xuất phát tự nhiên. Chưa ai “kịch” với ai câu nào cả, tuy nhiên đáng diệu thì có vẻ như rút ra từ một vở tuồng cải lương nào đó.

Không, nàng không nghĩ mình mang dáng điệu của đào thương, còn chàng mang bộ tịch của kép độc. Sự xuất hiện bất ngờ của họ vào đúng múi giờ tiền định đã làm nên tính chất bi hài của nó.

Chàng nói một cách thành thực nhưng làm nàng buồn cười:

“Bộ em không muốn vào đi tiểu nữa sao? Em... định làm gì ở đây?”

“Vào chứ. Không lẽ lại đứng đây làm thơ?”

Nàng gật đầu bỏ đi khi nhận ra chàng muốn che giấu một sự xúc động vỡ bờ nào đó. Cũng có thể chàng vừa nhận ra, chiếc quần xà lỏn trên người mình cộng với đôi dép râu rở tiền quả không thích hợp chút nào cho cuộc trùng phùng chàng vốn mong đợi, thù dật hết sức lãng mạn và dĩ nhiên phải được chuẩn bị chu đáo cả tinh thần lẫn thể chất.

Về mặt thể chất, đáng ra mái tóc đã bắt đầu hói của chàng phải được chỉnh đốn lại đàng hoàng. Ít nữa chàng cũng thủ sẵn chai xịt tóc đắt tiền để hóa trang khoảng tóc hói ấy. Khi xa nàng, tóc chàng vẫn còn xanh, còn đen và còn dày. Nàng chưa hề chứng kiến được cảnh tượng hài hước là tóc chàng bị gió biển thổi lộ một hóc trắng lấp lánh. Tóc chàng vừa loáng thoáng bạc vì nhớ thương nàng đã đành, nhưng liệu nàng có chấp nhận nỗi sự ngộ

ngĩnh của một mái tóc hói? Thật ra cả hai đều bị thời gian soi mòn thấy rõ, và như thế nàng cần có lý do để được chui vào phòng vệ sinh ngắm tới ngắm lui, sửa sang lại dung nhan mình chút đỉnh. Nàng kêu to khi đụng phải tấm gương phản chiếu khuôn mặt đã nhuốm nét tàn phai. Thi ôi, mặt mày xanh quá. Đôi mắt nữa, chao ôi là quầng thâm, nàng nhủ thầm. Nàng nhìn bộ mặt phờ phạc của mình một hồi lâu, mà quên mất là chàng chưa lần nào có vẻ coi trọng bề ngoài hơn chiều sâu tâm hồn. “Có thể chỉ là ngày xưa thôi. Còn bây giờ biết đâu chàng đã đổi khác”, nàng bực mình bấm nước. Nàng rửa tay và đánh thêm chút son bóng. Tự nhiên nàng thoáng nghĩ, môi nàng không nên tỏ ra quá hấp dẫn để quyến dụ chàng nữa. Bờ môi ấy đã tắt, đã thôi nở những nụ hôn lửa cháy!

Khi nàng trở ra, chàng không còn loay hoay với chiếc khăn tắm trên vai. Trong nụ cười mới điểm đã cuộn theo hơi thở mặn nồng của gió biển:

“Mười bảy năm em vẫn không có vẻ gì thay đổi cả.”

“Thật sao? Bộ anh không biết thay đổi lớn nhất là em đã có chồng, có con?”

Giọng nàng lạc đi trong gió hiu hắt.

“Ý anh muốn nói em nhìn vẫn trẻ con...” Chàng vờ như không nghe nàng nói, tìm cách lãng đi.

“Thì em bao giờ mà chả gầy, chả hồn nhiên. Anh cũng vậy. Bơ sữa Mỹ không làm anh mập lên tí nào.”

Chàng quét hai mắt lạnh căm lên ngón tay đeo nhẫn của nàng:

“Ờ thì anh vẫn vậy. Vẫn một mình, một gánh... thên thang. Em tới đây với ai? Một mình hay mấy mình?”

Nàng nhớ đến cô bạn vừa ly dị chồng đang ngồi xa xa dưới tàng cây. Bên cạnh là “con trai anh, con gái em” la hét om sòm giành nhau cái muống nhựa xúc cát. Nàng bỏ về sớm cũng vì nhức đầu giùm họ. “Con anh, con em, và rồi lại còn con chúng ta nữa”, ừ nhỉ, làm sao bỏ hết

những hệ lụy...

Nàng đưa tay chỉ chỗ có bóng mát và mùi thịt nướng, vờ nhẩn nhó:

“Ý chết. Chồng con em đang đợi đằng đó kia. Em phải đi, thôi anh đừng nhìn theo cho người ta đi chứ. Có điều anh không nên tôn thờ chủ nghĩa độc thân nữa”

Chàng méo miệng, cười... đau:

“Cũng không sao. Em phải đi thì cứ đi đi. Ngày mốt tôi cũng về lại Úc rồi. Người ta thuê cho tôi khách sạn ở gần bờ biển này cả hai tuần mà không gặp em. Đến phút cuối sắp đi, em lại lù lù đến như một mỹ nhân ngư.”

Chàng kể lễ tiếp, giọng ngậm ngùi thấy rõ:

“Đáng ra... định mệnh không nên để mình gặp lại nhau. Đáng ra em đừng ghé đây. Mà thôi nữa, cứ đáng ra thế này, đáng ra thế nọ để làm quái gì.”

Nàng gục mặt, không dám nhìn sâu vào mắt chàng.

“Như thế hẳn là đẹp hơn phải không anh?” Hóa ra bây giờ chàng mắc bệnh phụ nữ, hờn mát định mệnh. Chỉ mỗi nàng biết rõ rằng có hờn mát cách mấy, định mệnh “vườn” thích nghịch ngợm bày hết trò chơi này đến trò chơi khác, nhất là lúc Thượng Đế bị xỉn. Trong gió biển, nàng mơ hồ nghe tiếng cười khúc khích của số phận, giọng điệu trêu chọc lạ thường. Thật tình nàng tự thấy mình không còn đủ sức để tranh cãi với con nhà ấy nữa. Định mệnh đã đánh bại tình yêu lớn nhất trong đời họ rồi còn gì! Phát cáu như chàng cũng vậy thôi. Không lẽ chàng dám xúi dại nàng chụp giựt có mỗi miếng bánh hạnh phúc của chồng con rồi lén chia bớt cho chàng ít mảnh vụn? Từ đôi môi chàng sa mạc, nàng đọc thấy nỗi khát khao chờ nguồn suối mát. Từ đôi mắt nàng hạn hán, chàng âm thầm nuôi tiếc cơn mưa cũ. Nhưng mà... chỉ “đọc thấy” và nuôi tiếc mà thôi. Nàng đã thuộc về người khác và là một người khác. Nàng không muốn bội phản với hiện tại và cả một quá khứ quá diễm tuyệt, quá thiên thu.

Lúc xưa có lần nghe bài “Không Tên Cuối Cùng” của V.T.A. đến đoạn: “Này em hỡi, con đường em đi đó, con đường em theo đó sẽ đưa em sang đâu? Mưa bên chồng có làm em khóc có làm em nhớ những khi mình mận nồng? Này em hỡi, con đường em đi đó, con đường em theo đó, đúng hay sao em?” Nàng nhớ là nàng đã nhăn mũi nhăn mày mà rằng: “Bộ ông nhạc sĩ này định xúi cô bồ cũ ngoại tình sao ta?” Chàng đã cười, đã nhức nhối giùm thứ tình yêu không trọn ấy bằng một câu nói tương phản (giờ thì nàng hiểu chính sự tương phản này gói trọn niềm phần hận bi thương). “Đáng ra em phải nói là cô ta đang ngoại tình với người chồng mới đúng. Không phải sao, vì chính ông ta mới cuỗm mất cô ấy khỏi tay Vũ Thành An”. Chàng vẫn có những kiêu hãnh kỳ cục nên đôi khi ngông cuồng một cách đáng... yêu. Dù sao, bây giờ nàng bắt đầu sợ nhiều hơn là... yêu. Nàng không thể hồn nhiên ngông cuồng như chàng “có biết đâu niềm vui đã nằm trong thiên tai”, nàng bỗng nghe mình già nua hơn chàng sau mười bảy năm! Nàng biết tính toán, biết canh chừng bản chất ngông cuồng của mình hơn. Nàng đổ lỗi cho nỗi phù du của mọi vẻ đẹp trên cuộc đời này. Chàng đổ lỗi cho định mệnh. Vì thế chàng và nàng có vẻ chấp nhận ngay sự tàn nhẫn vô tâm của một hoàng hôn đẹp. Buổi chiều mới đó mà đã tan nhanh khiến một người cúi đầu bỏ đi và một người đứng nhìn theo chơi vơi. Chàng nói với theo khi biết rằng sẽ không còn được hẹn lại một ngày cùng nàng:

“Nếu em còn giữ những tờ thư cũ thì hãy xé và thả hết ra biển hộ anh.”

Nàng chỉ biết lắc đầu và quên không hỏi để làm gì thì chàng đã nghẹn ngào: “Nghĩ cho cùng chỉ có biển là mãi mãi giữ giùm anh tất cả.”

Chàng càng cay đắng, nàng càng cảm thấy chàng... dở ẹc. Thật ra, theo nàng nghĩ, vì nàng là người luôn muốn giữ giùm chàng tất cả nên nàng mới bỏ đi. Một điều gì

đó, chắc không còn là mộng nữa nếu chàng... ôm giữ nàng một cách thực quá. Phải thú nhận rằng chỉ khi tất cả đã mất thì tình yêu mới được cứu sống lại và trường tồn, vĩnh cửu. Tình yêu, ờ thì nhảm nhí một hồi nàng mới tự hỏi có hay không một tình yêu đích thực? Có hay không một người yêu đúng nghĩa ở cõi đời này?

oOo

Đột nhiên mất nàng ứt. Những giọt long lanh như sao trời rơi vỡ cùng đêm những bông bênh gợi nhớ của tình cờ, của bất ngờ (hay của hiểm họa?) xảy ra lúc chiều. Rồi nàng úp mặt xuống gối, thầm ước chàng đừng gói sinh mệnh của nàng vào túi hành trang về Úc.

Nàng trở dậy trong đêm vì không thể ngủ được. Một chút ánh trăng mờ loăng ngoài ô cửa trông buồn quá. Nàng từ người, ngắm lơ đãng bằng một con mắt nhắm, một con mắt mở. Lý do, vầng trăng đẹp của nàng đã xa khuất tận đâu đâu khiến nàng thoát đầu cố tìm mà không gặp. Chỉ còn lại những phản chiếu rất nhạt rất lu. Nàng tưởng tượng như thể màu nước mắt lung linh của ông trời dưới màn đêm. Không, nước mắt của chàng thì đúng hơn. Chàng khóc thật ư? “Khi người yêu tôi khóc”, vầng trăng đẹp của nàng cũng phải vỡ tan thành trăng lu. Vầng trăng còn biết cảm thì làm sao con người nàng có thể vô ưu được? Đừng trách... nếu đêm nay nàng có cùng kỷ niệm chui xuống gầm giường hay trốn vào hộc tủ (những chỗ nàng thường giấu chồng thư chàng) để đối thoại vu vơ hay lắng nghe ngày cũ vỗ về. Ô, tại sao nàng không định xé hết đi và đem thả ra biển cho rồi? Chàng đã chẳng yêu cầu nàng như vậy sao? Hóa ra nàng lẳng mạn hơn chàng. Nàng lẳng mạn và yếu ớt đến nỗi lúc nào cũng muốn “gượng nín” một chút vẻ đẹp mong manh ấy. Vẻ đẹp của những cành hoa trắng trong bình ký ức.

Nàng bỏ góc cửa sổ và vẻ đẹp của con trăng úa. Nước mắt nàng vỡ tan thêm một lần nữa khi nàng cố dỗ dành giấc ngủ trắng. Nàng cố xua đuổi chàng đi, chàng càng bước bình bước tới. Chàng trở về nửa khóc, nửa cười trên cánh tay che ngang trán của nàng. Nàng bỏ tay xuống nhưng không thể hất chàng ra khỏi đầu mình.

Khoảng nửa đêm, khi nàng vừa chớp mắt thì lại bị lôi đi bởi tiếng báo động của cái máy dò khói. Nàng hơi ngạc nhiên khi thấy chồng nàng vẫn nở phở phò phê một cách tự mãn. Điều này chắc anh ta cũng không cần biết ông thần hỏa sắp đến tặng cho mình cái vé hỏa tốc... xuống thăm địa ngục (luyện ngục?) hay lên thiên đàng. Nàng lay vội giấc mơ tiên của chồng mình và ú ớ không thành câu, thành cú:

“Cháy. Dậy. Cháy...”

Chồng nàng vừa tỉnh ra đã gào lên:

“Lũ con. Phải vào bế tụi nó mau.”

Nàng hết sức run rẩy trong lúc chồng nàng tận dụng tối đa sức lực để vừa bế, vừa cặp ba đứa con. Anh ta bình tĩnh đập vỡ mặt kiếng của cửa sổ gần phòng nàng, ra lệnh nàng bước qua rồi chuyển từng đứa con một. Người cuối cùng và người đi đến cuối cùng để có được nàng và lũ con dĩ nhiên là anh ta, là chồng nàng.

Khi đoàn người áo vàng xông xáo làm phận sự cứu nguy đám cháy, nàng ủ rũ gục vào hai tay mình. Nàng mắc tật nuôi tiếc. Chồng nàng trái lại lúc nào cũng hồn nhiên chấp nhận mọi hoàn cảnh. Anh ta thở phào nhẹ nhõm làm nàng bức mình vô cớ.

“May mà cái máy dò khói còn làm việc, không thì đám tụi mình cũng bị chết ngộp, chết cháy trong ấy.”

Nàng nhăn nhó:

“Anh ngủ say như chết, có biết gì đâu.”

Chồng nàng ngó đăm đăm vào đám lửa xanh, lửa vàng đang thi nhau hò hét trò chơi hủy diệt:

“Mất hết, cháy hết cũng không sao, miễn là mình còn

sống phải không em?”

Dĩ nhiên nàng không bao giờ tỏ ra độ lượng, khoan hồng với sự tàn bạo của những ngọn lửa, cho dù lửa có đẹp rực rỡ, đẹp huy hoàng và thấp sáng vùng trời đêm cách mấy. Tất cả những vẻ đẹp của lửa đều báo trước sự tàn rụi. Lửa trong mắt chàng, trên da thịt chàng vừa thấp sáng trái tim nàng vừa thiêu hủy nàng một cách khủng khiếp. Nàng không muốn thấy lại ngọn lửa ấy một lần nữa vì đã hít thấy hơi tro tàn của kỷ niệm.

Mọi bừng cháy rồi cũng tan thành tro, con người rồi sẽ giữ lại được gì ngoài chút hương hơi vùi trong đám tro tàn ấy. Nàng thấy mình bị quan quá độ nên níu vai chồng để tìm chút bình an dễ chịu.

“Tiếc chứ anh, nhất là chồng hình của lũ con, của tụi mình. Chỉ có hình ảnh mới giữ thời gian được mà bây giờ phải mất, làm sao đây?”

Chồng nàng tặng nàng cái nhìn hết sức ý nhị, nhưng nàng không tài nào cảm thấy dễ chịu.

“Có nhiều cái mất mát không cách nào tìm kiếm thay thế được, sá gì mấy cuốn album mà em lo.” Chồng nàng nói rất chân thực, không một ngụ ý xỏ xiên nhưng nàng đâm nhột.

Nàng bỗng thấy mình như bị phồng nặng. Nàng không được quyền đứng đây để mắc bệnh... nuối tiếc riêng tư. Có hài hước ngộ nghĩnh lắm chẳng nếu nàng nói cho bạn biết nàng đang giận tím người vì chồng thư của chàng đã làm vật tế thần lửa (?) Nàng tưởng chừng chính nàng đang bị ngọn lửa làm đau bỏng, tê rát tận tim. Đối với chàng thứ “kỷ vật” này đã chẳng là gì nữa cả. Điều kỳ lạ là nàng vẫn hết lòng trân trọng. Chồng thư ấy là tất cả đối với nàng. Nàng chưa muốn hủy diệt nó và tất nhiên là không bao giờ muốn. Nàng muốn tàng trữ nó như tàng trữ tiếng dội của tuổi thanh xuân. Giữ nó chỉ là một cách để ngân vọng lại một trong những nốt nhạc thánh thót nhất của thời gian.

Cùng với cảm giác bị mất mát một điều gì ghê gớm, nàng vụt liên tưởng đến điều thuốc nàng đã bỏ dở trên chiếc ghế sofa hồi đầu đêm. Nàng hoảng hốt không dám nhìn vào gương mặt hiền lành của chồng nàng. Nàng kêu to lên không ngờ:

“Trời ơi!”

Chồng nàng chưa kịp lên tiếng, nàng chợt nhận ra vừa hồ lời. Bên kia đường, bóng dáng của người đàn ông năm xưa đột nhiên xuất hiện như từ lòng đất nứt ra. Chàng làm nàng muốn điếng hồn.

Sau giây phút khựng lại có tính toán, nàng gượng gạo nói với chồng bằng cách kêu trời một lần nữa.

“Trời ơi, nhà ở Mỹ coi bộ cháy mau hơn nhà ở bên mình nhiều. Bên mình nhà nào cũng xây toàn gạch với gạch, chả bù...”

Chồng nàng trả lời bằng quơ:

“Đêm nay chắc tụi mình được ngủ ở khách sạn rồi.”

Nàng im lặng. Lòng không muốn nhìn qua bên kia đường tí nào (ở đó chàng đang đứng lẫn vào đám đông hàng xóm) nhưng mắt vẫn đảo dáo dác kiếm tìm. Nàng biết mình vừa đang tỉnh ngủ vừa ngỡ ngơ như trong cơn mộng du. Chàng đến đây làm gì. Chàng đã đi theo nàng như một tên thám tử. Dĩ nhiên là không thể có một sự ngẫu nhiên nào trong lần gặp gỡ này. Trên chặng đường về nhà, nàng vờ quên không để ý đến linh cảm của mình vì nàng đã quá chóng mặt. Có phải giác quan thứ sáu của nàng đã bị trục trặc nên nàng đã không hề lường tượng là sẽ đụng phải chàng một lần nào nữa? Đêm, nàng trở dậy nhìn trăng ở phía sau nhà, nên làm sao biết được bên kia đường có một chàng ngẫu nhiên khoải ngủ trong xe, để chờ gây ngạc nhiên. Dù sao, tất cả cũng chỉ là dự đoán của nàng. Nàng hoàn toàn không biết hay không cần biết ông xanh trên cao sẽ còn dở trò gì. Có điều nàng không thể dự đoán nổi là chàng ngẫu nhiên ấy dám gồng mình bước qua đường. Chàng đến trước mặt chồng

nàng, thản nhiên nhìn thẳng vào mặt anh ta với cái bất tay của kẻ thua cuộc có pha lẫn chút kịch tính:

“Việt Nam cả phải không ạ? Nghe nói nhà của anh chỉ đây hả?”

Cả nhà không sao chứ?” Chàng nói tới tấp, có vẻ chuẩn bị khá bài bản.

Chồng nàng nhìn chàng thân thiện:

“Dạ... kể ra cũng hên thiệt.”

Chàng bắt đầu đi sâu vào vai diễn... hài kịch:

“Nửa đêm đói bụng chạy kiếm gì ăn, lại đụng ngay nhà cháy. May ông chữa lửa làm việc đặc lực đó chứ. Ông nào ông nấy mặt mày lém luốt trông như ông Táo bị dính lọ nồi dưới bếp.”

Dĩ nhiên là nàng vẫn không cười được lúc này. Sự duyên dáng của chàng trong cảnh ngộ vô duyên làm nàng thấy không hợp “thời trang nhạc tuyền” chút nào. Vậy mà chồng nàng lại hồn nhiên cười, cười hở đến mười cái răng lặn.

“Anh ở xa đến hả?”

Chàng gạt đầu và lấy tay bẹo má thằng con út của nàng.

“Tội nghiệp, cháu nhỏ buồn ngủ quá rồi. Hay là... nếu anh chị không có gì ngại thì tôi xin chở tất cả về khách sạn. Ở sở có thuê cho tôi một phòng khá rộng, lái xe cách đây khoảng nửa tiếng thôi.”

Nàng vẫn không nói gì. Hệt như người đang thời kỳ tịnh khẩu. Chồng nàng quay sang hỏi ý nàng:

“Anh bạn này có nhã ý như vậy, em tính sao?”

Mắt nàng lúc này chợt có xu hướng nhìn hẩn dưới chân mình:

“Nhà cửa đồ đạc cháy hết rồi, ngủ đại trong xe hay đâu mà chẳng được.”

Câu trả lời ồm ồm của nàng làm chồng nàng bật cười:

“Cô ấy chỉ tiếc nhất là mấy tấm hình kỷ niệm. Anh nghĩ coi, đồ đạc tài sản bị tiêu tùng hết lại chẳng than vãn gì.”

Chàng cười nhẹ, châm biếm:

“Những thứ ấy đã có hãng bảo hiểm lo cả rồi. Còn thì chẳng có ai chịu đi mua bảo hiểm cho kỷ niệm cả. Nói vậy, chứ ở đâu cũng chẳng có ai chịu bán ba thứ lảm cẩm ấy mà mua nhỉ.”

Nàng ngáp ngừng, nói lí nhí cốt cho chàng nghe:

“Đồng thư từ của bạn bè nữa hẳn chi. Cháy hết rồi, làm sao có hãng bảo hiểm nào mà trả lại được chứ. Cũng đành chịu thôi!”

Chồng nàng bỗng chêm vào một câu xanh rờn:

“Mình còn sống sẽ còn nhiều cơ hội để tạo ra trăm ngàn kỷ niệm khác. Em tiếc hẳn chi cho mệt.”

Chàng nhìn qua nàng. Cái nhìn làm đầu óc nàng quay mòng mòng, chóng mặt. Chàng nhất định lì lợm không thể quên nàng sao? Mọi biến động xung quanh nàng có khác nào chiêm bao và chỉ trong chiêm bao, nàng mới cho phép kỷ niệm được bùng lên như lửa thiêng.

Ngoài chiêm bao có lẽ nàng phải nhờ định mệnh đến dập tắt tức thì thứ lửa cháy ấy. Một mình nàng với chàng, biết đâu chút tro tàn âm ỉ nào đó sẽ sáng bùng lên. Vâng, nàng sợ là sẽ sáng bùng lên như chiêm bao, như lửa thiêng...

Phạm văn Nhân

VÙNG ĐÔI

Mỗi ngày, khi mặt trời vừa xuống sau cánh rừng bên kia những ngọn đồi thì gió lại bắt đầu thổi. Gió thổi từ đầu hôm cho tới sáng. Từng cơn gió rít mạnh ngang qua căn nhà lá nhỏ của anh nằm dưới chân đồi. Gió rít qua kẽ lá không làm cho anh giật mình thức giấc, mặc dù có những đêm gần như anh thức trắng trên chiếc võng đan bằng những sợi ny lông được tháo ra từ những bao cát, khi anh còn ở trong trại tù tỉnh, sau năm 1975. Với những đêm như thế, trong tiếng gió rít qua những khe hở của vách lá, anh nghe hình như có nhiều tiếng nói, tiếng cười của những đồng đội trong đơn vị của anh trên ngọn đồi này. Ngọn đồi, mà trước đó vào năm 1972 một đơn vị nhỏ của Mỹ đã rút đi, đơn vị của anh được điều tới để thay thế làm nút chặn ngăn con đường giao liên từ hướng núi Ông đổ về đồng bằng.

Khi còn đơn vị đồng minh đồn trú ở đây, cánh rừng phía Tây bên kia những ngọn đồi đã được khai quang. Rừng đã bị con người đẩy lùi ra xa khu vực phòng thủ. Đến khi đơn vị của anh đến trú đóng, thuốc khai quang hình như không còn hiệu lực, những hạt mầm bắt đầu nảy, và những cây non mọc trở lại, thưa thớt. Đám lính ít ỏi trong đơn vị đồn trú trên vùng đồi cũng chẳng ai để ý tới những cây rừng đó. Có nó cũng được mà không có nó cũng được. Ở đây, rừng dù xa, nhưng gió lúc nào cũng thổi về vào những lúc hoàng hôn xuống như ngày nào. Có người nói vùng đồi nằm ngay miệng gió. Những người lính cũng chẳng có thời giờ đâu để mà tin hay không tin là vùng đồi nằm ngay miệng gió. Có điều, khi hoàng hôn vừa đổ xuống, thì vùng đồi gió lại nổi lên. Rồi đêm nào cũng thế, những người lính đóng trên đồi cũng phải mang

theo cấp số đạn cơ hữu của mình xuống
đôi làm nhiệm vụ kích đêm.

Có những đêm anh không thể nào ngủ được. Anh nhớ đến buổi chiều trên ngọn đồi này cùng với những đồng đội của anh, mà hầu hết đã nằm ngủ im lìm sau một trận pháo của địch từ bên kia cánh rừng pháo tối. Trận pháo mà họ muốn dứt điểm vùng đồi từ lâu. Bây giờ họ mới đổ lửa xuống ngọn đồi với một đám lính ít ỏi. Trong trận pháo đó, anh ngất đi sau lần bị thương. Khi tỉnh dậy, trời đã khuya. Ánh sáng của con trăng thượng tuần yếu ớt, mờ mờ tỏa trên vùng đồi im ắng làm anh phát sợ. Anh nhìn lên bầu trời đầy sao, trong ánh sáng mờ mờ của con trăng đầu tháng, đồng đội của anh đâu hết rồi? Sao không nghe tiếng động nào, từ bước chân người đi, đến tiếng động va chạm của vũ khí. Anh cố gắng bò ra khỏi miệng hố phòng thủ, và trong ánh sáng của con trăng đầu tháng, anh cất tiếng gọi đồng đội. Anh gọi tên từng người một: Chuẩn úy Ngọ, trung đội trưởng đâu rồi? Thăng Vinh, tiểu đội trưởng sắp sửa cho con cái xuống đồi khi trời chạng vạng tối, đâu rồi ...

Nhiều lắm mà. Sao nghe im lìm quá vậy. Chỉ có tiếng anh gọi trong đêm. Chẳng lẽ chết hết rồi sao? Hay có lẽ anh gọi nhỏ quá mà bạn bè chẳng có đứa nào nghe. Nhưng trong ánh trăng mờ mờ đó, hình như anh nghe có tiếng chân người và tiếng nói: Còn có người còn sống. Tụi bây ới. Anh nghe tiếng nói, tự nhiên anh nằm im. Có phải đơn vị của anh tới để giải cứu, hay là địch sau những lần pháo ồ ạt, chúng lại xung phong lên. Anh cố bò trở lại hố chiến đấu cũ, nhưng máu từ vết thương lại ra nhiều làm anh không thể bò thêm được nữa. Anh cố gọi to, nhưng rồi anh ngất đi. Tỉnh dậy từ một quân y viện dã chiến. Anh biết anh còn sống.

oOo

Chiến tranh chấm dứt. Sau khi ra khỏi tù anh trở về thăm lại làng cũ. Làng cách xa vùng đồi chẳng bao xa, mất khoảng nửa ngày đạp xe đạp. Về thăm lại làng cũ, anh quyết định lên sống trên vùng đồi mà trước đó khi còn chiến tranh, những người bạn của anh đã ngủ im dưới ánh sáng của con trăng thượng tuần. Khi mà những trái pháo đã đổ lửa xuống ngọn đồi để tiêu diệt đơn vị nhỏ bé của anh.

Vùng đồi như một mảnh lực thôi thúc anh hàng ngày phải lên sống trên đó. Nhiều lần anh nói với ông Miêng, bác anh, ý định lên đó . Ông Miêng không cản. Nhưng hỏi:

- Làm cách nào để sống trên vùng đồi đó?
- Làm rẫy và tôi sẽ phủ xanh ngọn đồi này.
- Không dễ đâu. Tao nghe đám đi ăn cây thường hay nghỉ dưới chân đồi nói trong tiếng gió rít mạnh qua vùng đồi ban đêm, hình như có tiếng cười của ma quỷ?

Anh muốn nói với ông Miêng tiếng cười mà những người đi ăn cây nói đó là tiếng cười của bạn bè anh. Những thằng bạn đã chết trong một buổi chiều, mà những người bên kia cánh rừng đã bắn pháo tới. Trong buổi chiều hôm đó anh cũng đã ngất đi mấy lần vì bị thương. Giấc ngủ của những đồng đội của anh cũng như vết thương trên cơ thể của anh vẫn còn hằn sâu trong tâm thức. Làm sao mà quên được. Mỗi khi trời trở gió, những vết thương cũ lại hành hạ anh, không sao chịu nổi. Những vết thương đó, và những cái chết của đồng đội anh đó, nào ai biết được.

Cuối cùng rồi ông Miêng cũng đánh xe trâu đưa anh lên vùng đồi. Đứng trên ngọn đồi nhìn về hướng rừng, những cây con mọc kín bung, bắt kịp với cánh rừng trước mặt. Đỉnh đồi vẫn trơ trọi. Anh nhìn quanh ngọn đồi một vòng, nhớ lại từng gương mặt của mỗi đứa. Chỗ này là hầm chiến đấu của chuẩn úy Ngọ. Chỗ kia là hầm của thằng Hòa, thằng Ất và còn nhiều đứa nữa. Còn chỗ này ông

Ngo cho đặt khẩu đại liên đây mà. Nhưng hôm nay dấu vết chiến tranh đã bị thời gian xóa nhòa trên vùng đồi này. Dưới chân đồi, cây rừng mọc kín, và lại có nhiều con đường mòn do vết xe trâu của những người đi làm rừng tạo nên, ngang dọc. Anh nghĩ anh sẽ biến vùng đồi này trở thành một màu xanh. Không phải màu xanh của cây rừng, của cỏ dại. Có thể là một màu xanh của một rừng thông, để chiều chiều nghe tiếng thông reo trên đó. Nhưng cũng có thể một màu xanh của những cây ăn trái. Dầu gì thì vùng đồi sẽ phủ một màu xanh. Một màu xanh tuyệt vời cho những người bạn của anh trở về, và biết đâu một ngày nào đó, anh cũng nằm xuống nơi đây bên cạnh những đồng đội của anh đã nằm xuống ngày nào.

Anh đang nghĩ về ngôi nhà mà anh phải dựng. Phải rồi, phải dựng ngôi nhà ngay bên cạnh con đường nhỏ này đây. Con đường duy nhất để cho những người lính ngày nào đi lên, đi xuống. Hay những buổi chiều chạng vạng xuống đồi để kích đêm. Đêm nào cũng thế, những người lính lại âm thầm đi ăn đêm. Những tọa độ kích đêm được ông Ngo đánh dấu cẩn thận trên tấm bản đồ hành quân để báo về cho thẩm quyền. Những đứa con đi ăn đêm, sáng hôm sau trở về vùng đồi trong cái ướt sũng của sương rừng, với những hơi thuốc lá, và tiếng nói cười râm rang trên con đường mòn dẫn lên đồi. Ngày nào anh cũng đứng chờ những người bạn của anh, qua một đêm kích biết sống chết ra sao: “ Tụi mày còn sống trở về, tao đang đợi tụi bây đây ”. Nhưng hôm nay không còn nữa, im ắng quá. Tiếng cười tiếng nói ngày nào đã mất hết rồi, chỉ còn lại có mình anh với tiếng gió rít qua vùng đồi không thay đổi.

Ông Miêng, đứng bên cạnh anh, nói:

- Mày vẫn không thay đổi ý định lên trên đây.
- Không.
- Định trồng cái gì trên vùng đồi này để sống?
- Đào. Đào lộn hột. Bác thấy sao?

- Bao giờ mới phủ xanh hết ngọn đồi, mây?
- Một năm, hai năm không biết chừng. Tôi sẽ và sẽ trồng, bác xem.

oOo

Mấy tháng đầu có vất vả. Những hạt giống được bỏ xuống không có kết quả. Ông Miêng nói với anh: Tao đã nói với mấy vùng đồi này chỉ có gió là nhiều. Dù gần rừng, nhưng mưa thì trốn biệt. Cứ đánh lỗ để đó, khi nào có mưa sẽ bỏ hạt.

Hơn một năm sau. Những cây đào bắt đầu lên cao. Vùng đồi đã có sự sống. Từ nơi ngôi nhà lá nhỏ bé của anh dưới chân đồi, đã có tiếng gà gáy vào buổi sáng, tiếng chó sủa vào buổi chiều. Cũng như có bóng dáng anh ở trên đồi để chăm sóc cho những cây đào cùng những đám rẫy quanh nhà. Những chiếc xe trâu của những người đi ăn gỗ cũng dừng lại bên cạnh nhà anh. Vùng đồi không còn hoang vu.

Từ những hột đào anh đi thu nhặt ở khắp mọi nơi. Cho đến những nơi nào có trồng đào là anh đi tới xem cách thức người ta trồng. Anh hỏi họ giá của mỗi cây giống, họ thách trên trời dưới biển, anh làm sao có tiền để mua, sau khi ở tù ra. Vả lại, ông Miêng có nói: Mấy cứ kiếm hột để khô, dễ hơn là trồng cây giống. Dù bây giờ đi tìm hột đào có khó, bởi vì nó là món hàng xuất khẩu cao. Tuy nhiên anh cũng tìm được những hạt giống từ các em nhỏ trong làng, mỗi khi anh thấy cần về làng, hay theo xe trâu của những người đi rừng trở về thị xã mua vài thứ cần thiết cho cuộc sống hằng ngày.

Những đêm trăng sáng, anh thường hay ngồi im lặng trước sân nhà nhìn lên đỉnh đồi. Nơi đó những cây đào bắt đầu lên cao. Trong tiếng gió rít mạnh ngang qua vùng đồi, lúc nào anh cũng nghe như có tiếng gọi của đồng đội anh. Mỗi lần nghe như thế, anh lại lên đồi cùng với hai

con chó như hai người bạn thân của anh, quẩn quít. Có lần ông Miêng lên thăm anh và ở lại. Tiếng gió vẫn rít qua vùng đồi vào mỗi đêm, và anh lại lên đồi cho tới khuya mới trở về ngôi nhà lá, mặc cho ông Miêng có trong ngôi nhà đó. Khi anh trở về, ông hỏi:

- Mày làm gì đi lên đó khuya dữ vậy?
- Lên thăm mấy đứa bạn.
- Có ma nào trên đó mà mày đi thăm.
- Họ thức trên đó vào ban đêm mà. Bác làm sao hiểu

được.

- Coi chừng mày bị bệnh đó. Tao đã nói với mấy đám thợ rừng thường nói vùng đồi này có ma.

Anh chẳng nói, trở lại nằm trên chiếc võng. Hai con chó cũng nằm phục dưới chân anh. Ông Miêng tới bên cái bếp khươi cho ngọn lửa cao thêm để nấu ấm nước. ông nói:

- Mày phải uống chút gừng cho ấm bụng kẻo bị sương rừng. Thường hay đi ban đêm như vậy không tốt đâu.

Tiếng gió lại rít mạnh len qua kẽ vách. Anh ngồi dậy trên chiếc võng, hỏi:

- Đó. Bác có nghe gì không?
- Tao có nghe gì đâu, ngoài tiếng gió. Tao đã nói với mấy vùng này là vùng gió mà.

Hai con chó như muốn nhồm dậy khi thấy anh ngồi lên, gừ gừ dưới chân anh. Ông Miêng lại khươi cao ngọn lửa. Ngôi nhà lá được sáng hắt lên do những thanh củi. Ông nói:

- Tao nghĩ mày nên lấy vợ.
- Vợ con làm chi bác.
- Có cũng đỡ hơn chứ. Đêm hôm tăm tối trên vùng đồi

này.

Thế rồi tháng nào ông cũng đánh xe trâu lên ở lại với anh vài ba ngày. Lúc này vùng đồi đã có nhiều gia đình dưới xóm lên phá đất làm rẫy. Chẳng có ai tới đây lập nghiệp mà biết rằng mấy năm trước đã có một cuộc

chiến xảy ra nơi đây. Những trái đạn pháo như đổ lửa xuống đồi không rộng bao nhiêu, giết chết những đồng đội của anh. Hai năm. Hai năm anh lên sống ở đây, vùng đồi ít ra cũng đã phủ xanh để cho những người bạn của anh trở về trong mỗi đêm, để họ không còn nhìn thấy cảnh hãi hùng của những trái pháo đã đưa họ vào giấc ngủ miên trường.

Có lần ông Miêng trở lại vùng đồi thúc anh lấy vợ:

- Tao đã tìm cho mày một con rồi. Con nhỏ này làm y tá ở xã. Nó tên Lài. Nếu mày chịu, mai tao đưa mày về làng xem mặt nó.

- Thôi bác ơi, tôi không đi đâu hết. Bỏ những người bạn trên đồi làm sao tôi đi được.

Bạn bè nào. Mày cứ nói nhảm như điên, như dại. Bộ mày bị ma bắt rồi à.

oOo

Mấy hôm nay anh lên cơn sốt cao, lúc nào anh cũng mê. Trong cơn mê anh thấy những người bạn của anh đang ôm súng nằm phủ kín vùng đồi. Và anh, anh đi hết chỗ của người này đến chỗ của người khác. Nơi nào anh cũng hỏi từng người một : “ *Mày có mang thêm lựu đạn không. Nếu tụi nó có tấn công mà ném chứ* ”. Rồi anh tới người lính khác: “ *Có mang theo đủ cấp số đạn không mày* ”. Rồi anh tới một vọng gác khác “ *^ Ráng thức nghe mày. Ngủ gục là chết cả đám đó nghe* ”. Trong cơn mê anh thấy hết tất cả. Anh gọi tên từng người. Không thấy có ai trả lời. Thế rồi anh nói to: “ *Đó. Những cây đào tao trồng cho tụi mày đó. Cành lá đã xum xuê rồi đó, có cả trái đào nữa, về mà chạy nhảy rong chơi như thời còn thơ ấu ở quê nhà. Nơi nào cũng là quê cả tụi bây ơi. Về đi. Về đi. Về với tao* ”. Anh la to làm hai con cho giật mình chồm dậy. Chủ bệnh, hình như chúng cũng muốn bệnh theo. Anh nằm liệt giường đã mấy ngày nay. Những người đi ăn gỏi trên rừng, dừng xe lại cạnh nhà, mới hay anh lên cơn sốt

nặng. Họ về làng nói cho ông Miêng biết. Ông vội đánh xe trâu lên vùng đồi cùng với Lài.

Ông Miêng đến, anh cũng chẳng hay biết. Ngôi nhà lá của anh chẳng bao giờ khóa cửa. Cánh cửa chỉ khép lại để tránh ngọn gió đêm. Ông đến bên cạnh anh, đưa tay lên trán, nói với Lài:

- Nó nóng ghê quá cháu à.

- Để cháu cho anh uống thuốc hạ sốt. Không đến nỗi chi đâu.

- Tao sợ.

- Bác cứ nghỉ quẩn.

Đêm đó ông Miêng không sao chợp mắt được. Thỉnh thoảng ông lại khước ngọn lửa từ nơi cái bếp làm bằng ba viên gạch xây. Ngọn lửa bùng lên một hồi rồi cũng tắt. Chỉ còn lại ánh sáng của ngọn đèn dầu heo hắt treo trên cột nhà, mà có lẽ mấy ngày nay anh cũng không thắp sáng. Nhờ có viên thuốc hạ sốt của Lài, ông Miêng thấy trên da thịt của đứa cháu ông mát lại.

Sáng hôm sau, cơn sốt như biến mất sau mấy ngày làm anh nằm liệt trên giường. Anh đến bên cửa sổ nhìn lên vùng đồi chỉ cho Lài nhìn thấy một vườn đào đang lên tươi tốt. Anh nói:

- Cô Lài dám lên trên đó không?

- Em nghe bác nói trên đó có ma.

- Cô sợ?

- Không. Nếu có anh cùng đi.

- Chẳng có ma quỷ nào đâu. Bạn tôi đó.

Thế rồi anh trở lại ngồi trên chiếc võng kể lại câu chuyện cho ông Miêng và Lài nghe về một trận pháo cách đây vài năm, khi anh còn là một người lính đóng quân trên ngọn đồi này.

Ông Miêng trầm ngâm ngồi dựa lưng vào gốc cột, kéo dài hơi thuốc lá, hỏi:

- Sau trận pháo đó chẳng ai còn sống?

- Không. Chết hết. Chỉ còn mình tôi.

- Mày đưa tao lên trên đó. Cháu Lài đi với bác chứ?

Hai con chó lẩn cẩn chạy theo chân anh lên đồi. Những cành đào vươn dài ra là là sát mặt đất. Mùa này đào đã ra hoa. Dấu vết chiến tranh nơi đây chẳng có người nào biết được, nếu không còn ai sống sót sau buổi chiều bị dập pháo đó. Anh đưa ông Miêng và Lài đi một vòng đồi, nơi mà ngày xưa đơn vị anh đóng quân. Anh chỉ cho hai người thấy nơi nào là hố phòng thủ của đồng đội anh. Những hố phòng thủ không đủ để che cơn mưa lửa điên cuồng của những người bên kia khu rừng đổ ập xuống trên một diện tích nhỏ hẹp. Thử hỏi còn có người lính nào chịu nổi. Anh nói: trong trận pháo đó, anh bị thương nặng, bò ra khỏi hố phòng thủ kêu gọi đồng đội xem có đứa nào còn sống không. Chẳng có ai lên tiếng. Và, anh chỉ cho ông Miêng và Lài:

- Hình như tôi bò ra chỗ này đây.

Rồi anh ngồi xuống. Ông Miêng và Lài cũng ngồi theo. Nơi đó, bây giờ là cây đào. Không phải một cây mà là một vườn đào đang tỏa một màu xanh bao trùm. Ông Miêng nhìn bao quát trên vùng đồi như tìm một vị trí, rồi nói:

- Mai, tao đánh xe trâu chở vật liệu lên đây. Cất cái miếu để thờ./.

(Trích trong tập *Vùng Đồi*)

Biên tập chủ lực:

Trần Bang Thạch, Cao Vị Khanh, Phạm văn Nhân,

Nguyễn Nhung, Trần Hoài Thư

Đặc trách bài vở: Phạm văn Nhân

Đặc trách kỹ thuật: Trần Hoài Thư

Tranh ảnh bìa: Trần Q Thoại

Liên lạc

Email: tranhoaiithu@yahoo.com

nhanvanpham@yahoo.com

hay

Trần Hoài Thư

P.O. Box 58

S. Bound Brook NJ 08880 USA